

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

# Truyền thuyết dân gian người Việt

*Quyển 4*



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

**TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI  
LÊ VÀ TÂY SƠN - NGUYỄN**

Quyển 4

**Viện nghiên cứu Văn hóa  
và Nhà xuất bản Khoa học xã hội  
giữ bản quyền sách này**

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIÀN NGƯỜI VIỆT

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

# TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI LÊ VÀ TÂY SƠN - NGUYỄN

Quyển 4

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI  
HÀ NỘI - 2009

**Chủ biên**  
**GS. TS. KIỀU THU HOẠCH**

**Nhóm biên soạn**  
**KIỀU THU HOẠCH**  
**TRẦN THỊ AN**  
**MAI NGỌC HỒNG**

## LỜI GIỚI THIỆU

**V**iệt Nam là nước có truyền thống văn học. Bộ sách *Tổng tập văn học Việt Nam* do GS. Đinh Gia Khánh làm Chủ tịch Hội đồng biên tập, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2000 (gồm 42 tập) là minh chứng cho truyền thống đó. Đây là bộ *Tổng tập văn học* viết của cả người Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam từ thế kỷ X cho đến ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Về văn học dân gian, từ năm 2002 đến năm 2006, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã hợp tác biên soạn và xuất bản trọn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, gồm 20 quyển). Hiện nay, hai đơn vị đang hợp tác biên soạn và theo kế hoạch đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc công bố bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* gồm 23 tập. Bộ sách giới thiệu diện mạo văn học dân tộc thiểu số nước ta theo từng thể loại và được xuất bản với hình thức song ngữ (ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc thiểu số).

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 20 quyển) là bộ sách lần đầu tiên được biên soạn tương đối thống nhất về phương pháp, giới thiệu diện mạo văn học dân gian người Việt theo thể loại. Trong *Tổng tập*, mỗi một thể loại được giới thiệu như sau: Bài Khảo luận (trong bài trình bày, giới thiệu thể loại, lịch sử sưu tầm, nghiên cứu, giá trị nội dung và hình thức); phần biên soạn các tác phẩm; thư mục. Các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, vè, ca dao được dành hai tập cho một thể loại. Còn các thể loại sau được thể hiện với dung lượng mỗi tập một thể loại: câu đố, truyện ngụ ngôn, giai thoại văn học, truyện nông binh dân, kịch bản chèo sân đình, kịch bản tuồng dân gian. Người Việt cổ có thần thoại và có thể có sử thi, nhưng vì lý do lịch sử, sử thi bị mai một, thần thoại chỉ còn những mảnh vụn, không còn hệ thống.

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* trước hết và chủ yếu được biên soạn dành cho giới nghiên cứu. Để đáp ứng nhu cầu rộng rãi của bạn đọc, được sự cho phép của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, sự đồng ý của các soạn giả, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Nhà xuất bản Khoa học xã hội chủ trương trên cơ sở đảm bảo nội dung cơ bản, lược bỏ phần dị bản của các tác phẩm, in thành những quyển sách có khuôn khổ và độ dày phù hợp nhằm phục vụ độc giả cả nước. Những quyển này nằm trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*. Khi từng quyển sách này đến tay bạn đọc, sau khi thưởng thức trí tuệ mẫn tiệp trong các câu tục ngữ, sự hóm hỉnh trong câu đố, sự sáng khoái trong các truyện cười, tính chất ý nhị trong các giai thoại văn học, những rung động thiết tha qua lời ca dao trữ tình..., xin bạn đọc hiểu rằng đó là tài sản văn hoá tinh thần quý báu của cha ông, việc sưu tầm, gìn giữ nó không chỉ do các soạn giả được ghi tên ở trong sách, mà còn do nhiều thế hệ, nhiều nhà sưu tầm thực hiện, tên tuổi và các công trình của họ đã được ghi nhận đầy đủ trong bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc từng quyển trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*.

Hà Nội, tháng 8 năm 2008

**Giám đốc**  
**Tổng biên tập**  
**NHÀ XUẤT BẢN**  
**KHOA HỌC XÃ HỘI**  
**TS. Vi Quang Thọ**

**Viện trưởng**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ**  
**Chủ tịch Hội đồng biên tập**  
**Tổng tập văn học dân gian người Việt**  
**GS. TS. Nguyễn Xuân Kính**

**PHẦN I**  
**TRUYỀN THUYẾT**  
**VỀ THỜI LÊ**

## 1. LÊ THÁI TỔ<sup>1</sup>

Thái tổ nhà Lê tên là Lợi, người làng Lam Sơn, xứ Thanh Hóa có chí khí từ thuở nhỏ.

Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng Như Áng, một bữa đi qua Lam Sơn thấy có đàn quạ xúm xít bay liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng: "Chỗ này là chỗ đất hay đây!", mới đem làm nhà ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào trưởng ở xứ ấy. Được ba đời thì sinh ra ngài.

Cuối đời nhà Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi, nhà Minh sai bọn Mộc Thạnh, Trương Phụ sang đánh, bắt được cả hai bố con Hồ Quý Ly đem về Tàu rồi chiếm giữ lấy nước Nam, làm ra lắm sự tàn ác: Nào là bắt dân khai mỏ vàng, săn voi trắng; nào là bắt dân mò hạt trân châu. Lại cấm không cho dân nấu muối riêng. Phải bắt nộp cống hươu trắng, rùa chín đuôi, vượn bạch, trĩn to. Lại nắm chính sự tàn ác, thuế má nặng nề, hơn hai mươi năm dân sự lấy làm khổ ải, bởi thế trộm giặc chỗ nào cũng nổi lên như ong, dân gian lại càng khốn đốn lắm.

Thái Tổ trông thấy tình hình làm vậy, có chí muốn ra dẹp loạn để yên dân.

Người nhà Minh vốn biết ngài là hào kiệt nước Nam, muốn dụ ngài ra làm quan, ngài không thèm ra, nói rằng:

- Đại trượng phu nên giúp nước lúc nạn to, lập nên công lớn, chứ lại thêm làm đầy tớ người ta à!

Đến năm Mậu Tuất (1418), ngài được thanh thân kiếm, và được bọn Nguyễn Trãi, Trần Hãn đến giúp, nhân đó mới mộ quân khởi nghĩa chiêu dụ hào kiệt. Đánh nhau với quân nhà Minh, lắm trận gian truân, mà chí ngài vẫn không núng.

---

1. *Truyện Việt lam Xuân Thu* có kể rõ các trận vua Lê Thái Tổ đánh quân Minh.

Một khi, ngài thua trận ở Côi huyện, quân sĩ tan chạy mất cả, chỉ còn độc một mình chạy trốn. Tướng nhà Minh đem quân đuổi theo, ngài túng thế mà không biết làm thế nào, xảy gặp ông lão nhà quê đang tát ruộng cấy mạ, ngài nhảy xuống ruộng cầm mạ cấy đỡ cho ông ấy. Một lát quân Minh đuổi đến nơi, thấy người làm ruộng hỏi thăm rằng:

- Có thấy ai chạy qua đây không ?

Ông lão làm ruộng đã biết ý, chắc ngài là vua Lê, mới trở tay về phía trước nói rằng:

- Tôi vừa thấy một người chiến tướng, hốt hơ hốt hải chạy về mé trước kia kia.

Quân nhà Minh tưởng thực, kéo cả đi về mé trước, ngài nhân thế được thoát.

Lại một bữa quân Minh đuổi kíp quá, phải núp mình vào trong bụi rậm. Quân Minh có con chó săn cực khôn, lông lấy cắn vào bụi. Quân Minh cầm giáo xĩa vào, bỗng thấy một con cáo chạy ra, quân mới bỏ đám ấy mà đi nhân thế lại được thoát.

Lại một buổi đánh nhau với Tham tướng Minh là Phùng Quý, thua trận, chạy về núi Linh Sơn, quân hết lương ăn, phải nhịn đói mất hơn hai ngày, chỉ đào củ chuối và hái rau ăn trừ bữa.

Tuy vậy, càng thua càng phấn chấn, chó không ngã lòng, và lại được các tướng giúp đỡ, như bọn Lê Sát, Đinh Lễ, Nguyễn Xí, Lê Triện, ai nấy cũng dốc một lòng, cho nên dần dần chuyển thua thành được. Về sau, đánh được Trần Trí, đuổi được Phương Chính, chém được Liễu Thăng ở núi Mã An, bắt sống được bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc, trong mười năm trời quét sạch bờ cõi, bấy giờ ngài mới lên ngôi Hoàng đế.

Khi ngài thành công rồi, một bữa ngự thuyền rồng chơi trong hồ Tả vọng, bỗng thấy một con rùa to bơi trên mặt nước,

ngài cầm thanh kiếm chỉ xuống, không ngờ bị con rùa ấy dớp lấy rồi lặn mất, bởi thế đổi tên hồ ấy là hồ Hoàn Kiếm, nghĩa là trả gươm của trời.

Ngài đem lại nước Nam, làm nên công nghiệp hiển hách, truyền đời ngót bốn trăm năm trời, thực là một vị đại anh hùng đệ nhất nước Nam.

## 2. NGÔI ĐỀN QUỐC MẪU

Ở xã Hoàng Anh thuộc huyện Hoàng Hóa có một làng tên gọi là Quan Nội. Trong làng có một ngôi đền lớn gọi là đền Quốc mẫu, trước kia hàng năm đều có xuân thu nhị tế. Sự tích ngôi đền này vốn cũng có dính dáng đến cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi.

Có một lần, Lê Lợi bị quân Minh đuổi chạy khốn đốn. Quân sĩ tan tác, tướng tá mỗi người xiêu bạt một nơi. Riêng Lê Lợi một mình phải chạy khỏi Thọ Xuân, qua cánh đồng Yên Định đến tận bờ sông Mã, cứ bây giờ là xã Thiệu Quang. Sông rộng bát ngát giữa nắng trưa hè chói chang. Bên bờ bên kia sông là một vùng xa lạ, không thấy dân cư, nhà cửa gì cả. Chỉ dưới gốc cây đa trên vệ đê bên sông có một túp lều tranh của một ngôi hàng nước. Đằng sau, quân Ngô chừng đã đuổi riết sắp đến nơi. Chạy đâu bây giờ? Cứ quanh quẩn bên này sông thì chắc chẳng yên với bọn Ngô beo sói với đàn chó ngao hung dữ. Một ý định táo bạo vụt đến trong lúc nguy nan. Nhắm cây đa trước mặt, bên kia đê. Lê Lợi lao mình xuống nước sải qua. Sang đến bên sông, Lê Lợi chui vào bãi ngô vắt khô quần áo. Nắng mùa hè gay gắt một chốc quần áo tạm khô. Lê Lợi rời bãi ngô, lên đê và đến quán nước. Trong quán không có bàn chõng gì cả, chỉ có một cái thúng trên đặt một cái trần để vài cái bát mẻ, ít hoa quả vặt. Một bà già ngồi đợi khách bên một nồi nước sôi nóng. Quán trống rỗng, không còn một thứ gì khác nữa. Làng thì xa. Biết ẩn vào đâu? Trong khi nguy khốn, Lê Lợi bèn nói thực tình với bà hàng nước. Mà bên sông thì quân Ngô đã lở nhỏ sắp sang sông.

- Cụ có cách gì cứu giúp thì sau tôi không dám quên ơn.

- Ôn với huệ gì chứ. Lão bàn với ngài thế này nhé, mà ngài đừng có tị hiềm gì cả thì mới được. Còn thì mặc lão.

Bà lão vốn mặc váy rộng. Chỉ còn trốn ở sau đó được mà thôi.

Tin ở người giúp mình, Lê Lợi phó mặc cả tính mạng cho bà lão nông dân hàng nước. Lê Lợi bèn chui vào phía sau, và bà lão ngồi kéo giếm bốn bên cho kín đáo.

Một chốc, đoàn quân Ngô ồ ạt, sừng sộ kéo đến. Cả đoàn chó ngao cao lớn, dữ tợn nữa. Chúng quát:

- Bà lão kia! Có thấy một tên cao lớn mặc quần áo nâu vừa chạy qua đây không?

- Dạ bẩm các quan xơi nước đã. Lão có thấy một người mới chạy qua đây, vẻ vội vã lắm.

Bà lão vẫn ngồi yên tại chỗ, vừa múc nước, vừa trả lời. Bọn giặc đưa mắt sục sạo. Chẳng có gì. Một chiếc lều trống không bốn phía, một cái thùng, bộ ấm bát. Còn thì trống trơn.

Gã chỉ huy sừng sộ:

- Chạy về phía nào? Nói mau?

- Dạ bẩm về thôn kia, cứ nhắm hai quả núi ấy. Dạ đấy chính là núi Vàng đấy ạ.

Bọn giặc hăm hè kéo đi. Đợi giặc đi khuất, Lê Lợi chui ra sụp xuống lạy tạ và vội vàng đi khỏi nơi này.

Sau khi nghiệp lớn đã thành, Lê Lợi đến làng Vàng (xã Hoàng Khánh bây giờ) tìm bà lão, rước bà về kinh đô tôn làm Quốc mẫu. Ít lâu sau bà trở về làng và mất ở đó, thọ hơn 80 tuổi. Đám ma Quốc mẫu linh đình. Hôm đưa ma, trời mưa như trút, người khiêng phải tạm quàn linh cữu giữa cánh đồng. Sáng hôm sau, dân làng ra tiếp tục đưa đám thì không thấy linh cữu đâu nữa, chỉ thấy một cồn đất mới. Chỗ đó, nhà vua cho xây đền, hàng năm cúng tế. Làng Vàng và quê bà lão kết nghĩa anh em, gọi là Quan Nội, Quan Ngoại, đời đời ăn chạ

với nhau. Còn bến dò xưa gọi là bến Tử - bến chết mà được sống.

\*

\*                      \*

Cũng câu chuyện tương tự trên đây, nhân dân xã Kiên Thọ (Ngọc Lặc) lại kể hơi khác, gọi là chuyện *Quốc mẫu đại vương*. Lê Lợi bị giặc đuổi đến Ngã ba Si (nay là Kiên Thọ) gặp bà hàng nước và cũng được bà kéo váy che cho như chuyện đã xảy ra ở Hoàng Hóa. Giặc hỏi:

- Mụ có thấy một người mặc áo đỏ, quần khăn vàng chạy qua đây không?

- Có, có một người mặc áo đỏ vừa chạy thẳng.

Bọn giặc tin lời, đuổi theo. Không ngờ đuổi qua hai ba cái dốc, chúng gặp một người đàn bà Mường mặc áo đỏ, đang lùi lại đi. Lũ giặc hăm hực quay lại, quát mắng bà lão:

- Sao mụ dám đánh lừa đại quan?

Bà già nói:

✧

- Các ông hỏi người mặc áo đỏ. Thế không gặp à?

Chúng quát:

- Lê Lợi là đàn ông kia mà!

- Các ông có nói đàn ông hay đàn bà đâu. Nghe nói người mặc áo đỏ thì chỉ người mặc áo đỏ chứ tôi biết ai được.

Bọn chúng đành chịu. Trong khi đó Lê Lợi đã đi xa rồi. Sau này nhà vua trở lại, bà lão đã khuất núi. Vua cho lập đền thờ phong là Quốc mẫu đại vương, hàng năm cúng tế. Đồ tế ngoài tam sinh, ngũ phẩm còn có thêm một chiếc váy vải thô sơ, vật đã che chỗ cho nhà vua thoát nạn khi ẩn trong hàng nước. Đến thờ Quốc mẫu nay còn dấu vết ở ngã ba Si.

### 3. SỰ TÍCH BÀ VỢ CẢ CỦA LÊ LỢI

Theo truyền tích, hoàng hậu Phạm Thị Ngọc Trần vợ cả Lê Thái Tổ là người ở xã Quần Đới, huyện Lôi Dương, Thanh Hóa,

làm vợ Lê Lợi từ khi chưa khởi nghĩa. Năm Quý Mão (1423) bà sinh con trai là Ứng Long (sau nối ngôi tức Lê Thái Tông). Lúc này Lê Lợi chống nhau với giặc Minh phải di chuyển luôn, không ở yên một chỗ nào, bà lận lộn theo hầu, trải nhiều gian khổ. Năm Ất Tị (1425), Lê Lợi đem quân vào đánh giặc Minh ở Nghệ An. Khi nhà vua đến thành Triều Khẩu ở huyện Hưng Nguyên, có vào thắp nhang ở đền thần Phổ Hộ. Ban đêm vua mộng thấy có vị thần bảo rằng: "Tướng quân cho tôi một người thiếp, tôi sẽ xin phù hộ tướng quân diệt giặc Ngô, làm nên nghiệp đế". Hôm sau, vua cho gọi các bà vợ đến, hỏi: "Có ai chịu đi làm vợ vị thần đền Phổ Hộ không? Sau này khi ta lấy được nước sẽ lập con của người ấy làm thiên tử". Các bà không ai nói gì, chỉ có Hoàng hậu Ngọc Trần quỳ thưa: "Nếu mình công giữ lời hứa thì thiếp nguyện xả thân. Ngày sau làm nên nghiệp lớn chớ phụ con thiếp". Nhà vua khen ngợi và thương cảm nói với các bề tôi, nhận theo lời hẹn đó. Lúc này, Hoàng hậu có con mới được ba tuổi, bèn giao cho người hầu bế ẵm nuôi nấng. Nhà vua sai làm lễ tế thần, dùng Hoàng hậu làm vật hiến tế. Hoàng hậu bèn mất. Đó là ngày 24 tháng 3. Khi vua Thái Tổ đã bình định được thiên hạ, lên ngôi Hoàng đế, bảo rằng: "Bà ấy đáng làm chúa cả trăm vị thần của nước ta, không ai dám trái!". Nhà vua bèn sai người ở động Nhân Trâm là Lê Cố, rước quan tài về quê ở Thanh Hóa. Lê Cố đi đến xã Thịnh Mỹ thì trời tối, chưa kịp qua sông, bèn ngủ trọ ở chợ. Đến đêm mới đèn lên quanh quan tài một đồng đất rất cao, biến thành nấm mồ. Sứ giả thấy sự lạ, trở về tâu. Vua chợt hiểu ra, nói: "Đó là vị thần đã làm theo lời hẹn". Vua bèn sai cử để quan tài ở đó, dựng điện Hiến Nhân để thờ, đồng thời dựng miếu, đặt bài vị ở Lam Kinh để cúng tế. Lại tương truyền rằng, về sau Lê Thái Tổ chọn Quận vương Từ Tế làm Giám quốc có ý muốn truyền ngôi. Một hôm giữa trưa, vua nằm ngủ, chợt mộng thấy Hoàng hậu Ngọc Trần hiện lên trách rằng: "Nhà vua phụ công của thiếp, từ hồi mới khởi nghĩa, đã đem thiếp cho vị thần. Nay được thiên hạ rồi mà ơn thánh chẳng được hưởng". Vua tỉnh dậy, lòng bồi hồi xúc cảm, bèn

quyết việc lập Ứng Long làm con đích, cho nối ngôi, đó chính là Lê Thái Tông.

#### **4. TRUYỆN HOÀNG HẬU BẠCH NGỌC**

Vùng núi Phúc Sơn, thuộc huyện Đức Thọ, thông với huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ Tĩnh, xưa kia được gọi là xứ Mộ Vua, có ngôi đền Ngũ Long thờ ba vị nữ thần, đứng đầu là hoàng hậu Bạch Ngọc.

Bà Bạch Ngọc nguyên tên là Trần Thị Ngọc Hào, con gái ông Trần Công Nhu, được kết duyên với vua Trần Duệ Tông, giữ ngôi hoàng hậu. Cuối thế kỷ XIV, hoàng hậu cùng con gái là Huy Chân công chúa về vùng Đức Thọ là quê hương của ông Nhu ở ẩn, lập nên chùa Diên Quang. Mẹ con về quê ngoại, mặc dầu là hoàng hậu, tình cảnh không lấy gì làm thoải mái. Duệ Tông đã mất trong trận đánh Chiêm, nhà Hồ lại bị quân Minh tiêu diệt. Giặc tràn vào cả Châu Hoan, cho bọn tay sai đi lùng bắt những người thân thuộc nhà Trần. Mẹ con bà Bạch Ngọc được hai viên tướng thân tín là Trần Quốc Trung và Nguyễn Thời Kính bảo vệ, đưa họ vào trong quê.

Ở ẩn tại quê hương, bà Bạch Ngọc cố nén nỗi đau buồn, lo lắng khai dân lập ấp. Cảm ơn lòng trung nghĩa của hai tướng, bà đem hai người nữ tỳ thân tín là Kỳ và Phạm gả cho hai người, và khuyến khích hai cặp vợ chồng này nên chăm lo gây dựng cửa nhà, thôn xóm. Được bà hướng dẫn, họ đã chiêu dụ những người thân tín, lập được hai cái ấp tên là ấp Trung Phạm và ấp Kinh Kỳ (ghép tên hai cặp vợ chồng) nay thuộc huyện Hương Sơn.

Nghe tin Lê Lợi khởi nghĩa, đã đem quân tiến vào Nghệ An, hai tướng đến xin gia nhập nghĩa quân và cố mời Lê Lợi gặp hoàng hậu Bạch Ngọc. Bà Bạch Ngọc cũng rất quý mến người anh hùng cứu nước, liền đem công chúa Huy Chân gả cho Lê

Lợi. Bình Định Vương trở thành con rể của nhà Trần, uy tín của ông càng cao và ông càng có tư cách thu nạp tất cả những con cháu, bề tôi họ Trần vào tụ nghĩa.

Lê Lợi và Huy Chân sinh được một người con gái, đặt tên là Trang Từ công chúa, lớn lên gả cho một dũng tướng Lam Sơn tên là Bùi Ban. Sau này, Bùi Ban bị tử thương trong trận đánh Chiêm. Trang Từ đã ở lại với mẹ Huy Chân và bà Bạch Ngọc. Cả mấy mẹ con bà cháu không theo vua Lê về Thăng Long để hưởng phú quý, mà lưu tại núi non thôn dã này. Họ cùng chăm lo, hướng dẫn nhân dân làm ruộng nương, mở mang trang trại.

Khi những người này mất họ đều được dân chúng thờ tại đền Ngũ Long. Vùng quê mới do họ sáng lập nên được đặt tên làng là Phụng Công, sau đổi ra là Đồng Công (nay là xã Đức Hoà), trở thành một vùng nông thôn trù phú.

## **5. SỰ TÍCH CÔNG CHÚA LÊ NGỌC BÁI CON GÁI LÊ LỢI**

Theo sự tích, Ngài là Lê Ngọc Bái, húy là Ngọc Bôi. Ngài sinh về đời Lê Thái Tổ, ở đất Lam Sơn, là Đệ nhị công chúa, sinh ngày 8 tháng giêng. Lúc sinh ra Ngài có một đám mây tía che phủ trên nóc nhà, ánh sáng rực rỡ chiếu vào, trong nhà, mùi hương thơm ngào ngạt. Sau Ngài đi dạo xem núi sông, chợt đến một khu đất coi ra sơn thủy đẹp đẽ (tức làng Văn Quán), Ngài về tâu vương phụ (Lê Thái Tổ) xin lập ấp gọi là Văn Quán trang, đến ngày 10 tháng 4, Ngài chợt thấy một ông cụ già áo mũ chỉnh tề, đến đón Ngài về giới. Vương phụ Ngài cho lập đền thờ luôn ở đấy, lại chuẩn tha cho dân sở tại được miễn binh lương. Đến đời vua Lê Hồng Đức đi đánh Chiêm Thành, Ngài hiển linh đánh tan giặc, vua sắc phong Ngài thượng đẳng tôn thần, lại phong là Đức Vua Bà Tế Thế an dân đoan trang thuần chính trình thực phu nhân.

Đến đời vua Lê Thái Tông, Ngài lại hiển linh giúp việc diệt nhà Mạc, vua sắc phong Ngài là Huệ Hòa gia hạnh chính tinh phu nhân.

## **6. TRUYỆN CHIẾC GƯƠM THẦN CỦA LÊ LỢI**

Hồi bấy giờ giặc Minh xâm chiếm và đặt ách đô hộ ở nước ta. Nhân dân khắp nước ai cũng căm ghét phường xâm lược. Lúc này ở xứ Du Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa, tại làng Như Áng có ông Lê Lợi là một nhà hào trưởng rất được nhân dân mến phục. Vì ông có sức khỏe, cơ mưu, lại giàu lòng từ thiện. Người ta lại nghiệm rằng ở xứ Du Sơn ấy, sau rừng cây quế, có một con hổ đen rất thân với người. Đến khi Lê Lợi sinh ra, vào giờ tí ngày mùng 6 tháng 8 năm Ất Sửu thì từ đó không thấy hổ đen đâu nữa.

Ai cũng cho là hổ đã thác sinh thành Lê Lợi, vì ông ta càng lớn, càng khỏe, ăn uống gấp ba người thường. Tuy ở chốn quê mùa lam lũ mà ông đọc sách, luyện võ rất đều, giỏi cách cầm quân đánh giặc. Lê Lợi căm ghét quân Minh, nhưng ông còn có ý đợi thời, thường chỉ trò chuyện với một số người tâm huyết trong làng, bày mưu tính kế, chuẩn bị cho việc khởi nghĩa ra quân.

Một ngày kia, người em họ của ông là Lê Thận đánh cá trên bờ sông, gần bến dò Mục Sơn. Hôm đó, Thận thả lưới thấy nặng. Chàng đang có ý mừng vì được cá to, nhưng khi kéo lên thì hóa ra một thanh sắt. Chàng vút luôn xuống nước và đi kéo ở một chỗ khác. Nhưng cất lưới lần thứ hai, thanh sắt ấy lại trở lại trong lưới của chàng. Lần thứ ba cũng thế. Lê Thận đem thanh sắt ấy về đánh sạch mới biết đó là một lưỡi gươm quý. Trên lưỡi gươm có khắc bốn chữ. Hai chữ kia còn mờ mờ chưa rõ, còn hai chữ đầu là: Thuận Thiên. Thận lắm bẫm một mình:

- Thuận Thiên là vâng theo ý trời. Đây chắc là gươm thần

xuất hiện để trừ diệt lũ chó Ngô đây. Chẳng biết hai chữ sau này là chữ gì nữa. Hay là tên người được trời giao cho bảo kiểm. Sao mình lại không đọc được?

Đêm hôm sau, Lê Lợi và một vài người khác đến chơi nhà Lê Thận. Thận kể lại câu chuyện được gươm và chỉ cho khách thấy thanh gươm đang dất ở xó nhà. Mọi người nhìn theo tay trở và đều ngạc nhiên, cả Lê Thận nữa, vì thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng quắc lên, hào quang rực rỡ chiếu khắp cả gian nhà. Lê Lợi đến gần cầm lấy gươm xem. Bốn chữ khắc trên má gươm lần này rõ nét: *Thuận Thiên Lê Lợi*.

Lê Thận và mấy người kia nhìn nhau, vừa kinh ngạc vừa sung sướng. Họ liền quỳ rạp xuống, nói với Lê Lợi:

- Như vậy là trời có ý phó thác cho mình công làm việc lớn, xin mình công sớm phát cao cờ nghĩa. Lũ chúng tôi nguyện đem hết sức mình phò tá mình công để đền ơn nước.

Lê Lợi đỡ mọi người dậy, nói mấy lời khiêm tốn, rồi nhận gươm ra về. Đến nhà thì vợ ông vẫn còn chong đèn ngồi đợi ông bên án. Ông hỏi: - "Tại sao đã khuya rồi mà bà chưa đi ngủ?". Bà vợ nói: - "Tôi vừa thấy một điều lạ lắm, không dám ngủ, phải chờ ông về để báo với ông. Ở sau vườn nhà ta, gần gốc cây đa, có bốn vết chân người rất lớn mà trên ngọn cây đó thì có thứ ánh sáng gì rất lạ lùng".

Lê Lợi nghe lời vợ nói, liền ra vườn, tìm tới gốc cây đa, thấy quả nhiên như vậy. Vốn là người can đảm, ông bèn trèo lên cây thì thấy ai đã mắc sẵn vào đấy một chuôi gươm nạm ngọc. Ông cầm vào nhà, đấu lưỡi gươm của Lê Thận vào với chuôi thì vừa như in. Ông khấp khởi mừng thầm, kể đầu đuôi lại với vợ và bảo:

- Chuôi gươm và lưỡi gươm gắn với nhau như thế này! Bọn chó Ngô trăm vạn cũng không đáng kể.

Bà vợ còn đang nghi hoặc về bốn dấu chân người. Nhưng cũng ngay đêm ấy, bà nằm mộng thấy một dị nhân to lớn, ăn mặc ra lối một vị sư già, bảo rằng:

- Ta là Trịnh Sư ở núi Đá Trắng, vâng lệnh trời mang chuôi gươm đến cho Lê Lợi, có mấy câu này Lê Lợi phải kính mà theo:

*Đức trời cho nhận mệnh*

*Vào khoảng tuổi bốn mươi*

*Số trời định thế rồi.*

*Tại sao làm chưa kịp?*

Nghe lời thơ báo mộng thúc giục, lại được bà con, nhất là Lê Thận và các bộ lão trong vùng khuyến khích, Lê Lợi thêm phần hăng hái. Từ đó, ông dốc lòng chăm chú tích chứa lương thực, tìm kiếm nhân tài để chuẩn bị ra quân.

## **7. NGƯỜI ĐƠM ĐÓ ĐƯỢC GƯƠM VÀNG**

Thuở ấy giặc Ngô xâm phạm bờ cõi, cả nước nung nấu căm thù, tích trữ luyện tài võ nghệ để diệt giặc cứu nước. Ở Phượng Cầu (nay thuộc xã Liêm Túc) có một chàng trai mồ côi cha mẹ từ sớm. Chàng làm nghề đơm đó kiếm cá, kiếm tôm, lần hồi qua bữa.

Một hôm chàng ra nhấc đó, có một chiếc đó không sao nhấc lên được. Nhìn kỹ thì thấy một thanh gươm găm ngang trong đó. Mừng quá, chàng cố sức nhấc, nhưng không làm thanh gươm nhúc nhích được chút nào. Biết chuyện, mọi người xúm lại, hàng chục người cũng không vãn nổi cái chuôi.

Từ đó, chàng trai ra sức học võ nghệ. Cho tới một hôm đã đủ tài đủ sức, chàng ra đồng nhấc thử, thanh gươm ngàn cân như nhẹ bỗng đi trên tay chàng. Chàng xách gươm theo quân đi đánh giặc. Giữa trận mạc, chàng vung gươm lên thì thanh gươm bỗng vụt dài ra mấy mươi trượng. Chàng có thể đứng trên đỉnh

núi chém giặc bên kia sông. Giặc Ngô kinh hoàng, không trông thấy người đâu chỉ thấy một lưới gươm chém ngang bổ dọc. Chúng gục xuống hàng loạt như chuối đổ.

Giặc tan, người đơm đó và cả thanh gươm nọ đều xuất trần.

## 8. TRUYỆN ÔNG LÊ TRÃI

Ông Lê Trãi thuở tiên triều, hiệu là Ưc Trai, nguyên họ Nguyễn. Cha là ông Phi Khanh làm chức Tự Khanh, người huyện Phụng Nhãn, thích phong thủy, nhân dời mả tổ đến táng ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, rồi làm nhà ở làng ấy.

Ông đỗ Tiến sĩ đời nhà Hồ, làm quan đến chức Ngự sử đài Chánh chuồng. Nhà Hồ mất, ông theo ông Tự Khanh tránh loạn ở Côn Sơn, có câu thơ: "Dạ y Ngưu Đẩu vọng trung nguyên" nghĩa là "Đêm lần theo sao Ngưu, sao Đẩu trông về đất nước". Tấm lòng ưu thời mẫn thế thường lộ ra ở những câu thơ vịnh.

Bấy giờ, người làng Hoắc Sa ở Sơn Tây là Trần Nguyên Hãn làm nghề bán dầu, buổi tối qua làng Thụy Hương, vào ngủ ở đền Hy Khanh Đại vương Lý Ông Trọng. Đêm hôm ấy, nghe thấy vị thần ở làng bên cạnh đến rủ Vương cùng lên châu đức Thượng Đế. Vương từ chối là nhà có vị Quốc công ngủ trọ. Gà gáy, vị thần ấy đi châu về, Vương hỏi hôm nay Thiên Đình bàn những việc gì, thần nói:

- Thượng Đế nghĩ nước Nam vô chủ, nên có sai Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi.

Trần tỉnh dậy, bèn đi dò tìm được ông, rồi báo cho ông biết. Ông đến hỏi lại thì chiêm bao thấy Vương bảo rằng:

- Việc bí mật ở Thiên Đình, không dám tiết lộ. Chị Tiên Dung biết cả đấy. Vả đàn bà nói thì Thượng Đế không quả trách. Nên đem một mâm vàng đến lễ, chị ấy sẽ kể cho mà nghe.

Ông theo lời, đến cầu Bà chúa Tiên Dung, chiêm bao thấy bà gọi mà bảo:

- Lê Trãi? "Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi", nhà người còn chưa biết ư?

Hỏi kỹ thì nói Lê Lợi người Lam Sơn, đất Thanh Hoa.

Ông bèn cùng ông Trần đến tìm, thấy Thái Tổ đương mặc áo nâu ngắn, vác bừa xua bò từ ngoài ruộng về. Vào ở mấy hôm, nhân gặp ngày giỗ, Thái Tổ giết lợn làm cỗ. Ông xuống bếp đun nấu. Thấy Thái Tổ cầm dao cắt thịt, vừa cắt vừa ăn, ông bảo riêng với ông Trần rằng:

- Bà Tiên Dung nói dối ta.

Ông đến đòi vàng lại. Đêm ấy, bà Tiên Dung lại bảo:

- Lê Lợi làm vua, đã có lệnh nhất định rồi; chỉ có sao trên trời chưa giáng đây thôi, sao không ở đây mà chờ đợi?

Bấy giờ Thái Tổ đã được quyển binh thư và thanh kiếm thần, đêm nằm đóng cửa đọc sách. Ông nhòm trộm rồi cùng ông Trần đẩy cửa bước vào. Thái Tổ tuốt gươm xông ra, hai người đều phục xuống nói:

- Chúng tôi đường xa lặn lội tìm đến, chỉ vì minh công là người có thể làm chủ thiên hạ được đây thôi.

Thái Tổ cười mà lưu lại, mưu việc khởi binh. Ông bảo chưa nên vội. Bèn làm nhà dạy học. Ông chế ra những cái trống con và nấu mật đặc, nặn hình con gà con chó, cho lũ trẻ làm đồ chơi. Trẻ thấy thế, đua nhau nói với cha mẹ xin theo học. Ông lại lấy mỡ viết khắp lá cây trong rừng: "Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần" (Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi). Sâu kiến ăn mỡ, đục thành nét chữ. Kẻ đi kiếm củi thấy thế, cho là chuyện thần linh. Người nọ bảo người kia, nhân thế, theo về mỗi ngày một nhiều.

Năm Mậu Tuất (1418) dấy quân, trước sau đánh hơn mười trận. Ông thường tham dự vào quân trưởng bàn tính mưu lược. Năm Bính Ngọ (1426), đánh ở Tốt Động, quân ta đại thắng, tiến lên uy hiếp thành Đông Đô<sup>1</sup>. Thành Sơn hâu nhà Minh là Vương Thông đóng cửa thành cố giữ.

---

1. Túc Hà Nội ngày nay.

Năm Đinh Mùi (1427), vua Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng, Kiểm quốc công Mộc Thạnh cùng tiến sang cứu Đông Đô. Thái Tổ đánh nhau với giặc ở núi Mã Yên, chém chết Liễu Thăng, bắt sống bọn Thôi Tự, Hoàng Phúc hơn ba trăm người. Mộc Thạnh đương đêm phải chạy trốn, Vương Thông thì mở cửa thành ra hàng. Thái Tổ tha cho được trở về Bắc. Từ đấy, hai nước thông hiếu, bao nhiêu giấy tờ đều do ông soạn cả. Khoảng năm Thiệu Bình<sup>1</sup>, ông làm bài biểu tạ việc thắng quan, có những câu:

*Viên môn trượng khách, lâm đại tiết nhi bán sinh trung nghĩa tự trì,*

*Hổ khẩu điền thân, quyết hòa nghị nhi lưỡng quốc can qua dĩ túc.*

Nghĩa là:

"Cửa quân hiến kế, đứng trước tiết lớn mà nửa đời trung nghĩa tỏ hay;

Miệng cộp dẫn mình, quyết việc hòa nghị mà hai nước can qua yên ổn."

Đó là những lời đúng sự thực cả. Vì công lao, ông được ban theo họ nhà vua, trao chức Vinh lộc đại phu, Nhập nội hành khiển, Tri tam quán sự.

Ông Trần Nguyên Hãn sau được phong tước Quốc công, khi mất được phong Phúc thần. Nay có đền ở làng Hoắc Sa.

Ông có biệt thự ở Kinh Bắc gọi là Tiêu Viên (tức Lệ Chi Viên). Cuối năm Thiệu Bình, ông lên đợi mệnh Bắc triều ở cửa Nam Quan. Bấy giờ vua Thái Tông đi Bắc tuần, ngự giá đến chơi Tiêu Viên, rồi đêm hôm ấy mất. Người ta bảo vợ ông là Nguyễn Thị Lộ đã làm sự thí nghịch, vì thế ông mắc nạn, cả nhà không kỳ lớn bé đều bị giết.

Khi xưa, trong trận đánh quân Minh ở núi Mã Yên, quân ta

---

1. *Thiệu Bình* (1434-1439): niên hiệu Lê Thái Tông.

bắt được Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc. Hoàng giỏi xem phong thủy, khi ở nước ta đi xem khắp các kiểu đất, có biên ghi cả. Đến nay, Hoàng bị bắt, vì là kẻ tù binh, nên ông không cần kính trọng, Hoàng cười bảo:

- Mả tổ nhà tôi có xá vắn tinh<sup>1</sup>, dù có gặp nạn cũng chỉ trong trăm ngày mà thôi; không như mả nhà ông, có vận tru diệt.

Ông không tin. Sau Hoàng được tha về, còn ông thì vì vợ mà phải tội. Người ta cho là ứng nghiệm.

Nay xét mả tổ nhà ông ở Nhị Khê, huyết táng ở ruộng bằng phẳng, người thì cho là kiểu tướng quân mở cờ, người thì cho là kiểu tướng quân cụt đầu. Về hướng Mùi có cái gò Rùa, đuôi phản lại. Trong bản *Kiểm ký* của Hoàng Phúc nói rằng: "Nhị đệ mạch đoản, họa thâm tru di" chính là chỉ vào đấy.

Đời truyền khi chưa hiển đạt ông ở làng Nhị Khê dạy học trò, một hôm chỉ cái gò ngoài đồng bảo học trò rằng:

- Ngày mai các anh dọn cái gò ấy để làm nhà học nhé!

Bọn học trò vâng lời. Tảng sáng hôm sau, ông nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đến nói:

- Tôi mình yếu mà con còn nhỏ, xin hãy khoan cho ba ngày để tôi được dời đi nơi khác.

Tỉnh dậy, ông ra đồng xem, thấy học trò dọn xong rồi. Họ bắt được hai quả trứng, hỏi thì họ nói:

- Vừa rồi thấy một con rắn, chúng con đánh nó cụt đuôi.

Ông cầm hai quả trứng đem về cất. Đêm hôm ấy, chong đèn đọc sách, thấy một con rắn trắng leo trên câu đầu, nhỏ xuống một giọt máu đúng vào chữ đại<sup>2</sup> trên trang sách. Vết máu thấm xuống ba tờ giấy. Ông nghĩ ra mà rằng:

- Nó sẽ báo oán ta đến ba đời sau.

Trứng rắn nở được hai con, một dài một ngắn. Ông sai đem

---

1. *Xá vắn tinh*: Sao cứu mệnh.

2. *Đại*: đời.

thả xuống sông Tô Lịch ở làng bên; nay những rắn ấy làm thần sông. Khi hiển đạt, thường mỗi ngày ở triều đình về, qua phố Hàng Chiếu, ông gặp một người con gái có nhan sắc. Hai bên dùng thơ đùa cợt, rồi ông yêu mến, lấy về làm thiếp. Trong năm Thiệu Bình, người ấy thường vào trong cung cấm. Vua Thái Tông cho giữ chức Nữ học sĩ. Khi vua thăng hà<sup>1</sup>, triều đình đem nàng ra tra hỏi. Nàng nói là ông xui. Vì thế ông phải tội. Khi ra chịu tội, người ấy hóa làm con rắn, bơi xuống nước đi mất.

Ông có một người thiếp chạy trốn xuống vùng Sơn Nam, ẩn ở nhà người, rồi sinh được một người con trai là Anh Võ. Mãi về sau, nhà chủ mới biết người đàn bà ấy là vợ lẽ ông. Khoảng năm Quang Thuận, vua Thánh Tông lên nối ngôi, thương ông oan, xuống chiếu rửa oan, truy tặng Thái sư Tuệ quốc công. Dò hỏi dòng sau, mới tìm được công tử đem về. Lớn lên, Anh Võ làm quan ở đài, ở sảnh, rồi phụng mệnh đi sứ Trung Hoa<sup>2</sup>. Khi qua hồ Động Đình, trên mặt nước xuất hiện một con rắn, rồi sóng gió nổi lên dữ dội. Ông khẩn xin cho làm xong việc nước, sóng gió mới im. Khi đi châu vua Trung Hoa về, đến hồ Động Đình, thuyền úp, chết đuối. Sau chết, được truy tặng Thái sư Sùng quốc công.

Trong năm Cảnh Hưng, làm sổ dân chính, triều đình bàn rút bớt ân trạch đối với những công thần khai quốc. Khi xem đến đạo sắc của ông, quan Thị lang Bộ Hộ là Bảng nhãn Lê Quý Đôn xé đi mà nói:

- Kẻ loạn thần tặc tử ấy, lại còn cáo sắc gì nữa!

Nói chưa dứt lời thì đã nằm xuống ngủ lịm đi, thấy hai người lính bắt đem về một nơi, chung quanh có tường bao vây, những

---

1. Chết.

2. Theo *Thế phả họ Nguyễn Nhị Khê* thì con Anh Võ là Nguyễn Tổ Tạc, cháu đích tôn của Nguyễn Trãi, đậu Tiến sĩ năm Kỷ Tị (1499) làm quan Thừa chính sứ đạo An Bang, đi sứ Trung Quốc, chết đuối ở hồ Động Đình.

cây cổ thụ đến hàng người ôm, trên diện có đến mấy chục cái ghế bành, trên giường ngồi một vị quan văn, đội mũ phước đầu, mặc áo hồ phục, hai bên tả hữu có những người hầu rất nghiêm trang. Lĩnh điệu ông Bảng nhân vào, bắt quỳ xuống dưới thêm. Vị văn quan ngồi trên giường quát lớn:

- Ta là Tế Văn Hầu đây? Nhà ngươi là một gã tiểu sinh sơ học, sao dám can rỡ xúc phạm đến bậc huân cự của tiên triều. Tội đáng chết không thứ được.

Ông Bảng nhăn nín hơi không dám ngẩng mặt lên. Cạnh đấy có một viên, khăn áo chỉnh chặc, nài xin hộ. Lúc lâu, Tế Văn Hầu mới ngồi mà nói:

- Công danh sự nghiệp của ta, cố nhiên không thêm so sánh với nhà ngươi. Duy ngày thường ngươi vẫn lấy khoa bảng kiêu căng, vậy thử về đọc bài *Bình Ngô đại cáo* của ta, nếu văn ngươi có hay hơn thì xé sắc của ta cũng đáng.

Tĩnh dậy, ông Bảng nhăn vội viết lại đạo sắc như cũ. Các công thần nhân thể không bị rút bớt ân trạch.

Ồi! ông là người có những công to như thế mà không giữ nổi được mình, con cháu lại bị tru di hầu hết. Chó cỏ rỗng đất<sup>1</sup> vẫn là mối than chung từ xưa đến nay. Đáng buồn vậy thay?

## 9. TRUYỆN NGUYỄN XÍ

Nguyễn Xí người làng Sái Xá, huyện Chân Phúc.<sup>2</sup>

Cha ông gặp buổi nhà Trần rối ren, vào trụ trì một ngôi chùa thuộc bản ấp, làm Thiền sư Hòa Nam. Mỗi đêm, vào lúc gà

---

1. Đời xưa cúng tế thường tết chó cỏ, nắn rỗng đất để cúng, cúng xong thì vất đi. Vì thế, người ta thường lấy chó cỏ, rỗng đất để nói ví người hay vật, khi không được người ta cần dùng đến nữa. Người ta cũng thường dùng hai vật này để ví với những công thần đã đánh dẹp cho nhà vua xong rồi, bị nhà vua rẽ bỏ.

2. Huyện Chân Phúc: thuộc tỉnh Thanh Hóa.

gáy, ông gõ chuông, thấp hương, tụng kinh. Cạnh chùa có một bác mỗ lợn, hề nghe tiếng chuông là trở dậy giết lợn. Một hôm bác ta mua về con lợn cái không dè đang chữa. Đêm hôm đó, Thiền sư mộng thấy có một con vật đến nài nỉ rằng:

- Đêm nay xin ông đừng gõ chuông để cứu sinh mệnh mẹ con tôi!

Thiền sư làm theo lời thỉnh cầu. Bác mỗ lợn vì không nghe chuông nên đến sáng bảnh mới dậy. Con lợn kia vì thế mà kịp đẻ, được tám chín con lợn con. Thiền sư lấy làm lạ, bèn mua cả mẹ con đàn lợn đem thả vào núi. Được vài tháng, hổ tới công Thiền sư đi. Ngày hôm sau người nhà vào núi tìm kiếm, thấy đã nổi lên một đồng đất to tướng, kẻ thức giả bảo đấy là "hổ táng".

Bấy giờ Nguyễn Xí đã 17 tuổi, gia cảnh bần hàn, bèn vào Thanh Hoa làm nghề bán dầu. Một hôm đến huyện Đông Sơn thì trời vừa tối. Nhìn quanh không thấy nhà dân, chỉ thấy một ngôi miếu trên núi, ông bèn tới đó nghỉ qua đêm. Vào khoảng canh hai, nghe có tiếng ngựa xe tới. Rồi tiếp theo là tiếng gõ cửa miếu gọi thần cùng lên châu Ngọc Hoàng.

- Đêm nay có việc lập chân chúa ở An Nam, bách thần đều phải đến dự đủ, không ai được vắng mặt.

Thần miếu nói:

- Tôi đang có khách quý trọ tại nhà, xin chư tôn cứ đi rồi về bảo lại cho tôi biết.

Đến cuối canh tư nghe có tiếng truyền đạt:

- Nay đã lập vua An Nam rồi. Người đó họ Lê tên là Lợi, ở xã Lam Sơn, huyện Thọ Nguyên, được phép khởi binh vào giờ Thân, ngày Thân, tháng Thân. Sau 10 năm, thiên hạ sẽ ổn định.

Lúc này gà cũng đã cất tiếng gáy. Xí vội vàng trở dậy, tìm tới Lam Sơn báo cáo lại mọi việc.

Lê Tổ<sup>1</sup> bấy giờ đã có ba bốn trăm thủ hạ đang nuôi sức đợi

---

1. Tức Lê Lợi, sau khi lên ngôi đổi thành Lê Thái Tổ.

thời, nghe Xí nói, bèn chọn tháng bảy phất cờ khởi nghĩa đánh quân Minh.

Sau đó có nhiều công lao, Xí được ban quốc tính và được phong Nguyên quốc công<sup>1</sup>, làm quan trải các triều Thái Tông, Nhân Tông. Ông lại có công trong việc giết Nghi Dân, Đồn Ban, nên được phong Đệ nhất trung hưng công thần. Ông có 12 người con đều được phong quận công, cả ngôi vị cùng danh vọng đều cực thịnh.

Sau Thánh Tông ghen ghét, sai thầy địa lý về Sái Xá khai con sông cấm để đứt long mạch, long thân chảy máu ba ngày, năm viên Trung úy đều đột ngột chết cùng một lúc. Từ đó con cháu sa sút dần.

## 10. NGƯ THẦN VÕ CỐ

Xưa ở cái làng mà ngày nay ta gọi là làng Võ Giang (nay thuộc xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm) có một bà góa chồng, cô đơn, nghèo khó. Ngày nọ, ở bên sông Võ Giang có xác một người chết trôi giạt vào bờ. Xác đã trương lên, thối rữa, không ai chôn cất. Ai cũng kinh sợ, bịt mũi lánh xa. Riêng chỉ có mình bà góa nọ xót xa, thương hại người xấu số. Tuy nghèo, bà vẫn cố bớt bát, nhờ người sắm quan ván, rồi tự tay bà vớt xác nọ đem mai táng. Nào ngờ, khi vừa đặt quan xuống huyệt sắp lấp đất thì ván thiên bật mở, một ông già đẹp đẽ lạ thường bước lên và nói với bà:

- Ta là thần Hà Bá dưới thủy cung, lên trần để thử lòng mọi người. Thấy con là người nhân đức, ta thưởng cho con lọ nước thần này, con uống vào sẽ được phúc lớn.

Nói rồi, thần Hà Bá rẽ nước về thủy cung. Bà uống lọ nước, thấy trong người chuyển động rồi từ đó bà mang thai. Suốt ba năm rông mang thai, bà phải cố chịu đói rách, phải cố chịu tủi

---

1. Nguyên chú: "Ông đứng đầu danh sách các công thần sáng nghiệp"

nhục để đến ngày sinh được đứa con trai, bà đặt ngay tên đứa con này là Cố.

Cố là đứa trẻ kỳ hình, dị tướng: bốn chân tay đều lêu đêu, giữa các ngón có màng kể như chân vịt, mình thon mềm dẻo, lại có vẩy như vẩy rồng. Lọt lòng mẹ, Cố đã thích sà vào nước. Đưa ra khỏi nước bị khô vẩy, lại gào lên khóc ngay. Cố lớn nhanh, vừa biết đi, biết chạy đã tìm đến với sông nước và có biệt tài về môn lặn lội, ngoi bơi. Cố có thể ở dưới nước sông hàng ngày cũng được. Lên cạn Cố chỉ sống được một buổi lại chìm ngay xuống nước cho ướt vẩy mới sống được. Vì vậy, người Cố lúc nào cũng ướt át, nên Cố không mặc quần áo mà suốt đời chỉ đóng một cái khố mà thôi.

Lên mười tuổi, Cố đã say mê học võ và rất sớm nổi tiếng về tài võ. Vì vậy, người ta gọi là Võ Cố để suy tôn tài võ của chàng, vì chàng không có họ.

Một ngày nọ, có tảng đá lớn xưa nay vẫn nằm sát bến Võ Giang bị nước xoáy, lâu ngày mất chân, đất lở lăn âm xuống sông làm cản trở và gây nguy hiểm cho thuyền bè đi lại. Ai cũng lo, nhưng chẳng biết làm sao được. Võ Cố ra sông xem xét, rồi quyết lặn mò mang tảng đá ấy lên bờ. Sông sâu, đá lớn, xoay sở mãi Võ Cố mới công được tảng đá ấy lên vai, toan đạp nước ngoi lên thì có một con giải to lắm, há miệng ào tới, dớp vào người chàng mấy nhát đầu đao, rồi nó ngoáy ngang đường như muốn trêu tức. Võ Cố muốn quật chết con giải ngay, nhưng vì vướng đá trên vai nên cố nhịn. Con giải vẫn lẳng nhặng ngoi theo sinh sự. Khi đã đặt hòn đá vào bờ, Võ Cố quay ra thì con giải biến mất.

Từ ngày đó, sáng nào Võ Cố xuống sông ngoi thì con giải lại nổi dềnh lên dọa nạt trêu tức, Võ Cố lại vùng lên đuổi bắt giải. Hai bên đuổi nhau làm sóng nước cả quãng sông này như sôi lên sùng sục. Ngày nào cũng vậy, khi Võ Cố đuổi gần kịp giải, vươn tay toan bắt thì giải lại ngụp đầu trốn mất. Võ Cố tức lắm, càng quyết tâm bắt sống cho được con giải này. Ngày qua, tháng lại,

cuộc đua bắt tuy chưa có kết quả song sức lực, tài năng lặn lội ngoi bơi của Võ Cố so với trước đã vượt bậc. Cố tin chắc không bao lâu nữa sẽ tóm được con giải quái quỷ này.

Thế rồi, một hôm nọ, Cố đang nằm nghỉ dưỡng sức trên bãi cát thì con giải bơi đến, nhô đầu lên, lớn tiếng thách thức:

- Sáng mai ngoi thi, ai thua, người ấy phải chịu tội chết?

Võ Cố về nói với mẹ và mọi người, ai nấy đều can ngăn, vì xưa nay có ai dám "thi bơi với giải" bao giờ? Nhưng Võ Cố vẫn một mực xin ngoi thi với giải. Ai cũng tin chắc lần này Võ Cố sẽ bị giải nuốt. Nên khi tiễn Võ Cố ra sông, mẹ chàng và bà con lối xóm cũng không cầm được nước mắt xót thương. Người các nơi đổ về hai bên bờ sông Đáy, đón xem một cuộc đua tài cổ lai chưa từng có.

Võ Cố vừa lao đầu xuống sông thì con giải đã nhô đầu thách thức. Cuộc đua một mất một còn làm cả dòng sông sủi bọt, sủi tăm. Giải vẫn vượt trước, Võ Cố rượt theo, quãng cách ngày càng ngắn lại. Chưa đầy nửa buổi, Võ Cố lên gần ngang tầm với giải. Từ hai bên bờ sông tiếng cổ vũ "bắt lấy", "bắt lấy" vang dội, Võ Cố dướn mình, vươn tay toan chộp lấy cổ con giải đã đuối sức thì bỗng bên tai chàng nghe được một tiếng quát: "Con không được vô lễ với Sư phụ!". Võ Cố ngoái cổ trông quanh, chẳng có ai bên cạnh, chỉ thấy sóng nước đang cồn lên, và con giải cũng đã biến mất. Bấy giờ, Võ Cố mới hiểu ra rằng con giải kia là thần dưới nước, được Long vương sai lên tìm cách dạy dỗ, rèn cặp cho chàng môn bơi lội. Lòng xiết nổi cảm động, chàng lên bờ lạy vọng xuống dòng sông bốn lạy tạ ơn.

Danh tiếng Võ Cố cũng từ đó lừng lẫy cả một vùng rộng lớn.

Anh tài các nơi tìm về, xin được làm học trò đông vô kể. Để tiện truyền dạy võ nghệ, Võ Cố cho đóng nhiều thuyền lớn, ván dày, cho đậu kín cả một quãng sông làm võ trường. Nay thì võ, mai tập thủy chiến, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng thét, tiếng hò reo luôn luôn ầm vang sông nước, nên quãng sông này mới có tên là Võ Giang.

Thấm thoát đã mấy năm qua, vừa đến tuổi trưởng thành thì Võ Cố đã có trong tay gần ngàn đệ tử có võ nghệ, có tâm huyết, được rèn luyện thành những cơ ngũ tinh binh... Chả là thời đó đất nước đang lâm than dưới ách đô hộ của giặc Ngô, Võ Cố đang ngấm ngầm toan đường cứu nước. Nhanh sắc, vuốt nhọn, Võ Cố đang nôn nóng trông chờ thời cơ, thì một hôm, đột ngột được tin một đội quân, có lẽ là quân Ngô kéo tới. Võ Cố hăng hái ra quân thủ sức ngay. Quân hai bên đánh nhau dữ dội, đối phương bị quân Võ Cố đánh cho tan tác, để lại nhiều xác chết trên trận địa.

Ra quân lần đầu đã giành chiến thắng, song lạ thay, lưỡi gươm của Võ Cố từ ngày đó, dù rửa thế nào cũng không sạch vết máu. Cho đến một đêm, chàng nằm mơ thấy rất nhiều đầu lâu lẫn lông lóc đến trước mặt chàng mà thảm thiết nói rằng:

- Tinh Đế là người được trời trao cho sứ mệnh giúp dân giết giặc. Chúng ta thuộc đội quân đi trước mở đường cho Tinh Đế, sao người nỡ lòng sát hại? Tội người thật đáng chết, đáng chết!

Võ Cố sợ toát mồ hôi, vội vàng sụp xuống lạy tạ và khẩn thiết hỏi các oan hồn về căn nguyên của Tinh Đế, người là ai, ở đâu, đang làm gì?... Rồi ngày ngày hôm sau chàng khóc và kể rõ sự tình cho toàn thể đệ tử hay biết. Cả võ đường ai cũng khóc và quỳ lạy các oan hồn nghĩa quân, lạy tạ trời đất và đồng thanh tôn Võ Cố làm tướng, cùng đi tìm Tinh Đế để lập công chuộc tội.

Ít lâu sau, Võ Cố làm tướng thủy quân của Tinh Đế, vì chàng và đội quân của chàng rất giỏi thủy chiến. Nhiều lần đội quân này đã chìm hàng trăm thuyền của giặc xuống sông, xuống biển. Nhưng lần này, giặc Ngô bỏ thuyền lên bộ, chạy về cố thủ trong đồn. Chàng dùng rơm đốt doanh trại giặc. Trong trận hỏa công bừng trời này, Võ Cố xông pha trong lửa đạn từ sáng tới chiều mới hạ xong đồn trại giặc. Và ngay lúc đó, Võ Cố cũng ngã ra bất tỉnh, vì vấy trên người chàng đã bị lửa nung khô, cong lên hết. Nghĩa quân vội khiêng chàng ra sông chìm xuống nước, nhưng không kịp, chàng đã tắt thở.

Xong giặc, Tinh Đế lên ngôi, tức Lê Thái Tổ, phong Võ Cổ làm Ngự thần và phong cho quốc tính là Lê nên mới có tên là Ngự thần Lê Cổ. Đến thờ Lê Cổ nay vẫn còn ở làng Võ Giang.

## 11. TRUYỆN ĐÀO NƯƠNG

Xã Đào Đặng huyện Tiên Lữ có một thôn có nhiều con gái đẹp. Những con gái ấy phần nhiều làm nghề xướng ca.

Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang xâm lược nước ta. Chúng đóng đồn ở khắp mọi nơi, thôn ấy cũng có đồn của chúng. Giặc rất sợ muỗi, mỗi người dùng một cái túi lớn, đêm đến chui vào đó mà ngủ, buộc miệng túi lại để khỏi bị muỗi đốt. Chúng chỉ để một người ở ngoài, đợi lúc chúng dậy thì mở miệng túi.

Bấy giờ trong thôn có người con gái tên là Đào Nương, nhan sắc xinh đẹp, lại hát hay múa đẹp nhất vùng. Quân Ngô rất yêu nàng, thường bảo nàng múa hát làm vui, mà nàng lại khéo chiều chuộng. Người Ngô cho là nàng yêu chúng, nên tin nàng không ngờ vực gì cả. Nhiều đêm, chúng vào túi nằm, sai nàng buộc miệng túi. Đến lúc dậy lại sai nàng mở miệng túi, dần dần thành quen.

Vùng ấy bấy giờ bị quân Ngô bạo ngược, những người mạnh khỏe đều trốn tránh đi nơi khác, chỉ còn những người già yếu ở lại. Nàng bàn với họ nhân lúc quân Ngô ngủ say, khiêng cả người lẫn túi đem vứt xuống một cái ngòi ở bên cạnh làng, một lát thì trôi ra ngoài sông Cái. Đêm nào cũng làm như thế, quân Ngô cứ bị rơi dần. Chúng bèn đắp một cái mô đất làm dấu đóng quân<sup>1</sup>. Chúng thấy số quân hao hụt mất quá nửa mà không biết

---

1. Nguyên chú: "Hiện nay mô đất ấy vẫn còn". Tương truyền lúc bấy giờ giặc Minh cho đắp một cái mô đất ở ngoài cánh đồng. Hàng ngày, buổi sáng chúng cho binh lính lên đứng ở trên mô ấy. Nếu quân đứng vừa khít mô thì là đủ quân. Nếu đứng thừa một khoảng mô thì là thiếu quân. Người ta gọi cái mô ấy là "Đầu sơn" tức "Núi đóng quân".

vì có gì, bèn dời đồn đi nơi khác. Từ đó, nhân dân trong vùng mới được an cư lạc nghiệp. Về sau thôn ấy nhớ công ơn của nàng, lập đền thờ nàng và đặt tên thôn ấy là thôn ả Đào. Hiện nay vẫn còn một cái miếu nhỏ ở trước cửa chợ thôn ấy. Dân làng cầu đảo việc gì, thường được linh ứng.

Truyện này giống như truyện nàng Chiến Quốc ở huyện Ý Yên. Vì thời bấy giờ người Ngô chiếm nước ta, đi đến đâu tàn phá đến đấy, quý thần và nhân dân đều lấy làm căm phẫn, cho nên đàn bà cũng lập kế để trừ khử chúng. Dân tình rất đáng sợ, đúng là như thế!

## 12. TRUYỆN NÀNG CHIM THUỐC

Giặc Minh xâm chiếm nước ta, cả nước đều chịu đau thương tang tóc. Ở vùng Hiệp Thạch (huyện Kinh Môn, Hải Hưng ngày nay) có hai ông bà Phạm Thận và Đào Thị Tú đã già mà chưa có con cái gì. Nhà nghèo, nuôi được đàn gà cũng bị quân lính nhà Minh vào hạch sách vợ vét. Một ngày hai vợ chồng vào rừng kiếm củi, thấy đàn chim thuốc bay lượn ríu rít, thì cùng chép miệng mà than:

- Tuổi già con cái không có, lại khổ vì ách giặc. Thật chẳng bằng đàn chim thuốc kia!

Nói xong, bỗng nhiên cả rừng im bật. Đàn chim không ríu rít nữa. Có hai con bay theo người về đến nhà, đậu ở đầu hồi. Sáng mai, ông bà ngạc nhiên thấy đôi chim chỉ trong một đêm đẻ được đến trăm trứng. Chim ấp trăm ngày, nở được trăm con, mào đỏ, lông vàng, ông bà đem giấu chim trong buồng sợ giặc Minh biết thì chúng cướp mất. Lại đúng một trăm ngày nữa, cả đàn chim bay đi, chỉ để lại sáu con trống và một con mái.

Ông bà ngẩn ngơ thương tiếc, nói gần như khóc:

- Chim chê ta nghèo mà bỏ đi chẳng?

Bỗng nhiên, bảy con chim bật ra tiếng người:

- Bố mẹ đừng khóc, chim ở lại với bố mẹ đây.

Ông bà từ ngạc nhiên chuyển sang mừng rỡ. Từ đó, chim đi kiếm mồi, chim tha lá tha rơm về lợp nhà, trát vách. Những ngày ông bà đi làm trở về nhà thì thấy cơm canh dọn sẵn, có bảy món khác nhau, tuy không sơn hào hải vị nhưng rất ngon miệng. Đoán rằng đây cũng giống như chuyện cô Tấm hóa thân, ông bà bèn nấp kín để theo dõi. Quả nhiên bảy chim trút lột thành sáu cậu con trai và một cô con gái. Ông bà rón rén trộm các lột chim đốt đi. Từ đó nhà có bảy con. Sáu người trai được đặt tên là Luận, Thi, Thành, Tường, Tung, Kế. Nàng con gái lấy tên là Phạm Thị Phương.

Nàng Phương có sắc đẹp cũng bị quân Minh dòm ngó. Nàng nghe được tin Lê Lợi khởi binh liền bàn với các anh, xin phép bố mẹ vào Lam Sơn ứng nghĩa. Ông bà Phạm Thuận đồng tình. Nàng Phương cũng cải trang đi với các anh. Vua Lê giao cho cả bảy anh em trấn giữ vùng Hiệp Thạch. Họ đã lập được nhiều chiến công to lớn.

Khởi nghĩa thành công, bảy anh em xin phép về thăm nhà thì bố mẹ đã mất rồi. Cả bảy anh em hóa kiếp trở lại thành đàn chim thước. Con mái tức là nàng Phương bay vút lên đỉnh núi Yên Phụ, lượn theo cây cột chống trời rồi mất hẳn vào cõi bao la. Nhân dân vùng Vụ Nông (Kinh Môn) đã lập đền thờ nàng cùng với các anh. Họ cho đó là bảy người tiên xuống giúp vua Lê cứu nước.

### **13. SỰ TÍCH HẠC LAI VÀ VŨ CỐ GIÚP LÊ LỢI ĐÁNH GIẶC MINH**

Theo sự tích, vị Hạc Lai vốn ngài là người Châu Thanh bên nước Tàu, thuộc về đời nhà Minh. Người làm quan Trung thư, sau làm đến chức Công bộ Tả thị lang, kiêm Nội thị Thị giảng thêm trưởng nhất triều. Khi ngài 50 tuổi thì xin nạp quan từ chức về nhà mở trường dạy học. Sau được ông tiên truyền phép thuật, vào thánh ra thần, dời non đổi nước. Bấy giờ ngài coi giàu sang như mây nổi, công Khanh như ngoại vật vậy. Hiệu là

Hoàng Hạc tiên sinh. Ngài là thần học vị Vũ Cốt, sau giúp vua Lê Thái Tổ đánh quân nhà Minh. Còn sự tích ông Vũ Cốt kể rằng, xưa nước Việt thuộc đời nhà Trần, vua Thuận Tông cai trị ở xã Vũ Xá, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, đạo Sơn Nam, có một người tên là Vũ Hoàn. Tiên tổ là ông Vũ Phong, thời vua Nhân Tông nhà Trần, khoảng năm Trùng hưng<sup>1</sup> ngụ cư ở xã Mộ Trạch, huyện Đường Hào, phủ Hạ Hồng, đạo Hải Dương. Ông tổ Vũ Phong sinh ra ông Chắt, ông Chắt sinh ra ông Viêm, ông Viêm sinh ra ông Đăng, ông Đăng sinh ra ông Lưu, ông Lưu sinh hai trai, trưởng là Tố, thứ là Hoàn. Bấy giờ ông Lưu khiến ông Hoàn về quê cũ là xã Vũ Xá. Ông Hoàn vâng mệnh về Vũ Xá, huyện Thanh Liêm lấy vợ người Đặng Xá cùng huyện tên là Đặng Thị Đức. Hai vợ chồng đều chăm chỉ việc làm phúc. Có một ngày, ông Hoàn nằm mộng đến một tòa lâu đài, các quan ngồi, bày hàng lính đều trông coi giữa, trông lên ở trên điện có biển đề "Báo ác môn" (cửa Báo ác). Ông vừa tiến đến trước cửa, chợt thấy một ông lão già ở trong đền đi ra, vẫy tay bảo ông ra mau. Ông cả sợ, lập tức đi ra. Cách một quãng, lại thấy một chỗ cửa vàng điện ngọc gác tía lầu son, trên có biển đề "Hoàn thiện môn" (cửa Hoàn thiện). Ông vào trước cửa đến vái lạy. Chợt thấy một ông mặc áo tía, gọi lại mà phán rằng:

- Nhà người phúc hậu, tôi đã soi biết. Nay ta cho người một đứa trẻ con tốt, cho vào làm con nhà người. Ngày sau hần quang hiển gia đình, dương danh trong thiên hạ.

Phán xong, truyền cho quan áo xanh, trao cho một đứa trẻ ít tuổi. Ông hôn hử linh lấy, sức tỉnh lại, biết là điềm hay. Đến năm Ất Mão, mùa thu tháng tám, ngày rằm, bà phu nhân sinh một bọc, nở ra một người con trai, diện mạo khôi ngô, tựa hình đứa trẻ thần cho khi trước. Ông bà cả mừng, đặt tên là Cốt. Khi ông Cốt lên 13 tuổi trong năm ấy cha mẹ đều mất cả. Ông Cốt chọn đất an táng, hết ba năm mãn tang chế, việc hiếu đã xong. Khoảng

---

1. 1285-1293.

năm ấy lại gặp vài năm mất mùa, giặc cướp nổi lên, ông Cố bèn nghĩ tìm chỗ lánh thân. Lúc ấy, nghe thấy ở nước Tàu có ông Lã công tiên sinh, người ở Châu Thanh, tước là vị Hạc Lai, có tài lực văn võ, đạo địa chân truyền, thật là bậc danh sư ở đời ấy. Ông Cố bèn tìm lối sang Thanh Châu nước Tàu. Trước đêm ấy, ông Lã Hạc nằm mộng thấy có thần nhân bảo rằng, ngày mai có thiên tướng đến nhà. Ông cả sợ chưa biết thế nào, thì trời vừa sáng, thấy con chó đá trước cửa cắn một tiếng tựa như tiếng chuông vàng. Ông giật mình, ra thì thấy ông Vũ Cố lại. Ông Lã công xem mặt hình dung tuần tú, khác hẳn người thường. Ông Cố đi thẳng đến trước mặt ông, vừa lạy, vừa xưng tên họ, xin vào học. Ông lấy làm lạ mà cho ở đấy. Ông Vũ Cố chăm chỉ học tập, được vài năm văn chương quán thế, võ nghệ tinh thông, thiên văn địa lý, sáu phép linh phù không việc gì là không biết. Bấy giờ nước Nam đang là cuối đời nhà Trần, họ Hồ tranh quyền nhà Minh cướp ngôi. Ông Lã công xem thiên tượng, biết nước Nam Việt đã sinh thánh nhân, bèn bảo ông Vũ Cố rằng:

- Người tai mất dân mà ở đời, thì nên giúp nước lập công danh trong đám sa trường mới là khí đảm đại trượng phu. Nay ta nghe nước đã sinh thánh nhân, người nên về chọn vua mà thờ.

Ông Vũ Cố khóc mà thưa rằng:

- Tình thầy trò nghìn dặm xa xôi, há dám xa lìa.

Ông Lã công lại nói rằng:

- Đòi cấp sách theo thầy, chẳng xa nghìn dặm. Người nên trở về quê cũ mà lập công danh. Khi nào gặp việc nguy cấp, người nên khấn ta thì ta sẽ giúp. Bằng thấy con hạc bay lại là tình phách của ta đó.

Nói xong, ông Cố lạy tạ ra về quê cũ. Khi đi đường thấy dải núi Hoành Sơn, từ Hối Long dẫn lại, mọi núi đều cúi đầu chào lại và thấp hơn, chỉ có một mình trái cao. Ông bèn lên đỉnh xem biết rõ là có đất tốt. Sông Châu Giang quanh trước mặt, đất này khá lập đồn dinh vậy. Ngài ứng khẩu ngâm bài thơ rằng:

Thành thị lâu đài giai bảo ngọc  
 Giang sơn hoa thảo tổng đan thanh  
 Dư khí chung thành tuy tiểu mạch  
 Điện cư chung khả kiến cung thành.<sup>1</sup>

Ngâm xong, ngài về Vũ Xá mộ được hơn ba trăm người cùng đình tráng làng Vũ Xá, Đặng Xá, Ô Cách, cộng được 60 người, đều làm thủ hạ. Ngài bèn lập ba đồn, gọi là thượng đồn, trung đồn, hạ đồn. Lại chia mỗi đồn 50 người, chọn người hào trưởng lấy cho làm quan tì tướng, coi 50 người giữ một đồn. Ông lại lập ba trại nữa ở bên sông. Một trại ở địa phận xã Vũ Xá, quân tinh binh 100 người, còn bao nhiêu chia làm hai trại là xã Đặng Xá và xã Ô Cách để phòng thủ quân nhà Minh. Các việc xếp đặt xong, ông cùng với gia thần 60 người vào đất Ái Châu, ấy là hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thiện Thiên, trấn Thanh Hoa, tìm được chân nhân là vua Thái Tổ Cao hoàng đế (húy là Lê Lợi). Ông nắm 3000 quân hổ giữ lấy đất Lam Sơn, từ ấy ông và vua được họp cùng nhau. Ông xin về chiêu binh thêm. Vua cho đi, ông bèn đi khắp Ái Châu, Sơn Nam mọi đường chiêu tập những dân lưu tán về cùng mấy mình, đi theo vua đông tây đánh dẹp, trong khoảng sáu năm. Lúc ấy tướng nhà Minh là Mộc Thạnh bỏ thành chạy, Liễu Thăng cướp giữ đồn Trung Liệt. Vua kíp tiến quân giữ Sơn Nam, để ông ở lại giữ thành trì. Ông cùng vua lại gấp ngày đêm tiến đến xã Vũ Xá, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, đạo Sơn Nam, đóng quân yên nghỉ. Vụt thấy tin báo rằng, tướng nhà Minh là Mộc Thạnh thu các quân thừa, tiến đánh đằng sau. Vua sợ, hỏi ông. Ông nói rằng, nay cùng Mộc Thạnh giao

---

1. Nghĩa là :

Thành thị lâu đài đều ngọc báu  
 Non sông hoa cỏ thấy như tranh  
 Dư khí kết ngưng theo lối nhỏ  
 Vững bền thực đáng dựng cung thành.

binh cũng không lợi, chẳng bằng tiến đánh đồn Trung Liệt còn hơn. Khi ấy ra đến bến sông không có thuyền sang. Ông nghĩ đến lời dặn của thầy ngày trước. Ông bèn thăm khấn tên hiệu, thì tự nhiên thấy một con chim hoàng hạc lượn từ phương bắc đến phương nam. Rồi lại thấy vài vạn cây chuối từ phía trên trôi xuống đây chạt bến sông. Quân lính đều sang bên kia sông được cả, rồi tiến đánh đồn Trung Liệt. Liễu Thăng bị thua. Vua cùng ông lại kéo quân về phương nam Sơn Nam. Ông làm tiên phong, đem quân đánh Mộc Thạnh. Mộc Thạnh thua chạy, thừa thắng ông lại chạy đuổi chém Liễu Thăng. Thế là trong năm ấy thiên hạ cả định. Vua lên ngôi ở đất Lam Sơn. Đổi năm đầu là Thuận Thiên, khen thưởng công lao tướng sĩ, bèn phong ông làm Mục Châu Ái. Ông từ chối, rồi dâng sớ xin về xã Vũ Xá, sau tức là Vũ Giăng, xã Đặng Xá. Nay các xã Trung Thử và xã Ô Cách đều làm dân thần tử. Các việc binh lương, đến miếu, vua đều giao cho ông mà phong. Ông tước đại vương được thu các binh lương trong huyện làm chi phí tháng ngày. Khi ông trở về dựng đặt một cung trên đỉnh núi, lại làm đồn binh đóng ở đấy. Trong cung đặt một nơi viết họ tên đức nghiêm sư (là Vũ Hạc) thờ ở đấy. Các việc xong, ông mới cùng đầy tớ sang Châu Thanh nước Tàu, yết kiến thấy học là ông Lã công. Lã công lưu ở lại, sau ông Vũ công xin về quê quán. Ông Lã công mở tiệc tiễn mừng. Dương lúc tiệc, vụt thấy trời đất mịt mù, giữa ban ngày mà tối tựa ban đêm. Ở chỗ Lã công ngồi, có một chim hoàng hạc bay, kêu ba tiếng rồi lên trên không đi mất. Lúc giờ, trời quang sáng ra, thì ông Lã công đã thu binh khí rồi. Bấy giờ vào ngày mồng 10 tháng Giêng năm Quý Ty, ông Vũ công cùng các con làm lễ an táng, xong việc ông trở về quê cũ. Ở trên đỉnh núi, chỗ thờ ông Lã công đã thấy một cái gò đất. Ông Vũ công hỏi thì các gia thần đều nói rằng, mồng 10 tháng trước, tức là ngày hóa đức Lã công, có một chim hạc vàng bay lại, đỗ trên nóc nhà, kêu ba tiếng rồi lộn xuống đất thì tự nhiên thấy gió mưa, sấm chớp long trời lở đất. Kịp khi trời quang tạnh, ở chỗ ấy thấy đất bị mối đùn

thành một cái gò đồng lớn mà xã Vũ Xá, Đặng Xá, Ô Cách, nhân từ đấy sinh ra tật dịch, súc vật tai hại. Ông Vũ công lấy làm lạ, truyền nhân dân ba xã viết thần hiệu "Hạc Lai công" để mà thờ. Từ đấy, tật dịch yên tất cả. Ông Vũ công biết ngài có sự anh linh, lại truyền cho ba xã lập đền chính hóa ở đỉnh núi. Giữa núi làm một miếu gọi là miếu Trung điện. Một miếu dưới núi gọi là Hạ điện, ba xã cùng thờ (tức là thờ ông Lã công). Các tiết đều dùng tế lễ chay (vì lấy nghĩa trước ông đi theo tiên). Còn bàn dưới dùng xôi, lợn, rượu.

Hằng năm cứ đến ngày rằm tháng 8 là ngày sinh nhật ông Vũ công, có trò bơi thuyền thi ở sông (lấy nghĩa ngày trước khẩn thầy giúp cho bè chuối sang qua sông). Nhân dân vâng mệnh sửa sang xong, ông Vũ công làm yến tiệc cho nhân dân ăn uống vui mừng. Trong lúc ăn tiệc, ông bảo rằng:

- Ta cùng ông Lã công là tình thầy trò. Bằng sau ta 100 tuổi già thì cũng viết hiệu ta cùng ở ba đền trong núi, không được thay đổi.

Nhân dân vâng lời. Ông bèn ngâm thơ rằng:

*Sống làm danh tướng hóa làm thần  
Sao cứ khu khu côi thế nhân  
Dấu mấy nhời vui trong tiệc rượu  
Tinh lưu dân xã ước nghìn xuân.*

Tiếng ngâm chưa dứt, thấy mặt trời mù mịt tựa như ban đêm, nhân dân đều nghe ở trong thung lũng có tiếng gió đưa lại như tiếng người đọc rằng:

*Ngoài năm mươi tuổi giúp thánh Minh  
Mãn đời nay lại tới Thiên đình  
Tinh sâu sư đệ cùng đưa đón  
Sống đã vinh mà hóa cũng vinh.*

Tiếng đọc xong thì trời quang tạnh. Ông Vũ công chẳng thấy nữa, chỉ thấy áo khăn còn lại. Bấy giờ là ngày mồng 8 tháng tám năm Bính Ngọ. Nhân dân biết là ngài hóa, đều sợ hãi đem khăn áo mai táng trên đỉnh núi bên cạnh chim hạc hóa đều viết

thần hiệu cả ba đến để cúng tế, để với ông Hạc Lai công cùng một chỗ. Trái đến đời vua Thánh Tông hoàng đế, giặc Chiêm chẳng chịu làm bề tôi vua. Vua bèn sai tướng đi đánh, khiến quan đại thần đem lễ lên núi cầu đảo lấy sự âm phù, ngay đêm hôm ấy, vua mộng thấy hai viên thần tướng cầm giáo vàng, mặc áo giáp, đi thẳng đến trước mặt vua mà tâu rằng:

- Chúng tôi nghe bệ hạ đánh phương Nam, xin giúp vua.

Vua hỏi họ tên, một vị xưng là Hạc Lai, một vị là Vũ Cố. Nói chưa dứt, vua chợt tỉnh, biết là thần mộng. Bèn ghi tên họ vào sổ vàng, đợi sau nghiệm thử. Khi vua đi đánh Chiêm, đánh một trận chém được tướng giặc, thu được hết khí giới đưa về kinh. Vua ban cho 300 quan tiền, xong rồi sai quan làm đền thờ một vị, khiến người trong ba xã mua tam sinh làm lễ và tặng phong là Thượng đẳng phúc thần.

Hàng năm, vào mùa xuân và mùa thu, tháng hai, tháng tám ngày 20 ở kinh thành sai quan đến tế. Từ đó rất là an lành. Cầu nắng cầu mưa đều linh nghiệm cả. Nên trái các đời đế vương, phong mi tự là Thượng đẳng linh thần, hai vị nhân thần đều giúp vua Lê Thái Tổ dẹp giặc Liễu Thăng.

## **14. SỰ TÍCH NGỌN CÔN VÀ THUẤN NGHỊ ĐỜI LÊ THÁI TỔ**

Sự tích truyền rằng, nước Nam ta về cuối đời nhà Trần, có một người con gái nhà Trần tên là Trần Cẩn Tiết, diện mạo đoan trang, nhan sắc xinh đẹp. Năm 16 tuổi, Cẩn Tiết không chịu lấy chồng, bỏ nhà đi tu; tìm đến chùa trang Vương Xá thuộc huyện Siêu Loại phủ Thuận An, đạo Kinh Bắc. Thấy chùa ấy phong cảnh hữu tình, Cẩn Tiết mới vào ở, ngày đêm đèn hương thờ Phật. Được vài tháng, một đêm nằm mộng thấy hai người nữ áo chỉnh tề, đứng giữa cửa chùa xưng là Bản thổ Linh thần nói rằng, nhà ngươi có phúc đức, nên Trời đã định ban cho thiên thần đầu thai làm con. Nói xong biến mất.

Sau lại thấy có hai vì sao từ trên trời thẳng xuống sa vào trong mồm, khiến Cẩn Tiết nuốt mất. Giật mình tỉnh dậy, sau tự nhiên có thai. Mọi người đều biết, bà lấy làm xấu hổ, bỏ đi tìm nơi am thanh cảnh vắng để ở. Ngày ấy, bà đến phủ Lạng Giang huyện Phượng Nhãn, trang Chi Ngại. Ở đấy có núi Côn Sơn hình tựa con kỳ lân, trên núi có ngôi đền gọi là Thanh Hư từ, dưới có cái cầu gọi là Thấu Ngọc kiều, cây cối xanh tốt um tùm, trông phong cảnh rất tươi đẹp, bà thấy hợp ý bèn vào ở đấy. Kịp khi sinh một bọc có hai con trai vào ngày mồng 7 tháng giêng năm Nhâm Dần. Hai người con diện mạo đều khôi ngô, vẻ người đều cao nhón, bà biết là Linh thần trang Vương Xá xuất thế, mới đặt tên ngài cả là Ngọn Côn, ngài thứ hai là Thuận Nghị. Hai ngài năm lên 7 tuổi đã biết lễ nghĩa, hay kính nhường, vào học chỉ nghe mà biết, lại am tường võ nghệ. Năm 18 tuổi, hai ngài văn võ kiêm toàn, thao lược gồm đủ, sức khỏe hơn người. Hai ngài hỏi mẹ rằng: "Cha là ai". Mẹ bảo rằng: "Không cha mà sinh. Khi ở chùa trang Vương Xá, ta nằm mộng thấy thần trang ấy bảo thiên nhân giáng sinh xuất thế, rồi sau nhân ta nuốt sao thụ thai sinh ra hai ngài".

Hai ngài tin vậy mừng lắm. Năm 18 tuổi, mẹ ở nhà tự nhiên tạ thế, hai ngài thương tiếc vô cùng. Hai ngài làm lễ mai táng chu tất, sau khi đoạn tang, gặp hồi nhà Minh chiếm nước ta hơn 10 năm, làm nhiều điều tàn ác, nhân dân đều oán giận. Bấy giờ vua Lê Thái Tổ ở Lam Sơn, Thanh Hóa khởi nghĩa. Vua từ Lam Sơn ứng mộ nhân tài hào kiệt, nhân dân theo về rất nhiều. Hai ngài nghe tiếng tìm đến. Vua Thái Tổ tuyển văn võ, thấy hai ngài đều giỏi cả, Thái Tổ mừng lắm, bèn cử hai ngài làm Đại tướng quân đánh Tây Bắc đạo. Hai ngài mộ được 3000 binh sĩ đem quân tiến đến Kinh Bắc đạo, Thuận An phủ, Siêu Loại huyện, Vương Xá trang hội đồng đóng quân ở đấy, bái yết thần từ và triệu những ông già trong trang ấy đến bảo rằng: "Ngày trước mẹ ta đến ở chùa trang này, ngày đêm đèn hương thờ Phật, có nhắc lại cho hai ta biết, vốn thần trang này ứng mộng báo điềm thiên thần xuất thế sinh ra hai anh em ta. Vậy ta lại

xem tình cảnh thờ phụng thần hiệu thế nào". Các cụ già thưa rằng: "Chúng tôi thờ phụng hai vị thần rất thiêng. Từ khi có một người thiếu nữ đến ở chùa, tự thấy thụ thai rồi đi đâu mất. Từ đấy trở đi không thấy linh nữa".

Hai ngài mới bảo: "Chính là mẹ ta đấy".

Dân làng đều cả sợ, lạy xin làm bầy tôi. Hai ngài tuyển lấy những người cường tráng bản trang hơn 50 người làm bầy tôi nội thủ.

Vua Thái Tổ đương lo có Liễu Thăng đem quân sang, một ngày năm lần đưa thư cáo cấp, sai hai ngài đem quân bình Bắc đạo đánh giặc Liễu Thăng. Hai ngài bèn mổ trâu bò lợn, cúng tế thiên địa, sơn thủy bách thần khao thưởng bản trang sĩ tốt, rồi cử binh thẳng đến đất Lạng Sơn, Ôn Châu, Chi Lăng đánh nhau một trận, giết được Liễu Thăng và bắt được quân nhà Minh rất nhiều.

Từ đấy thiên hạ thanh bình, nước nhà yên ổn. Đức Thái Tổ bèn lên ngôi vua, ban chiếu xét công, khao thưởng quân sĩ và gia phong các tướng sĩ, ban cho hai ngài ăn lộc huyện Siêu Loại. Hai ngài bái tạ trở về. Đức Thái Tổ gia phong hai ngài làm Thiếu bảo trung đẳng và Ngự chế ụy lạo bài thơ rằng:

*Thập bát kinh doanh vương nghiệp kiến  
Mưu mô phù quốc nhất tâm đồng  
Hậu lai mục đồ Lam Sơn lục  
Khái tướng trung thần đệ nhất công.*

Nghĩa là:

Mười tám năm ròng xây dựng nghiệp vương  
Mưu toan giúp nước một lòng chung  
Sau này đọc lại Lam Sơn sử  
Bậc nhất trung thần người lập công.

Tặng phong Từ mẫu Cẩn Tiết phu nhân.

Hai ngài nhậm huyện Siêu Loại về thành lập doanh ở trang Vương Xá, hai ngài đi xem phong cảnh địa giới bản trang, thấy

có thể đất sơn thủy quanh co, long hồ châu phục, núi không cao mà bãi nước hữu tình, thực là nơi phong cảnh tốt đẹp. Bèn truyền binh sĩ thiết lập doanh sở, làm yến tiệc vởi phụ lão nhân dân trang Vương Xá lại ăn uống. Chợt thấy giời đất nổi gió, thấy một đám mây vàng như hình xiêm cuốn, từ trên trời thẳng xuống trước doanh sở. Chợt thấy hai ngài bay vào đám mây biến mất. Chỗ ấy thuộc xứ đồng cạ, đó là ngày mồng 5 tháng chạp. Nhân dân cả sợ, làm lễ và biểu tấu vào triều, vua sai các quan trở về làm lễ và cho trang Vương Xá đời đời thờ cúng.

## 15. SỰ TÍCH DƯƠNG TRỰC VÀ TÔ QUANG THỜI LÊ

Theo sự tích, duyên do hai vị này là anh em, quê ở làng Thanh Liêm, phủ Lý Nhân. Thân phụ ngài là họ Dương húy Bang, thân mẫu ngài họ Trịnh húy là Hanh, vốn dòng thi lễ tướng khanh, chỉ giữ nền tích đức tu nhân. Khi thân phụ ngài gần 60 tuổi, thân mẫu ngài ngoại 40 tuổi, vì đường con giai hầy còn hiếm muộn, mới sinh được người con gái, bèn đón người cháu ở làng khác về nuôi làm con, đặt tên là Tô Quang. Chẳng bao lâu, ông Tô Quang đã mười bốn tuổi, học hành tinh thông, binh thư võ lược rất mực hơn người. Tuy vậy, ông Dương công vẫn chưa được vui lòng, đêm ngày cầu khẩn. Chợt có một đêm nằm ở phủ đường mơ thấy có một ông già vào bảo rằng: Nhà người có phúc lòng giời đã định cho nhà người một kiểu đất hình nhân bái tướng, lại có thần đồng ứng, sau chắc sinh được con giai chớ lo hiếm muộn. Nói xong, thì ông già dẫn ra ngôi đất ấy rồi biến mất. Ông Dương công tỉnh dậy nhớ đến lúc mơ, rồi đi đến chỗ đất ấy xem, quả nhiên như mộng vậy, bèn chọn ngày di hài cốt thân phụ ông Dương công táng ở đấy. Chưa đầy 100 ngày đã thấy bà Trịnh thị có thai, đến ngày mồng 10 tháng 8 năm Nhâm Ngọ thì sinh ra ngài, mặt mũi khôi ngô, bèn đặt tên là Dương Trục. Khi ông Dương Trục 15 tuổi, học hành thông minh, văn võ toàn tài, năm ngài 21 tuổi thì thân phụ và thân

mẫu ngài đều qua đời. Hai anh em ngài làm lễ an táng. Khi mãn tang, vừa dịp nhà Trần đổ, giặc Minh sang chiếm đoạt hơn 20 năm, dân gian rối loạn, thuế má nặng nề.

Sau vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở đất Lam Sơn, hai anh em ngài nghe tiếng tìm đến làng Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thiệu Thiên, đạo Thanh Hoa, xin đầu quân.

Vua Thái Tổ thấy hai ngài đều trí dũng toàn tài, vua cả mừng, trao cho hai ngài chức Đại liệu, rồi sai hai ngài đi đánh giặc Minh, nếu bắt được Liễu Thăng thì gia phong quyền tước. Hai ngài phụng mệnh đem quân đến Nam Sơn, Châu Cầu, gặp quân Minh đánh nhau rất là ác liệt, nhưng chưa phân thắng bại. Hai ngài lui quân về Lỗ Khê trang đóng đồn, dân làng thấy quân kéo đến lấy làm sợ. Hai ngài thấy thế bảo dân chúng rằng: Anh em ta đây binh pháp tinh thông vì giặc Minh quấy rối, anh em ta đem quân đi giúp nước cứu dân, dân làng không phải sợ.

Sau dân chúng thấy hai ngài nói thế nên hơn 40 người cường tráng xin theo đi đánh giặc. Hai ngài đem quân đến Lạng Sơn châu Ôn, đất Chi Lăng đánh nhau với giặc Minh kịch liệt, bắt được tướng nhà Minh là Liễu Thăng. Từ đấy thiên hạ được yên ổn. Hai ngài lại trở về làng Lỗ Khê bảo dân làng rằng: Anh em ta trước nhờ có lòng giới giúp, sau là nhờ có công lao của dân làng cùng quân sĩ, vì thế bọn ta thưởng riêng cho dân làng 50 hốt bạc để mua ruộng ao, lấy hoa lợi cúng tế về sau khi bọn ta hóa.

Kịp đến mùa thu, thượng tuần tháng 7, vua Thái Tổ lên ngôi mở tiệc khánh hạ, gia phong cho các tướng sĩ. Hai ngài bái tạ vua trở về đến đạo Nam Sơn đất Châu Cầu, bỗng nhiên sóng gió dữ dội. Ông Dương Trục rơi xuống dòng sông mà mất, ông Tô Quang thấy anh như thế bèn kêu giới rồi lại theo dòng sông mà hóa. Hôm ấy là ngày mùng 9 tháng 7, quân dân thấy thế lấy làm sợ, bèn làm sớ tâu vua. Vua sai sứ giả về tế lễ và ban cho làng Lỗ Khê miễn thuế của hai ngài, rồi rước về đình làng thờ phụng.

Sau đến đời vua Lê Thánh Tôn, sai người lục tìm những phả

tích công thần từ khi khởi nghĩa Lam Sơn, lại phong cho hai ngài tước Hầu và cấp cho ruộng ao cúng tế, lại tặng cho hai ngài bài thơ rằng:

*Thất tải kinh doanh vượng nghiệp từng  
Mưu mô phù quốc nhất tâm đồng  
Hậu lai nhật đồ Lam Sơn lục  
Khải tướng trung thần đệ nhất công.*

Nghĩa là:

Bảy năm chinh chiến cứu non sông  
Nghệ lớn theo vua gánh vác cùng  
Sau này đọc lại Lam Sơn sử  
Bậc nhất trung thần góp chiến công.

Sau đến thời nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, hoàng tử tên là Ninh phải chạy sang Ai Lao, vua sai trăm quan cầu mọi điều ở đền, thì hai ngài lại âm phù hiển ứng. Quả nhiên bình được giặc Mạc, hoàng tử lên ngôi, tức là vua Trang Tông. Vua Trang Tông phong cho hai ngài là: Dương hầu Đại liệu Đại vương; Tô hầu Đại liệu Đại vương. Lại gia phong cho hai ngài đều là Trung đẳng thần Tế thế Hộ quốc Dục vận Anh linh.

Từ đấy trở đi các đời vua cầu đều linh ứng cả. Vua ban cho làng Lỗ Khê dựng đền miếu phụng thờ mãi mãi.

## 16. NGƯỜI ANH HÙNG ĐÁNH KẾT

Làng Xuân Lôi là một vùng quê nhỏ bé nằm giữa cánh đồng chiêm mênh mông, một đầu gác lên sườn núi Bần, một đầu thoai thoải xuống triền sông Trà Giang. Dưới thời thuộc Minh, dân làng Xuân Lôi cũng như nhân dân nhiều nơi khác, bị áp bức khùng bố nghiệt ngã. Đói nghèo, đau khổ đè nặng lên những mái tranh và lũy tre làng.

Một hôm, như lệ thường, bọn quân quan nhà Minh lại tập trung dân làng ra đình, hoành hoè quát tháo, bắt phải mau chóng nộp cho đủ số ngọc trai quy định. Một người làng tên gọi là Trần Sinh, thay mặt cho bà con, đứng lên xin hoãn thời gian vì nhân dân đang thiếu ăn mà mùa này ngọc trai lại rất hiếm. Nhưng không kịp để cho ông nói hết lời, một tướng Minh rút mã tấu ra, Trần Sinh đã bị đầu lia khỏi cổ. Cả làng hôm đó bị đánh đập tàn nhẫn và lừa đi làm phu dịch. Họ nuốt nước mắt thương xót người bị nạn, căm thù chất ngất trong tim.

Chông chết đi để lại ba đứa con thơ dại, vợ Trần Sinh ngày càng sống trong kiếp túng thiếu dọa dẫm. Bà phải nghe lời bà con khuyên nhủ, cho đứa con trai lớn là Trần Soi đến ở nhờ một ông đồ ở làng Hạ Vũ, một làng gần núi Trường, cách Xuân Lôi vài ba chục dặm.

Ở nhà ông đồ, Trần Soi chịu khó chăm làm lụng nên rất được ông bà đồ yêu mến. Ông đồ ngày ngày dạy học trò. Và cũng ngày ngày, Trần Soi cố gắng sắp xếp nhanh chóng gọn gàng công việc để nấp sau góc nhà nghe giảng. Một bữa, tan buổi học, trời lác đác mưa, lũ học trò chưa về được. Ông đồ tức cảnh bèn ra cho các trò một vế câu đối:

- *Lác đác mưa sa làng Hạ Vũ*

Câu đối lắt léo vì hai chữ "Hạ Vũ" cũng có nghĩa là mưa sa.

Học trò ai nấy ngẩn người, không câu nào đối được. Bỗng từ sau cánh cửa, Trần Soi bật ra ứng khẩu:

- *Y âm sấm dậy đất Xuân Lôi*

Thầy đồ ngạc nhiên, sững sốt. Thật là một vế đối rất chọi, rất tài. Hai chữ Xuân Lôi cũng có nghĩa là sấm dậy. Và đặc biệt lại là quê hương của chú bé Trần Soi. Từ đó bọn học trò không dám khinh nhờn "thằng nhỏ" mà ông bà đồ lại càng yêu quý hơn, nhận làm con nuôi, cho ăn học theo đòi chúng bạn.

Ngoài việc học chữ nghĩa, Trần Soi còn thường đi theo những người thợ xẻ ở làng Hạ Vũ để học võ, vì lúc đó, số thợ xẻ

này vốn là những dân vong mệnh ở các nơi về trốn tránh giặc Minh, ai cũng giỏi quyền thuật, múa gậy, múa roi. Trần Soi ra đồng đi theo những người dân địa phương học thêm nghề đánh chim kết. Hằng năm, đến mùa mưa rét, từng đàn chim kết bay về, người ta căng sào căng lưới đón bắt. Chim kết là một thức ăn ngon.

Năm 18 tuổi, Trần Soi xin với ông đồ về quê sinh sống để nuôi mẹ, nuôi em. Anh đem nghề đánh chim kết nuôi thân, giúp đỡ gia đình và đồng thời rủ rê thêm chúng bạn. Đám trai tráng làng Xuân Lôi theo anh, rủ nhau đi đánh kết. Họ rất thú với cái nghề mới này, vừa được ăn, lại vừa phóng khoáng, rất hợp với tính hiếu động của thanh niên. Nhưng họ càng thú vị hơn vì đi theo Trần Soi, họ lại được anh dạy cho cách đánh côn, đánh gậy. Thế là từ đó, đêm đêm, giữa những gò đồng ở cuối làng, đám trai làng đua nhau tập luyện. Buổi chiều họ mang sào, mang gậy, mang lưới bảo là đi đánh kết. Buổi tối họ đi nay đồng gần mai đồng xa, họ đi một rồi nhiều đêm... Sáng mai, họ lại về chuẩn bị lương thực, đưa về vài chục con kết để che mắt bọn tay sai và lính tráng nhà Minh.

Rồi một ngày kia, gần hai trăm dũng sĩ đánh kết ở làng Xuân Lôi, dưới sự hướng dẫn của Trần Soi, rủ nhau đi đánh kết, nói là ở một miền xa đến ba bốn ngày đường. Quả thật, miền này xa lắm... Họ đi, đi mãi cho đến đất Lam Sơn, là nơi Lê Lợi đang phát cờ khởi nghĩa. Trần Soi đã trở nên một dũng tướng của nghĩa quân. Đem tài năng đánh kết ra đánh kẻ thù, Trần Soi và mấy trăm dũng sĩ đã ghi được nhiều chiến công oanh liệt.

Trong trận đánh Đông Đô năm ấy, Trần Soi và các dũng sĩ Xuân Lôi vẫn hăng hái đi đầu. Quân ta giải phóng được thành trì, nhưng Trần Soi đã bị trúng tên và tử trận. Những dũng sĩ Xuân Lôi còn sống, sau khi nước nhà độc lập, lại trở về với đồng ruộng và với nghề đánh kết ở quê nhà.

Vua Lê thương tiếc Trần Soi, bèn cho lập đền thờ. Hiện nay đền thờ vẫn còn hương khói ở Xuân Lôi. Làng này cũng gọi là

làng Soi, nay thuộc xã Lộc Tân, huyện Hậu Lộc, và nghề đánh kết ở đây vẫn còn tồn tại. Những khi đánh được đàn kết đầu mùa, dân làng đem đồ xôi và thịt kết đưa viếng ở đền thờ để tưởng nhớ người anh hùng áo vải của họ.

## **17. DẠY CHÓ DIỆT THÙ, DẠY CHIM ĐÁNH TRẬN** *(Truyện Nguyễn Xí, Nguyễn Chích)*

Lê Lợi ngày càng được hào kiệt bốn phương về giúp rập. Mỗi người có một tài nghệ riêng và ai cũng cố sức hết lòng giúp cho nghĩa quân thêm thế lực. Đặc biệt có tướng Nguyễn Xí có cả một đội chó rèn luyện thành thạo, đánh giặc rất tài.

Nguyễn Xí nguyên là người làng Thượng Xá, huyện Châu Phúc, tỉnh Nghệ An, con một viên võ quan tên là Nguyễn Hội. Người ta nói Nguyễn Hội cầm tinh con hổ. Khi Nguyễn Hội chết, con cháu ông ta chưa kịp mai táng thì nửa đêm bỗng có một con hổ dữ đến tha xác ông vào rừng chôn ở một ngọn núi. Anh em Nguyễn Xí đi tìm và lại chôn xác cha về nhà. Hổ theo về tận nhà gầm thét dữ dội, tiếng thét như tiếng khóc thảm thiết vang động xóm làng. Hôm sau, một ông già áo trắng râu bạc đến báo mộng với Nguyễn Xí là Nguyễn Hội vốn là thân sinh ra hổ, nên phải để cho hổ chôn cất và chăm nom phải đạo. So với anh em Nguyễn Xí, hổ lại là vai trên, nên hổ sẽ giúp đỡ cho Xí được thành công trên đường sự nghiệp. Cả nhà Nguyễn Xí đều phải chiều theo ý hổ.

Nhờ có hổ làm anh, bí mật dạy dỗ cho các nghề võ thuật, Nguyễn Xí trở nên một người tài nghệ cao cường. Ông nuôi một đàn hơn trăm con chó, sớm chiều chỉ dùng tiếng nhạc gọi chó đến đủ rồi phát cho ăn. Bầy chó nghe theo, lúc đến lúc đi, đều nhau như một. Năm 19 tuổi, ông đem cả đội quân ấy về theo Lê Lợi, được Lê Lợi rất khen. Nhiều trận đánh nhau với quân nhà Minh, ông đã dùng nhạc điều khiển cho bầy chó lăn xả vào cắn xé, làm cho quân giặc trở tay không kịp. Tướng

giặc là Mã Kỳ rất sợ bầy chó của Nguyễn Xí. Có những lúc Nguyễn Xí dùng chó làm nghi binh, buộc cho mỗi con một cái đặc ngựa đương đêm từ trên núi cao nhảy xổ vào trại giặc Minh. Phía ngoài chỉ có đám người đánh trống thùng thùng. Tướng giặc tưởng là quân ta đến cướp trại, nhưng sợ đêm tối không dám ra, cứ đóng chặt cửa trại, sai hàng ngàn quân cung nỏ bắn tên ra. Suốt đêm, Nguyễn Xí thả chó vài ba bận. Cứ thấy bên trại giặc vừa yên ổn, ông lại huýt sáo cho chó xông vào. Bọn giặc mất ngủ suốt đêm, bắn đến hàng vạn cái tên. Nhưng tên cứ bắn trên không; chó thì chạy dưới mặt đất, nhạc rung vang lên mỗi lúc một gần làm cho giặc càng thêm hốt hoảng. Sáng mai, bọn thám mã chỉ thấy dấu chân chó ở quanh trại mới báo với Mã Kỳ thì quân Minh đã tổn hàng chục vạn tên bắn. Nghĩa quân ta lại nhặt tên rơi lả tả quanh bờ ruộng, đồi núi đem về. Ai ai cũng hoan nghênh Nguyễn Xí đã mượn chó lấy tên của Mã Kỳ, tài thao lược chẳng kém gì Khổng Minh ngày xưa dùng bùa nhìn rơm cỏ mà lấy hàng vạn tên của Tào Tháo vậy.

Cùng đến giúp Lê Lợi một lần với Nguyễn Xí, ở Thanh Hóa còn có ông Nguyễn Chích. Vốn là một anh hùng nông dân ở huyện Đông Sơn, Nguyễn Chích đã tập hợp được một số bộ hạ đánh đuổi bọn giặc Minh, chiếm được thành Nông Cống. Nguyễn Chích có một biệt tài là nuôi chim bồ câu rất giỏi. Trước kia, bố Nguyễn Chích nuôi chim thả thi, nên truyền nghề này cho con. Bồ câu nuôi thi để xem con nào được dạy khéo nhất. Hôm thi thả chim, người ta đặt một chậu nước giữa sân, rồi cùng cho chim tung cánh lên trời. Đàn chim nào bay khéo thường bay rất cao và rất thẳng. Chim bay tít lên tận đỉnh trời mà bóng chim vẫn in vào trong chậu nước. Con chim nào bay không thẳng sẽ lạc ra ngoài, bóng không in vào chậu được. Nguyễn Chích đã tập cho đàn chim của ông bay khéo như vậy, nhưng ông còn tập cho chim biết bay về những nơi định sẵn, hoặc bay mang thư từ, có khi cả những gói đồ nhẹ của mình đến cho những người quen biết nữa. Ngày ngày

luyện tập thành thạo, chim đã trở thành những người liên lạc viên đắc lực cho Nguyễn Chích trong việc binh nhung.

Khi đem thủ hạ về với Lê Lợi, Nguyễn Chích cũng đem cả bầy bồ câu đi theo. Nhiều lần chim câu đã giúp việc truyền tin cho nghĩa quân rất là nhanh chóng. Một bận, căn cứ Lam Sơn bị đánh úp. Bao nhiêu tướng tá và số lớn quân lính, Lê Lợi đã sai đi các nơi cả rồi. Ở sơn trại, chỉ có Lê Lợi, Nguyễn Chích với không đầy một trăm quân túc vệ. Bọn giặc Minh ở ngoài vây kín lăm. Nguyễn Chích đã thả chim câu đi gọi được quân mình về cứu viện, trong đánh ra, ngoài đánh vào, làm cho giặc tan vỡ. Lê Lợi rất là khen ngợi, ban thưởng cho Nguyễn Chích và lấy thóc tằm mật cho chim ăn.

## 18. HỘI THỂ LŨNG NHAI

Trại họ Lê ở Như Áng vào dịp cuối năm nay thật là náo nhiệt. Khắp nơi, những người giang hồ hảo hán kéo về. Đất Lam Sơn mau chóng trở thành nơi tụ tập của hàng ngàn nghĩa sĩ. Nhóm thợ rèn, rèn gấp binh khí: giáo mác, mã tấu, thương kích, đồng trụ. Nhóm thợ đan, đan vội bồ bịch, gồng gánh, khiên mây và vót chông, vót tên. Toán hỏa đầu quân mài miết thu thập lương khô, dầu lạc và sửa sang bếp núc. Đội quân lương thảo đào hầm cất giấu thóc gạo, sau khi đã phân phát cho các bà nội trợ đủ số lúa hàng tháng để nấu xôi, giã sàng. Hàng ngày, liên tiếp vẫn có những tốp người, tốp năm tốp ba lũ lượt kéo lên, tìm gặp Lam Sơn động chủ để báo tin tức ở các vùng, giới thiệu thêm người ứng nghĩa, hoặc góp thêm thúng gạo, dây muối nuôi quân. Núi rừng Lam Sơn bừng bừng khí thế toàn dân đoàn kết diệt thù cứu nước.

Mấy hôm nay, nét vui mừng phấn khởi của Lê Lợi, vị chủ trại Lam Sơn hiện rõ lên trên khuôn mặt hiền từ mà quắc thước của ông. Sau những ngày đêm bàn bạc kỹ lưỡng trong hang Dầu, đọc đi đọc lại bản Bình Ngô sách của Nguyễn Trãi,

thăm dò ý kiến của những người tâm phúc xung quanh, và có khi trò chuyện cả với những bô lão trong vùng, Lê Lợi đã quyết định đúng vào đầu xuân năm nay sẽ ăn thể cùng với các tướng. Việc ra quân khởi nghĩa, giáp chiến với quân thù thì chưa hẳn sẽ tiến hành ngay, nhưng trong phạm vi rừng núi Lam Sơn, hình thành sớm bộ chỉ huy khởi nghĩa là điều không thể nào chậm trễ.

Lê Lợi nhằm tính lại lực lượng thân tín của mình và càng thấy hân hoan sung sướng. Ngay bản thân gia đình ông, hình như không một ai là không quên mình vì nước, họ đã tự nguyện hy sinh đứng dưới trướng cả rồi. Vợ ông là Trần Thị Ngọc Trần, bố vợ là Trần Hoàn, em vợ là Trần Vận. Đó là bên ngoại. Bên nội tất nhiên là không chịu kém: anh cả ông là Lê Học và con là Lê Thạch, anh hai ông là Lê Trừ và con là Lê Khôi. Thế là cả họ ông, bên vợ, bên chồng không còn ai là không tham gia cứu nước.

Lê Lợi lại tính đến những bà con chung quanh đất Lam Sơn. Người cháu ngoại của bố vợ ông là Đinh Lễ đã đem em ruột là Đinh Liệt và con trai là Đinh Bị gia nhập nghĩa quân. Bên thôn Dưng Tú, cùng ở sách Lương Giang, có bốn cha con nhà kia cũng vào đầu quân cùng một lúc. Đó là Lê Lai với ba con là Lê Lô, Lê Lộ và Lê Lâm. Rõ ràng tinh thần cứu nước diệt thù của tổ tiên xưa đã thấm nhuần sâu sắc trong lòng dân phủ Thanh Hoa này, nên mới có những gia đình đáng kính đáng yêu như vậy.

Dòng tư tưởng của Lê Lợi bỗng nhiên ngưng lại. Không phải, không phải chỉ có phủ Thanh Hoa quê hương mình mới có truyền thống gia đình ứng nghĩa. Vừa mới rồi, từ mạn Thái Nguyên, Kinh Bắc, Lưu Nhân Chú và bố vợ là Lưu Trung, anh rể là Phạm Cuồng cũng nghe tiếng chúa Lam Sơn đã lặn lội tìm vào giúp rập. Lại mới đây nữa, Nguyễn Trãi và anh em con cô con cậu là Trần Nguyên Hân, cùng người bạn thân gia là Phạm Văn Xảo đã trăm cay nghìn đắng, trèo đèo lội suối vào xin cộng

sự với hào kiệt Lam Sơn. Nếu có điều kiện chu du khắp nơi trên đất nước này, thì những gia đình tâm huyết như vậy đâu phải là hiếm.

Trong tâm trí Lê Lợi, vụt hiện ra hàng loạt nghĩa sĩ anh hùng đang đứng dưới cờ nghĩa Lam Sơn. Lê Sát ở Bỉ Ngưu, Lê Ngân ở Đàm Di, Lê Lý ở Giao Xá, Lý Tuấn ở Bái Độ, Trịnh Khả ở Vĩnh Ninh, Nguyễn Chích ở Nông Cống, Nguyễn Xí ở Nghệ An... Kể sao cho hết! Đất Lam Sơn đến nay đã xứng đáng là nơi hội quân anh! Nhưng chắc chắn, ngày mai, ngày kia nghĩa sĩ bốn phương còn về tụ tập đông hơn nữa! Đất nước Nam bang vĩ đại nào có thiếu chi người.

Chúa Lam Sơn đứng dậy. Nụ cười nhẹ nhõm nở trên môi. Ông lại gắp án thư, rút lá cờ lệnh trao cho một tiểu tướng đang đứng đợi bên thêm. Đó là dấu hiệu cho biết chủ soái đã quyết định hoàn tất thao trường để ngày mai hội thể khai mạc.

Đúng như vậy. Sáng ngày 1 tháng 2 năm Bính Thân (1416) trên thao trường Lũng Nhai, cờ xí rợp trời, bàn thờ thiên địa được bày trang nghiêm trên một đàn cao mà quân sĩ đã đắp xong, cũng gọi là đàn xã tắc. Bốn ngàn quân sĩ đã tề tựu chung quanh, sắp theo thế trận Thái thủy hỗn nguyên. Phía dưới đài, bọc lấy thao trường là già trẻ trai gái trong trại Lam Sơn và một số đông các bộ lão, dân chúng quanh vùng được mời tham dự. Từ lâu, đất Lam Sơn vẫn như một cõi trời riêng, quân dân nhất trí. Bọn giặc có mắt như mù, tụi thám báo của quân Minh thì chỉ lảng vảng chung quanh, cách xa hàng chục dặm, mọc cánh cũng không dám mò vào gần các trại quân ta.

Chúa Lê Lợi khấn áo chỉnh tề, cùng 17 nghĩa sĩ đã được hội quân anh cử ra thay mặt, khoan thai bước lên đàn xã tắc. Lê Lợi thấp hương, vái bốn phương trời và nói: "Chúng tôi gồm có 18 người Lê Lợi, Lê Lai, Nguyễn Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lưu Trung, Lê Liễu, Bùi Quang Hưng, Lê Hiếu, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Võ, Lê Lý, Trương Chiến thay mặt cho ngàn tráng sĩ tụ nghĩa ở

Lam Sơn, quê quán họ hàng có khác nhau, nhưng đã kết nghĩa anh em thì cũng như chung một tổ... chung sức đồng lòng giữ vững đất nước, làm cho dân chúng được yên lành, thể chết sống phải cùng nhau, không dám quên lời thề ước"...

Lê Lợi dứt lời, cả ngàn nghĩa sĩ cùng hô vang: Ai nói sai lời, trời người cùng giết.

Lễ thể trang nghiêm đơn giản và chấm dứt nhanh chóng. Tiếp đó, Lê Lợi cùng các tướng lĩnh ra thao trường duyệt binh. Các tráng sĩ, đại hán đua nhau trở tài cưỡi ngựa, múa thương, bắn tên, cử đỉnh. Quân sĩ và dân chúng vui mừng nhảy múa. Họ hớn hỏ reo vang: cứ như thế này chẳng mấy chốc mà lại thấy uy nghi nước cũ!

Hội thể khởi nghĩa ấy, trong lịch sử ghi là Hội thể Lũng Nhai. Hai năm sau, cũng đúng mùa xuân (Mậu Tuất 1418), những tráng sĩ hội thể sẽ chính thức ra quân, phát cờ nghĩa, thắng ngay trận đầu ở Lạc Thủy, tiêu diệt Mã Kỳ.

## 19. BÀI VĂN ĐUỔI HỔ

Dân vùng Lương Giang hồi bấy giờ thật là điêu linh khốn đốn. Vừa bị quân xâm lược nhà Minh cùng bọn tay sai đè đầu cưỡi cổ, họ còn bị liên tiếp mất mùa, hạn hán và lụt lội. Trang trại mới gây dựng, chung quanh đó còn là rừng sim, rừng móc, cây cối um tùm. Họa vô đơn chí, năm ấy không biết vì sao lại xảy ra nạn động rừng. Bao nhiêu ruộng lúa ruộng khoai đều bị trâu rừng, lợn lòi về phá phách. Nhưng nguy hiểm nhất là cọp. Chẳng biết ở đâu xuất hiện một con cọp dữ luôn luôn về trại áp bắt lợn gà và vồ cả người nữa. Phường săn cũng đông, họ đã bủa lưới, đánh bẫy. Song cọp rất khôn, không bao giờ để cho người bắt được. Nhiều lần, cọp cả gan ngồi chồm chồm ngay cửa rừng hoặc ngã ba đường chờ người qua lại. Dân vùng Hải Lịch (cứ như bây giờ là thuộc xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân) vô kế khả thi, đành bỏ hẳn nghề đi rừng. Lợn gà

trâu bò gì cũng phải nhốt kín trong chuồng. Đêm đi ngủ phải đóng cửa kín mít và còn phải đem gỗ đá chặn lại kéo sọt cạp dúi có thể đâm ra liễu lĩnh.

Cả ấp Hải Lịch ngày đêm thấp thỏm, bàn bạc kế hoạch giết hùm. Nhưng không ai nghĩ được mẹo hay. Một người nho sĩ trong ấp cũng băn khoăn lo lắng. Ông tên là Lê Văn Linh, vốn là người chăm chỉ cần mẫn, học giỏi thơ hay. Tiếng tăm nổi khắp gần xa, nhưng Lê Văn Linh vẫn lặng lẽ sống với sách đèn trong thôn ấp nhỏ. Nhiều người khuyên đi thi. Ông không ưng ý vì nghĩ rằng thời thế suy vi mất rồi. Quả thực mấy năm trước, triều đình đổ nát. Nhà Trần mất, nhà Hồ tranh ngôi, quan lại kết bè kết đảng. Ngay ở huyện Vĩnh Ninh bên cạnh, ông cũng từng nghe những chuyện đắp thành Tây Đô, chuyện hội thề trên núi Đóm, hàng trăm hàng ngàn người bị chết. Rồi đến khi nhà Hồ mất, nhà hậu Trần mưu cuộc chống lại bọn giặc Minh Trương Phụ không thành, vua tôi lại nghi kỵ, giết hại lẫn nhau. Bấy nhiêu thảm cảnh làm cho nhà nho sĩ Lê Văn Linh đau lòng, tức chí. Ông rất muốn đứng ra chiêu dụ trai tráng trong làng, tìm phương cứu nước. Song người ta quý mến ông là vì tài năng văn chương và cuộc sống trong sạch của ông, chứ chưa mấy ai tin là ông có tài thao lược. Mà quân Minh thì tàn bạo dữ tợn. Chúng có những viên tướng lão luyện, kiêu hùng. Nghe nói tên Trương Phụ là một viên hổ tướng chiến công lừng lẫy, vua nhà Minh ví hấn như Mã Viện thuở xưa, thì sức vóc học trò như Lê Văn Linh làm sao mà đối địch được.

Lê Văn Linh biết rõ tâm lý ấy của bà con. Ông nghĩ rằng muốn tập hợp được mọi người thì phải làm sao cho mọi người tin cậy. Ôn lại lịch sử của nước nhà, ông càng thấm thía ý nghĩa này. Bà Trưng xưa khởi nghĩa cũng phải viết lời hịch kêu gọi kèm theo miếng da hổ. Bà Triệu ở quê mình phất cờ cũng phải trị con voi một ngà. Có những hành động cụ thể như vậy thì mới có kết được lòng dân. Thì nay ấp Hải Lịch của ông đang bị nạn hùm xám về quấy nhiễu. Giá ông có cách trừ được hùm thì nhất định lời kêu gọi của ông sẽ được ngàn vạn người hưởng ứng.

Lê Văn Linh thức suốt đêm suy nghĩ. À! Có mẹo rồi! Sức học trò như ta, trừ cọp phải trừ bằng mẹo, sau này đánh giặc cũng thế thôi. Người làm tướng cần dùng trí hơn dùng sức. Thắng giặc khi đối địch, là sức khỏe của kẻ võ phu, sao bằng quyết sách ở ngay trong trướng. Lê Văn Linh nhớ lại khoảng đầu đời Trần, có ông Nguyễn Thuyên đã đọc bài văn tế cá sấu ném xuống sông Phú Lương mà cá sấu phải kiếm đường đi biệt. Có phải cá sấu sợ gì câu văn sắc sảo đâu. Nguyễn Thuyên dùng mẹo đấy thôi. Nay ta cũng có thể dùng lại mẹo ấy.

Sáng hôm sau, Lê Văn Linh hội bà con trong họ, mời thêm các vị bô lão trong ấp trại đến xin cho mình đi trừ cọp. Ông thưa rằng, ông có thể dùng một bài văn đọc cho cọp nghe để đuổi cổ nó đi. Chỉ xin với dân ấp tổ chức một buổi tế lễ linh đình để đọc bài văn cho trang trọng.

Cũng có người chưa hoàn toàn tin hẳn, nhưng số đông vốn hâm mộ Lê Văn Linh, đã vui lòng ủng hộ ông. Họ tổ chức một buổi lễ rất to, cờ quạt cắm đầy bãi cỏ trước cửa rừng, làm thịt một con lợn lớn cùng nhiều đồ tam sinh ngũ phẩm khác. Đúng giờ làm lễ, chiêng trống nổi lên vang lừng, mõ, ốc, tù và thổi lên inh ỏi, làm kinh động cả góc trời. Lê Văn Linh nghiêm trang đọc bài văn ông đã dày công soạn thảo. Lời lẽ gay gắt, nhịp điệu hùng hồn, tiếng nói đồng dục của ông làm cho những người đứng nghe chung quanh thêm náo nức phấn chấn. Dứt một đoạn, họ lại hò reo khích lệ nổi trống mõ, phèng la. Làm lễ xong, Lê Văn Linh cho ném tất cả cỗ bàn vào những lối đi thường ngày của cọp.

Thật là kỳ lạ? Quả nhiên từ hôm bài văn đuổi cọp đọc lên, suốt mãi về sau, không hề thấy bóng dáng của chúa sơn lâm đâu nữa. Dân ấp trại hoan hỉ vui mừng, họ trầm trồ với nhau rằng văn chương của Lê Văn Linh có mãnh lực làm cho quỷ khắp thần kinh đến phương ác thú cũng phải lánh xa, cúi biệt. Được lời khen ngợi, Lê Văn Linh không lấy thế làm tự cao tự đại, vì ông nói: Chẳng qua chỉ là một chút mẹo nhỏ mà thôi, vốn

đi lại nhờ vào công sức của bà con mà bà con không biết. Chính trống chiêng rầm rộ đã làm cho cộp kia kinh hoảng. Con lợn và cỗ bàn cúng tế, ông đã bí mật cho trộn thuốc độc nặng liều vào, vì thế mà có lẽ cộp bị một bữa mất hồn, công mỗi vào rừng thăm để ăn cho no rồi chết luôn. Sự thực chắc chỉ thế thôi.

Dù sao thì tiếng tăm của Lê Văn Linh do đó càng thêm lừng lẫy. Nhiều người ở trang này ấp khác' đã đến tìm ông. Trong câu chuyện hàng ngày, ông đã tìm cách tỏ rõ chí mình muốn ra trừ nạn giặc. Cùng lúc, Lê Lợi ở làng Cham cho người xuống mời ông cộng sự. Lê Văn Linh biết tiếng vị động chủ Lam Sơn đã lâu, nên rất mừng rỡ được chúa mà thờ. Ông cùng vợ con, gia đình, những người thân tín thu xếp hành trang, tạm biệt đất Hải Lịch thân yêu, đến Lam Sơn tụ nghĩa.

## **20. SỰ TÍCH CÔNG CHÚA THUỢNG NGÀN**

*(Con gái thần Tản Viên)*

Cuối đời nhà Trần, quân Minh sang xâm lược, Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở đất Lam Sơn, đánh nhau với quân Minh. Một lần, nhà vua hội họp chủ tướng uống rượu mừng công ở Thủy Đồn. Lúc say rượu nằm ngủ, vua chiêm bao thấy một người con gái rất đẹp, da phấn tóc mây, hình dáng yếu điệu mình mặc áo xanh, chân đi giày thêu, đến trước trước vái mà nói rằng: "Đại vương đánh một trận mà nên chiến công bậc nhất, thiếp đến đây mừng". Vua hỏi: "Nàng là con gái nhà ai, đây là nơi chiến trường sao dám đường đột như vậy?" Người con gái ấy trả lời: "Đại vương đừng lấy con mắt tầm thường nhìn thiếp. Thiếp là dòng dõi vua Đế Minh, vâng mệnh thượng đế, cai quản sơn lâm. Chỗ này chính là chỗ thiếp ưa thích. Đại phạm lịch triều mở mang vận nước, thiếp đều dự biết. Nay nhân dân khổ vì sự hoành hành bạo ngược của quân giặc dữ. Đại vương giáng sinh hội này tất có mệnh trời. Nhưng lúc mới xây lực lượng, giặc nhiều và mạnh, ta ít mà yếu, đại vương phải khuya sớm cùng

với các tướng bàn mưu tính kế mới có thể thành công được. Nếu quen đánh mà kiêu căng, không phải điều mà nhà binh thích nói đến. Hai nửa đất này chưa được lòng người quy phục mà lại không có cái thế hiểm yếu của núi sông để có thể dựa được. Đại vương đóng lại ở lâu, e rằng có phần trở ngại, xin hãy dẫn quân về, chọn chỗ hiểm yếu mà ở, vừa gây dựng oai thanh vừa bồi dưỡng nhuệ khí ba quân, đánh kết hợp với giữ, chờ khi nào thắng thế rồi hãy tiến ra. Từ đây đến núi Linh Sơn không còn xa nữa, hang động ở đó không phải là tối tăm, quân có thể tạm thời ở được mong nhà vua sớm bề liệu định.

Nhà vua đáp: "Ta đánh trận đầu lòng trời giúp đỡ như chẻ tre không nên bỏ lỡ cơ hội tiến công, nàng nói như thế chẳng hợp với ý ta chút nào".

Người con gái tỏ ý không hài lòng bèn cúi đầu từ tạ ra đi. Lúc ấy nhà vua nghe văng vẳng có tiếng nói: "Việc này lâu năm mới thành, không phải một ngày mà đã tập hợp được lực lượng". Nhà vua chợt tỉnh nhưng lòng còn bán tín bán nghi. Không ngờ vài hôm sau, quả nhiên tên tù trưởng ở sách làm phản, dẫn quân Minh đi tắt đến đánh úp. Quân nhà vua tan vỡ, vợ con đều bị giặc bắt, vua chỉ còn vài chục kỵ binh phá vây trốn thoát. Trong khi đêm tối như mực, vua chạy được nửa dặm, bỗng thấy trước mặt có mớ đuốc dẫn đường, cứ hướng theo đó mà đi. Đến tảng sáng thấy một dãy núi cao, bèn hỏi dân địa phương họ cho biết là núi Chí Linh của dãy Mông Yên. Dân Mông làm cơm khoản đãi rồi dẫn đến chỗ hiểm của núi ấy trú tạm. Không bao lâu tướng sĩ và quân lính có hơn trăm người tìm đến. Quân sĩ cứ ra vào Mông Yên mà quân giặc không hề hay biết. Đến lúc ấy, vua mới vời Nguyễn Trãi nói cho nghe điều nữ thần báo mộng. Nguyễn Trãi tâu: "Nữ thần ấy đúng là Thượng Ngàn công chúa, là người con gái yêu quý của thần Tản Viên, mà thần Tản Viên là một trong số năm mươi người con của Lạc Long Quân về ngự cảnh núi. Khảo sát tài liệu đời xưa, thần Tản Viên lấy Mỹ Nương, con gái vua Hùng sinh được một người con trai đặt tên là Mị, một người con gái đặt tên là La Bình. La Bình nhan sắc

tuyệt trần, đàn hát tuyệt diệu, lớn lên thấy cha luôn thù hằn với thủy tộc, nâng liền theo tiên học pháp thuật anh linh huyền diệu, được mọi điều hay. Thượng đế bèn phong là Thượng Ngàn công chúa, cai quản tám mươi một cửa rừng ở Nam Giao. Người mà nhà vua chiêm bao thấy chính là vị nữ thần ấy đó. Sau này, nhà Lý đánh Ai Lao, nhà Trần đánh Chiêm Thành đều có công âm phù, gia phong là thượng đẳng thần. Nay nhà vua dấy binh thần lại báo mộng là điểm trời cho hay thế nào cũng giành lại được thiên hạ".

Nhà vua bèn cho đặt bàn thờ và hạ lệnh cho ghi tường tận sự việc vào động núi Linh Sơn, để lưu truyền mãi mãi về sau.

## **21. TRUYỆN BA ANH EM HỌ BẠCH ĐÁNH GIẶC MINH**

Tục truyền, thân phụ ba vị họ Bạch tên Bảo Công, là một tôi thần mẫn cán của Lê Lợi, thuộc dòng dõi trâm anh lệnh tộc ở Yên Phong, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc; thân mẫu là con gái phú ông quê ở Yên Trạch bản huyện. Có một lần, thân mẫu chiêm bao gặp tiên ông đưa tặng ba chiếc râu rồng, rồi sau sinh ra ba vị, đều có tướng mạo tinh anh tuấn tú, tay dài quá gối, ở bụng mỗi người đều có chui bốn chữ: Thanh Kiền Đại vương, Bạch Trú Đại vương, Tống Thánh Đại vương. Đến khi khôn lớn, cha mẹ vui mừng mà đặt tên cho con là Thanh Kiền, Bạch Trú và Tống Thánh. Ngày qua tháng lại, ngày tháng thoi đưa, ba vị đã 16 tuổi, thân cao 7 thước, sức lớn trăm cân, sức khỏe trăm người không địch nổi, văn học tinh thông. Thượng từ thiên văn, trung thì nhân luân, hạ thì địa lý, không việc gì không biết, không vật gì không hay. Người đương thời khen ba vị là Tam hầu Thiên tướng giáng trần. Còn Bảo Công thân phụ thấy tài năng của ba con trai học được binh pháp của Thái Công thì mừng lắm, bèn làm sớ tâu với Lê Lợi. Nhà vua cho vời vào bệ kiến thì tam công đều trả lời lưu loát, thiên kinh vạn quyển, ngọn nguồn lý lẽ của

kinh điển Nho gia Khổng Mạnh, Tứ khóa Tam truyện cùng lược thao đều có thể sánh với Tôn Tẫn Ngô Khởi. Vua cầm tay tam công nói: "Trời sinh ra trăm làm vua, lại sinh ra các người làm tôi hiền giúp rập, tiếc là sự hạnh ngộ giữa trăm và các người kể cũng hơi muộn". Nói rồi nhà vua phong cho ba vị là:

- Hiệp Thống Thanh Kiên Đại thần quan.
- Bạch Trúc Chánh lĩnh Tiên phong Đại tướng quân.
- Tống Thánh Đốc lĩnh Long chu nhất thiên chích.

Nhà vua lại cấp cho 50 viên tỳ tướng giúp việc tam công. Tam công lĩnh binh mã bái tạ Lê Lợi, mang quân chia đường tiến thẳng tới đồn doanh quân Minh, đánh một trận đá chạy ngói bay, quân thù tan tác, chém đầu phó tướng giặc Nguyễn Đình Khoa, lại truy đuổi Liễu Thăng chạy tới Lạng Sơn mới hạ được thủ cấp. Bấy giờ tướng sĩ khải hoàn, đất nước thanh bình, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu Thuận Thiên. Khi bình công đánh giặc, tặng phong hàm tước cho văn võ bá quan cao thấp và cho ba vị:

- Thanh Kiên là Đại nguyên soái Đại tướng quân thăng nhậm chức tại các đạo Tuyên Quang, Hưng Hoá; Bạch Trúc làm Trấn thủ đạo Sơn Nam Đại thần; Tống Thánh làm Đại thần Kinh lược đạo Kinh Bắc. Vua lại phong thực ấp cho ba vị tại quê nhà ở Yên Trạch và huyện Trục Định trấn Sơn Nam, để lúc sống hưởng lộc tại đó mà chết thì hưởng nghi thức thờ phụng phúc thần vĩnh viễn muôn ngàn năm.

## 22. SỰ TÍCH TỔ SƯ NGHỀ TIỆN THỜI LÊ

Theo sự tích ngài về đời vua Lê Lợi, nguyên đầu làng Rũ Tiện (tên chữ là Nhụy Khê, thuộc tổng Cổ Hiến, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông), có một cái cầu tên gọi là Cầu Vân. Khi bấy giờ buổi chiều nào cũng thấy một ông cụ già đầu râu tóc bạc, đứng chơi thơ thẩn ở trên cầu ấy. Trông cụ có vẻ

chán nản. Bấy giờ các cụ tiền nhân ở làng Rủi Tiện mới hỏi chuyện cụ: "Thưa cụ, cụ ở đâu mà chiều nào chúng tôi cũng thấy cụ đứng chơi ở đây mà trông cụ có vẻ nghĩ ngợi buồn bực thế?" Thì cụ có trả lời rằng: "Chẳng giấu gì các ông, tôi có một nghề thợ tiện, tôi đến làng Khánh Vân kia (tức là làng Khánh Vân thuộc về huyện Thanh Trì bây giờ) dạy họ làm thợ tiện hơn một năm nay, mà họ không làm được thành nghề. Tôi lấy làm buồn quá." Sau đó, các cụ làng Rủi Tiện thấy cụ nói như thế, bèn hết sức khẩn khoản mời cụ sang bên làng mình để cụ dạy bảo cho. Thì khi ấy cụ già cũng vui lòng nhận lời sang ngay. Cụ dạy ở làng Rủi Tiện được hơn một năm. Có nhiều khi các cụ ở làng này hỏi đến quê quán cụ và tên tuổi cụ, thì cụ cứ trả lời rằng: "Hãy để thư thư đã". Thế rồi hàng ngày nhân dân chỉ thấy sáng thì cụ đã đến làng dạy nghề, chiều thì cụ lại về. Suốt ngày cụ chỉ dùng có ấm nước nọ với, chứ cụ không dùng cơm rượu gì cả. Có nhiều lần làng cho người đi theo cụ, xem cụ về đâu, thì đều bị thất vọng cả. Số là cụ đi ra khỏi làng Rủi Tiện rồi thì cụ đi nhanh lắm, không thể ai đi theo kịp được. Đến ngày hôm 25 tháng mười năm ấy, buổi sáng thì cụ đến cho gọi những người học làm ra tại Đình, cụ có bảo rằng: "Các anh bây giờ ta xem chừng đã làm được khá lắm rồi, ta lấy làm vui vẻ lắm. Thì các anh cứ chịu khó mà làm ăn, ta đi chơi mấy bữa rồi về". Thế là từ đấy, không thấy cụ trở lại nữa, dân làng Rủi Tiện đi tìm đã nhiều lần mà cũng không gặp cụ đâu cả. Về sau này, làng Rủi Tiện cứ lấy ngày 25 tháng mười là ngày mà cụ đi để làm ngày tưởng niệm cụ.

Dân làng ngày càng thịnh hành nghề tiện, đều coi cụ là ông Tổ sư nghề tiện, mà cái tên làng gọi là Rủi Tiện tục truyền cũng từ đấy mà có.

## **23. TRUYỆN BÀ HIỂN NHÂN**

Tại làng Quần Đội, nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa có một ngôi đền. Nữ thần được thờ ở đền ấy mang hiệu là Hiển Nhân.

Bà Hiên Nhân nguyên tên là Trần Thị Ngọc Trần<sup>1</sup>. Bà là con gái thứ hai của ông Trần Hoàn, em gái ông Trần Văn ở huyện Lô Dương (tên cũ của huyện Thọ Xuân). Tính theo dương lịch thì bà sinh năm 1383 được kết duyên với vị hào trưởng ở Lam Sơn, chủ trại Như Áng tên là Lê Lợi.

Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Minh. Cả gia đình nội ngoại đều theo ông đánh giặc. Bà Ngọc Trần cũng là một nữ chiến sĩ trong nghĩa quân. Bà chịu trách nhiệm chăm lo thu xếp trang trại, coi sóc lương thực, may vá quần áo cho quân sĩ. Bà cũng tập hợp một đội nữ binh, không phải ra giao chiến, nhưng đã tham gia việc bảo vệ cơ sở, cung cấp hậu cần rất là chu đáo.

Khi Lê Lợi kéo quân vào Nghệ An, đến thành Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên, nơi có đền thờ Thần Quả, vương mộng thấy thần nói rằng: Xin được cho một người thiếp, thì nguyện xin giúp đỡ đánh giặc thành công. Sau hôm đó, vua cho vời các bà vợ đến hỏi xem ai chịu hy sinh làm thiếp của thần. Bà Trần Thị Ngọc Trần đã tự nguyện nhận lấy cái chết. Lê Lợi hứa sau này sẽ lập con bà làm vua nối ngôi. Bà Trần đã gieo mình xuống sông để bảo toàn cho đoàn chiến thuyền của Lê Lợi. Hôm đó là ngày 24 tháng 3 âm lịch, tính theo dương lịch là năm 1425.

Lê Lợi đã giữ lời hứa khi bà mất, ông truyền ngôi cho con Lê Nguyên Long là con bà Trần. Được làm vua, Lê Thái Tông xây lăng cho mẹ tại làng quê bà, tôn là bà Hiên Nhân. Nhân dân địa phương hàng năm hương hoa kỷ niệm và được bà linh ứng phù hộ cho xóm làng được an khang thịnh vượng.

## 24. ĐẠI VƯƠNG ẨM

Vào thuở giặc Ngô xâm chiếm nước ta, ở làng Thanh Khê (xã Thanh Hải ngày nay) có một người khỏe phi thường, chuyên

---

1. Ghi theo thần tích. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* lại chép là Phạm Thị Ngọc Trần.

chặt vác cây thuê và làm nghề đốn củi. Rừng sâu nào ông cũng đặt chân tới. Núi cao nào ông cũng lên đến nơi. Ông đi đến đâu, cây đá đổ ầm ầm đến đấy. Vì vậy, người ta gọi ông là Ông Ấm.

Ông Ấm rất căm ghét giặc Ngô. Nghe đồn ở đất Lam Sơn có một vị tướng tài, mấy lần Ông Ấm mang đao cung đi tìm mà không gặp. Cho đến một ngày kia, khi nghe tiếng chiêng khua, ngựa hí rầm trời, Ông Ấm vội vàng chạy tới. Thì ra đó là vị tướng lừng danh ở đất Lam Sơn kéo quân đi đánh giặc Ngô. Ông chưa kịp gặp chủ tướng xin tòng quân, thì thấy voi ngựa của nghĩa quân vướng rừng lau không đi được. Việc quân cần kíp, ông lao vào nhổ rừng lau để dọn đường cho quân đi. Sẵn có sức khỏe lại quen việc, quen rừng, ông ầm nhổ lau ào ào như gió cuốn. Chả mấy lúc rừng lau bị nhổ hết, quang sáng cả một góc trời. Những đồng cây lau chồng chất cao như những cái gò.

Lại truyền rằng: rừng lau rộng mênh mông, um tùm, tăm tối là nơi cư ngụ của nhiều loài muông thú. Trong các loại muông thú ấy đông nhất là loài hổ. Hổ ở đây sống từng đàn. Ngày thường chúng gầm rung vách núi. Nay thấy rừng lau bị nhổ quang, lại thấy oai dữ của Ông Ấm, từng đàn hổ cong đuôi chạy, để lại những ổ hổ con bé bỏng. Ông Ấm thấy thế không đành lòng, bèn bế từng hổ con đặt vào những nơi kín gió.

Nhổ hết rừng lau, thu xếp xong nơi ở cho hổ con, Ông Ấm vội vã quay ra cửa rừng thì đại quân Lam Sơn đã vượt qua tự lúc nào. Ông ầm hốt hoảng chạy theo. Nhưng ông tìm mãi không gặp lại nghĩa quân nữa. Ông đành lủi thủi quay về quê cũ, trong dạ rất buồn rầu.

Chả bao lâu, đàn hổ con khôn lớn. Nhớ ơn người đã cứu sống mình, mỗi khi Ông Ấm vào rừng vỗ tay hú gọi thì dù ở đâu xa, hổ cũng chạy về, mừng rỡ vây đuôi quanh ông. Vì thế Ông Ấm bắt hổ dễ như chơi. Ông có thể bắt hàng chục hổ lớn trong nháy mắt. Nhưng ông lại rất nâng niu chiều chuộng chúng như bạn bè, như vật làm cảnh của rừng núi.

Khi dẹp xong giặc Ngô, một mặt vua Lê ra sức tu sửa, xây

dựng đất nước, mặt khác vua phong chức tước, trả ơn nghĩa cho những người có công. Trong kinh đô, nhà vua sửa sang, bày đặt cảnh trí lộng lẫy. Vua còn cho tìm vật báu của lạ trên rừng, dưới biển mang về kinh đô trưng bày.

Hàng đoàn quan quân, phu phen và phường săn kéo nhau vào rừng, lùng bắt sống các loài thú lạ như trăn, hổ, voi... Khốn nỗi, người đi tìm của báu, vật lạ thì lắm, nhưng người có tài bắt sống các loài thú dữ thì hầu như không có. Họ chỉ biết reo hò, bổ vây giết hại bao nhiêu loài thú quý trong rừng. Chưa bắt được con nào đem trưng bày mà đã có bao nhiêu hổ voi và thú quý bị giết oan! Ông Ấm căm ghét bọn người đi săn kia lắm. Cho đến một hôm, họ ào ạt kéo đến khu rừng Ông Ấm vẫn thường ngày vào đốn củi. Họ lân la dò hỏi và biết được Ông Ấm có thể bắt được hàng chục con hổ trong nháy mắt. Họ kéo đến cầu xin ông bắt cho. Thương đàn thú, ghét bọn săn hại rừng, Ông Ấm từ chối không bắt.

Họ tức tối hò nhau mang cung nỏ giáo mác vào rừng săn. Thấy nguy cho đàn thú, Ông Ấm vừa chạy vào rừng vừa đánh chiêng đuổi thú chạy trốn. Bọn người đi săn vô cùng căm tức, liền bắt Ông Ấm nhốt vào cũi sắt, khiêng về kinh cho nhà vua trị tội.

Khi về đến kinh đô, họ khiêng cũi Ông Ấm vào cung vua và tâu rằng:

- Muôn tâu bệ hạ! Chúng thần bắt được nhiều muông thú, nhưng tên nghịch tặc này phá tan mấy cái cũi, cho muông thú xổng ra. Khi chúng con sắp lửa bắt được một đàn hổ, thì nó lại đánh chiêng đuổi đi hết. Xin bệ hạ xét soi, nếu để tên bạo nghịch gớm ghiếc này sống thì việc bắt muông thú sẽ không có kết quả được.

Nghे nói thế, nhà vua giận dữ quát:

- Khép án đại hình! Đại hình! Cáo cho toàn thiên hạ biết: Mười ngày nữa thì đem nó ra xử trảm để làm gương cho những người dám chống lại ý ta!

Thế là Ông Âm bị đưa xuống ngục tối chờ ngày nhận án tày trời?...

Lại nói việc nhà vua trả ân, phong chức tước, ban bổng lộc cho những ai có công trong buổi gian nan trừ giặc.

Sau khi xem xét và quy định phẩm tước cho những người có công, vua Lê gấp tờ chiếu chỉ lại, thì lạ thay, tờ chiếu chỉ vừa gấp xong lại mở ra như cũ? Cứ thế, bao nhiêu lần tờ chiếu gấp lại, lại mở ra. Vua không sao gấp tờ chiếu chỉ lại được. Ngày hôm sau, vua băn khoăn nói với triều thần rằng:

- Việc ban chức tước bổng lộc cho những người có công là việc làm nhân nghĩa. Ta xem xét kỹ lưỡng và đầy đủ cả. Có sao có điều lạ như lòng trời chưa cho thực thi?... Chẳng hay còn sai sót, oan trái gì đây?

- Tâu thánh quân! Cứ như thiện tâm của thần suy xét: chiếu làm xong mà gấp lại không được thì ắt hẳn còn sót người có công to việc trọng, ta chưa tìm đến!

Nhà vua gật đầu:

- Phải đó, nhưng ta đã để mấy tuần trăng soi xét rồi còn gì?

Lúc ấy, quan võ cung kính thưa rằng:

- Muôn tâu thánh quân! Ý thần vẫn còn ngờ ngợ điều này: Khi quân ta vừa qua Trảng An, sắp vào phủ Thiên Trường, tới trấn Nam Hạ thì bị nghẽn đường. Đại quân ta phải dừng lại không sao đi được. Nơi ấy, có một người có sức khỏe như thần, nhỏ rừng bằng bằng như bão cuốn cho quân ta đi thông!... Nhưng lại tiếc rằng: quân ta đi gấp, chưa rõ được người ấy tên họ gì?

Nhà vua lúc ấy mới sững sốt nhớ ra mà rằng:

- Phải rồi, phải rồi! Việc lớn thế mà suýt nữa ta quên mất. Hôm ấy cả đại quân bị nghẽn tắc. Không có người ấy mở lối thì việc quân để gì chóng vánh được. Người ấy có công lớn, phải phong là đại vương mới xứng đáng. Chả may người ấy đã tịch thì phải truy phong và có ân lộc rõ ràng đối với thân tộc, quê ngụ!

Vua bèn kíp phái một đoàn tra dụ rời kinh đô xuống lộ Khẩu

Quan dò hỏi. Dân trong vùng ai nấy đều nói rằng: người ấy tên là Âm, nay đã bị bắt mang về kinh. Đoàn tra dụ tội và quay về, cũng vừa đúng ngày xử trảm "tên bạo nghịch" bắt ở Khẩu Quan. Dân chúng kéo đến rất đông xem người khỏe như thần bị xử trảm.

Khi cũi sắt mở ra, người ta thấy "kẻ bạo nghịch" cổ đeo gông, tay mang xích và mỗi bên đến mười võ quan cầm đao gươm áp giải. Khi đao phủ vừa vung gươm thì quan đại thần vừa chạy ra kêu:

- Dừng tay lại, bỏ gươm xuống, rước đại vương về cung!

Mãi sau người ta mới biết nhà vua vừa xóa án, phong cho Ông Âm là đại vương, ban bổng lộc hậu trọng. Tờ chiếu bình công luận tội trên án nhà vua từ bấy thôi không trần trở nữa mà gập lại nằm yên. Vua lại xét trị tội bọn người đi săn bắt đã bắt tài bắt lực tàn hại nhiều thú vật quý giá của rừng thiêng đất nước, lại còn vu oan thác tội cho người hiền. Vua cũng tự hối cải, bỏ lệnh tiến kinh muông thú, cấm hẳn việc săn bắt bữa bãi. Và chiếu theo ý nguyện của Ông Âm, vua đặc cử ông về quê làm người bảo mẫu cho rừng núi và muôn loài. Bởi thế quê ta thuở ấy, núi cao rừng rậm, sến, táu, lim, gụ mọc dày như năn lác, hổ báo lắm và hiền như hươu nai, chim muông nhiều và dạn như gà quế.

Ông Âm sống trăm tuổi thọ. Khi ông mất, dân Thanh Khê lập đền thờ để tưởng nhớ công lao của ông. Đền này có tên là đền Đại Vương Âm.

## 25. CHÀNG TRAI HỌ ĐOÀN

Thuở ấy, dưới ách đô hộ của giặc Ngô, dân ta vô cùng cực khổ.

Lòng người ngùn ngụt lửa hờn căm, chỉ đợi dịp vùng lên đánh đuổi quân xâm lược. Chàng trai họ Đoàn của đất Liễu Đôi sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh ấy.

Chàng là người sức vóc lạ lùng, mình cao bảy thước, vai lưng

rộng mấy ôm, tiếng nói vang rền như tiếng chuông. Dáng đi của chàng hùng dũng như hổ dữ. Chàng có thể xách hai tay hai cối đá mà lao qua nóc nhà như chơi.

Chàng rất say mê võ vật. Chàng thường vật chấp năm đô khỏe mà vẫn thắng cuộc.

Một đêm, người ta thấy từ cánh đồng Nương Cửi (đất Liễu Đôi) có một ngọn lửa lớn bốc lên, cháy rực đỏ cả một góc trời. Ai cũng hoảng sợ. Chỉ riêng chàng là điềm tĩnh ra tận nơi xem. Thì ra, ngọn lửa dữ dội ấy là hào quang phát ra từ một thanh gươm lớn đặt trên một tấm khăn đào rực rỡ. Mừng vô hạn, bởi bấy lâu nay, chàng thường khao khát có một thanh gươm. Chàng quỳ xuống nâng gươm báu lên, lay bốn phương trời, mười phương Phật, rồi thất lấy khăn đào và hớn hỏ chạy về. Chẳng may chàng vấp ngã vào một cái cọc nhọn, bị thủng bụng, máu tuôn ra như xối. Đang khi vội vã, không biết lấy gì cầm máu, chàng móc bữa một nắm đất trên Nương Cửi đắp vào vết thương. Lạ thay, cơn đau dịu liền, máu ngừng chảy và chốc lát vết thương đã liền miệng. Biết đất này máu nhiệm, chàng ngả khăn, gói lấy một ít mang theo. Thế rồi chàng mang gươm đi đánh giặc. Ít lâu sau, khi đại quân qua đất này, chàng đã thành một vị tướng trong đội tiên phong, cùng đi trong đội tiên phong còn có nữ tướng họ Bùi là một bậc giai nhân có tài thao lược, vốn đã cùng chàng giao ước lứa đôi. Chàng đã kể cho nàng nghe câu chuyện về thanh gươm và chất đất kỳ diệu của quê hương, rồi sể đôi nắm đất mang theo, tặng nàng một nửa.

Khi xung trận, chàng thất khăn đào, cầm kiếm thân, mình xoa đầy một lớp đất quê hương. Gươm chém, giáo đâm, tên bắn vào chàng đều bị bật ra như va vào đá. Chàng xông pha trận mạc như chỗ không người. Dưới ngựa chàng, giặc chết như rạ. Nữ tướng họ Bùi thấy thế thêm mười phần kính yêu. Khi chàng dừng ngựa sau một trận xung sát, nàng băng mình đến, cầm lấy tay chàng và xúc động, sung sướng áp đầu vào tấm ngực trần của chàng. Chẳng dè cử chỉ yêu thương ấy đã làm

rơi mất một mảng đất trên ngực chàng mà cả hai đều không để ý. Sau đó, cả hai lại vào trận chiến. Chàng lại xông xáo tung hoành. Một ngọn giáo của giặc phóng trúng ngực chàng, nơi không có đất thiêng che chở. Chàng bị trọng thương. Chàng sờ tìm gói đất thì gói đất đã rơi từ lúc nào, còn nữ tướng họ Bùi lại theo một cánh quân khác, đang xung sát ở một hướng xa. Nhìn thế trận, chàng gằm lên uất ức, rồi bịt chặt vết thương quay ngựa về phía chủ tướng vội vã tâu bày cơ sự: "... quân giặc đông như nước lũ, đánh chỗ này, chúng tụ chỗ kia, ngăn trở bước ta. Trăm kế không gì hơn là chia cắt, vây gọn từng đám mà phát như phát nã, phát lác...". Chưa dứt lời thì chàng đã ngã nhào xuống ngựa. Thi hài chàng được đem về quê mai táng. Chủ tướng y theo kế chàng tiến đánh, quả nhiên, quân giặc không chống đỡ nổi.

Giặc tan, đất nước thanh bình, nữ tướng họ Bùi quay về thăm mộ chàng. Quá đau xót ân hận, nàng là gục chết trên mình ngựa khi còn cách mộ chàng vài trăm bước.

Nhân dân cảm thương và nhớ ơn người đã có công lao với đất nước quê hương mới lập đền thờ chàng, gọi là "Đền Ông" và lập đền thờ nàng gọi là "Đền Nàng". Người ta tôn chàng là Thánh Ông và tôn nàng là Tiên Bà, nên sau này mở hội vật võ để kỷ niệm, gọi là Hội "Thánh Tiên".

Đền Ông sở dĩ ngoảnh hướng Bắc vì khi tử trận, vị tướng họ Đoàn không chịu nhắm mắt, cứ trừng trừng nhìn về hướng Bắc, người ta xoay thế nào, Ngài cũng ngoảnh về hướng ấy. Đền cất như thế là để theo ý Ngài.

## 26. LÊ NHƯ HỔ

Lê Như Hổ người làng Tiên Châu, huyện Tiên Lữ (bây giờ thuộc về tỉnh Hưng Yên). Như Hổ to lớn đầy đà, cao thước 5 tấc, lưng rộng thước rưỡi, nhà nghèo mà hay học, ăn thì cực khỏe, mỗi bữa ăn một nồi bảy cơm mà chưa no. Học được nửa năm, vì

nhà nghèo không đủ ăn, mới gửi rể một nhà giàu ở làng Thiên Phiến. Nhà vợ mỗi bữa cho ăn một nồi năm cơm, thì Như Hồ thường lơ lửng nhác học.

Bố vợ hỏi bố đẻ Như Hồ rằng:

- Trước tôi nghe thấy con ông chăm học lắm, sao từ khi hấn đến nhà tôi thì lười biếng không chịu học, là cố làm sao?

Ông này hỏi:

- Từ khi cháu ở nhà ông, ông cho ăn uống thế nào?

Ông kia nói:

- Mỗi bữa nồi năm cơm rồi đấy?

- Nhà tôi nghèo như thế, mỗi bữa còn phải cho nó ăn nồi bảy cơm. Ông cho nó ăn ít làm vậy, trách nào mà nó chẳng biếng học?

Ông kia nghe lời, mới cho ăn hơn khi trước, từ bấy giờ Như Hồ học thêm được một vài tiếng lại thôi.

Mẹ vợ bảo với chồng rằng:

- Ông khéo kén được rể quý hóa nhỉ! chỉ được bộ ăn khỏe thì không ai bằng. Dù có gượng học nữa, cũng không làm trò gì hơn được trò hay ăn ấy.

Bố vợ biết điều, bảo rằng:

- Nó ăn hơn người, sức nó tất cũng hơn người, can gì mà lo? Mẹ vợ nói:

- Có phải sức nó hơn người, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ rậm kia, ông thử bảo nó dọn cỏ đi cho tôi, xem nó có làm được không? Như Hồ nghe thấy nói như vậy, sáng sớm mai, lập tức vác dao phát bờ đem ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, thấy chỗ ấy mát mẻ, mới nằm ngủ ở dưới gốc cây.

Mẹ vợ thấy rể vác dao ra đồng, cũng đi chợ mua đồ ăn để về làm cơm cho rể ăn. Khi về qua ruộng, thấy rể nằm ngủ khi ở dưới gốc cây, bà ấy điên tiết, chạy tắt tả về bảo với chồng rằng:

- Ông còn bảo thối cơm cho nó ăn nữa thôi? Gớm mặt nó! Nó nói ra đồng dọn cỏ, thế mà từ sáng đến giờ vẫn còn nằm chương thây chương xác ra ngoài ấy, rể ông quý thật?

Hai ông bà mới dắt nhau ra đồng xem. Không ngờ từ lúc bà kia đi về, thì Như Hổ lập tức đứng dậy phát cỏ. Chỉ một lúc, dọn sạch quang cả vài mẫu ruộng. Cá dưới ruộng, chạy không kịp, chết nổi lều bều cả lên mặt nước. Khi hai ông bà đến nơi, thì thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Như Hổ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thổi sẵn nồi hai mươi cơm, sai Như Hổ ra gọi thợ gặt. Như Hổ ra ngoài một lát, trở về nói dối rằng:

- Tôi đã gọi nhưng không ai chịu làm, vậy để tôi ăn xong sẽ gặt giúp cho mẹ.

Nói rồi dọn cơm ra ăn, một mình đánh hết nồi hai mươi cơm.

Mẹ vợ lấy làm quái lạ, nói rằng:

- Cối xay nào mà chưa được thế, có vỡ bụng ra mất không?

Như Hổ nói:

- Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay, tôi xin nhận làm một mình.

Mới lấy một cây tre to làm đòn càn, và đem sẵn liềm hái thường trạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mẫu lúa, bó làm bốn gánh quảy về. Mẹ vợ từ ấy mới có bụng yêu, mỗi bữa cho ăn thật no để mà học.

Làng bên cạnh có hội đánh vật, năm nào Như Hổ cũng đến phá giải. Các đồ vật ai cũng chịu, không ai dám ganh sức với Như Hổ, vì thế đặt tên là Như Hổ.

Đến năm gần 30 tuổi, văn chương hay lưng lầy có tiếng ở đời, rồi thi đỗ Tiến sĩ trong thời Quang Hòa nhà Mạc.

Bấy giờ có người đỗ đồng khoa với Như Hổ tên là Nguyễn Thanh, ở huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có khi nói chuyện đến gia tư<sup>1</sup> nhà mình, Như Hổ nói bốn rằng:

- Gia tư nhà bác, chỉ đủ cho tôi ăn một tháng là cùng.

Nguyễn Thanh nói:

---

1. Tài sản.

- Ông khinh tôi quá làm gì thế, tôi tuy chẳng có gì nhưng cũng đủ cung phụng ông được ba tháng.

- Thôi đừng nói ba tháng, ông thử cho tôi ăn một bữa xem làm sao.

Ông kia vâng lời, hẹn ngày mời Như Hồ vào chơi. Đến hôm hẹn, Như Hồ vào nhà Nguyễn Thanh, không ngờ hôm ấy lại đi vắng.

Như Hồ bảo với người vợ Nguyễn Thanh rằng:

- Tôi là bạn với quan nghề đây, nhân có việc qua đây, có hơn 30 đĩa đầy tớ, nhờ phu nhân một bữa cơm.

Phu nhân lập tức sai người nhà làm thịt con lợn, dọn 5, 6 mâm cơm mang ra.

Như Hồ bảo người đầy tớ rằng:

- Mày ra gọi chúng nó vào đây.

Lâu mãi không thấy một người nào, chỉ trọi một mình ông Như Hồ, ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong gửi lời tạ rồi đi. Chiều tối, Nguyễn Thanh trở về, vợ nói rằng:

- Hôm qua có một chuyện nực cười quá chừng! Có một người nói là quen nhau với ông, nhân việc qua đây mang nhiều đầy tớ đi theo, nhờ một bữa cơm, tôi tưởng là thật, làm 5, 6 mâm cỗ. Té ra chỉ một mình người ấy ngồi ăn, tôi ở trong buồng trông ra, cứ mỗi bát và một miếng, ăn như hùm đơm đó, chỉ một lát là hết ba nồi cơm và sáu mâm cỗ, không biết người hay là quỷ đói.

Nguyễn Thanh phàn nàn nói rằng:

- Đây là người anh em với tôi, trước có hẹn với tôi, lỡ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác, Nguyễn Thanh nhân việc đi qua làng Tiên Châu, vào chơi nhà ông Như Hồ. Như Hồ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo và thổi bốn mâm xôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm xôi. Một bàn thết Nguyễn Thanh, còn mình ngồi riêng một bàn. Nguyễn Thanh ăn hết một góc mâm và một phần tư con lợn. Như Hồ thì ăn hết sạch cả bàn mình, lại ăn

thêm sang một góc xôi thịt ở bàn ông kia, chỉ còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn Thanh thất kinh nói rằng:

- Ngày xưa ông Mộ Trạch đã có tiếng ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra đồng thời với ông, thì cũng phải kém ông ba bậc.

Hai người cùng cười ầm cả lên.

Về sau Như Hổ làm đến Thượng thư, được phong làm Thiếu bảo Lữ quận công, rồi về trí sĩ, thọ 72 tuổi mới mất.

## 27. PHẠM TỬ NGHI

Tử Nghi người làng Vĩnh Niệm, huyện An Dương, tỉnh Hải Dương, sức khỏe như thần.

Tử Nghi thường đắp một con đường dài ở trên mặt đê, đôi đầu đắp ụ cao 5 thước, rồi vác gậy chạy trên mặt đê, cứ đến chỗ ụ cao thì đánh một cái, ụ lại sạt xuống như đất phẳng.

Sau khi đến kinh thành Thăng Long, trông thấy hàng trăm người lính đang kéo thuyền rồng ở trên mặt đất xuống sông, mà kéo không nổi. Tử Nghi cười nói rằng:

- Khéo những đồ bị thịt kia! Có một cái thuyền như thế xúm xít vào kéo mà không nổi, thì làm trò gì được?

Chúng tức giận, kẻ nghiêng răng, người trợn mắt, toan xúm vào đánh, thì Tử Nghi nói rằng:

- Vậy thì các anh để đấy, chỉ một mình ta kéo cho mà xem.

Chúng thấy nói vậy, bỏ cả đi ra, bắt Tử Nghi phải kéo thuyền, nếu kéo không xong thì sẽ hay. Tử Nghi vén tay áo, dùng hết sức bình nhật, chỉ một tay lôi tuột chiếc thuyền rồng xuống sông. Ai nấy lắc đầu lè lưỡi, chịu ông ta là có sức khỏe gấp nghìn người.

Bấy giờ nhà Mạc mới lên, nghe có người hùng dũng làm vậy bèn cử làm đại tướng, cho lên trấn thủ mặt Thượng du. Tử Nghi

ở trần vài năm, dẹp tan đám giặc cỏ, có tiếng lừng lẫy đến cả Bắc triều. Về sau nhân dẹp giặc, phá lầy đến các tỉnh ven Tàu: Tàu đưa hịch sang trách đến triều đình nước Nam. Tử Nghi đến dinh quan Tổng đốc Quảng Đông, xin chịu tội để yên tâm vua nước mình.

Người Tàu đem Tử Nghi ra hành tội, rồi bỏ đầu lâu và thân vào một cái hòm, che một cái lọng, rồi bỏ xuống sông cho trôi về nước Nam. Trôi từ Nam Quan về mãi đến giang phận làng Vĩnh Niệm thì đứng lại không trôi nữa, rồi đêm báo mộng cho dân làng ấy phải ra vớt về mai táng, và phải lập đền phụng tự.

Dân làng sáng mai ra vớt, lập miếu thờ ngay bên cạnh sông, từ đấy linh ứng lắm. Về sau, hiển linh báo ứng các làng ở ven sông, cho nên tự Nam Quan về mãi đến Hải Dương, Sơn Nam nội chỗ nào có bến là cũng lập miếu thờ cả.

Lịch triều phong tặng là Linh ứng đại vương thần.

## **28. TƯỚNG TẢ THÔN BẠT**

Vào hồi Lê Mạc, ở đất Tòng Bạt, xã Thái Bạt, huyện Bát Bạt, tỉnh Sơn Tây cũ, có một gia đình nông dân nghèo khổ. Gia đình này chỉ còn hai chị em mồ côi cha mẹ từ nhỏ, hai chị em sống với nhau rất êm ấm trong một túp lều tranh lụp xụp. Hàng ngày, hai chị em thường đi mò cua bắt ốc kiếm ăn.

Một hôm, theo thường lệ, cậu Tả (người em trai) cắp rổ đi hái rau. Rau vừa đầy rổ thì trời cũng đứng bóng. Tả nhể nhại mồ hôi vì sự oi bức của nắng hè. Đang trên đường về thì Tả gặp một ông già. Thấy ông già mang một cái tráp nặng, Tả sẵn lòng mang đỡ cụ.

Về tới cổng nhà, Tả trao trả cái tráp cho cụ. Cụ già vô cùng mến phục cậu bé nghèo khổ mồ côi và tốt bụng nên tỏ ý xin nghỉ nhờ ở tại nhà cậu một đêm.

Cảnh nhà nghèo quá, chỉ có cái nong để làm giường ngủ. Tối

hôm ấy, Tả Di phải đi xin bà hàng xóm một bát cơm và lưng chén rượu để thết đãi cụ già.

Mâm cơm của Tả Di xếp đặt để thết khách chỉ có một bát cơm và một bát rau có phủ cơm lên trên. Bát cơm để bên cạnh chén rượu thì để thết khách còn bát rau có cơm thì để bên cạnh một chén nước giả làm rượu giành cho Tả. Nhưng đến lúc bưng mâm cơm, cái mâm bằng tre đan chỉ dùng khi giỗ cha, giỗ mẹ, thì người chị lại xoay nhâm chỗ có bát rau phủ cơm về phía cụ già. Tả ngượng quá, phải xin lỗi cụ nhưng cụ già không những không trách gì Tả, trái lại cụ càng cảm kích tấm lòng thơm thảo của Tả.

Hôm sau, cụ già bảo Tả dẫn ra xem phần mộ cha mẹ rồi cho sửa sang tử tế đoạn mới ra đi.

Vài năm sau, người chị qua đời. Tả phải ở một mình. Sau đó, Tả khôn lớn và bỏ làng đi làm mướn.

Tả sang làng Dậu Dương ở vùng Hưng Hóa bên kia sông Đà đi ở cho bọn địa chủ làng đó.

Vì nhà địa chủ này giàu có nên họ rất sợ bị cướp. Họ cho con trai đi học võ để về giữ nhà. Tả liền học võ ở con trai nhà chủ. Không ngờ Tả giỏi võ và còn giỏi hơn cả con nhà chủ.

Một hôm Tả Di đang cắt cỏ tại đồng làng Dậu Dương thì chợt thấy dân làng bỗng bẻ nhau chạy trốn. Anh chẳng hiểu gì cả. Sau mới biết rằng quân nhà Mạc đang kéo sang.

Tả không hề sợ sệt, cứ điềm nhiên cắt cỏ trên đồng. Một lúc sau, một đám quân âm âm kéo đến gần chân cầu ở bên ngòi. Tả, lúc này, mới hoảng sợ và chui vội xuống dưới gầm cầu.

Viên tướng của đoàn quân này cưỡi voi. Khi con voi chiến đến gần cầu, vốn tính nghịch nên Tả liền ngắt và thò mấy cây cỏ lên. Thấy vậy, con voi hạ vòi ngoặc luôn. Nhanh như chớp, Tả liền cắt đứt vòi voi. Con voi đau điếng quật ngã chết viên tướng đang cưỡi rồi quay lại đánh lộn bậy, dẫm bừa lên quân lính, voi ngựa ở đằng sau. Đám quân bị tắc ở giữa cầu nên bị

voi dầy chết rất nhiều. Bọn tàn quân vội lù về báo cho vua biết sự việc trên.

Thật là một trận thất bại thảm hại! Nhà vua tức tốc cho đem chiếu chỉ tới bắt nhân dân trong làng tìm bằng được hoặc phải khai ra tên tướng đánh trận ấy.

Cả làng không ai biết tên tướng này. Mãi sau, mọi người mới hiểu rằng đó chỉ là trò tình nghịch ranh mãnh của "tướng Tả Di" mà thôi.

Vua bèn cho đòi Tả Di vào để hỏi tội. Tả Di bị triệu vào cung, đã nói thật trò nghịch của mình.

Vua thấy làm lạ, bèn cho đấu võ với các tướng triều đình. Nhờ có sức khỏe lại có võ, người nông dân nghèo khổ đó đã đánh thắng tất cả bọn tướng ở trong triều.

Vua cả mừng liền tha tội cho Tả Di rồi cho học võ để làm tướng võ.

Vài năm sau, Tả Di được cử làm tướng đi chống lại quân Minh ở nhiều nơi. Nhờ có tài võ nghệ cao cường, Tả Di đánh đâu thắng đấy.

Ở làng Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Sơn Tây cũ có một ngôi đình có một bầy ngựa đá voi đá mà dân còn truyền lại đây là nơi đánh lộn "voi đá ngựa đá" của tướng Tả Di.

## **29. THỰC NGHIỆP ĐÌNH PHIÊU**

Mạc Mậu Thực, Mạc Mậu Nghiệp, Mạc Mậu Đĩnh là ba anh em trai, cùng cô em gái út là Phiêu dòng dõi họ Mạc Đăng Dung, vốn quê ở vùng Đào Dương, Đào Xá tỉnh Hưng Yên. Cha mẹ mất sớm, cả bốn anh em có nghề làm gốm sứ. Ở quê cha đất tổ lại khó làm nghề. Họ sống vào cuối đời Mạc. Hai anh em Mạc Mậu Thực, Mạc Mậu Nghiệp có thời gian ra làm quan, song nghề cũ vẫn không sao nhãng. Cả bốn anh em đều coi nghề làm đồ gốm sứ là "nhất nghệ tinh".

Vào đúng dịp họ Trịnh diệt nhà Mạc, để tránh tai họa, gia đình Thực, Nghiệp, Đỉnh, Phiêu phải chạy loạn, mỗi người một nơi. Trước khi đi, bốn anh em họp nhau lại nói:

- Bố mẹ ta vốn có nghề làm đồ gốm, vẫn mong anh em ta duy trì nghề cũ, nên mới đặt tên là "*thực nghiệp đỉnh phiêu*" (*thực* là gieo trồng, *ngiệp* là nghề, *đỉnh* là lên cao, *phiêu* là nhanh chóng). Đặt tên ấy là có ý mong muốn đưa nghề này lên tuyệt đỉnh tinh diệu, làm rạng danh cho quê hương đất nước. Nay phải xa nhau, nhưng đi đến đâu chúng ta cũng phải giữ nghề.

Họ chia tay nhau. Hai anh em Thực, Đỉnh về vùng Bát Tràng. Riêng Nghiệp về vùng Mỹ Xá, Hùng Thắng, Ưông Hạ, Chu Đậu, huyện Nam Sách. Để tránh bị liên lụy mà yên tâm lập nghiệp, Mạc Mậu Nghiệp lấy họ mới là họ Đặng. Tên đổi là Bá Thành. Không còn ai biết Mạc Mậu Nghiệp nữa, mà chỉ có anh thợ gốm Đặng Bá Thành. Sau, Đặng Bá Thành lại đổi là Đặng Huyền Thông. Anh bỏ công sức ra tu tạo nghề gốm. Các anh em ở Bát Tràng cũng thường thông tin, giúp đỡ.

Chẳng bao lâu, gốm sứ Chu Đậu nổi danh trong nước và sang cả nước ngoài. Đặng Huyền Thông trở thành ông tổ nghề gốm sứ vùng Chu Đậu.

Riêng cô Phiêu lấy chồng lập nghiệp nơi xa, nghe đâu cũng mở nghề gốm sứ.

### 30. CÔNG CHÚA MAI CHÂU

Đời Hồng Đức, vua Lê Thánh Tôn sinh được nàng công chúa xinh đẹp tên là Mai Châu. Năm công chúa được mười ba tuổi, các bộ lạc mọi ở vùng Ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Ngãi) nổi dậy chống người Việt, không ai dám cử binh chinh phạt. Công chúa Mai Châu mặc dầu nhỏ tuổi cũng xin phép vua cho ra trận. Vua bèn cho mười chiến thuyền và năm ngàn quân. Thuyền đến bờ Quảng Bình thì bỗng nhiên sóng to gió lớn nổi lên ầm ầm.

Các binh sĩ đoán là điểm của Long thần muốn bắt công chúa. Công chúa suy nghĩ: "Nếu nàng không nhảy xuống cho Long thần ăn thịt thì tất cả mười chiến thuyền này bị đắm". Sau khi trối lại với quân sĩ, nàng nhận sự hy sinh, nhảy xuống biển.

Hay dạng tin ấy, vua Lê Thánh Tôn lập tức đến nơi, dùng kính chiếu yêu mà rọi xuống đáy biển. Khi nhận được sào huyết của Thủy long vua hạ lệnh bắn súng thần công xuống. Ba ngày sau, Long thần phải đem xác chết của công chúa trả lại.

Sau đó, vong hồn của công chúa Mai Châu rất linh hiển. Đời Minh Mạng, giặc Phan Bá Vành khuấy rối triều đình. Công chúa báo mộng cho vua hay: "Ngày mười tám tháng ba, vào khoảng canh hai khi thấy trong dinh trại của Phan Bá Vành có đóm lửa xanh lên thì quân triều đình cứ tấn công vào".

Thi hành đúng lời nàng, vua dẹp được giặc.

## **31. BÀ TRI CHỈ**

Cuối thế kỷ thứ XVIII, tại thôn Tri Chỉ, làng Đồng Cương, huyện Yên Lạc, trấn Sơn Tây (nay thuộc Vĩnh Phú) có một gia đình họ Nguyễn sinh được nàng con gái đặt tên là Nguyễn Thị Kế. Gia đình quen với nghề thuật ca xướng, lớn lên cô Kế cũng thành một ca nữ có giọng hát hay, tài sắc nổi danh khắp cả một vùng. Chúa Trịnh nghe tiếng, tuyển làm cung phi. Ở trong cung, vì tinh thông âm luật, nàng luôn luôn bày vẽ cho các đội nữ nhạc tiếng đàn dạy hát, gây được không khí hồ hởi, lan rộng ra cả ngoài đô thành Thăng Long. Tuy là cung phi chuyên về đàn hát, nhưng Nguyễn Thị Kế thường rất quan tâm đến chính sự. Vì được chúa Trịnh yêu dấu, nói gì cũng nghe, nên nàng thường lựa lời khuyên giải để hạn chế những chủ trương tàn bạo của chúa. Bọn vua chúa quan lại lúc này quen thói bóc lột nhân dân tàn tệ, nên khởi nghĩa khắp nơi nổi dậy.

Chúa sai binh lính đi tiểu trừ tàn sát thẳng tay, không những bắt giết người cầm đầu mà còn trả thù họ hàng, quê

quán những người ấy nữa. Như năm Cảnh Hưng thứ 12 (1751), quân triều đình đàn áp được phong trào Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, chúa liên sai bắt tất cả dân làng Lập Thạch và Lôi Động (quê của hai lãnh tụ này) định làm cỏ hết. Nguyễn Thị Kế liên nói với Trịnh Doanh:

- Ai làm nên chuyện gì thì cứ người ấy mà trách cứ chứ dân chúng có tội gì. Vả chẳng không giữ được dân là lỗi ở nhà nước chứ có phải lỗi ở dân đâu. Xin chúa thương nghĩ lại.

Trịnh Doanh nghe ra liền sai đình chỉ lệnh triệt hạ. Dân hai làng này rất cảm ơn bà Nguyễn. Bà ở trong phủ chúa hai mươi năm, không có con, xin trở về làng. Dân làng đón tiếp bà niềm nở. Bà về bỏ tiền mua ruộng, mời các chức dịch đến phân chia. Lời bia ở đền còn ghi rõ là bà đã chia các sở ruộng ấy thành:

- Học điền, ruộng giúp đỡ cho người đi học.
- Binh điền, ruộng trợ cấp cho các gia đình quân nhân.
- Lão điền, ruộng giúp đỡ người già cả.
- Kỵ điền, ruộng để tế tự.

Những việc làm như vậy chứng tỏ bà rất lưu tâm đến việc mở mang và xây đắp cho phong hóa ở thôn xã. Vì vậy dân chúng tôn kính bà. Khi bà mất, làng lập đền thờ. Sự tích của bà được ghi ở thần tích thôn Tri Chỉ. Người ta cũng gọi bà là bà Nguyễn Phi, hoặc là bà Tri Chỉ.

## **32. BÀ KIỆT ĐẶC**

Vào cuối thế kỷ thứ XIII, tại làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, Hải Dương có cặp vợ chồng sinh được một người con gái đặt tên là Nguyễn Thị Duệ, thông minh học giỏi. Khoảng chừng 10 tuổi, cô bé chỉ ở nhà với bố mẹ mà đã đọc được sách, truyện và biết tập làm văn. Tập tục ngày xưa vốn xem thường phụ nữ, nên gia đình ngần ngại không dám cho cô theo học ở trường các thầy đồ, vả chăng nếu có xin cũng không ai cho học. Nguyễn Thị Duệ cứ

nấn nỉ đòi được theo nghiên bút. Cuối cùng cô tự hiến một mẹo là xin với cha mẹ được cải trang thành con trai, mặc quần áo nam giới, không xâu lỗ tai, bịt khăn chữ nhất đúng với dáng thư sinh, và xin sang trường ở làng khác theo học. Cứ như thế, cô giữ gìn ý tứ, cắp sách ngồi chung với bạn trai hàng chục năm mà thầy và bạn đều không ai biết. Cho đến khi triều đình nhà Mạc mở khoa thi hội, nàng cũng lều chieß vào thi đỗ ngay tiến sĩ. Vua Mạc cho các vị tân khoa vào bộ kiến, nhìn thấy dung mạo vẻ con gái mới hỏi chuyện, nàng cứ thực tâu trình, vua rất khen ngợi, cho nàng trở lại tên là Nguyễn Thị Duệ giữ lại trong cung để dạy dỗ cho cung nữ.

Sau một thời gian tranh chấp nhau, nhà Mạc thua, bị nhà Lê diệt. Nguyễn Thị Duệ lánh về làng quê ở ẩn, mở trường dạy học. Lê Thần Tông biết tiếng, cho người vời ra, và cũng giao cho việc dạy dỗ cung nữ, tặng danh hiệu là Nghi Ái Quan. Những ngày ở kinh đô Thăng Long, Nguyễn Thị Duệ giao thiệp với các nhà khoa bảng cùng các trọng thần uyên bác, ai cũng phải công nhận bà có trình độ học vấn sâu sắc và có đạo đức thanh cao. Nhiều lần vua Lê chúa Trịnh hỏi ý kiến về các việc liên quan đến chính sự, Nguyễn Thị Duệ tìm ngay được những câu chuyện hoặc tấm gương tương tự trong sử sách đời xưa để trả lời, ngụ ý khuyên răn vua chúa cần phải theo đường chính học, chăm sóc đời sống của nhân dân. Vua chúa và các quan triều đình nghe giảng giải lại càng kính phục.

Năm 70 tuổi, Nguyễn Thị Duệ xin triều đình về nghỉ. Tại làng quê, bà dựng một cái am gọi là am Đào hoa, ngày ngày đọc sách, bảo ban các sĩ tử trong làng. Vua Lê cho bà được hưởng lộc bằng cách nhận thuế hàng năm của xã Kiệt Đặc, bà chỉ xin với dân làng lo liệu cho đủ ăn, còn bao nhiêu dành cho việc công ích và trợ giúp người nghèo. Hành vi và đức độ của bà đã có ảnh hưởng tốt, giúp cho phong tục của làng thêm thuần hậu.

Khi bà mất, nhân dân Kiệt Đặc lập đền thờ, tôn bà làm phúc thần.

### 33. QUẬN HE

Vào thời nhà Lê, có hai vợ chồng một nhà nghèo ở làng Đồng Lũ, sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Hữu Cầu. Thuở trẻ, Cầu mồ côi bố, người mẹ túng bấn phải cho chàng đi ở, nhưng sau cũng cố gắng cho đi học. Trong lớp, chàng là người ngỗ nghịch không chịu kém ai. Bấy giờ có một bạn học kinh địch với Cầu là Phạm Đình Trọng. Hắn là người thường được thầy khen nết na chăm chỉ, nhưng Cầu thì nhất định không phục.

Một hôm thầy đi đám, có cho Cầu và Trọng cùng theo. Lúc về, nhà đám biếu thầy một cái thủ lợn. Hai người ganh tị nhau không chịu xách. Thầy liền ra một câu đối: *Huê trư thủ* nghĩa là "Xách đầu lợn", bảo ai đối hay thì được miễn. Trọng đối lại là *Phan long lân* nghĩa là "Vin vẩy rồng". Còn Cầu thì đối là *Phá Tần diệt Sở*. Thầy gõ một giáo quạt vào đầu Cầu, chê Cầu đối gì mà lại thừa chữ. Nhưng Cầu cố cãi:

- Tôi đầu đối sau, nhưng tôi không muốn vin vẩy rồng mà lóc vẩy rồng kia!

Thầy mắng:

- Thế thì tội to đấy, không phải chơi đầu, con ạ! Cuối cùng, chàng bị thầy bắt phải xách thủ lợn về nhà.

Hôm khác, thầy lại ra một câu đối: *Mười rằm trăng nấu, mười sáu trăng treo*. Trọng đối "Tháng Giêng rét dài, tháng Hai rét lộc". Câu của Cầu là: "Tháng Mười sấm rập, tháng Chạp sấm động". Thầy bảo cả hai người:

- Thằng Trọng có khẩu khí làm quan to, còn thằng Cầu thì chỉ làm giặc?

Lúc ra chơi, Trọng bảo Cầu:

- Tao sẽ cầm quân tiêu diệt mày.

Cầu đáp:

- Nếu tao làm giặc thì tao sẽ đánh tan xác những đứa vào luôn ra cúi.

Được ít lâu Cầu lại đi học với một thầy đồ khác. Một hôm nhà thầy có việc phải mổ trâu thết khách, nhân ra cho học trò câu đối: *Tể hoàng ngư*. Cầu đối: "Trăm bạch xà". Thầy cho biết như thế là sai luật. Cầu đáp:

- Tôi chỉ nhìn vào ý mà không nhìn vào chữ "Giết trâu vàng" chính là đối với "Chém rắn trắng" đó ạ?

Thầy tấm tắc khen:

- Thằng bé này ngày sau có chí lớn. Hãy cố lên con ạ!

Nhưng rồi sau đó ít lâu Cầu bỏ văn học võ. Năm mười tám tuổi người chàng khỏe như voi, tiếng to như sấm, có thể hai tay cầm hai cối đá ném xa vài trăm thước. Chàng lại giỏi nghề bơi lội, lội suốt một hơi, từ tả ngạn sông Bạch Đằng đến bãi huyện Yên Phong mới lên.

Bấy giờ chúa Trịnh chuyên quyền làm nhiều điều bạo ngược: trăm tình nghìn tội đều đổ vào đầu dân. Dân tỉnh Đông rủ nhau làm giặc. Cầu cũng gia nhập vào đám giang hồ. Dần dần, chàng là bộ hạ đắc lực của Nguyễn Cừ. Bấy giờ Cừ xưng hùng một dải Hải Đông. Cừ rất yêu tài chàng, gả con gái cho và phong làm quận công.

Có lần Cầu bị quan quân bắt được. Chúng đưa chàng ra xử trảm. Sắp bị chém, chàng nói với quản ngục:

- Chém thì chém nhưng hãy lập đàn chay, dựng cột phướn cho ta lễ Phật, rồi sẽ chịu hành hình. Như thế ta sẽ thỏa cái linh hồn mà không quấy nhiễu ai nữa.

Bọn quan quân nghe nói cũng sợ, bèn cho lập đàn bên sông. Cầu được cởi trói, thông thả vào lễ Phật rồi treo lên đài, quan quân vây bọc kín ở dưới. Chúng thấy Cầu chấp tay niệm "nam mô" hai tiếng rồi vụt một cái, đã đâm đầu xuống sông. Chúng hốt hoảng rải quân vây đón hai đầu, nhưng tìm mãi không được. Trong khi đó thì Cầu đã lội suốt theo dọc sông hơn ba mươi dặm mới bỏ lên bộ. Khi quan quân biết, thì chàng đã cướp được một con ngựa chạy như bay, không còn ai đuổi kịp.

Cừ thất bại, Cầu tự lập thành một đảng riêng, tiếp tục công việc của bố vợ. Chàng đem đồ đảng chiếm Đồ Sơn làm căn cứ. Khi tế cờ chàng bất kỳ dịch trong làng ấy phải dọn đền thờ Thành hoàng, vớt hết bài vị của thần đi, rồi dựng bài vị mới đề danh hiệu của mình vào mà thờ. Chàng bảo họ: - "Trên có trời, dưới có đất, giữa chỉ có mình ta là hơn cả, thứ thần linh này không đáng thờ bằng ta!".

Hôm khởi nghĩa có con cá he lớn vào sông nên người ta gọi Cầu là "Quận He". Thấy chàng lặn giỏi và có tài đánh thủy, người ta cũng tôn làm "thần cá biển". Tuy vậy, chàng đánh bộ cũng rất cừ. Hồi ấy có một con ngựa thần thỉnh thoảng cứ vào buổi trưa lại từ dưới sông hiện lên rồi lững thững tiến vào một cái miếu ở ngoài đồng. Biết là ngựa quý, Cầu đến miếu nấp định bắt nhưng ngựa lạ hơi vừa động vào đã bị nó đá. Cầu bèn lấy thóc mang đặt ở miếu rồi ngồi rình. Ngựa lúc đầu không chịu ăn. Về sau mon men tới ăn. Máy lần như thế, Cầu bắt đầu làm quen và dần dần ngựa chịu để cho Cầu cưỡi. Ngựa thần ngày đi ngàn dặm, hang sâu khe lớn vượt qua như bay. Ngựa lại rất mền chủ. Có khi người và ngựa bị bại trận lia nhau mấy ngày trời, nhưng chỉ một thời gian sau, ngựa lại tìm về với chủ.

Triều đình cho Cầu là giặc nguy hiểm, cố lo diệt trừ. Chúng sai một quan thủy đạo đốc lĩnh rất thiện thủy chiến đem binh thuyền đến đánh. Cầu cho mười chiếc thuyền giả cách thua chạy. Bao nhiêu quan thuyền được lệnh ra sức rượt đuổi theo. Thuyền của Cầu lui vào bến Cát Bạc. Ở chỗ đó gió to sóng dữ, quan thuyền cao to lại nặng không tài nào lái được, bị dạt sang bờ bên Đông. Cầu chỉ chờ có lúc ấy liền đem thuyền nhẹ đến vây đánh. Quan quân tan vỡ, thủy đạo đốc lĩnh gơ tay chịu trời.

Nhà vua rất lo, phái mười đạo quân, cầm đầu là một viên đại tướng nổi tiếng tới đánh. Cầu tìm chỗ hiểm đặt quân phòng giữ, nhưng bề ngoài thì dàn những quân già yếu để lừa địch. Đại tướng khinh thường, dẫn mười đạo quân tiến vào. Tiến đến đâu, quân Cầu giả thua quăng khí giới bỏ chạy đến đấy. Cầu chờ cho

chúng tiến đến chỗ phải nối đuôi nhau mà đi thì nổ một phát súng hiệu, quân mai phục bốn bề xông ra diệt một lúc hết cả mười đạo quân. Đại tướng chỉ còn chạy thoát lấy thân.

Mãi về sau, Phạm Đình Trọng bảy giờ đã là tướng tâm phúc của chúa Trịnh, tình nguyện xin đi đánh Cầu. Trọng trước lúc xuất quân, gửi cho Cầu một vế câu đối: *Thổ triệt bán hoành: thuận giả thượng, nghịch giả hạ* (nghĩa là chữ "thổ" cắt đi một nửa ngang, để xuôi là chữ "thượng", để ngược là chữ "hạ"). Ý bảo Cầu nếu thuận sẽ dễ yên, nếu nghịch thì tiêu diệt. Cầu nghĩ ngay vế đối gửi lại cho Trọng: *Ngọc tàng nhất điểm: xuất vi chúa, nhập vi vương* (nghĩa là chữ "ngọc" giấu trong mình một chấm, đưa ra là chữ "chúa", cắt đi là chữ "vương"). Ý bảo ta một là làm chúa, hai là làm vua, chứ không thêm đầu hàng.

Hai bên dàn quân giao chiến luôn mấy trận, quân của Trọng bị đánh tơi bời. Nhưng Trọng cố xin chúa cho mình tập hợp quân xứ Bắc như rươi, quân xứ Đoài như trấu để vây bọc Cầu. Quân của Cầu ít lại đóng rải rác ở cuối ghềnh đầu bãi, sau đó bị quân địch dần dần dồn lại trong vòng vây. Những kẻ xông xáo định tìm cách vượt ra đều bị chết dần chết mòn. Tình thế rất nguy ngập. Một hôm, Cầu lặn đến thuyền Trọng. Mặc dầu lính canh gác vòng trong vòng ngoài, chàng cũng bám được vào bánh lái treo được lên quan thuyền trong đêm tối. Bảy giờ Trọng đang ngủ say. Cầu quẳng vào một bức thư đại ý nói: "Ta có thể lấy đầu nhà ngươi như thò tay vào túi lấy một vật gì. Nhưng nghĩ tình bạn đồng học nên ta tha cho. Đổi lại, nhà ngươi hãy mở cho quân ta một lối thoát".

Sáng dậy, Trọng đọc thư sợ quá. Hấn một mặt trưng thu tất cả các chiếu trong vùng kết liên với nhau làm một, rồi trải ra trên mặt sông để đề phòng Cầu lại lên đến. Mặt khác, "tương kế tựu kế" hấn mở một lối cho quân Cầu rút lui, nhưng lại phục binh đợi khi quân Cầu rút được nửa chừng thì hai mặt xông vào ập đánh. Trận ấy quân của Cầu thứ bị giết, thứ bị dấn đuổi, thứ chạy trốn, tan tác khắp nơi. Một bộ phận thoát được theo

chủ tướng chạy vào Nghệ An. Đến đây không may cho Cầu, thuyền bị bão lớn đắm gần hết phải bỏ lên bộ. Đi qua vùng Hoàng Mai, chàng bị thuộc tướng của Trọng bắt được. Chàng than lên: - "Nếu trời không hại ta thì lũ chó chết đừng có hòng mó đến người ta".

Lúc Cầu bị tử hình, vợ yêu của chàng là Nguyễn Thị Quỳnh đến gặp mặt và rút dao đâm cổ, quyết theo chồng về cõi âm cho có bạn. Con ngựa của chàng cũng bỏ ăn ba ngày, rồi đi đâu mất biệt.

Ngày nay dân Đồ Sơn còn thờ Nguyễn Hữu Cầu. Người ta bày ra tục chọi trâu để nhớ lại sức mạnh vô địch của Quận He đã từng một thời làm cho quân triều đình run sợ. Người ta thường nói "gan Quận He" để chỉ những người nào gan góc dũng cảm.

### 34. SỰ TÍCH NỘI ĐẠO TRÀNG

Triều Lê khi mới trung hưng, việc binh đao vừa yên, yêu ma quỷ quái nổi lên rất nhiều, dân gian rất khổ. Tại làng An Động huyện Quảng Xương, có người tên là Trần Lộc làm nghề phù thủy. Một hôm đi qua núi Nưa, nhân đương ngày hè nắng dữ, ông ta ngồi nghỉ ở dưới núi, bỗng thấy trên đỉnh núi, giữa khoảng rừng cây rậm, có một ông già đầu tóc bạc phơ, đứng ngó xuống, lấy nón mà vẫy. Ông ta xắn áo đi lên, giữa trưa thì lên đến đỉnh núi, phục xuống làm lễ bái yết. Ông già vỗ về:

- Nhà ngươi là người thành thực đôn hậu, Thượng Đế khen ngợi, sai ta trao bí quyết cho.

Bèn ghé vào tai bảo cho và nói:

- Đó là phép Phật "thượng không". Nhà ngươi nên siêng năng làm việc tế độ, tòa sen sẽ chẳng xa gì.

Nói xong thì không thấy đâu cả. Ông ta trông lên trên không mà bái tạ. Rồi đem những phép ấy ra dùng thử, đều linh nghiệm.

Từ đây nổi tiếng về nghề bùa phép. Người ta gọi Trần là Phật Tổ Như Lai, hai con là Tả, Hữu Tôn Thánh, người đồ đệ giỏi nhất là Tiền Quan Tôn Thánh, còn những người khác là Bồ Tát, Kim Cương, Minh Sư, Thượng, Trung, Hạ Thăng v.v.. Nghe núi Mỏ Diều có một con yêu thường gây tai nạn cho khách qua đường, bèn đến để trị. Con yêu ăn mặc lối cung trang, giữ trên đầu núi, cùng Tổ Sư chống cự ba ngày không phân thua được. Tổ Sư tức lắm, phóng một cái quyết lật đổ núi. Con yêu hóa làm con quạ bay vút lên trời. Tổ Sư lại phóng mấy cái quyết, trúng vào mình nó, nó sà xuống đất mà chết.

Mười hai cửa bể ở miền tây nam, mỗi cửa đều có một vị thần sống, thường làm cho nước bốc cao lên như núi, chốc lát lại tan đi. Thuyền bè gặp phải, không tài nào sống sót được. Tổ Sư sai đồ đệ đi bắn, trừ được chín còn sót lại ba. Xảy có việc phải đi trông coi ở Sùng Sơn nên không trừ nốt được.

Bấy giờ vua Thần Tông<sup>1</sup> mắc một bệnh lạ. Có người bảo là nhân quả tái thế của vua Lý Nhân Tông. Trong triều ngoài dã đều lo ngại. Đại nguyên súy Thanh Vương tính kế, xin vua nhường ngôi cho Thái tử, xưng Thái Thượng Hoàng, ở cung riêng để chữa bệnh. Dùng bùa, thuốc trong mấy năm, không chút hiệu nghiệm. Nghe tiếng Tổ Sư, triều đình sai trung sứ đến vời. Tổ Sư nghĩ vì cái yêu khí ở vùng tây nam mới yên, chưa dám dời đi vội, cử đồ đệ là Pháp bộ Kim Cương đi thay; đấm vào ngực mà niệm chú. Hơn một tháng, Thượng Hoàng khỏi bệnh, trở lại ngôi rồng, truyền xuống dựng đền thờ Nội đạo để ban khen. Kim Cương trở về, đường qua làng Bồ Vệ. Giữa khi người làng đương làm lễ tế thần, Kim Cương đứng dãi ở trước đình, mấy người trẻ tuổi trong làng tức giận trối lại, Kim Cương nói mãi mới được tha, bèn bắt một cái quyết trối rồi đi. Lập tức già trẻ trong đình, ai nấy hai tay đập vào nhau mà ngồi dựa cột, chỗ năm người, chỗ ba người, muốn giăng ra cũng không được. Cả

---

1. Lê Thần Tông (Duy Kỳ) (1619-1643).

làng đều kinh ngạc. Có người nói lúc này có một Thuật sĩ vô lễ, người làng trốn rồi tha ra, hay là hấn phản chăng? Cho người đi tìm, chẳng thấy đâu cả. Việc đến tai triều đình. Vua nói:

- Đó là Pháp bộ Kim Cương đấy.

Hỏi đến Tổ Sư. Tổ Sư sợ, trách mắng Kim Cương, rồi bao nhiêu bài quyết đã trao cho, đều thu lại hết, chỉ còn những bài quyết thỉnh Phật và trừ tà là còn để lưu hành ở đời. Ở vùng Giang Bắc, có một phái gọi là Nội Đạo tràng, lấy trọng trị bệnh. Đó không phải phái này.

### 35. TIÊN QUỲNH HOA

Tại làng Tây Hồ có phủ thờ Liễu Hạnh, dựng trên đầu doi đất trông ra giữa hồ Tây, cảnh đẹp, gió lồng từ ba phía đưa lại quanh năm. Liễu Hạnh, vị nữ thần dưới thời Lê Anh Tông (thế kỷ thứ XVI) có đền thờ nổi tiếng ở nhiều nơi như Phủ Giày (Nam Hà), Đền Sòng, Phố Cát (Thanh Hoá). Liễu Hạnh còn có tên là Quỳnh Hoa (trùng với tên vị nữ thần ở Nghi Tàm)<sup>1</sup>. Theo truyền thuyết, Phùng Khắc Khoan, tức Trạng Bùng (1528-1613) đã cùng hai bạn là cử nhân họ Ngô và tú tài họ Lý chơi thuyền ngấm trăng ở hồ Tây, bỗng gặp một cô gái đi chiếc thuyền nhỏ đánh cá. Ba người hỏi chuyện và cùng nhau làm thơ theo thể "liên ngâm". Ngâm vịnh xong, ba người mời cô gái lên bờ để tiếp tục đàm đạo thì thuyền nhỏ lặn vào trong sương mù biến mất. Ba người ngơ ngác lên bờ thì bỗng thấy một cụ già xách ba con cá đi qua và biến vào trong xóm. Phùng Khắc Khoan bảo hai bạn: "Người mình cùng nhau ngâm vịnh đúng là vị tiên" (chữ Hán ba chữ "ngư" chồng lên nhau đọc là chữ tiên

---

1. Quỳnh Hoa là tên của tiên nữ theo truyền thuyết đã bị giáng xuống trần vì bị lỗi đánh vỡ chén ngọc, và đầu thai vào nhà họ Lê thành Liễu Hạnh (xem *Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ* của Đỗ Đình Nghiêm, Ngô Vi Liễn, Phạm Văn Thư, Hà Nội, Lê Văn Tân 1930, tr.72-73).

và có nghĩa là cá gỏi). Liên lúc ấy thì có tờ giấy màu hồng bay tới. Ba người nhặt lên đọc thì có ghi bài thơ:

*Vân tác y thường, phong tác xa,  
Triều du đâu suốt, mộ yên hà.  
Thế nhân dục thức ngô danh tính,  
Nhất đại sơn nhân, ngọc quýnh hoa.*

(Mây làm xiêm áo, gió làm xe,  
Cung tiên ban sớm giáng chiếu tà.  
Người trần muốn biết tên cùng họ  
Người núi là ta: Ngọc Quýnh Hoa).

"Người núi" là chữ *tiên* do chữ *nhân* (người) và chữ *sơn* (núi) ghép lại. Hai chữ *Ngọc* và chữ *Quýnh* ghép lại thành chữ *Quýnh*. Câu 4 có nghĩa: "Tiên Quýnh Hoa". Trong *Tây hồ phú*, Nguyễn Huy Lượng đã ghi lại giai thoại văn học này:

*...Chạnh nhớ khúc liên ngâm thưởng nguyệt, lúc tiểu đàm  
chùng thỏa ý giao phu*

*Tòa đá nọ hãy ghi câu canh họa, dòng nước kia dường nổi  
chén tác thù.*

### 36. LIỄU HẠNH TIÊN CHÚA

Về thời vua Anh Tôn nhà Lê (1557) ở về thôn Vân Cát, xã Yên Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, có một người gọi là Lê Thái Công, tiên tổ tích đức đã ba đời, đến đời Lê Thái Công cũng hay làm phúc. Ngoài 40 tuổi, sinh được một người con trai. Cách năm sau, Thái bà có mang được vài tháng thì phải bệnh lạ, ưa những đồ hương hoa, người nhà cho là ma làm, mời thầy phù thủy cúng cấp mà bệnh lại nặng thêm.

Đến đêm hôm trung thu có người xin vào chữa bệnh cho Thái bà, Thái công mời vào, người ấy cầm cái búa ngọc, lên đàn

niệm câu thần chú rồi ném búa xuống đất. Thái công ngồi cạnh ngã ngay xuống mơ mơ màng màng, thấy có hai người lực sĩ đưa đi. Đường đi khuất khúc, đến một nơi nhà vàng cửa ngọc, lực sĩ đưa đi qua chín tầng cửa, rồi đến chốn cung đường, thì dừng lại ở dưới hè. Trông lên trên thấy có một vị áo mũ đường hoàng, hai bên văn võ cầm hốt đứng chầu nghi vệ rất thịnh. Sực có một người con gái mặc áo đỏ, bưng chén ngọc dâng rượu thọ, lỡ tay rơi chén, sứt mất một góc. Tả ban có một viên mở ngay sổ ra biên vài chữ, rồi thấy hai người sứ giả và vài chục người thị nữ xúm lại dặt nằng mặc áo đỏ tụt cửa nam đi ra. Mé trước có một cái biển vàng, trên có hai chữ "Sắc giáng", giữa có hai chữ "Nam nam", còn các khoản dưới thì mập mờ không rõ.

Thái công hỏi người lực sĩ rằng:

- Đó là việc gì thế?

Lực sĩ nói:

- Đây là bà tiên chúa thứ hai tên là Quỳnh Hoa chuyển này chắc là phải đây xuống trần.

Nói đoạn, lực sĩ đưa Thái công về đến nhà thì tỉnh dậy, mà Thái bà đã sinh ra một người con gái, nhân thế đặt tên là Giáng Tiên. Khi nàng Giáng Tiên lớn lên, nhan sắc lạ thường, Thái công cho ở tĩnh một nhà học hành. Nàng ấy rất thông minh, mà lại tài nghệ âm nhạc, thường làm ra ca từ bốn mùa, lựa vào khúc đàn để chơi.

### 1) XUÂN TỪ (ĐIỆU XUÂN QUANG HẢO)

*Cảnh như vẽ, khéo ai bày? Hoa đào mím miệng liễu giương mày. Bướm nhón như bay, oanh vàng lú lo trong bụi, én đỏ riu rít trên cây. Buồng xuân dặt dối tình ngây, đề thơ này!*

### 2) HẠ TỪ (ĐIỆU CÁCH PHỐ LIÊN)

*Trời đất nhiều phần nóng nẫu. Đâu cảnh rúc giọng ve, bãi cỏ vang tiếng châu; vò võ quốc kêu sầu, eo éo oanh hót ngẫu. Đường bảo nhau: "Chúa xuân về rồi thôi cũng hảo!". Cảnh sắc đường kia, ngao ngán cầm lòng không đậu. May đâu, thần Chúc Dong*

*gãy một khúc nam huân, hương sen thoảng áo, một trận gió bay, sạch lòng phiền não.*

### 3) THU TỪ (ĐIỀU BỘ BỘ THIÊM)

*Mặt nước trong veo non tựa ngọc, gió vàng hây hây khua khóm trúc. Hoa lau muôn dặm trắng phau phau, cây cối vẻ hồng pha vẻ lục. Cung thiêm sáng quắc ả Hằng ngủ, dạo bước thêm giao tình rạo rức. Chi bằng đến thẳng dưới giậu hoa cúc thơm, thanh thoi dạo đàn gảy một khúc.*

### 4) ĐÔNG TỪ (ĐIỀU NHẤT TIẾN MAI)

*Khí đen mờ mịn tỏa non sông, hồng về nam xong! nhận về nam xong! Gió bắc cầm cầm tuyết mịn mừng! tựa triện ngôi trông. Sưởi lò mặt vẫn giá như đông, ngôi chẳng yên lòng, nằm chẳng yên lòng! Dậy xem phong cảnh lúc trời đông, hoa quên lạnh lòng! người quên lạnh lòng!*

Một khi Thái công dạo chơi sau vườn, nghe thấy khúc nhạc ấy, trong bụng buồn rầu, nhân có ông bạn quen họ Trần ở cùng một làng, mới cho làm con nuôi ông ấy, và lấy riêng một nhà lầu ở sau vườn Trần công cho con gái ở.

Cạnh nhà Trần công có một nhà quan, tuổi già chưa có con trai, nhân đêm trăng ra chơi vườn đào, bắt được đứa con trai ở dưới gốc đào, vì thế đặt tên là Đào lang. Đào lang mặt mũi tuấn tú Trần công thấy Giáng Tiên tư chất khác phàm và lại nét na, có ý muốn kết duyên cho Đào lang. Hai bên cha mẹ thuận lòng, mà hai người cũng tốt duyên phải lứa, mới gả cho nhau. Từ khi cưới về, Giáng Tiên một lòng hiếu thuận. Năm sau, sinh được một mụn con trai, cửa nhà thêm vui vẻ.

Ngày tháng thấm thoát, chợt đã ba năm. Hôm mồng ba tháng ba, Giáng Tiên tự nhiên vô bệnh mà mất, bấy giờ mới hai mươi mốt tuổi. Ba nhà sầu thảm vô cùng.

Thái bà đau xót đêm ngày khóc lóc. Một bữa đang khóc thì thấy con về ôm lấy mẹ mà nói rằng:

- Mẹ ơi? con ở đây, mẹ khóc gì thế?

Thái bà mở choàng mắt ra trông quả là con, cả nhà xúm lại hỏi han.

Tiên chúa nói rằng:

- Con là đệ nhị tiên cung phải dày xuống trần, nay đã hết hạn, lại phải lên châu Thượng đế. Cha mẹ có âm công, đã vào sổ tiên, mai sau cũng được đoàn tụ, không cần gì phải lo sầu.

Nói đoạn thì lại biến mất.

Chàng Đào lang từ khi duyên bay, trăm phần sầu não. Một đêm đang ngồi ngâm thơ giải phiền, chợt thấy Tiên chúa đến, chàng kia nín lấy kể nỗi đoạn sầu khổ. Tiên chúa khuyên giải hết điều rồi lại biến mất.

Tự bấy giờ đi mây về gió, chơi xem phong cảnh các nơi. Một hôm, đến tỉnh Lạng Sơn, trông thấy có ngôi chùa trên núi, mới lên xem cảnh, rồi ra nghỉ mát dưới gốc cây thông, gảy đàn ngâm hát. Xảy có Phùng Khắc Khoan (Trạng Bùng) đi sứ về qua, hai bên đối đáp với nhau.

Phùng công đọc trước một câu rằng:

- *Tam mộc sâm đình; tọa chúc hảo hê nữ tử.*

Tiên chúa ứng thanh đối rằng:

- *Trùng sơn xuất lộ; tẩu lai sứ giả lại nhân.*

Phùng công lại đọc rằng:

- *Sơn nhân bằng nhất kỷ; mạc phi tiên nữ lâm phạm.*

Tiên chúa lại đọc rằng:

- *Văn tử ái tràng cân; tất thị học sinh thị trưởng.*

Phùng công thấy vậy, muốn hỏi lai lịch thì đã biến mất rồi, chỉ thấy gỗ nằm ngổ ngang, hình ra bốn chữ: "Mão khẩu công chúa"<sup>1</sup>, có một cây gỗ dựng viết bốn chữ "Thủy mã dĩ tẩu"<sup>2</sup>.

1. Gỗ ngổ ngang là hình chữ *mộc*. Chữ *mão* chữ *khẩu* gia thêm chữ *mộc*, là chữ *Liêu Hạnh*.

2. *Thủy mã* là chữ *Phùng*, *dĩ tẩu* là chữ *khởi*, ý là bảo họ Phùng khởi công.

Phùng công đoán ý từ các chữ ấy, biết là Liễu Hạnh công chúa nhờ mình khởi công sửa sang chùa ấy, mới xuất tiền cho dân sửa sang.

Lại một khi Phùng công đem bạn lên chơi hồ Tây, cũng gặp Tiên chúa, xướng họa liên ngâm với nhau. Về sau Tiên chúa hiển thánh ở đền Ngang phố Cát tỉnh Thanh Hóa, hiện ra làm con gái đẹp bán nước, những kẻ đùa bỡn chết hại rất nhiều. Triều đình nghi là yêu quái, sai thầy phù thủy và Trịnh Hoàng Thúc đem quân đi tiêu. Quan quân bắt vào trong núi, tàn phá đền đài. Được vài tháng dân sứ ấy dịch tể, lập đàn cầu khẩn, thì mới biết là Tiên chúa hiển thánh; tâu lên triều đình, vua sửa sang lại đền miếu, phong là *Mã vàng công chúa*. Sau lại có công giúp nước phá giặc Mán, được phong làm *Chế thắng bảo hòa diệu đại vương* lập đền trên núi Sùng Sơn đến giờ vẫn còn anh linh.

### 37. ÔNG TỔ NGHỀ LÀM LỌNG

Đó là ông Bùi Nhạ Hành người ở xã Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam. Ông đậu tiến sĩ vào cuối đời nhà Trần. Khi nhà Minh sang xâm chiếm, ông theo phò Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn.

Cuộc khởi nghĩa thành công, đời vua Lê Thái Tông, ông đem lễ vật qua bên Tàu mà cống sứ. Đến thành Yên Kinh, vua Tàu sai một vị quan mời ông Bùi Nhạ Hành lên trên lầu cao để xem kinh Phật rồi mới cho vào cống sứ.

Ông leo lên. Vừa đến lầu thì dưới này quan Tàu rút thang. Hai ba ngày, ông không được ăn uống gì cả. Biết là quan Tàu muốn thử mưu kế, ông bình tĩnh nhìn trên lầu, thấy một tượng Phật to lớn và một tô nước lạnh. Sau tượng Phật, có hai cái lọng che. Lấy ngón tay khều ra thử, rõ ràng tượng nọ bằng bột chín phơi khô. Ông Bùi Nhạ Hành bẻ tượng Phật mà ăn rồi đọc kinh Phật.

Năm bảy ngày sau, không còn món gì để ăn nữa, ông bèn cầm hai tay hai cây lọng, nhảy xuống đất, nhờ lọng bọc gió, ông xuống rất êm.

Quan Tàu rất ngạc nhiên, khâm phục tài ông. Chừng trở lên lầu thấy tượng Phật biến mất, quan Tàu hỏi:

- Tượng Phật đâu rồi?

Ông Bùi Nhạ Hành chỉ tay vào bụng mình mà cười:

- Tâm tức Phật! Phật tức tâm?

Nhờ tài ứng phó của ông, vua Tàu nể nang nước Việt Nam ta.

Khi ông Bùi Nhạ Hành mất, vua nhà Lê phong cho chức Thái bảo Lương quận công. Tục truyền rằng sau khi về nước, ông phổ biến nghề làm lọng căn cứ vào hai cây lọng ông nhảy xuống đất.

### 38. TRUYỆN CHÚC PHÁN SỰ Ở ĐỀN TẢN VIÊN

Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang<sup>1</sup>. Chàng vốn là người khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, ở vùng Bắc, người ta vẫn khen là một người cương trực.

Trong làng vốn trước có một tòa đền, vẫn linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên bách hộ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu quái trong dân gian. Tử Văn rất tức giận. Một hôm chàng tắm gội chay sạch khấn trời rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, tỏ vẻ lo sợ thay cho Tử Văn nhưng Tử Văn vùng tay không cần gì cả.

Đốt xong đền trở về nhà, chàng thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người vạm vỡ, đông dạc, đầu

---

1. Lạng Giang: Thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay.

đội mũ trụ đi đến, nói năng, quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ, đến đòi làm trả lại tòa đền như cũ, và nói:

- Nhà ngươi đã theo nghiệp Nho học, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần ra sao, cứ gì lại dám lãng miệt, hủy tượng đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả lại tòa đền như cũ. Nếu không thì vô có hủy đền Lư Sơn, Cố Thiệu<sup>1</sup> sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên. Người kia tức giận nói:

- Phong đô<sup>2</sup> không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đấy. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết.

Nói rồi phất áo ra đi.

Chiều tối lại có một ông già, áo mũ đen, phong độ nhàn nhã, thung thủng đi đến trước thềm, vái chào mà rằng:

- Tôi là vị thổ thần ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy đến để tỏ lời chúc mừng.

Tử Văn kinh ngạc nói:

- Thế người đội mũ trụ ban nãy đến đây, chẳng là thần thổ địa đấy ư? Sao mà nhiều thần quá vậy.

Ông già nói:

- Ô đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo tên họ của tôi, quen dùng chước lừa dối, thích làm trò thảm ngược. Thương

---

1. Cố Thiệu: Người đời Tam Quốc ở Trung Quốc, làm quan Thái thú quận Dự Chương, chủ trương phá hủy các đền thờ nhằm nhĩ, trong số đó có đền Lư Sơn. Thần Lư Sơn đến đòi dựng đền lại, Thiệu chỉ cười mà không trả lời. Thần giận mà bảo rằng: "Ba năm ngươi sẽ chết". Đến kỳ hạn đó Thiệu bị ốm, người ta đều khuyên Thiệu dựng lại đền. Thiệu nói: "Tà không thể thắng chính được".

2. Phong đô: Cõi âm phủ.

để bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe.

"Tôi từ đời vua Lý Nam Đế làm chức Ngự sử đại phu, vì chết về việc can vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vật đã hơn một nghìn năm nay, có khi nào mà lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như kẻ hoạt tặc kia đã làm. Gần đây vì thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay.

Tử Văn nói:

- Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm vương và tâu lên Thượng đế lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê?

Ông già chau mặt nói:

- Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thưa kiện nhưng mà nhiều nỗi ngăn trở, những đền miếu quanh đây vì lòng tham của đút đều bênh vực nó cả. Khư khư một tấm lòng thành thực, không làm thế nào để thông đạt được lên cấp trên. Cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi một nơi.

Tử Văn nói:

- Hẳn nếu thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi được không?

Ông già nói:

- Hẳn quyết chống chọi với nhà thầy ở Minh ty<sup>1</sup>. Tôi nhân lúc hấn đi vắng nên lên đến đây báo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Lại dặn Tử Văn:

- Hễ Minh ty có tra hỏi thì nhà thầy cứ khai ra những lời của tôi. Nếu hấn chối cãi thì nhà thầy kêu xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ, thì nó phải đở miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vùi lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

---

1. Minh ty: Âm phủ.

Tử Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía Đông. Đi bộ nửa ngày, đến một dinh tòa rất lớn, xung quanh có thành sắt cao vút đến mấy chục trượng. Hai quỷ sứ đến nói với người canh cổng. Người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền chỉ rằng:

- Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm.

Nói rồi xua tay bảo đi ra phía Bắc. Đặng phía Bắc là một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn thước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên tả hữu cái cầu có đến mấy vạn quỷ Dạ thoa<sup>1</sup> mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác. Hai tên quỷ sứ dùng gông dài thừng lớn gông trói Tử Văn mà giải đi rất nhanh. Tử Văn kêu to lên rằng:

- Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội gì xin bảo cho rõ, không nên bắt phải chết một cách oan uổng?

Chợt nghe trên điện có lời tuyên ngôn rằng:

- Tên này bướng bỉnh gân guốc, nếu không phán đoán cho rõ, vị tất nó đã chịu phục tội.

Bèn sai dẫn Tử Văn vào trong cửa điện. Tử Văn vào đến nơi đã thấy người đội mũ trụ đương kêu cầu ở dưới sân.

Diêm vương mắng Tử Văn rằng:

- Kẻ kia là một người cư sĩ, trung thần khích liệt có công với tiên triều, nên Hoàng thiên cho huyết thực<sup>2</sup> một tòa đền để báo đáp công khó nhọc. Mà là một kẻ hàn sĩ, sao dám hỗn láo, tội nghiệp tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời ông cụ già đã nói, lời rất cương chính, không chịu chùn nhụt chút nào.

Người đội mũ trụ nói:

---

1. Dạ thoa: Loài quỷ hình dáng kỳ quái.  
2. Huyết thực: Được thờ cúng hưởng những tế phẩm có chất huyết (như trâu, bò, dê, lợn, gà...)

- Ấy là trước vương phủ mà hấn còn quật cường như thế, mồm năm miệng mười, đơm đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quanh hiu, sợ gì mà hấn không dám cho một mớ lửa.

Hai bên cãi cọ nhau mãi vẫn chưa phân phải trái. Nhưng Diêm vương vì thế bụng cũng sinh nghi. Tử Văn nói:

- Nhà vua không tin lời tôi, xin đưa giấy đến đền Tản Viên để hỏi hư thực. Nếu không đúng như thế, tôi sẽ chịu thêm tội nói càn.

Người đội mũ trụ bấy giờ mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâu rằng:

- Hấn là một kẻ học trò mà thật ngu bướng, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy, cũng đủ trừng giới. Xin Đại vương khoan tha cho hấn để tỏ cái đức rộng rãi, bất tất đòi hỏi dây dưa và thẳng tay trị tội, sợ có hại cho cái đức hiếu sinh.

Diêm vương quát lớn:

- Cứ như lời hấn thì nhà ngươi đáng tội tru lục. Điều luật lừa dối đã sẵn sàng đó. Nhà ngươi có sao dám làm sự xuất nhập nhân tội<sup>1</sup> như vậy?

Lập tức ngài sai người đến đền Tản Viên để lấy chứng thực. Sai nhân về tâu, nhất nhất đúng như lời Tử Văn. Diêm vương cả giận, bảo các phán quan rằng:

- Lũ các người chia tòa sở, giữ chức vụ, cầm lệnh chỉ công, làm phép chỉ công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên tư, phạt thì đích xác mà không quá lạm. Vậy mà còn có sự dối trá càn bậy như thế. Huống chi về đời Hán đời Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn xiết nói được ư?

Diêm vương nghĩ Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đến kia, từ nay phần xôi lợn của nhân dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa và sai lính đưa Tử Văn về.

Chàng về đến nhà, té ra đã chết được hai ngày rồi. Nhân đó,

---

1. Xuất nhập nhân tội: Tùy tiện buộc tội hoặc xóa tội của người khác.

chàng đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau họ đón một bà đồng về phụ bóng, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ dựng một tòa đền mới. Còn ngôi mộ của người tướng giặc Minh kia thì tự dựng bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy.

Sau đó một tháng, Tử Văn thấy ông già đến hỏi:

- Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy, không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân phán sự, lão đã vì thầy hết sức tiến cử, được đức thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ta sống ở đời, xưa nay ai không phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau là đủ rồi. Nếu trùng trình độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Nên cố gắng đi, đừng nên coi là việc tầm thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà rồi không bệnh tật gì mà chết.

Năm Giáp Ngọ có người ở thành Đông Quan vốn quen biết Tử Văn, buổi sớm đi ra ngoài cửa Tây vài dặm, trông thấy ở trong sương mù có xe ngựa đi đến âm âm, lại nghe thấy tiếng quát rằng: "Người đi đường tránh ra, có xe quan phán sự"!

Người ấy ngẩng đầu trông về phía trước, thấy người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ ngồi trên xe chấp tay thi lễ, chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cười gió mà đi biến mất. Đến nay con cháu hãy còn, người ta truyền "là nhà quan phán sự".

### **39. TỔ CÁO MA LIỄU THĂNG**

Ở Ninh Bình, một thời có đền thờ Liễu Thăng. Trước ngôi đền ấy có một cái ao, không ai dám đến tắm giặt ở ao ấy. Người nào lỡ phạm vào điều kiêng kị ấy thì mắc bệnh rồi chết.

Có một người học trò đi đường trường lúc trời nóng nực, qua cái ao bèn xuống tắm ở đấy. Sau đó, chàng vào quán trọ nghỉ thì lên cơn cảm nóng, rất nặng. Người ta hỏi vì sao mà bị cảm. Người học trò nói: "Tôi tắm ở cái ao kia". Người chủ quán bèn nói rằng: "Cậu mắc phải lầm lỡ rồi, chắc là không cứu nổi đâu". Rồi người chủ quán kể rõ ngọn nguồn về đền Liễu Thăng và cái ao thiêng. Người học trò nói: "Nếu Thăng quả là linh thiêng thì tại sao lại vì một sự lầm lỡ mà giết người ta. Nếu tôi mà chết thì xin ông đặt bút nghiên ở đầu giường, tôi sẽ làm đơn kiện hấn ta ở cõi âm. Chờ ba ngày mà không thấy tôi sống lại thì hãy khâm liệm tôi".

Người học trò ấy quả nhiên chết. Người chủ quán làm theo đúng lời chàng dặn lại. Sau một đêm thì thấy chàng ta sống lại và kể rằng: "Khi mới chết thì tôi đến ngay đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, trình bày sự việc và tố cáo Liễu Thăng. Thần (tức Đinh Tiên Hoàng) khuyên tôi đem sự việc đến tố cáo ở đền thờ thần Tản Viên. Sau khi đến đền thờ thần Tản Viên, tôi nộp đơn tố cáo. Thần Tản Viên bèn sai truy nã, bắt Liễu Thăng đến mắng rằng: "Tên tướng bại trận kia mà còn được người ta hương lửa thờ phụng như thế thì đã là may mắn lắm rồi. Thế mà nhà ngươi lại dám giết người không có tội à!".

Thần Tản Viên mới sai truất bỏ việc thờ cúng ở đền Liễu Thăng và cho người học trò trở về cõi dương.

Từ đó sự linh thiêng của đền thờ Liễu Thăng mất hẳn. Người ta bèn phế bỏ việc thờ cúng hấn ta.

## 40. TRUYỆN CHUYẾT CÔNG THIÊN SƯ

Chùa Phật Tích ở núi Lạn Kha, do vua Anh Tông nhà Lý dựng lên; cung son, điện vẽ san sát trong núi. Có người can, vua cười mà bảo:

- Đó là cái duyên xưa của trẫm.

Hồi tiên triều trung hưng có người thầy tu ở bên Trung Hoa

là Chuyết Công Thiên sư, đi thuyền bẻ chở hơn ba vạn quyển kinh Tam tạng sang Nam, lên núi Lạn Kha, bỗng như hiểu ra điều gì, nhân làm nhà sư trụ trì ở đấy. Ở được hơn một năm, kinh Tam tạng bị chuột gặm đến một nửa, sư lại về Trung Hoa lấy kinh đem sang. Đời Lý Trần mà đạo Phật lại hưng thịnh lên được là công của sư cả.

Ông Trọng nguyên Nguyễn Đăng Đạo<sup>1</sup> người làng Hoài Bảo, thuở nhỏ đi học, qua chùa ấy, sư thường lấy trầu cau ra thết. Một hôm, ông đùa, viết một chữ "hiển" ở dưới đáy hộp trầu rồi đi. Lúc ông về, sư đón đường mời vào bảo rằng:

- Đó là chữ "nam" và chữ "khuyến" hợp lại. Ta vốn biết nhà thầy là Trọng nguyên nước Nam, nhưng thầy có muốn nổi tiếng ở tận triều đình Trung Hoa không?

Ông giật mình sụp lạy, xin dạy bảo cho. Sư trao cho một quyển sách mà bảo:

- Đó là một quyển sách bí mật, khoảng năm Sùng Trinh, Thuận Trị<sup>2</sup>, bản in bị cháy; nhà thầy nên đọc cho kỹ.

Sau ông thi đỗ, phụng mệnh đi sứ Trung Hoa. Khi nhàn rỗi ở quán khách, thường được vua Trung Hoa vờ vào hỏi han. Ông viện dẫn cổ kim nhiều điều ra ngoài ý nghĩ của người ta, được vua Trung Hoa rất khen ngợi, ban cấp cho rất hậu. Như vậy là đúng như lời sư nói.

Sư nguyên họ Lý, tên là Thiên Tộ, cùng tên với tên vua Lý Anh Tông. Tượng đến nay hãy còn. Có người ngờ sư là hậu thân của vua Lý Anh Tông.

- 
1. *Nguyễn Đăng Đạo* (1650-1720): Người làng Hoài Bảo, huyện Tiên Du (Bắc Ninh), sau đổi tên là Liêu, đậu Trọng nguyên năm 1683, có đi sứ Trung Quốc. Thơ của ông có *Phụng sứ tập* làm trong dịp này.
  2. *Sùng Trinh, Thuận Trị*: Sùng Trinh (1628-1643) là niên hiệu của Minh Hoài Tông, Thuận Trị (1644-1661) là niên hiệu của Thanh Thế Tổ.

## 41. TRUYỆN NGUYỄN CÔNG HÂN CHỦ THẦN TUYÊN NGHĨA

Đền Tuyên Nghĩa nằm dưới chân núi Nghĩa Liệt, thuộc huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Cuối đời Trần, tướng nhà Minh đánh nhau với Lê Thái Tổ bị chết tại nơi này, lâu ngày trở nên linh ứng, dân làng lập miếu thờ. Có người nói viên tướng Minh chết ở đây là Liễu Thăng. Đền thiêng nhất vùng, tiền cúng phủ kín mặt đất, không ai dám lấy cả. Đúng như sách *Hoan Châu phong thổ ký* nói: "Tiền bạc ở đền Tuyên Nghĩa đầy đất, hốt sao cho xuế".

Mùa thu năm Mậu Tý (1768) đời Cảnh Hưng, Nguyễn Công Hân người xã Trường Bộc, huyện Nam Đường đi ứng khảo ở Thừa ty, cùng năm, sáu anh em leo núi men khe vào tận trong đền Tuyên Nghĩa. Công Hân lớn tiếng chửi vị thần thờ ở đây rằng:

- Mi là tên tướng phản hân của phương Bắc, hồn ma bị cầm cố ở nước Nam, sao ngang nhiên làm Thượng đẳng thần để hưởng đồ cúng của người Nam vậy?

Nhân đó xé rách cả dù lọng thờ, rồi mấy người kéo nhau về chỗ trọ.

Đêm hôm ấy Công Hân lên cơn sốt mê man bất tỉnh trong khoảng vài canh, mọi người đều sợ hãi nói:

- Không khéo bị thần Tuyên Nghĩa quả trách?

Đến gà gáy, thấy Công Hân quát to lên một tiếng rồi vùng đứng dậy. Anh em đổ xô tới hỏi, Công Hân nói:

- Tôi bị thần Tuyên Nghĩa hiện ở Chiêu Trưng Đại vương đền Hồ Khẩu. Tôi khẩn thiết nói ngày mai phải vào thi kỳ đầu, xin chờ thi xong sẽ trở lại hầu kiện. Đại vương đồng ý nên được về đây.

Ngày hôm đó vào thi, vừa làm bài xong, Công Hân bỗng thấy một người cầm nghiên mực hất vào quyển của mình, mực đổ nhòe nhoẹt không sao đọc được chữ nữa. Quan Thừa hiến bảo Công Hân đổi quyển khác. Đến lúc xướng danh, Công Hân được xếp đỗ đầu.

Đêm hôm ấy về nhà trọ, thấy vị thần kia lại đến giục đi. Công Hân lấy chiếc áo dài mặc vào, sắp sẵn nghiên bút rồi bảo mọi người rằng:

- Tối nay đúng hẹn đi hầu kiện, anh em đừng sợ. Vụ kiện này nhất định tôi được, bảo đảm khỏi lo?

Nói xong nằm đờ ra chết, đến sáng thì tỉnh lại. Thấy ông mặt mày hớn hở, mọi người tranh nhau hỏi. Công Hân kể lại đầu đuôi:

- Tôi đến trước cửa đền Hồ Khẩu thì có người dẫn vào. Thấy bên trái Vương có một anh chàng đang đứng, dáng mạo khôi ngô, răng trắng, tóc vấn. Tôi đứng ngay bên phải Vương. Vương bảo tôi: "Anh đọc sách thánh hiền, lẽ nào không biết nghĩa vụ của quỷ thần là làm điều có đức, mà dám khinh rẻ tôn thần như vậy?" Công Hân nói: "Thần đọc sách thánh hiền, nghe nói ai có công với dân thì thờ, ai ngăn tai trừ họa cho dân thì cúng. Nay Tuyên Nghĩa không thuộc vào số thần đó, mà lại lạm nhận danh hiệu "Thượng đẳng thần" do triều đình phong cho, thế chẳng gọi là cái thấy ma được vực dậy sao?<sup>1</sup> Vì vậy mà thần bất bình. Vả lại vào cuối đời Trần, gan óc nhân dân nước Nam trở thành bùn đất là do loại người như thế này gây ra. Thần mà sống vào thời đó, thế quyết xé xác chúng ra<sup>2</sup>, chứ đâu có chuyện tôn thờ chúng?" Vương gật đầu ha ha tỏ vẻ đồng tình, nói: "Anh học trò này nói đúng, bất tất phải xét hỏi thêm". Thần Tuyên Nghĩa nghe Vương nói thế, mặt tái như đất, trơ họng không đáp được lời nào, Vương hất tay bảo Công Hân lui ra và nói: "Anh đã chửi hấn thậm tệ, lại còn xé rách cả dù lọng thờ, đó là cái sai của anh. Từ nay đừng làm như thế nữa!" Tôi vái tạ mà ra về.

---

1. Nguyên văn: "*Hành nhục tẩu thi* = làm cho cục thịt biết đi, thầy chết biết chạy".

2. Nguyên văn: "*Bão ngát kỳ nhục* = ăn no thịt chúng".

Có thể thấy thần tà không dám động đến người ngay. Những nhà nho muối mặt thờ dâm thần để cầu phúc ở đời nghe câu chuyện trên, không thấy xấu hổ sao?

## 42. SỰ TÍCH ĐỀN THIÊNG Ở HỒ KHẤU

Người cháu của Lê Thái Tổ trấn thủ ở Nghệ An, có nhiều thành tựu, người đời nhớ đến công đức, lập miếu thờ ở bên bờ sông xã Hồ Khẩu, huyện Hưng Nguyên, gọi ông là "Chiêu Trưng Đại vương". Có người nói sau ông lại giáng sinh làm Tiến sĩ Nguyễn Phúc<sup>1</sup>, người xã Đoàn Tùng, huyện Gia Phúc.

Ở nước Nam, thuộc hạng thượng đẳng tối linh từ, có thánh từ ở Hương Cẩn và Quỳnh Lưu là thiêng vào bậc nhất, còn miếu thờ Đại vương thì đứng ở hàng thứ hai. Sách *Hoan Châu phong thổ ký* có nói: "Hồ Khẩu lưu lại cây cam đường của Thiệu Bá<sup>2</sup>. Công đức cháu nhà vua lưu truyền mãi về sau như vậy đó.

Tháng 5 năm Bính Tý (1756) niên hiệu Cảnh Hưng, mở khoa thi Hương, sĩ tử của hai huyện Hưng Nguyên và Phúc Diễn từ Kinh đô về quê ứng khảo. Trời đã tối, họ muốn ngủ tại quán Hoàng Mai, bỗng thấy một chiếc kiệu từ trong thành đi ra. Ai nấy đang định tránh sang bên thì nghe thấy trong kiệu có tiếng hỏi:

- Các anh người xứ nào mà đêm hôm còn đi ở đây?

- 
1. *Nguyễn Phúc*: người xã Đoàn Tùng sau đổi là Đoàn Lâm, huyện Trường Tân, nay là xã Thanh Tùng, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng. Ông đỗ đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Dậu, Thái Hòa thứ 11 (1453), làm đến chức Hàn lâm kiêm Vương phó. Khi vua Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, ông giữ chức đốc lương, gặp gió ngược, thuyền lương đến trễ, bị luận tội xử tử. Sau vua biết ông bị oan, phong làm phúc thần.
  2. *Thiệu Bá*: công thần nhà Chu. Khi đi tuần ở phương Nam, ông có nghỉ chân dưới cây cam đường, về sau người ta quý cây này, không nhổ chặt, nhằm giữ lại di tích của ông.

Đáp:

- Bọn tôi là người Hưng Nguyên ở Nghệ An, kỳ thi đã đến gần cho nên phải vội về ứng tuyển.

Người kia nói:

- Các anh cùng huyện với ta đây, hãy cùng đi một thể.

Các sĩ tử vâng lời, bước theo sau chiếc kiệu, không nói năng gì thêm.

Gà vừa gáy canh một, người đó bảo các sĩ tử:

- Các anh ngủ lại đây thôi, không cần theo ta nữa?

Sáng sớm hôm sau tỉnh dậy thì là địa giới Hồ Khẩu rồi, mọi người đều sợ toát mồ hôi. Sau đó về nhà kể lại chuyện này, ai cũng cho là lạ, liền giết lợn, sắm đủ lễ vật đến miếu Chiêu Trưng Đại vương lạy tạ.

Vào năm Giáp Ngọ (1774), quan Nội giám Khoái Trung hầu, phụng sai của Nghệ An, đến Hồ Khẩu bắt đình phu. Khi viên Nội giám tới địa phận Thiên Lộc, Đại vương nổi giận, nhập vào đũa trẻ xuống thuyền. Lúc qua sông Phú Thạch, thuyền không ai chèo mà đi như bay. Trong phút chốc, Khoái Trung hầu đến tạ tội, dáng điệu như là bị ai trối. Đại vương mắng rằng:

- Bọn ngươi là hoạn quan Thái giám, dựa vào thế khâm sai để sách nhiễu dân Nghệ An, lại đến quấy rầy cả dân tạo lệ<sup>1</sup> của ta, thật đáng tội chết!

Nói rồi, bèn sai bộ hạ nhấc bổng Khoái Trung hầu lên ném xuống đất ba lần. Khoái Trung hầu hoảng sợ, sai thả hết đình phu về, rồi giết trâu bò, sắm đủ lễ vật đến linh từ lạy tạ.

Phàm những truyện hiển ứng như vậy khó mà kể hết được, tạm ghi lại dăm ba truyện mắt thấy tai nghe mà thôi.

---

1. Dân tạo lệ: là dân có nhiệm vụ quét dọn thờ cúng các miếu thần, dân này được miễn phu phen tạp dịch.

### 43. TRUYỆN NGUYỄN CÔNG HOÀN

Ông Nguyễn Công Hoàn người làng Cổ Đô, huyện Tiên Phong<sup>1</sup> là thân phụ ông Thượng thư Bá Lân<sup>2</sup>. Ông có tiếng văn hay một thời. Đối với ai, ông cũng nhã nhặn lịch sự, nhưng về chữ nghĩa thì không nhường ai bao giờ. Thiên tính của ông như vậy.

Ông Lê Anh Tuấn, người cùng huyện, thuở nhỏ với ông là bạn vong niên<sup>3</sup>. Gặp kỳ khảo ở huyện, ông Lê trúng nhất, ông trúng thứ hai. Ông đem văn ra so sánh, nhất định không chịu mình kém. Ông Lê đỗ, rồi làm quan; ông không chơi với nữa. Ông Thượng<sup>4</sup> thuở nhỏ học giỏi văn hay, suýt soát với ông, ông thường cùng ganh thi hơn kém. Ông Thượng cố tránh, bị ông đánh chửi.

Một lần, hai cha con thả thuyền giữa dòng sông để làm văn thi, bảo hễ ai văn kém thì bị ném xuống sông. Làm xong, văn của ông hơi kém, ông liền nhảy xuống sông tự trầm thật. Ông Thượng khóc lóc, vớt lên. Một lần, đến thăm quan Tể tướng Nguyễn Công Hãng<sup>5</sup>, tới cổng ông đã réo ngay tên. Người canh cổng vào báo, ông Hãng lật đật chạy ra đón, xin ông làm thơ Lưu, Nguyễn vào Thiên Thai. Trong bữa tiệc ông làm sáu bài còn truyền ở đời. Hồi xuống chơi Kinh, ông làm bạn với Chân nhân Phạm Viên; một hôm hỏi về sự cùng đạt, Chân nhân nói:

- Số ông tiếc không làm nên được, nhưng con ông thì làm to.

Ông bèn bỏ cả việc đời, theo Chân nhân học thuật nhìn lâu. Vào núi Mỹ Lương, dọc đường thiếu lương ăn. Đến một xóm nọ,

---

1. Nay là Quảng Oai, Hà Tây.

2. Nguyễn Bá Lân: (1701-1785): đỗ Tiến sĩ năm 1731, có tài về phú Nôm, là tác giả bài phú Ngã ba Hạc.

3. Bạn vong niên: là bạn không kể tuổi tác.

4. Chỉ Nguyễn Bá Lân.

5. Xem chuyện ông Nguyễn Công Hãng.

có ông già đón khách vào nhà, đồ chín một đĩa trẽ lên ba đem ra thết. Ông không thể hạ đĩa. Chân nhân cười rồi bảo làm món sơn hào đem lên. Chưa bao lâu, đi đến chỗ nhà riêng của sơn nhân. Tiểu đồng dọn lên món thịt chuột thối để uống rượu. Mùi hôi xông lên gồm quá ông lấy vạt áo che mặt không dám trông. Chân nhân nói:

- Ông tục duyên còn nhiều, chưa thể học được.

Bèn đưa ông trở về.

Khi ông Thượng đỗ Hội nguyên, cả hai cha mẹ đều còn. Các bạn đồng khoa đến họp ở làng Cổ Đô để mừng. Ông Hoàn mặc bộ quần áo quê mùa ra tiếp khách, cười mà nói rằng:

- Thăng Bá Lân nhà tôi mà đỗ đầu, thì thiên hạ hết người thật!

Hồi ông Lê Anh Tuấn làm Tế tướng, ông Thượng vì việc công bị lỗi, nghĩ rằng nếu không nhờ cha nói hộ thì không thể gỡ được, bèn thưa với cha. Nhưng ông Hoàn mặc kệ, không nói gì. Cả họ khóc lóc van nài, ông mới khẽ gật đầu. Rồi ông đi chân không đến dinh quan Tế tướng, lội qua hồ mà vào, để chân bê bết bùn vào ngôi chỗ công sảnh, hỏi Tướng công có nhà không. Ông Lê, áo đai chững chạc, ra đón mời. Ông nói:

- Vì chuyện thằng bé nhà tôi, nên phải đến quấy quả cố nhân; một tiếng nhận lời giá trọng nghìn vàng, tướng tôi không phải nói lắm.

Ông Lê vâng lời. Ông liền đứng dậy ra về. Ông Lê nài thư thả nói chuyện vài câu, ông nhất định không ở.

Tuổi ông càng cao, sức học càng rộng. Nghe ở Thanh Trì có người học trò tập văn trường Giám, lần nào cũng trúng giải nhất, ông bèn tìm đến tận nơi. Đêm khuya vào làng, đường quanh co, ông lội qua ao, đến gõ cổng nhà người học trò mà nói:

- Ta là Nguyễn Công Hoàn đây. Có giỏi thì làm văn thi với ta nào!

Người học trò lật đặt đi ra, nói nhún nhường, từ chối. Ông

không nghe. Người ấy xin khất đến kỳ văn trường Giám, ông mới thôi. Sau ông làm văn thi, luôn mấy kỳ chiếm giải nhất trường Giám, ông mới về Sơn Tây.

Tuổi già, một lần ông đến thăm nơi thờ Thiên sư Huyền Quang, chiêm bao thấy Thiên sư bảo rằng:

- Ông tìm ra việc Bích Cơ, nghe đâu Thượng Đế tăng tuổi cho ông một kỷ đấy.<sup>1</sup>

Sau, ông được sống lâu rồi mất.

## 44. HỒ HUYỆT

Ông Lý Khắc Cần là một vị quan rất thanh liêm hồi cuối đời nhà Lê.

Một ngày ông đi công cán đến núi Đại Ngàn giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, nhìn xem phong cảnh hồi lâu, ông truyền lệnh cho bọn quân hầu:

- Ngưng cánh lại. Tao muốn nằm hóng mát nơi đây.

Quân hầu thưa:

- Chúng tôi không dám.

- Sao vậy?

- Thưa, vùng này nổi tiếng nhiều thú dữ.

- Ta đã ra lệnh thì chúng bây phải tuân theo.

Nằm nghỉ hồi lâu, bỗng nghe cộp rống tứ phía. Quân hầu đòi khiêng cang chạy trốn nhưng ông Lý Khắc Cần không chịu. Chập sau, cộp đến xé xác ông.

Quân hầu hoảng hốt, chạy về báo tin cho quan sở tại hay biết. Quan sở tại kéo đến núi tìm được xác ông, đem về Nghệ An mà chôn cất rất long trọng.

---

1. Tức là chuyện nàng Điềm Bích, cung nhân đời Trần Anh Tông (1293-1314). Vua sai nàng đến thử lòng Thiên sư Huyền Quang, nhưng Thiên sư vẫn không nao núng. Chuyện này có chép trong *Tam tổ thực lục*.

Đêm hôm sau, cốp loạn rừng kéo xuống đồng bằng, bao vây mộ ông Lý Khắc Cần, moi xác lên đem về núi. Quân sĩ rượt theo đến khuya thì gặp lũ cốp đang quào đất chôn ông bên sườn núi...

Đêm ấy, quân sĩ không dám tiến tới, đóng binh gần đó. Quan chỉ huy nằm mộng thấy ông Lý Khắc Cần hiện về nói rằng:

- Đừng cải táng. Cốp chôn ta ở đâu thì để vậy. Đó là Hồ huyệt, điềm tốt lành cho con cháu về sau.

Quả nhiên, mấy đứa con của ông lớn lên, thi đỗ đầu, làm quan to hiển hách một thời.

## 45. KHÁCH ĐỂ CỦA

Nước ta có nhiều chỗ khách đào hầm để của. Ta thường đọc sách *Thuyết kiểm* khoảng năm Hoàng Nguyên, Vĩnh Lịch<sup>1</sup> quân Trung Hoa kéo sang nước ta, các quan thú lĩnh phương Nam thường vợ vét được nhiều của mà không mang về được, ý chừng họ để của từ bấy giờ. Làng ta, ở gò Đống Thổ, vẫn truyền là chỗ khách để của. Kẻ nông phu đi đêm làm ruộng ngoài đồng, thường thấy từng đàn gà vàng, vịt vàng ra ăn, liền chạy lại đuổi, thì đàn gà vịt ấy chạy vụt đến gò Đống Thổ, biến mất. Ngôi nhà trung đường ta phía trước có một cái ao nhỏ, nước đen, mùi tanh. Gặp đại hạn, giếng ở đâu cũng cạn hết, duy cái ao ấy không cạn, gặp khi trời trở mưa nắng, thì nước ao thường sôi lên, có những tiền đồng xanh nổi ra, lớn như bàn tay. Nuôi cá thì sắt lại không béo được, trồng sen thì lại tốt. Ngõ Nam làng ta cũng có một cái ao, truyền là nơi để của. Khoảng năm Cảnh Hưng, có một người đàn bà đến ở trọ, xuống ao vớt bèo, thấy tiền ở trong nước phun ra, liền lấy thúng xúc đầy đem về, rồi gọi người nhà ra xem thì không thấy gì nữa. Người đàn bà ấy nhân thế làm nên giàu, rồi đem cả nhà đi nơi khác. Nhưng được vài

---

1. Niên hiệu của Thành Thế Tổ (1644 - 1661).

năm lại nghèo sút như xưa. Lại còn một người đàn bà nữa đi chợ sớm, qua gò Đống Thổ, thấy có nhà cửa chững chạc, đèn lửa sáng trưng, trong có một người đàn bà đang ngồi dệt cửi. Thế thì truyền rằng chỗ ấy là nơi để của, cũng không sai.

## 46. SỰ TÍCH BẢO PHÚC ĐẠI VƯƠNG THỜI LÊ

Theo sự tích truyền lại, Thánh phụ ngài là triều nhà Lê, làng Ninh Lộc, tên là Nguyễn Minh Nghĩa, làm chức Hiệp chính. Thánh mẫu ngài là Mai Thị Tiên, cùng hết sức làm phúc, sau tháng giêng, ngày 12 bà Mai thị nằm chiêm bao thấy một người to lớn mặc áo sắc nâu, chân đi hài, đầu đội mũ, lưng đeo đai bạc, miệng cười như hoa, tay cầm hoa sen cho bà Mai thị. Bà tỉnh dậy, cùng ông Nguyễn tướng công nói chuyện, mới biết là lòng trời cho. Từ đấy chẵn gối yêu đương, bà Mai thị có thai một năm, đến năm Bính Tuất, tháng giêng, ngày 16, sinh được một người con trai, hình dung rất đẹp, đặt tên là Nguyễn Quang Thái, tên chữ là Bảo. Khi ông Thái đi học, sách vở kinh thư, cung tên, đàn sáo, việc gì cũng hay. Sau ông Thái đi thi văn, đỗ cống cử, thi võ đỗ tạo sĩ, làm quan Sơn Nam đồng tri phủ. Khi ông đi chơi lên núi Quyển Sơn, qua sông Châu Giang, có ngâm bài thơ tức cảnh. Ngâm xong, thấy trời u ám mù tối, nước sông cuộn cuộn như sấm sét, gọi dậy, vụt thấy một người con trai nhấp nhô dưới sông nói rằng:

- Ta là dòng dõi vua Hùng Vương, từ lâu ở dưới sông làm chức Long Vương. Trước vâng mệnh Thượng đế vời ta đến cửa khuyết, kíp lại cử xuống nước Nam. Sau vài năm giặc Minh lại lấn. Người nên kíp bảo vua thời quân để phòng. Ta vâng sắc xuống, nghe người đi chơi, nên bảo người biết trước sau này có giặc nên nhớ đến ta.

Ông Nguyễn Bảo nhân hỏi người họ tên là gì, thời đáp rằng ta là dòng dõi vua Hùng Vương tên là Quảng, đại hiệu là Mông Mênh đại vương. Ông Nguyễn Bảo công vẫn lưu nhớ trong

bụng. Đã được ba năm sau, đến đời vua Lê Thái Tôn, có đám cử đảng tên là Đồng Tôn Phúc đem binh phạm cửa khuyết. Triều đình mất vía, cất ông Bảo công làm tiên phong. Ông tâu rằng, tôi trước thấy một vị thủy thần bảo tôn sau này đánh giặc, ắt có công giúp thuận, xin nhà vua cho tôi đến đến mặt đảo. Vua nghe, sai ông Nguyễn Bảo công vâng mệnh đến đến núi Quyển Sơn mặt đảo, thời vị thủy thần y nhờ đi giúp đánh giặc. Được ba tháng mới bình. Vua khen thưởng mạnh, phong ông Nguyễn Bảo công làm Binh bộ Thượng thư, sai ngài đi đánh Chiêm; bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Lại phong ngài là Sùng thần công.

Ngài sống 68 tuổi, đến tháng 7 ngày 12 ngài thấy mình mỗi mệt, đến ngày 14 ngài hóa. Việc ấy tâu lên vua nghe, vua sức bộ lễ viết sắc phong ngài làm Bảo phúc đại vương Dực bảo trung hưng chi thần, sắc 32 trang. Khi phụng thờ lại sắc bộ quan đệ sắc phong, linh tiền đặt miếu, mỗi trang 30 quan, một quan đi đến làng Ngô Khê, khu Diễm, bắt linh hai vị đại vương phụng thờ cùng nước lâu dài. Còn ngày sinh, ngày hóa, ngày hiển thánh đã nói ở trên; vị Mông Mệnh đại vương về đời vua Hùng Vương, vị Bảo Phúc đại vương về triều nhà Lê, hai vị đều có công giúp vua đánh giặc cứu nước.

## **47. SỰ TÍCH LÊ THÁNH TÔNG**

Tích cũ truyền rằng: Mẹ vua Lê Thánh Tông lúc hàn vi, nhà ở phía Tây Nam Quốc tử giám. Kinh thành Thăng Long nước hồ quanh quất, cây cỏ rườm rà, dường như khí tốt nơi đó sẽ chung đúc nên một vị vua xuất hiện ở đời. Đức mẹ vì chỗ thân cận, vào hầu trong cung vua, Thái Tông yêu cho gần gũi, có thai, đúng ngày tháng sinh con trai, mặt rồng, trán cao, tướng mạo khác thường. Lớn lên thông minh dĩnh ngộ, ham học suốt các sách, lại có tài về văn thơ. Nhân Tông nghe biết mời vào bộ kiến, phong cho chức Bình Nguyên Vương. Sau hồi loạn Nghi Dân, triều thần tôn ông lên ngôi vua, phong mẹ là

Quang Thục Hoàng thái hậu, lấy chỗ ở cũ thôn Huy Văn, dựng đền chùa. Ngày nay đền Huy Văn, chùa Dục Khánh thuộc huyện Vĩnh Thuận hãy còn dấu tích cũ. Tương truyền Thái hậu trước lúc thụ thai, nằm mơ đến chỗ Thượng Đế, nghe truyền mệnh cho Tiên Đồng xuống trần, làm vua nước Nam, cùng Ngọc Nữ kết hôn. Tiên Đồng dùng dằng không chịu vâng theo ngay. Thượng Đế giận, ném viên ngọc khêu vào trán. Tiên Đồng lay tạ vâng mệnh, xin cho người theo giúp. Ngài liền chỉ một người trong đám các tiên bảo cùng đi. Vị tiên kia cúi đầu cố từ, Thượng Đế đá vào vai cũng không chịu. Tỉnh mộng sinh ra vua, dấu viên ngọc ở trán còn y nguyên. Lúc thường Thái hậu hằng thuật chuyện trong mộng cho vua nghe, vì thế ông có ý tự phụ. Khi lên làm vua, Chánh cung chưa định. Thái hậu cho mộng triệu quả đúng, mà nhiều phen lựa chọn chưa gặp vì Ngọc Nữ kia, trong lòng vẫn ăm ắp chưa được vui.

Một hôm trong cung có kỳ thi sắc đẹp, tất cả con gái có tài nghệ đều vào cung vua tấu khúc nhạc Lê viên. Trong ban có một cô, dáng dấp tuyệt đẹp, từ lúc sinh ra không nói tiếng nào, nhưng vì có sắc đẹp nên cũng theo phường hát vào cung múa hát, vẫn ngồi một bên gõ nhịp. Thấy xe vua và Thái hậu tới, sắp lên ngự tọa. Ngọc Nữ liền gõ nhịp mà hát, tiếng du dương như điệu hát trên cung tiên. Thái hậu lấy làm lạ, hỏi ra là cháu họ của Tề Văn Hầu Nguyễn Trãi, người Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, coi củ chỉ nhân nhả, in thể nàng Tề Khương hồi trước, da tuyết mặt hoa, như đã gặp trong cơn mộng. Thái hậu truyền cho vào cung, phong làm Trường Lạc Hoàng hậu.

Niên hiệu Quang Thuận thứ IV, khoa Đinh Mùi, thi Cống sĩ. Ngày gọi tên, Trạng nguyên Lương Thế Vinh vào ra mắt, vua ngó thấy hai vai lệch không cân nhau lấy làm lạ, truyền vào yết kiến Thái hậu. Bà trông đúng như người trong mộng xưa, cả mừng, liền trao chúc Hàn lâm Thị giảng, dự hàng 28 vì sao

trong Tao đàn, cùng hai ông Thân và Đỗ<sup>1</sup> sự nghiệp cùng hiển hách một thời.

Lạ thay! Giấc mộng thôn quê, điềm lành bình trị, đức hợp cùng trời đất, lời ca tỏ sự vui mừng, mộng triệu cũng đáng tin thật, nào ai dám ngờ vực nữa. Lại xem việc rút trâm nơi Vĩnh Hạng, chuyện đeo ngọc chốn Kê Minh, đức Trường Lạc có kém gì hậu phi đời Chu, Lương Tướng công giúp đỡ chính thể, trong vòng ngoài mười năm, tài cao học rộng, tiếng vang đến nước Trung Quốc. Rõng mây gặp hội thực có định số, nào mở văn minh cho đời trước, gây phong hóa cho ngày nay, cho đến Phó Nham<sup>2</sup> truyện cũ Vị Thủy<sup>3</sup> người xưa, dù những chuyện lạ lùng đến đâu cũng không hơn được.

*Kinh Thi* có câu: "Chịu mệnh đã vững, cho người sánh vai". Lại có câu: "Giúp cho con trời, sinh Trọng Sơn Phủ". Thực là đúng với thơ xưa, ghi việc kỳ lạ. Quốc sử khen đời Hồng Đức là thịnh trị, truyền mãi mãi về sau. Phải chăng lòng trời muốn giúp rập nhà Lê.

Đời bảo Lê Thánh Tông là thân sau của Hán Võ Đế, những bậc tài giỏi nơi Tao đàn là kiếp sau của Đông Phương Sóc và Tư Mã Tương Như. Tuy đời truyền như vậy, cũng không đáng tin hẳn.

## 48. LƯƠNG THẾ VINH

Lương Thế Vinh hiệu là Thụy Hiên, người ở làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, tỉnh Nam Định. Khi còn bé đã có tiếng đồn là thần đồng. Đến năm 23 tuổi thi đỗ Trạng nguyên trong năm Quang Thuận đời vua Thánh Tôn nhà Lê.

Tục truyền Thế Vinh đã thác sinh ở huyện Nam Xang. Khi

- 
1. Túc Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận, đều là Phó nguyên súy Hội Tao đàn.
  2. Phó Duyệt cày ở đồng Phó Nham, sau làm tướng giúp Ân Cao Tông.
  3. Bến sông Vị xưa, Lã Vọng thường ngồi câu cá.

lên 7, 8 tuổi, cùng với trẻ con đi học. Bên cạnh đường có một con chó đá, mỗi khi Thế Vinh đi ngang, thì con chó đá vẫy đuôi mà mừng.

Về nói chuyện với cha, cha bảo rằng:

- Nó đã biết vẫy đuôi, thì hẳn nó cũng biết nói, thử hỏi vì cớ gì mà mừng.

Hôm sau Thế Vinh đi qua, con chó ấy lại vẫy đuôi. Thế Vinh hỏi, thì nó nói rằng: "*Ngày sau ông đỗ Trạng nguyên cho nên tôi mừng thay cho ông*".

Thế Vinh về nhà lại nói với cha như thế. Cha tự bấy giờ chắc ngày sau con làm nên, sinh ra kiêu ngạo, thường hay tranh cạnh với người ta và đe rằng:

- Mai sau con ông đỗ Trạng, ông sẽ hỏi tội chúng bây.

Thế Vinh thấy cha như thế, can mãi mà cha không nghe, có ý không bằng lòng, buồn rầu mà bảo với mẹ rằng:

- Mẹ có đức hiền hậu mà cha thì kém đức. Con không ở đây nữa, xin từ đi chỗ khác đây.

Mẹ ngạc nhiên thất sắc nói rằng:

- Sao con nói gở như thế? Công cha nuôi con bấy nhiêu lâu nay, mong con mai sau khá giả, để mà nương nhờ, con đã lấy gì trả ơn cha nghĩa mẹ, mà dám nói càn như vậy?

Thế Vinh khẳng khẳng một mực xin đi. Mẹ khuyên dỗ trăm chiều, nhưng cũng không sao giữ được, mới khóc mà bảo rằng:

- Vậy thì con định đi đâu? Con bảo cho mẹ được biết.

Thế Vinh dặn mẹ cứ đến ngày ấy tháng ấy đến làng Cao Hương, huyện Thiên Bản thì biết, và dặn giữ lại các sách của mình học. Nói xong thì mất.

Bấy giờ vận nước Nam đang thịnh, người Tàu xem thiên văn, thấy văn tinh giáng xuống nước Nam, mới sang nước ta tìm phương trấn áp. Khi Thế Vinh còn ở Nam Xang, đi chơi với một lũ trẻ con, người Tàu trông sao, biết văn tinh ở trong đám trẻ con ấy, nhưng chưa biết đích đứa nào. Mới lấy một quả bưởi

bỏ vào một hố sâu, đổ đám trẻ ấy lấy được quả bưởi lên thì thưởng tiền. Thế Vinh không ra mặt lấy, nhưng xui một đứa khác múc nước đổ vào hố cho đầy, rồi quả bưởi nổi lên thì lấy. Người khách gạn hỏi đám trẻ biết là mưu mô tặc ông Thế Vinh, muốn tìm phương kế để trừ ông ấy đi.

Người khách chưa kịp dùng mẹo thì ông ấy mất. Trông xem thiên văn, biết thần<sup>1</sup> ấy chạy sang làng Cao Hương, mới đuổi theo đến tận làng ấy, thì thấy thần ông ấy đã nhập vào trong hòn đá to. Người khách hỏi người chủ của hòn đá, xin mua. Người chủ tưởng là nó hỏi đùa mình, mới nói bỡn rằng: "Hòn đá này phải một trăm quan tiền mới bán". Người khách trả đến 70 quan, người chủ không biết thế nào, tưởng là nó đến cợt mình, nhất định không bán. Người khách thấy không bán, giả tảng đi nơi khác. Xảy có một người đàn bà ở ngoài đồng đi về, thấy chúng xúm xít nói chuyện người khách hỏi mua hòn đá. Người đàn bà mới giẫm chân vào hòn đá mà nói rằng:

- Hòn đá này mà quý hóa gì mà nó mua đắt đến thế?

Không ngờ thần ông ấy ở trong hòn đá, từ bấy giờ đầu thai ngay vào người đàn bà ấy. Hôm sau người khách trở lại, toan cố vật nài để mua hòn đá cho được. Người có đá cũng định bán vậy cho nó. Nhưng khi đến nơi thì người khách trông hòn đá, biết thần đã xuất mất rồi, mới nói rằng:

- Bây giờ thì một đồng cũng chẳng mua nữa.

Người khách biết là không thể nào trấn áp được, mới trở về Tàu.

Khi Thế Vinh mới sinh ra, ngày đêm chỉ một vị khóc, cha mẹ, hàng xóm thay nhau ôm ấp cũng vậy. Người mẹ trước nhớ lời con dặn, hỏi thăm đến tận làng ấy, nghe có một nhà mới đẻ con trai, mà chỉ khóc cả ngày lẫn đêm. Hỏi đến tận nhà vào chơi, xin chủ nhà ẵm đứa bé một tí, từ đấy đứa bé mới thôi khóc.

---

1. Theo quan niệm xưa, con người chết đi vẫn còn giữ được phần tinh anh của mình.

Bà kia mới kể chuyện đầu đuôi con mình với nhà chủ, từ đó thường thường đi lại coi như con mình.

Đến khi Thế Vinh mới lớn lên, bảo với bà mẹ trước rằng:

- Những sách của tôi thuở trước, cùng là tôi có món tiền chôn ở dưới gốc cây chuối thì đem đến đây cho tôi.

Bà kia về đào dưới gốc cây chuối, thì quả nhiên thấy có món tiền, mới đem cả sách và món tiền sang đưa cho Thế Vinh. Cha mẹ đẻ mới lấy làm tin, nuôi bà kia ở đấy một thể.

Thế Vinh học đến đâu, như người học ôn lại. Đến năm 23 tuổi thì đỗ Trạng nguyên.

Vua Thái Tôn thấy Thế Vinh là người hay chữ, dùng làm chức Hàn lâm thị thư chương viện. Bao nhiêu tờ bồi giao thiệp với nhà Minh tự tay Thế Vinh soạn ra cả. Người Tàu phải chịu nước Nam có tay văn chương giỏi.

Bộ *Đại thành toán pháp* là do của Thế Vinh làm ra.

Thế Vinh làm quan không được bao lâu thì về trí sĩ. Tính hay khôi hài, lúc về quan rồi, thường chỉ mặc cái áo vải chơi bời với người trong làng.

Một hôm, ngồi chơi với một vài người trong làng, xảy nghe có quan huyện đi qua. Quan huyện xưa nay hách dịch, đi đến đâu rầm rầm đến đấy. Máy người ngồi hàng đứng dậy tránh cả, chỉ còn một mình Thế Vinh ngồi chơi. Khi quan huyện đến, sai lính vào hàng bắt phu khiêng vồng. Lính không biết ông ấy là ai, bắt ra khiêng. Thế Vinh cũng khiêng.

Đi được một lát ông ấy gặp người làng, nhấn bảo rằng:

- Nhờ bác bảo hộ thẳng học trò tôi là Thám hoa làng Văn Cát tên nó là Trần Công Bích, bảo nó ra khiêng đỡ vồng quan huyện cho tôi, kéo tôi mệt quá, không đi được.

Ông huyện nằm trong vồng, nghe thấy câu ấy, chẳng khác gì sét đánh ngang tai, giật mình ngã lộn xuống đất, rồi đứng dậy lay thì thà thì thụp, kêu là không biết, xin thứ tội cho.

Thế Vinh cười bảo rằng:

- Ông là quan huyện, bắt tôi khiêng vồng thế là phải, có việc gì mà tạ?

Ông huyện kia vật đầu vật tai kêu van mãi, Thế Vinh mới bảo rằng:

- Có phải thế là từ rầy chó nên bắt phu khiêng vồng nữa bác nhè!

Ông huyện vâng vâng dạ dạ, xin khiêng trả vồng rước ngài về nhà. Thế Vinh không khiến, người trong làng đổ ra đón Thế Vinh về.

Về sau Thế Vinh mất, được phong làm Thượng đẳng phúc thần. Con là Hiến Công, có công với nước, cũng được phong làm phúc thần. Ngôi mộ ông Thế Vinh đến giờ vẫn còn ở làng Cao Hương.

Khoa Thế Vinh đỗ, Nguyễn Đức Trinh thi đỗ Bảng nhãn, Quách Đình Bảo thi đỗ Thám hoa, ba người cùng có tiếng hay chữ từ thuở nhỏ. Vua có thêu ba lá cờ ban cho mỗi người một lá, để cho vinh quy. Trong cờ thêu bốn câu rằng:

*Trạng nguyên Lương Thế Vinh,*

*Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh,*

*Thám hoa Quách Đình Bảo,*

*Thiên hạ cộng tri danh.<sup>1</sup>*

Tục truyền khi Thế Vinh còn nhỏ, nghe tiếng Quách Đình Bảo hay chữ, hỏi thăm đến chơi. Đến nhà thấy Đình Bảo đang học trong buồng. Thế Vinh trở ra về ngay, nói rằng: "*Anh ấy không đáng sợ*". Nghĩa là thi đến nơi rồi mà còn phải học thì hèn lắm, không đủ sợ chi. Về sau, Đình Bảo cũng hỏi thăm đến chơi nhà Thế Vinh thì thấy ông ấy đi chơi thả diều vắng, Đình Bảo than rằng: "*Thi đến nơi rồi, mà không cần gì phải xem sách, đó mới thực là thiên tài!*". Nhân thế biết mình không bằng ông ta, xấu hổ trở về.

---

1. Người trong thiên hạ đều biết danh.

## 49. TRUYỆN NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Tiên sinh húy là Bình Khiêm, hiệu là Bạch vân cư sĩ, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương. Tiên thế nhà ngài có âm đức, đời ông là Văn Tĩnh được phong tặng Thiếu bảo Tư quận công, được ngôi dương cơ, hợp vào kiểu đất của Cao Biền. Thân phụ ngài là Văn Định được phong tặng làm Thái bảo nghiêm quận công. Mẹ ngài là Từ thực phu nhân học Nhữ, nguyên là con gái quan Hộ bộ thượng thư Nhữ Văn Lan, ở làng An Tử, huyện Tiên Minh. Bà ấy thông kinh sử, giỏi văn chương, mà lại tinh nghề tướng số.

Bà ấy kén chồng đến ngoài 20 tuổi, thấy ông Văn Định có tướng sinh ra quý tử mới lấy. Về sau lại gặp một chàng trai trẻ tuổi đi qua bến Hàn, ngạc nhiên nói rằng: "Tiếc thay! khi trước không gặp người này!". Hỏi ra thì chàng ấy là Mạc Đăng Dung (về sau làm vua nhà Mạc). Bà ấy phen nản không biết ngần nào.

Bình Khiêm sinh về năm Tân Hợi đời Hồng Đức (niên hiệu vua Lê Thánh Tôn); đầy đà to lớn, mặt mũi khôi ngô, chưa đầy tuổi tôi đã biết nói. Một hôm Văn Định đang ẩm trên tay cho trông ngóng bỗng dưng nói rằng: "*Mặt trời mọc về phía đông*". Văn Định lấy làm kỳ dị. Đến năm lên bốn tuổi, phu nhân dạy ngài học chính văn trong kinh truyện, dạy đến đâu thuộc lòng đến đấy. Bà ấy lại dạy học thuộc lòng vài mươi bài thơ Nôm.

Một bữa, phu nhân đi vắng, Văn Định kéo một cái dây đùa với con, rồi ngâm đùa một câu rằng: "*Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung*". Đương đọc dở dang, thì con tiếp theo mà ngâm rằng: "*Vén tay tiên hốt hốt rung*". Văn Định thấy con thông minh mừng lắm về khoe chuyện với phu nhân. Phu nhân giận nói rằng:

- Mặt trăng là phận bầy tôi, sao ông lại dạy con điều ấy?

Văn Định then thò xin chịu lỗi, nhưng bà ấy vẫn còn căm tức xin từ về, nhất định không ở đấy nữa, về sau bà ấy già đời ở nhà bố mẹ đẻ.

Khi Bình Khiêm còn để hai trái đào, cùng bọn trẻ con tắm ở bến Hàn, có người đi thuyền trông thấy nói rằng:

- Tiếc thay cho bé này, bộ da dày lắm, chỉ làm được Trạng nguyên Tể tướng là cùng!

Khi ngài bé thì học ở nhà, đến lúc lớn, nghe tiếng ông Bảng nhãn Lương Đắc Bằng hay chữ, mới vào Thanh Hóa theo học ông Bảng nhãn.

Lương Đắc Bằng vốn ở làng Hội Trào, huyện Hoàng Hóa. Nguyên có một chi họ lạc sang ở Vân Nam, đời đời làm quan bên Tàu. Khi Đắc Bằng sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ là Lương Nhữ Hốt cho một quyển *Thái át thần kinh*. Đắc Bằng đem về học tập, cho nên tinh nghề lý số, việc gì cũng tính biết được trước.

Nguyễn Bình Khiêm học hết được phép thuật của ông Lương Đắc Bằng. Khi ông Đắc Bằng mất, dặn lại Nguyễn Bình Khiêm về sau phải trông nom con cho mình là Lương Hữu Khánh.

Trong năm Quang Thiệu (Lê Chiêu Tôn), có việc biến loạn, Nguyễn Bình Khiêm ở ẩn một chỗ không muốn cầu tiếng tăm với đời. Bấy giờ Trịnh Tuy, Mạc Đăng Dung cùng có ý muốn tranh quyền, đánh nhau luôn mấy năm. Ngài tính số Thái át, biết cơ nhà Lê lại khôi phục được.

Ngài có bài thơ cảm hứng sau này:

*Non sông nào phải buổi bình thời,  
Thù đánh nhau chi khéo nực cười!  
Cá vược, chim rừng ai khiến đuổi?  
Núi xương, sông tuyết thảm đầy vơi.  
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ<sup>1</sup>  
Thú dữ nên phòng lúc cắn người.<sup>2</sup>  
Ngán ngấm việc đời chi nói nữa,  
Bên đầm say hát nhơn nhơ chơi!*

---

1. Ứng về sau nhà Lê khôi phục được nước.

2. Ứng về sau nhà Trịnh lại giữ quyền nhà Lê.

Về sau, nhà Mạc chiếm giữ kinh thành, bốn phương đã hơi yên ổn, các bạn bè nhiều người khuyên ngài ra làm quan. Ngài bất đắc dĩ phải ra thi đỗ Trạng nguyên năm Đại Chính thứ sáu nhà Mạc. Bấy giờ ngài đã 44 tuổi.

Vua nhà Mạc cất ngài làm Tả thị lang, Đông các đại học sĩ. Ngài làm quan được tám năm, trước khi dâng sớ hạch 18 người lộng thần, nhân có chàng rể là Phạm Dao cũng kêu hoạc, ngài sợ phải vạ lây, mới từ quan cáo về dưỡng lão.

Khi ngài trí sĩ rồi, làm nhà chơi mát ở phía dưới làng, gọi là am Bạch Vân, lại bắc hai nhịp cầu gọi là Nghênh Phong và cầu Trảng Xuân, thường thường ra chơi hóng mát. Lại làm một cái quán Trung Tân ở bến sông Tuyết Giang, dựng bia ký sự mình. Khi thì ngài bơi thuyền chơi ở bể Kim Hải và bể Úc Hải, khi thì đi với một nhà sư chơi ở các núi An Tử, núi Ngọa Vân và núi Đồ Sơn. Đi đến đâu làm thơ ngâm vịnh đến đấy, hoặc gặp chỗ nào có cây cối mát, chim kêu riu rít thì lấy làm khoái chí lắm, nhớn nhoe cả ngày.

Ngài tuy ở nhà, nhưng vua nhà Mạc vẫn coi ngài quý trọng, nhà nước có công việc gì to, thì sai sứ đến hỏi tận nhà, hoặc khi mời về kinh mà hỏi. Ngài bàn định lắm điều ích lợi cho nhà nước, nhà Mạc phong ngài làm Lại bộ Thượng thư, Thái phó Trình quốc công, vì thế ta thường gọi là Trạng Trình.

Năm Ất Dậu, ngài phải bệnh, Mạc Mậu Hiệp sai sứ đến thăm và hỏi việc hậu sự. Ngài nói:

- Ngày sau, nước có việc, ở xứ Cao Bình, tuy nhỏ, nhưng cũng có thể hưởng phúc được vài đời nữa.

Đến sau nhà Mạc mất nước, chạy lên Cao Bình, quả nhiên còn giữ được bốn đời, rồi mới tuyệt.

Ngày 28 tháng một năm Ất Dậu ngài mất, thọ 95 tuổi. Học trò gọi ngài là Tuyết giang phu tử.

Ngài học tinh về thuật số, phàm các việc tai, tường, họa, phúc, cùng là ngày mưa, ngày nắng, việc gì cũng biết trước. Có

một người học trò tên là Bùi Sinh, ngài bảo người ấy ngày sau tất phú quý. Đến khi Bùi Sinh 70 tuổi vẫn còn nghèo hèn, cho là ngài đoán số mình sai. Ngài cười không nói gì. Một hôm ngài bảo Bùi Sinh mượn 10 chiếc thuyền đánh cá, cho bơi ra bến Hồng Đàm, bể Vạn Ninh, dặn đến giờ ấy... hễ gặp cái gì thu lấy đem về, chắc được thưởng to. Bùi Sinh tuân lời quả nhiên gặp một bà cụ già, áo mũ chỉnh tề, thuyền bạt phong<sup>1</sup> đến đấy. Bùi Sinh đem về phụng dưỡng coi như mẹ. Được vài hôm, có quan Tổng đốc Quảng Đông sai người sang nói với vua rằng: "Thái phu nhân chơi bể bạt phong, xem thiên văn thì thấy ở phương Nam, xin nhà vua vì nghĩa láng giếng mà tìm giúp cho". Ngài sai Bùi Sinh đem bà cụ ấy dâng lên, vì thế được phong tước là Thao quận công.

Năm Thuận Bình thứ tám nhà Lê (1556), vua Trung Tôn mất không có con, bấy giờ Trịnh Kiểm đang cầm quyền, có bụng hồ nghi, không biết nghi ra thế nào, hỏi Phùng Khắc Khoan. Khắc Khoan cũng không biết thế nào cho phải, mới sai người đi lên ra Hải Dương để hỏi ngài, ngài chẳng nói câu gì, chỉ ngảnh lại bảo đây tờ rằng:

- Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ.

Nói rồi, sai tiểu quét dọn đốt hương, để ngài ra chơi chùa, và bảo tiểu rằng:

- Giữ chùa thờ phật mà ăn oản.

Đó là có ý khuyên Trịnh Kiểm tìm lấy dòng dõi nhà Lê mà lập lên, mà cứ giữ lấy đạo làm tôi ăn mày phật thì mới được hưởng phúc.

Sứ giả về nói với Trịnh Kiểm. Trịnh Kiểm hiểu ý, mới đón vua Anh Tôn lập lên, quả nhiên dựng lại được cơ đồ nhà Lê mà họ Trịnh cũng đời đời được vinh hiển.

---

1. Bị gió đùa.

Khi ấy đức Dụ tổ triều Nguyễn ta (đức Nguyễn Hoàng) đang có hiềm với Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm có ý muốn ám hại, đức Dụ tổ lo sợ, không biết nghĩ mưu gì cho tránh được nạn, mới sai người ra hỏi ngài. Bấy giờ ngài đang chống gậy chơi trong vườn cảnh. Trong vườn có vài mươi ngọn núi non bộ, lại chồng chất đá làm một rặng núi ngang. Trên núi cây cối rườm rà, có đàn kiến đang bò trên tảng đá, ngài nhìn xem đàn kiến rồi tủm tỉm cười nói rằng: Một dải núi Hoành Sơn (núi ngang) kia, có thể yên thân được muôn đời.

Người kia thấy nói vậy, về nói với đức Dụ tổ. Đức Dụ tổ biết ý, muốn xin vào trấn thủ trong xứ Thuận Quảng (trong ấy có dãy núi Hoành Sơn), quả nhiên mỗi ngày một thịnh, mở ra cơ nghiệp Nguyễn triều.

Học trò ngài rất nhiều, nhưng chỉ có Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ, Trương Thời Cử là làm nên to và có danh hơn cả. Phùng, Lương thâm thúy về lý học, cùng làm danh thần lúc nhà Lê trung hưng.

Khi trước ông Phùng Khắc Khoan thuê nhà đến học ngài. Lúc học giỏi rồi, ngài đang đêm đến chơi nhà trọ, gõ cửa mà bảo rằng:

- Gà đã gáy rồi, sao không đứng dậy mà thổi cơm ăn, còn nằm mãi đấy ư?

Lời ấy có ý giục ông Khắc Khoan vào Thanh Hóa giúp nhà Lê. Ông Khắc Khoan cũng biết ý thế mới cùng với Nguyễn Dữ vào giúp nhà Lê, làm đến công thần.

Tính ngài thuần nhũ, không hay nói, mà đã nói câu nào thì là đích đáng. Ngài làm ra thơ từ rất nhiều, đến nay vẫn còn một tập thơ *Bạch Vân* và một quyển *sấm ký* truyền lại.

Khi ngài mất rồi, người làng nhớ ơn đức của ngài lập miếu ở nơi nhà cũ của ngài, bốn mùa cúng tế. Miếu ấy đến bây giờ vẫn còn...

## **50. NÓI VỀ SỰ TÍCH ÔNG LƯƠNG NHỮ HỘC**

Đời vua Lê Thái Tông có ông Thám hoa tên là Lương Nhữ Hộc ở làng Lục Hồng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, vua sai sang cống nước Ngô.

Ở đây có nghề khắc những bản in. Ông ấy đến học, thì nó không dạy.

Khi về tâu với vua:

- Tôi sang sứ, thấy bên ấy có nghề khắc bản in sách quý lắm, mà tôi đến học thì nó không dạy. Xin nhà vua cho tôi sang cống một lượt nữa, để tôi cố học lấy nghề ấy, đem về dạy dân.

Vua nghe nói lại cho đi. Ông ấy sang dâng đồ cống rồi mới giả cách làm người lái buôn, đến trọ bên nhà khắc bản in, chọc thủng vách dòm xem nó làm những thế nào. Rồi học lỏm được cả các phép.

Lúc về lại tâu với vua. Vua mới cho đi dạy dân, thời chỉ có làng Liễu Tràng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương chịu học mà thôi. Ông ấy dạy đủ các phép khắc, phép in. Làng ấy học làm được cả.

Sau ông ấy mất, dân đây cảm ơn, xin rước về làm tổ sư. Vua mới phong sắc cho mười chữ rằng "Thiên văn, thánh hiến, khoa hiển, nho công, thế trạch đại vương", nghĩa là "Vua cả văn giời phép thánh, có ân để đời, có công với học trò". Trải nhiều đời vẫn anh linh.

Ấy nghề khắc bản in sách có từ đây.

## **51. BÀ CHÚA NGHỀ TÀM**

Công chúa Quỳnh Hoa là một mỹ hiệu gọi tôn lên với ý nghĩa là con của trời, chứ không phải công chúa là con vua thật. Cô là con ông Trần Vĩ người ở Yên Thái (Nam Hà) cùng quê với công chúa Liễu Hạnh. Trần Vĩ làm quan thời Lê Thánh Tông,

khi về hưu, mở trường dạy học ở Nghi Tàm và sinh Quỳnh Hoa ở đấy.

Truyện kể rằng: Một hôm nhân trời đẹp, dạy học xong, Trần Vĩ ra ngắm cảnh hồ, say sưa ngồi tựa gốc cây thì thiu thiu chợp mắt ngủ. Trong mộng ông thấy mình lạc lên nhà trời, thấy có vị quan quỳ xuống tâu với Ngọc hoàng xin cho công chúa Quỳnh Hoa xuống trần để làm bạn với Liễu Hạnh và xin cho Quỳnh Hoa đầu thai nhà họ Trần. Lời tâu được phê chuẩn: Trần Vĩ được trời gọi vào và được giao cho cô gái. Trần Vĩ bái tạ, ra khỏi nhà trời. Đến cổng biên giới trần gian, hai con kỳ lân canh cửa rống lên một tiếng kinh hoàng, để chào tiễn biệt Quỳnh Hoa. Gió động rung cây, mặt hồ gợn sóng. Trần Vĩ tỉnh dậy, băng khuâng qua một giấc mộng đẹp. Sau đó ít lâu, vợ ông đã ngoài năm mươi tuổi, vẫn có thai và sinh ra Quỳnh Hoa đúng với cái tên trong mộng.

Quỳnh Hoa lớn lên như thổi, càng lớn càng xinh, rất thông minh, học hay chữ, về sau được gả cho Liễu Nghị là con một người bạn của Trần Vĩ. Liễu Nghị đỗ Tiến sĩ, làm Tri phủ Hà Trung (Thanh Hóa). Lúc quân Chiêm Thành tiến ra uy hiếp Thăng Long, Trần Vĩ được sắc chỉ chặn đường tiến quân của giặc. Quỳnh Hoa búi tóc giả trai, chỉ huy trai gái gia nhân giúp chồng đánh tập hậu quân giặc. Giặc rút lui, triều đình thấy vợ chồng Liễu Nghị có công, phong cho ông làm Đô đài ngự sử, sau chuyển sang làm Phủ doãn Phụng Thiên (tức Thăng Long) và Quỳnh Hoa được phong làm Quận phu nhân và lưu ở cung, dạy cung nữ các nghề nuôi tằm dệt vải. Được ít lâu, Liễu Nghị mất, bà Quỳnh Hoa xin về Nghi Tàm, nơi chồng dạy học cũ, giúp dân địa phương về nghề tằm tang, do đó, khi bà chết, trở thành thần Thành hoàng thôn Nghi Tàm. Có khoảng gần sáu chục nơi thờ bà, nhưng Nghi Tàm là nơi bà mất. Xưa kia hàng năm, có đại diện triều đình về dâng lễ vào kỳ giỗ bà ở Nghi Tàm và bà có sắc phong là: *Thượng đẳng phúc thần, dữ quốc đồng hưu Quỳnh Hoa phu nhân*.

Truyện cũng kể rằng: Thời Quỳnh Hoa về già, tu ở chùa Nghi Tàm, có giúp một người con gái, tên là Mai Chi. Mai Chi là

một cô gái có nhan sắc, hay chữ và rất nết na. Chồng cô cũng là một học trò giỏi ở làng Vọng Thị ven hồ, nhưng không may mắc bệnh hủi. Thương vợ không có phúc nên lấy phải mình, anh một mực khuyên vợ bỏ mình, đi lấy chồng khác, để xây dựng hạnh phúc, nhưng Mai Chi nhất định không nghe, giữ tình chung thủy. Không có cách gì thuyết phục vợ được nữa, nhân một đêm vợ ngủ say, anh chồng bỏ nhà đi mất. Mai Chi ngủ dậy không thấy chồng, cô biết rằng chồng mình cương quyết dứt cảnh vợ chồng, để cho mình có hạnh phúc. Cô lại cũng mang khăn gói đi tìm chồng, cuối cùng thất vọng, vào tu ở chùa Nghi Tàm và gặp phu nhân Quỳnh Hoa. Được ít lâu, có viên hương trưởng đến chùa đó làm chay cho bố, nhận thấy Mai Chi đẹp và hiền, ngỏ lời muốn lấy cho được. Quỳnh Hoa vốn đã hiểu cuộc đời éo le của Mai Chi, thấy Mai Chi còn trẻ, khuyên Mai Chi đi bước nữa. Quỳnh Hoa lý giải nhiều lần về đường họa phúc, Mai Chi nghe lời, lấy viên hương trưởng kia và có được hai đứa con.

Anh chồng bị hủi, lang thang đi ăn xin, có lúc tình cờ lạc vào nhà viên hương trưởng kia. Mai Chi nhận ra đó là chồng cũ, bí mật xin viên hương trưởng cho anh ở lại làm gia sư, kèm cho hai con mình học tập. Nể lời, anh chồng cũ vui lòng ở lại, nhưng được ít lâu, anh thấy không tiện, lại bỏ đi trốn. Giữa đường anh gặp một kẻ ăn xin chết rét. Cảm thương kẻ cùng cảnh ngộ nghèo hèn, anh cởi áo đắp cho người chết, rồi lại tiếp tục ra đi, nay đây mai đó. Viên hương trưởng thấy mất thầy học cho người nhà đi tìm, thấy người ăn xin chết, mặc áo thầy học, lại tưởng là anh chết, truyền đem xác về chôn cất tử tế. Mai Chi cũng tưởng thật, nói rõ sự tình với viên hương trưởng và xin phép mặc đồ tang theo nghi thức để trở cho chồng, gọi là báo đáp nghĩa cũ tình xưa.

Anh chồng hủi tiếp tục lang thang... Một hôm, trời nắng anh khát quá, thấy nước mưa đọng trong một cái đầu lâu trong vát, anh bưng lấy uống ừng ực. Bỗng nhiên vài hôm sau, bệnh hủi giảm dần, rồi biến mất. Anh bèn đi dạy học kiếm tiền, ngày đầu ôn luyện, đi thi hương, rồi thi hội, đỗ đại khoa, được vua kén làm phò mã. Lúc anh vinh quy bái tổ, về làng Vọng Thị, gặp vợ

cũ đi xem. Hai bên mừng mừng tủi tủi, vẫn quý nhau và đối đãi với nhau như khách. Nhân dân ven hồ Tây, từ Vọng Thị đến Nghi Tàm, có nhiều người nhớ rõ câu chuyện diễm tình này và nói đó là truyện trai tài gái sắc ven hồ Tây.

## 52. LƯƠNG HỮU KHÁNH

Chi họ Lương ở Thanh Hóa, phong phú có tiếng nhất ở vùng ấy. Tổ họ ấy khi xưa sinh được ba con trai, thành ra ba chi. Đang khi cuối nhà Trần loạn lạc, một chi xiêu dạt sang Tàu, ngụ ở tỉnh Vân Nam. Có người làm nên, đời đời được tập phong vương. Một chi thiên ra ở xã Tào Sơn huyện Ngọc Sơn, cũng cái thế đăng khoa. Còn một chi thì ở xã Hội Trào, huyện Hoằng Hóa, sinh ra ông Lương Đắc Bằng, đỗ Bằng nhãn trong thời Cảnh Thống đời vua Hiến Tôn nhà Lê.

Lương Đắc Bằng vì có người họ ở Tàu, mới mua được nhiều sách quý, cho nên học giỏi về nghề lý số. Ngoài 50 tuổi, chưa có con trai, chỉ có người vợ lẽ có mang được ba tháng. Khi gần mất, dặn vợ lẽ rằng:

- Nếu mai sau sinh được con trai, thì tất nó làm nên công danh sự nghiệp, tổ rạng cửa nhà. Khi nào con lớn, thì nên cho đến học ông Trạng Trình ở huyện Vĩnh Lại, thì mới giữ được nền nếp nhà ta.

Nói đoạn thì mất. Về sau người vợ lẽ quả sinh được con trai, mới đặt tên là Hữu Khánh.

Hữu Khánh thông minh sớm, mười tuổi đã biết làm văn; mà sức ăn cực khỏe, thường ăn gấp ba bốn lần người thường mới no. Mẹ lắm khi phải nhịn đói để con ăn.

Nhà ông ấy nghèo, mới bảo với mẹ rằng:

- Cha tôi khi xưa làm quan thanh liêm, đến nỗi con cháu không đủ cơm cháo mà ăn. Vậy mẹ cho tôi đi nơi khác, tùy đường kiếm ăn, kéo đến phiên đến bụng mẹ.

Mẹ buồn rầu nói rằng:

- Mẹ con không nuôi được nhau, đến nỗi để con đi tha phương cầu thực, mẹ thấy làm đau xót lắm.

Nói thế rồi, ứa hai hàng nước mắt. Ông ấy từ mẹ ra đi, sang các nhà học trò bên cạnh huyện ngâm thơ làm phú để độ thân.

Một khi đi qua bến đò sông Tam Kỳ, gặp năm, sáu nhà sư từ đám chay về, mang một cái đầy có 100 phẩm oản. Nhà sư thấy ông có dáng đói, cho vài chiếc oản. Ông ấy từ chối nói rằng:

- Học trò nghèo nhịn đói đã mấy hôm nay, may gặp được Đại bồ tát, tưởng là có bụng bố thí làm sao, lại bủn xỉn cho được vài phẩm oản, thì ăn chả bỏ dính mồm.

Có một nhà sư già cười nói rằng:

- Thầy kia đã gọi là học trò, thì thử làm một bài thơ "Học trò đi chung với nhà sư", hễ sang khỏi sông mà xong bài thơ, thì có bao nhiêu oản cũng xin biếu cả.

Ông ấy ngồi trong thuyền, ngâm ngay một bài thơ như sau:

*Một pho kinh sử bộ kim cương,  
Đầy đầy cùng thuyền khéo một đường  
Trong hội cổ đàm người thảo thích;  
Trên ngôi đài các tổ nghênh ngang.  
Truyện xưa người vẫn cảm Hàn Dũ<sup>1</sup>  
Việc trước ta còn oán Thủy Hoàng.<sup>2</sup>  
Gặp gỡ mấy may rồi lại biệt,  
Kẻ tròn quả phúc, kẻ vênh xương.*

Chưa sang khỏi đò đã vịnh xong bài thơ. Nhà sư mừng rỡ, dốc cả đầy oản ra cho ông ấy. Ông ấy ngồi ngay đầu thuyền ăn một lúc hết 80 phẩm oản. Người trong thuyền ai cũng ngạc

---

1. Hàn Dũ đời nhà Đường, xin hủy tượng Phật và đốt sách Phật.

2. Tần Thủy Hoàng chôn học trò và đốt sách nho.

nhiên, nhà sư lấy làm kỳ dị, lại tặng thêm một quan tiền nữa và nói rằng:

- Thầy có tài như thế, nay tuy còn ở trong trần ai, nhưng tất có ngày làm nên hách dịch. Sư nghèo này xin dâng một bữa, ngày nào có đặc chí, đánh dẹp đốt phá ở đâu, thì xin chữa những nơi chùa chiền ra, mới là ân huệ.

Sang khỏi đồ, ông ấy từ bọn sư rồi đi. Bấy giờ đang lúc Lê, Mạc đánh nhau, dân xã điêu tàn, ông ấy đi đến đâu, không một kẻ nào nhìn đến, có khi ba ngày mới được ăn một bữa, thường vẫn phải làm mướn kiếm ăn.

Một buổi sớm, đến làng Vĩnh Trị, gặp một bà già ra chợ, gọi người thuê làm ruộng hoang. Hỏi mấy mẫu, thì bà già đưa đến chỗ ruộng sâu, trở ra bảo rằng:

- Chỗ ruộng kia nước sâu, mà cỏ mọc bùm tùm, ước chừng năm mẫu.

Ông ấy bảo rằng:

- Bà cụ về nhà thổi cơm độ mười người ăn, và đem sẵn tiền gạo thuê công đến bờ ruộng này, để tôi gọi giúp người làm cho.

Bà kia y lời ấy trở về làm cơm. Ông ấy mới cầm một con dao to lội xuống ruộng dọn cỏ, chưa đến buổi trưa, đã dọn quang cả năm mẫu ruộng. Dọn xong, nằm ngủ dưới gốc cây, tiếng ngáy như sấm.

Một lát, bà già sai người nhà đem cơm đến, gọi ông ấy thức dậy, ông ấy ăn một lúc, hết cả hai mâm cơm, rồi lấy tiền gạo mà đi.

Chúng<sup>1</sup> tưởng là thần, dần dần mới biết là con quan Bảng nhân ai nấy phen nản không ngăn nào.

Đến năm 18 tuổi, nhờ lời cha dặn, mới đến học quan Trạng Trình. Bấy giờ học trò quan Trình hơn 3.000 người, duy có ông

---

1. Dân chúng, chỉ mọi người.

Kế Khê là hay chữ nhất trường. Khi ông Hữu Khánh đến học, mới làm ba kỳ văn, đã đề trên ông Kế Khê.

Trình tiên sinh vốn là học trò ông Lương Đắc Bằng khi xưa, nay thấy con thầy đến học, hay chữ như thế, có bụng quý trọng trăm phần, thường tư cấp cho để mà học.

Bấy giờ nhà Mạc mở khoa thi, ông Lương Hữu Khánh vốn không có bụng làm quan với nhà Mạc, nhưng ngặt vì nhà nghèo và còn mẹ già, bắt buộc phải đi thi. Khi thi thì bốn kỳ cùng thứ nhất, văn ông Kế Khê thì đỗ thứ nhì. Đến lúc hồi phách<sup>1</sup> quan Tràng thấy ông ấy là người Thanh Hóa, mới đánh xuống thứ nhì mà ông Kế Khê lên thứ nhất (vì bấy giờ từ Thanh Hóa trở vào thuộc nhà Lê, từ Ninh Bình trở ra thuộc về nhà Mạc). Ông Hữu Khánh thấy xử thiên tư làm vậy, mới bỏ không vào thi đình nữa, vì thế mà ông Kế Khê mới đỗ Trạng Nguyên<sup>2</sup>.

Khi ấy, Hữu Khánh trọ ở hàng Bông, một hôm để dành được sáu bảy đấu gạo, và hai lọ nước mắm. Thối cơm rồi trải chiếu xuống đất ngồi ăn, rung đùi đắc chí, cười vang lên nói rằng:

- Thế này chẳng kém gì mâm cơm nhà quan!

Xảy có một ông quan tự trong triều trở về, nghe thấy tiếng cười nói, dừng xe lại nhìn, lấy làm kỳ dị cho 5 quan tiền, rồi tiến với vua nhà Mạc.

Vua Mạc sai sứ đến nhà trọ, khuyên dụ trăm điều, Hữu Khánh nhất định không ra làm quan. Tự bấy giờ lại đi bơ vơ, nay đây mai đó, con một nơi, mẹ một nẻo, trông cảnh động lòng, lắm phen chua xót.

Nhà Lê bấy giờ khởi quân ở phủ An Tràng, vốn nghe tiếng ông Hữu Khánh là người tài lạ, nhiều khi muốn sai người ra

---

1. Quyển thi rọc tên ra, gọi là rọc phách. Đến khi chấm văn xong lại dán tên lại gọi là hồi phách.

2. Thế mới biết chủ nghĩa lý lịch áp dụng trong thi cử có cội nguồn từ xa xưa.

đón về giúp, nhưng vì đường xá xa xôi, đi lại gian hiểm, cho nên chưa có dịp nào mà đem về được.

Vài năm sau, Kế Khê được cầm quyền chính nhà Mạc, sai người tìm Hữu Khánh thì gặp cả hai mẹ con ở huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc đem về, Kế Khê nghĩ tình bạn lưu ở trong nhà, cung đón tử tế và khuyên dỗ cho ra làm quan, nhưng Hữu Khánh biết cơ nhà Lê sắp trung hưng, có ý muốn phò nhà Lê, cho nên không ra làm quan với nhà Mạc.

Kế Khê biết ý Hữu Khánh, muốn đuổi đi nhưng không nói ra, nhân một bữa ở trong triều về, giả tảng nói rằng:

- Tôi hôm nay phụng chỉ làm một bài phú, nhưng việc quan bận rộn lắm, nhờ anh làm giúp cho tôi.

Nói rồi, thò tay vào túi, lấy ra một mảnh giấy đầu bài, đưa cho ông Hữu Khánh. Hữu Khánh thấy đầu bài: "*Tân quan văn kê*"<sup>1</sup> biết là ý muốn đuổi mình, lập tức dặn mẹ đi lên ra bến Hoàng Liệt về Thanh Hóa trước, mà mình thì mật đưa một bài biểu về An Tràng, hẹn ngày ấy thì đem thuyền ra đón tại cửa Thần Phù.

Được vài hôm, làm xong bài phú, để trên đầu giường, rồi lên ra đi gấp đường xuống cửa bể Thần Phù. Khi Kế Khê ở trong triều trở về, đến nhà học, không thấy ông Hữu Khánh đâu, cho đi hỏi khắp cả các nhà anh em bạn học, cũng không thấy tin tức gì cả. Xảy thấy trên đầu giường có bài phú, trong bài có câu rằng: "Lưu khách hóa ra đuổi khách". Kế Khê ngạc nhiên nói rằng:

- Anh này đi mất, triều đình còn nhiều về anh này?

Lập tức sai quân đi các ngả đuổi mang về. Khi Hữu Khánh

---

1. Nghĩa là cửa ải nhà Tần nghe tiếng gà gáy. Ngày xưa Mạnh Thường Quân ở nước Tần trốn về Tề, ra đến cửa ải thì cửa ải còn đóng chưa mở. Lệ lính canh ải, hễ gà gáy thì mới mở cửa cho khách đi lại. Trong bọn đây tớ Mạnh Thường Quân, có người giả làm gà gáy. Các gà canh ải tưởng là trời sắp sáng, đua nhau gáy ầm cả lên, lính canh mới mở cửa. Mạnh Thường Quân vì thế chạy được thoát.

đến cửa Thần Phù, thì vua Lê đã sai năm chiếc thuyền chiến và 1000 quân ra đón. Hữu Khánh vừa bước chân xuống thuyền thì quân nhà Mạc đuổi theo vừa đến.

Hữu Khánh ngồi trong thuyền gọi to lên bảo rằng:

- Gửi lời các anh về tạ ông Kế Khê, ngày sau ta sẽ xin đền trả ơn.

Khi về đến cửa phủ An Tràng, vua Lê mừng rỡ lắm, cử làm Thị lang, cho tham tá việc quân cơ. Hữu Khánh bày ra mưu mẹo gì cũng đắc cả, vua tin dùng hơn cả mọi người, sai cầm riêng một đạo quân đi dẹp giặc. Hữu Khánh nhớ đến lời nhà sư khi trước, phàm các trận mạc, thấy chỗ nào đồn giặc đóng cạnh chùa chiền, thì rút quân lảng đi không đánh, để tránh sự phá hại nhà chùa.

Về sau làm đến Binh bộ Thượng thư, công nghiệp hiển hách vào bậc danh thần đời trung hưng.

### **53. TRUYỆN TRẠNG NGUYÊN GIÁP HẢI**

Giáp Hải người xã Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn<sup>1</sup>. Có người nói ông là người xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, làm con nuôi một phú thương ở Dĩnh Kế.

Ông mồ côi cha từ bé. Hồi chưa thi đỗ, ông thường du học ở Kinh đô. Một hôm ông đậu thuyền ở bến Bồ Đề, thấy có người bắt được một con rùa lớn, dài hai xích rưỡi<sup>2</sup>, định làm thịt để ăn. Ông bèn hỏi mua. Người kia đòi 50 quan, ông liền bỏ tiền ra lấy, rồi mang theo vào Kinh.

Ông trọ tại nhà quan Lãnh binh, chỉ có hai thầy trò. Một buổi sáng, cơm nước đều chưa thổi, ông khóa chặt cửa cùng đẩy tờ vào trường tập văn. Đến chiều tối trở về, nhìn thấy cửa vẫn khóa. Nhưng khi vào nhà thấy trên bàn cơm canh đã dọn sẵn, không biết từ đâu ra.

---

1. Nay thuộc xã Dĩnh Trì, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Khoảng 0,80m.

Một hôm sáng sớm, ông giả bộ đi tập văn, rồi vòng ra nấp ở sau nhà để xem. Chợt thấy một cô gái từ trong mai rùa bước ra, tuổi chừng 17, 18 trang điểm lộng lẫy. Cô ta đang nhóm lửa nấu cơm. Ông thỉnh thoảng bước ra ôm chặt lấy cô gái. Cô gái nói:

- Chàng bỏ qua cho thiếp về chuyện hình hài, thiếp sẽ xin kể hết cho chàng nghe mọi chuyện. Thiếp là con gái của Nam Hải phu nhân, mãi vui đi chơi quá xa, bị ngư phủ bắt được. Nếu không nhờ quý nhân cứu giúp thì thân thiếp đã vào bụng ngư phủ rồi. Cảm động vì ân nghĩa của chàng, thiếp dù liều thân để báo đáp e cũng chưa xứng muôn một.

Ông lên đem chiếc mai rùa cho vào hòm khóa lại. Từ đó hai người sống với nhau như thể vợ chồng. Cô gái nói với ông rằng:

- Chàng với thiếp tình cờ gặp gỡ, ở lại đây lâu sợ cũng không tiện, chỉ bằng cùng thiếp về nơi gác tía, vừa được thăm phu nhân, vừa tạo cơ hội cho thiếp báo đáp ơn chàng.

Ông đáp:

- Tôi đang cố công đèn sách, nếu đi theo nàng thì học hành dang dở.

Cô gái nói:

- Chàng khỏi phải lo, cạnh nhà thiếp có thầy dạy học. Ấy là Lương Trạng nguyên<sup>1</sup> người Cao Hương, huyện Thiên Bản. Nếu chàng có chí thì đó chính là nơi cần tâm sư học đạo<sup>2</sup>. Thôi thì hãy cố một chuyến xem sao?

---

1. Túc Lương Thế Vinh (1441 - ?). người thôn Cao Hương, huyện Thiên Bản, nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông đỗ Trạng nguyên năm Quang Thuận 4 (1463).

2. Trình Di (1033-1107) là một danh nho đời Tống, học trò đến xin học rất đông. Khi hai người là Du Tạc và Dương Thời đến ra mắt thầy, thì Trình Di đang ngồi lim dim mắt suy nghĩ. Hai người cứ đứng chờ tại cửa, không dám động. Đến khi thấy Trình Di mở mắt nhìn, thì tuyết đã xuống phủ ngập chỗ đứng của hai người học trò dày đến một thước. - Văn học cổ dùng điển này để chỉ việc quyết tâm cầu học, tôn sư trọng đạo.

Ông nghe nói, bèn đi theo nàng. Người con gái chui vào trong mai rùa rồi đi. Tới bờ sông, rùa bò xuống nước, nước rẽ làm đôi, ông theo sau. Chẳng mấy chốc đã đến một nơi cung điện. Cả hai cùng vào yết kiến phu nhân và kể hết ngọn ngành. Phu nhân mừng rỡ bèn cho ông ở trong cung, coi như con rể.

Ở được vài hôm, ông uốn học đường, quả thấy học sinh có tới ba bốn trăm người. Lương Tiên sinh đang ngồi ở chiếu trên giảng *Kinh Dịch*, thầy trò kẻ hỏi người đáp không khác gì ở trần thế. Ông ngồi vào chiếu dưới, Tiên sinh chỉ vào ông nói:

- Người này mặt sáng, mặt tươi, cốt cách thanh tao, chắc là người trần thế?

Ông cứ thực thưa lại. Tiên sinh nói:

- Ta bình sinh gặp được Thánh Tông, thi đỗ Trạng nguyên, tham dự vào Tao đàn<sup>1</sup> nghĩ rằng đã không phụ với việc học hành. Nhưng ta từng soạn kinh Phật Thập giới, để lại sự đàm tiếu trong làng nho. đến nay vẫn chưa hết. Anh đừng bắt chước ta làm gì. Ta về hầu Thượng Đế, mỗi khi bình luận văn chương đức hạnh đều nói: "Giáp Hải nhất định đỗ Trạng nguyên khoa tới, không còn nghi ngờ gì nữa". Tiên sinh còn bảo ông rằng:

- Họ Mạc cướp ngôi vua Lê. Thật tiếc thay cho Trình Trạng nguyên<sup>2</sup> là bậc học vấn cao minh mà không gặp được minh quân; ngũ trường đồ ưu, danh vọng cao sang, nhưng chỉ e thiên hạ về sau sẽ chỉ vào ông ta mà nói đây là Nguyễn Trãi, Lưu Phúc Kiêm của Hồ Quý Ly vậy.

Một hôm, nhân lúc nhàn rỗi, ông thưa với phu nhân xin được về nhà, Phu nhân đồng ý và bảo:

- Con là người được y bát chân truyền<sup>3</sup>, văn chương vào bậc nhất, ngày sau nên nhớ lời ta nói.

---

1. *Tao đàn*: tên một hội thơ do Lê Thánh Tông (1460-1497) sáng lập ra và tự làm Tao đàn nguyên soái.

2. Trình Trạng nguyên : chỉ Nguyễn Bình Khiêm.

3. Y bát chân truyền: nghĩa đen là được chân truyền học vấn của thầy, nghĩa bóng ám chỉ ông là người Bát Tràng.

Rồi sai người đưa ông về.

Ông đến Kinh đô. Lúc này đã gần đến kỳ thi, ông không kịp về thăm cha mẹ, liền ghi tên vào dự thi. Bấy giờ là khoa Mậu Thân (1538), niên hiệu Đại Chính nhà Mạc, lấy Tiến sĩ 36 người, ông đỗ Trạng nguyên. Ông đến Cao Hương, huyện Thiên Bản, bái tạ mộ của Lương Trạng nguyên, mọi người đều không biết nguyên do.

Lại nói từ khi ông đỗ đạt, phú ông làm nhiều việc phi nghĩa, ông thường can gián. Biết mình không phải con của phú ông, nhưng chưa truy tìm được căn nguyên, không biết hỏi vào đâu. Trong làng, có viên Huấn đạo họ Phan tuổi 80, nhà ở gần đó. Ông ngầm sai gia nhân cứ sáng sáng thả ngựa vào vườn viên Huấn đạo và dặn:

- Ông ấy nói gì, phải về báo ngay cho ta biết.

Thấy rau cỏ trong vườn bị ngựa dẫm nát, viên Huấn đạo ra đuổi và lớn tiếng mắng rằng:

- Đồ nhơ sinh bèo bọt, may mà thi đỗ, lại dám lấy phận dây sắn dây bìm để lấn át từng bách?

Gia nhân về bẩm báo với ông. Hôm sau, ông mũ áo chỉnh tề đến nhà viên Huấn đạo. Huấn đạo sợ hãi ra đón. Ông lấy cố tuổi tác nhường Huấn đạo ngồi trên rồi nhẹ nhàng hỏi:

- Dám hỏi tôn bá, tôi là người xứ nào, xin cho biết thực!

Huấn Đạo nói:

- Ông không phải là con của phú ông. Ba mươi năm về trước, phú ông đi buôn qua Bát Tràng. Người đàn bà nhà cạnh sông có đứa con trai đang chơi ở bờ sông, phú ông sai gia nhân bế đứa trẻ xuống thuyền mang đi. Người đàn bà ấy trạc 70 tuổi.

Ông cảm ơn viên Huấn đạo, ra về. Nhớ lời phu nhân nói mình là người Bát Tràng, một hôm, nhân vào hầu trong Kinh, ông thuê một chiếc thuyền con đến Bát Tràng, thấy một bà lão nhà ở bên sông, tuổi đã già. Ông nhìn kỹ mặt bà lão rồi lấy gương soi mặt mình, thấy giống nhau đến năm sáu phần, bèn hỏi:

- Cụ sinh sống ở đây vò vố một thân một mình, con cháu được mấy người, năm nay bao nhiêu tuổi?

Bà lão đáp:

- Già năm nay đã 68 tuổi. Thời trẻ lấy chồng người Bát Tràng, vừa được hai ngày thì chồng chết, cũng không rõ tên tuổi chồng và anh em nhà chồng. May mà sinh được một đứa con trai, nuôi được mấy tuổi. Chẳng ngờ một hôm đi vắng, đứa trẻ ở nhà bị một thương nhân bế xuống thuyền đem đi. Sau đó già biết mất con, mượn người tìm khắp nơi mà không thấy tung tích.

Ông hỏi:

- Con cụ nay bao nhiêu tuổi, còn nhớ trên người có dấu vết gì không?

Bà lão đáp:

- Con tôi sau lưng có vết đỏ, tròn như đồng tiền; vai trái có hai nốt ruồi, vai phải cũng có hai nốt ruồi như thế. Có thầy tướng nói đứa trẻ này tay phải có chữ "phụ", tay trái có chữ "mẫu", sau này sẽ thành đạt. Tôi chỉ nhớ có thế thôi.

Ông bèn cởi áo, bảo bà lão xem thử có giống với con bà không. Chẳng nói, ai cũng biết họ xúc động như thế nào. Mẹ con bèn ôm nhau mà khóc.

Ông làm quan với nhà Mạc đến chức Thượng thư Sách quốc công. Con ông là Giáp Lễ cũng đỗ Tiến sĩ. Văn hội ở Gia Lâm coi ông là người khai khoa, thờ chung ở thánh miếu, đứng đầu trong các bậc hậu hiền.

## 54. ĐÌNH VĂN TẢ

Về đời Lê trung hưng, ở làng Hàm Giang, tỉnh Hải Dương, có người tên là Đình Văn Tả, sức vóc mạnh mẽ, tính khí hung hăng. Lúc còn nhỏ, chơi bời với lũ côn quang, chúng bầu lên làm đàn anh cả.

Cạnh làng có một con sông to rộng hơn một dặm, ngày ngày ra tắm, bơi vòng tự bên này sang bên kia, chơi bơi luyện tập.

Một hôm, họp bằng' bổi<sup>1</sup> uống rượu bên cạnh bờ sông, nghe bên kia sông, có tiếng chiêng trống tế thần. Anh em đổ nhau lội được qua sông sang ăn trộm cái chiêng của làng kia mang về. Đình Văn Tả nói:

- Khó gì việc ấy mà phải đổ.

Bấy giờ đang đêm, Văn Tả lập tức lội xuống sông, vòng sang bên kia, lẻn vào đình, ăn trộm được cái chiêng đem ra, lại lội xuống bơi về. Khi ra đến giữa dòng sông, khua chiêng vang cả lên, làng bên kia nghe tiếng, mới biết là mất trộm, tìm thuyền đuổi theo thì không kịp.

Về sau, nhân có tội phải giam trong ngục Đông Môn. Khi ấy, triều đình đang có việc dụng binh, chúa Trịnh sai các tướng võ tập bắn ở lầu Ngũ Long. Văn Tả và tên lính canh ngục đứng xem thấy không mấy người bắn trúng bia, cười mà nói rằng:

- Bia rành rành thế kia, mà bắn không trúng, sao mà họ hèn làm vậy?

Các tướng đứng bắn, nghe tiếng giận lắm, đưa súng cho Văn Tả và bảo rằng:

- Anh nói khoác làm gì thế, súng đây, anh thử bắn đi này?

Văn Tả không thêm cầm súng nhỏ, xin mượn khẩu súng to, cấp lên trên mang tai, bắn ra ba phát, vỡ ba cái đích. Các người kia ai cũng chịu là tài; rồi lại sai bắn thử lần nữa xem làm sao, thì bắn phát nào tin phát ấy, mười phát đậu chục. Việc ấy lên đến tai chúa Trịnh, mới tha tội, cho theo đi đánh giặc.

Bấy giờ chúa Trịnh đang chống nhau với Nguyễn ở trong Nam Hà. Một bữa quân Bắc đóng ở trên núi, quân Nam đột nhiên đến vây đánh, quân Bắc bị thua tan chạy mất cả, chỉ còn một mình Đình Văn Tả phục trong bụi rậm chờ khi quân Nam

đuổi theo, ở trong bụi bắn ra, quân Nam tưởng có nhiều quân mai phục phải lui về; quân Bắc thừa thế quay lại đánh, quân Nam phải chạy. Tự bấy giờ nổi tiếng. Về sau, lại lập nhiều công chiến trận, chúa Trịnh phong cho làm quận công. Văn Tả nộp trả bằng sắc không nhận, chỉ xin rút trong sổ án tử ra mà thôi, nhưng chúa Trịnh cũng cứ phong cho.

Đến đời vua Hy Tôn, dư đảng nhà Mạc là Mạc Kính Vũ, vẫn còn chiếm giữ trên xứ Cao Bình. Vua sai Văn Tả thống lĩnh đại binh đi đánh, phá vỡ quân nhà Mạc. Kính Vũ phải chạy sang Long Châu, mới trừ được hết đảng nhà Mạc. Từ đấy làm quan đến cực phẩm hàng võ.

Đến năm 80 tuổi phải bệnh nặng. Chúa Trịnh thân đến tận nhà hỏi thăm, hỏi rằng:

- Như người thì trong bụng còn muốn ao ước điều gì nữa không?

Thưa rằng:

- Tôi nhờ ơn nhà chúa, làm vinh hiển đến thế này, mà lại được thọ 80 tuổi thì trong bụng cũng đã mãn nguyện rồi; nhưng chỉ còn ao ước một chút, giá thử đang lúc tôi chưa chết, mà chúa phong cho tôi làm phúc thần, thì tôi nhắm mắt đi, không còn điều gì hối hận nữa.

Chúa Trịnh lập tức sai người thảo sắc, phong ngay tại trước chỗ giường nằm. Văn Tả tạ ơn chúa rồi mất.

Con cháu nhà ấy, về sau ai cũng có tài làm tướng kế thế<sup>1</sup> 18 đời được phong quận công, đến mãi về đời Đinh Tích Nhưỡng về cuối nhà Lê, vẫn còn lừng lẫy. Tục ngữ có câu: "*Đánh giặc họ Đinh*" tức là chỉ họ ấy.

## **55. BÀ CHÚA THIÊN NIÊN**

Nhân dân làng Trích Sài. Bái ân, Nghĩa Đô xưa kia chỉ chuyên sống về nghề bán củ (Trích Sài chữ Hán có nghĩa là hái

---

1. Truyền đời.

củi). Nhưng sau đó, bà con đã được học một nghề thủ công đặc sắc, lâu dần trở nên thành thạo, đó là nghề dệt lĩnh. Lĩnh Bưởi nổi tiếng ở thủ đô và ở khắp nước ta những ngày trước cách mạng tháng Tám. Có được nghề thủ công quý báu như thế, là vì nhân dân đã được:

*Nhờ đức thiên tôn, dạy nét cửi canh  
 Chân giày tay dệt đã nhanh  
 Văn chương có chữ rành rành bởi ai  
 Việc cung chức tiên tài đủ vẻ  
 Dạy nữ công văn nghệ cho tường  
 Quay tơ lụa chỉ nhiều đường  
 Dọc theo dặm mát, dệt ngang có màn*

Đoạn văn trên đây là trích theo bài hát chầu văn, dùng khi tế lễ ở Thiên Niên (Trích Sài, Hà Nội). Đức Thiên tôn nói đến trong bài, sự tích cũng đơn giản vì lâu ngày tài liệu ghi chép đã mất mát cả. Chỉ biết rằng đó là một bà chúa sống vào khoảng đầu đời Hậu Lê. Nhà vua đi đánh phương Nam được toàn thắng, ca khúc khải hoàn về Thăng Long. Trong số những người phương Nam đi theo đoàn chiến thắng trở về, có một nàng xinh đẹp tên là Phạm Thị Ngọc Đô. Nàng được nhà vua yêu dấu vì không những là người sắc nước hương trời mà còn có biệt tài về nữ công. Nàng có hai mươi bốn nữ tì cũng đều thông minh, nhanh nhẹn và thành thạo kim chỉ và may như chủ.

Phạm Thị Ngọc Đô được nhà vua cấp đất và dựng cung cho ở với hai mươi bốn nữ tì của nàng. Phần đất ấy, đối chiếu với ngày nay thì thuộc địa phận Trích Sài. Toàn khoảnh rộng trên 80 mẫu, xây dựng cơ ngơi đẹp đẽ, được gọi là Thiên Niên trang. Nàng tụ tập những dân làng chung quanh đó, chiêu mộ thêm người và cùng với các nữ tì của mình dạy dỗ nghề dệt lĩnh cho dân chúng.

Ít lâu sau, bà mất. Nhân dân nhớ ơn bà, lập miếu thờ, thường gọi là miếu bà chúa dệt lĩnh. Chùa làng Trích Sài cũng

dựng trên đất trang trại của bà chúa, được đặt tên là chùa Thiên Niên. Bà chúa dệt linh hay bà chúa Thiên Niên đều là tên hiệu nhân dân tôn vinh bà để tưởng nhớ công lao truyền nghề thủ công cho các thế hệ. Ngày tế lễ hằng năm là ngày mồng 5 tháng giêng âm lịch.

## **56. TRUYỆN PHÚC CÔNG THỜI LÊ**

Trời Nam mở vận, đế sáng ứng đồ, lịch trải trên hai ngàn năm, hiệu gọi Hùng Vương. Kể từ khi con cháu của vua Hùng nước Nam là bốn họ: Đinh, Lê, Lý, Trần - những bậc vua thánh, đế thần trời dấy kế tiếp nhau trị vì đất nước, rồi truyền tới thời Lê Thế Tông (1573 - 1600). Vua Thế Tông được người đời khen là một vị vua hiền, trong nước lo sửa sang văn đức; đối ngoại lo phòng bị biên cương, chính sách đối với dân thì khoan hòa. Thời ấy, tin truyền ở trang Đồng Mai huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn đạo Kinh Bắc có nhà danh tiếng là ông Lê Tuấn và vợ là bà Phạm Thị Huyền. Gia thế truyền nghiệp học hành thi thư, hiển vinh quan chức bốn năm đời liên. Nhưng rồi chỉ hơn một năm lâm vào cảnh gia bần hàn sĩ, mà bất hạnh hơn là bà Huyền lại mắc bệnh qua đời (ngày 12 tháng 6, mộ táng tại xứ Đồng Pha). Từ đấy, ông Tuấn sống u uất, lẻ loi không người nhờ cậy. Ông bèn tính sự chu du thiên hạ, tìm đến nơi nào có dân thuần hậu thì nương nhờ ở đấy, rồi mở trường dạy học dựng nghiệp lập thân. Khi ấy, ông đã đi tới địa phận khu Triều Đông trang Văn Thụy, huyện Bình Hà, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương, thì trời đã xế chiều, sắp tối. Ông đành phải tá túc ở ngôi quán bên đường. Khi ấy, ở trong trang này có nhà lão ông Nguyễn Khiêm. Lão ông vốn người chất phác trông thấy ông Tuấn, mặt mũi sáng sửa lại ngồi một mình, thì lão ông ước hỏi: "Ông từ đâu tới, quê quán ở đâu?". Ông Tuấn liền kể đầu đuôi sau trước. Lão ông nghe kể lòng càng ái ngại, rồi mời ông Tuấn về nhà mình để nuôi dưỡng. Ông Tuấn nương nhờ lão ông, rồi mở trường dạy học đã được hơn một năm. Bấy giờ lão ông có người con gái tên

gọi Thị Nguyên tuổi vừa 21, dung nhan yếu điệu, đức hạnh hiền hòa, đích thị phẩm hạnh dịu dàng của trang nhi lão, lão ông bèn gả cho Tuấn làm vợ. Ông Tuấn chọn ngày làm sinh lễ. Vợ chồng lấy nhau đã năm sáu năm trời mà vẫn chưa thấy điểm sinh nở, thì lo âu than thở: "Chẳng biết phúc họa thế nào đây?" Từ đấy, ông bà ra công lăm phúc, tu sùng đạo Phật, thường hay lên cúng chùa làng. Thế rồi vào ngày 14 tháng Giêng, sau một hai năm gì đó, ông Tuấn một mình lên thăm cảnh chùa làng, đêm ấy ông ngủ lại chùa, bỗng mộng gặp một người áo mũ lung linh, tay cầm ngọc bài đứng trước đầu ông nói: "Nhà người phúc đầy, nay ta báo cho biết điểm vui". Nói đoạn người ấy đưa ông Tuấn một đóa hoa sen. Ông Tuấn giờ tay đón lấy bông hoa thì chợt tỉnh giấc và hiểu ngay đó là giấc mộng lành. Sáng sớm hôm sau, ông Tuấn trở về nhà thấy bà Nguyên đang lên cơn đau bụng. Ông lấy làm lạ, bèn làm lễ tạ ơn Phật thánh. Ngày ấy bà Nguyên cảm nhận triệu chứng có thai và cũng từ ấy bà thường hay ăn nhiều hoa quả thay cơm. Thai tới mãn kỳ, bà sinh ra một cậu con trai (vào giờ Dần ngày 10 tháng 2 năm Bính Hợi). Vợ chồng nuôi dưỡng con chừng được hai năm, thì bế con trở về quê tại trang Đồng Thụ, thăm viếng gia đường tổ tiên. Ngày qua tháng lại, cậu bé lên ba tuổi, cha đặt tên là "Phúc". Năm ấy, bất hạnh bà Nguyên bị ốm rồi qua đời (ngày 21 tháng 9, mộ táng tại xứ Mả Kỳ). Từ đấy, ông Tuấn một mình gà trống nuôi con, cho tới năm Phúc Công lên 12 tuổi, tha cho đi học. Ngay từ khi chưa đi học, do bẩm tính thông minh tài giỏi mà Phúc Công đã thông minh hiểu suốt cả thiên kinh vạn quyển, chưa tử bách gia, lại thêm võ nghệ lược thao. Học được ba bốn năm, thì cha bị cảm gió qua đời (tức ngày 11 tháng 7, mộ táng tại xứ Đồng Thụ thôn nhà, tục gọi là "Mả ông Vành").

Từ ngày ấy, Phúc Công sống như chiếc bóng đơn côi, thường về quê ngoại tại khu Triều Đông, trang Vân Thụy dựng nhà ở, mở trường dạy võ. Ông thường đấu võ với người trong thôn nhà, mọi người đều kính phục và tôn sùng ông.

Thời bấy giờ, có giặc Vũ Đức Cung, chiêu binh tích mã, quân

số lên tới ba vạn người, tiếm xưng nguy triều, mang binh tới cướp bóc, chiếm cứ đất đai ở một số nơi đầu nguồn Lạng Sơn, Sơn Tây cùng một số châu Đông Quan, Tây Quan và Đại Đồng. Thư biên cương dồn dập cáo cấp. Chúa thấy vậy thì lo lắng. Ngay hôm ấy, chúa lệnh cho triều thần lập tức phải cầu tìm người hiền tài trong nước để ra giúp nước diệt giặc. Nhà chúa cũng thân xa giá tuần hành khắp nơi để tiêu trừ giặc. Chúa đi bằng đường thủy, chợt tới huyện Bình Hà, nghe biết đây có người tài năng lừng lẫy vang vọng khắp nước tên là Phúc Công, ngài đi thẳng tới nơi ấy, triệu tập phụ lão nhân dân đến hỏi. Các phụ lão đều tấu trần tường tỏ trước sau. Chúa bèn cho vời Phúc Công tới gặp. Chúa thấy Phúc Công mặt đỏ như mặt trời, rất khác dị với người thường, ngài bảo: "Nay quốc gia hữu sự, khanh là bậc hiền tài danh nổi khắp nước, khanh hãy ra làm việc giúp nước giúp dân, rồi ta sẽ phong thưởng cho". Phúc Công lạy tạ ơn chúa. Chúa liền phong cho Phúc Công làm Quản thống Đô hộ Quốc công Đại tướng quân. Chúa lệnh cho Phúc Công đem ngay quân đánh giặc. Ông phụng mệnh chúa một mình tiến thẳng tới đồn giặc. Nhà chúa đồn trú tại bản ấp sở. Phúc Công tiến đến hiệp công đánh giặc. Ông làm tướng tiên phong, tới nơi ông quát to lên một tiếng rằng: "Ta đích thị là Thiên đình sứ quân Trung quân tấu Đại động tướng", rồi tiến thẳng vào đồn giặc, tả xung hữu đột, chém được ba thớt voi lớn của giặc. Tướng giặc thấy tình cảnh ấy thì vô cùng hoảng sợ, bèn tháo lui về Nghĩa Châu (tại huyện Bảo Lạc), rồi sai người đến sân đình tâu trần tội lỗi, xin trả lại miền đất này mà y đã xâm loát. Thế là giặc tan. Bấy giờ ông đem quân khải hoàn ở bản khu, rồi ra bái yết trước chúa. Nhà chúa cả mừng, mở đại yến tiệc khao thưởng công lao của quân dân. Giữa lúc đang yến ẩm, Phúc Công tâu xin chúa cho được về thăm nhà. Khi ấy là giữa trưa, bỗng nhiên đất trời mù mịt, phong ba bạo khởi. Phúc Công tự biết mệnh mình, nằm ngay ở trong nhà mà hóa (nhằm vào giờ Ngọ ngày 10 tháng 11). Chúa cho là dị kỳ. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc, trời lại quang tạnh mây sáng, nhân dân kéo tới

thấy ông nằm chết mà mặt đỏ như mặt trời, họ liền tới trước chúa tâu trần. Nhà chúa vô cùng thương tiếc vị khai quốc công thần. Ngài lệnh cho nhân dân và triều thần làm lễ diếu phúng, lại ban cho quan tài ngọc đưa về quê quán trang Động Thụ để an táng (về sau nơi ấy tục gọi là Mộ Vua). Chúa còn ban cho dựng thêm một ngôi miếu ở quê ngoại tại khu Triều Đông, trang Văn Thuy ngay trên nơi mà lúc sống ông ở và mở trường để phụng thờ hương khói. Chúa ban cho nhân dân thôn nhà tám trăm quan tiền cùng miễn cho các sự binh dịch, lương thảo để lo việc xuân thu quốc tế thần.

## 57. SỰ TÍCH HÙNG LƯỢC ĐẠI VƯƠNG THỜI LÊ

Theo sự tích, ngài giáng sinh ở huyện Đông Ngàn, làng Đông Ngàn. Bà thân mẫu ngài bỗng thấy vị thiên tinh to và sáng từ trời rơi xuống chỗ nằm, rồi sinh ra ngài giữa ngày rằm tháng 8 năm Bính Thìn. Ngài có đủ tài văn võ, đức thân phụ mệnh danh cho ngài là Hùng Lược. Đến năm 17 tuổi, Thái phụ, Thái mẫu về trời. Xong việc hiếu phục, ngài đi chu du, nhân dịp đến xã Bối Thủy mở trường học, dân làng học đông đúc. Gặp hội giặc Mạc toàn dữ, ngài chiêu nạp những người tài giỏi để chống nhau với giặc. Đến hơn một năm, không đảng nào được thua, ngài lại trở về nơi giảng đường để dự trữ thêm binh khí, đợi thời lại ra đánh nhà Mạc. Công việc còn xếp đặt, thì bỗng thấy ông Trịnh Vương với đức Nguyễn Kim đem quân qua phủ Lý Nhân, nghe tiếng ngài mới thân đến xã Bối Thủy lập đàn tế thiên địa, phong ngài làm đại tướng quân, lĩnh tham tán nhung vụ, cùng kéo quân đi đánh Mạc. Bình được Mạc rồi, vua Lê Trang Tông lên ngôi, sắc chỉ ngài trọng nhậm Ái Châu, nhưng ngài dâng biểu cố từ, xin lập riêng một dinh sở làm nơi dưỡng nhàn. Vua bằng lòng, ngài bái tạ lui về quê nhà, yết kiến tổ ở Đông Ngàn, rồi lại xuống xã Bối Thủy lập dinh sở làm nơi dưỡng nhàn, khuyên dân cày cấy, được ít lâu, nhân dân phồn thịnh, vua nghe tiếng ban cho xã được miễn việc binh lương và thưởng

phong cho ngài là sinh thần. Tính ngài thích vui nơi danh sơn thắng cảnh, khi ngài hóa giữa ngày 15 tháng 3, dân theo lời di chúc táng ở đình lúc sinh thời của ngài ngự. Vua Trang Tông gia phong là Thượng đẳng thần, dân xã phụng sự đến giờ, cầu đảo rất là linh ứng.

## **58. SỰ TÍCH MAI HOA CÔNG CHÚA THỜI LÊ**

Theo sự tích truyền khẩu, nguyên xưa về đời Lê Cảnh Hưng, gặp phải năm ôn dịch lưu hành, ở ngõ Phủ Doãn (thôn Hội Vũ) nhiều người bị chết. Khi ấy chưa có đình thờ, cho nên cả thôn phải chung nhau, từ quan chí dân làm lễ cầu bình yên giữa lúc ban trưa ở sân nhà quan giám ban, thì đến đêm ông ấy chiêm bao thấy một đám độ 30 người thị nữ cầm tàn, quạt, cờ, kiếm và khiêng một cỗ kiệu, trên kiệu có một bà mặc áo đỏ ngồi. Khi đến giữa sân thì bà ấy phán rằng: Ta phụng mệnh Đức Thượng Đế đến cai quản xứ này, các người phải lập đình thờ, xuân thu tế tự thì chẳng những bây giờ được khỏi nạn ôn dịch, mà từ nay về sau tất cả địa hạt này đều được bình yên vui vẻ, ông giám ban quỳ lạy và xin Ngài cho biết duệ hiệu, thì Ngài phán rằng: hiệu là Mai Hoa công chúa. Nói xong cả kiệu và lũ thị tỳ cùng đăng vân lên trời. Ông ấy chợt tỉnh biết mình chiêm bao. Ông liền trở dậy lập ngay bàn thờ ở gian giữa nhà, rồi để duệ hiệu nhà Thánh vào bài vị, đặt lên thờ phụng, đèn hương suốt cả đêm cả ngày. Từ đấy cả xóm đều được yên ổn, ai nấy vui mừng mang hương hoa đến lễ. Đến năm sau có chiếu chỉ nhà vua vời ông ấy vào kinh, và cho thăng chức, ông mời 20 người kỳ mục ở thôn ấy đến, rồi kể rõ việc Thánh bà linh ứng, và việc vua thăng chức cho ông, để mọi người nghe. Xong rồi ông nhường cả dinh cơ và ban thờ để dân phụng sự. Dân xin nhận lấy, rồi sửa làm đình sở thờ Đức Thánh Bà làm Thành hoàng, và đặt ra các lệ để dân phải theo. Từ đấy ở trong thôn ai ốm đau đến cầu đảo thì bệnh được khỏi ngay, năm nào hạn

hán dân làm lễ đảo vũ thì được mưa ngay, người được bình yên, vật được thịnh vượng, việc làm ăn được thông đồng lợi lạc.

## 59. LÊ QUÝ ĐỒN

Lê Quý Đồn người làng Diên Hà, phủ Thái Bình (bây giờ mới đặt riêng thành tỉnh).

Khi trước ở phủ ấy có một ngôi đất quý, mà ai táng vào thì dân động, lại phải nhổ đi. Các thầy địa lý ai cũng khen kiểu đất đẹp mà không ai dám táng vào. Một hôm, có một người say rượu, lập tâm muốn táng vào ngôi đất ấy, mới nằm liều ở đấy cho chết đi thì thôi. Nửa đêm thấy có thần nói chuyện với nhau rằng: *"Chúng ta giữ đất này, mà có người muốn liều chết để chiếm lấy, chúng ta chẳng hóa ra phải tội với thượng đế ư?"* Một ông thần kia nói rằng: *"Hãy thử sờ vào bụng nó xem còn ấm hay lạnh rồi".* Mới lấy tay sờ vào bụng anh ta, anh ta sợ phải đứng dậy chạy về.

Đêm hôm ấy, ông thần báo mộng cho người đàn ông trong làng rằng:

- Ngôi đất này để dành cho họ Lê ở làng Diên Hà dân chúng mày phải giữ, nếu để người khác táng vào thì dân chúng mày sẽ phải vạ cả.

Người ấy tỉnh dậy lo lắng, hôm sau hội dân lại bàn rằng:

- Ngôi đất ấy có thần giữ, người làng ta táng không được, mà để người xứ khác táng thì dân động. Các nhà địa lý thường thường đi lại, chỉ sợ tiếng ấy đồn ra ngoài thì người quyền thế bắt hiếp dân mà táng, dân ta chẳng thiệt hại lắm ư? Bây giờ thần bảo để dành cho họ Lê làng Diên Hà, không biết bao giờ cho họ ấy đến táng để dân ta đỡ một đoạn khó nhọc.

Giữa lúc đang bàn, thì có một cụ già vào ăn xin. Người làng hỏi:

- Ông cụ kia ở đâu?

Thưa rằng:

- Tôi ở làng Diên Hà.

- Họ gì?

Thưa tôi họ Lê.

Cả làng mừng, nói rằng:

- Ở đây có một ngôi đất to, thần cho nhà họ Lê làng Diên Hà. Cụ có phải họ Lê, thì đem tiên phần lại mà táng, về sau phát đạt, chẳng những cụ khỏi phải khổ sở, mà dân tôi cũng đỡ được một sự quan ngại.

Cụ kia mừng rỡ, về ngay nhà đem tiên phần lại táng tại huyết ấy. Về sau, con ông cụ ấy là Lê Trọng Hứ quả nhiên đỗ Tiến sĩ, làm quan rồi sau được phong là Trung hiếu công.

Trung hiếu công muợn con, cùng với phu nhân cầu tự ở chùa Quang Thừa huyện Kim Bảng. Phu nhân nằm mơ thấy trời cho con Kỳ lân, mới có thai mà sinh ra Lê Quý Đôn.

Quý Đôn thông minh khác thường, mới lên hai tuổi đã biết được hai chữ "*hữu, vô*". Thử một trăm lượt cũng cứ trở vào chữ ấy. Lên năm tuổi, cho học Kinh Thi<sup>1</sup> thì học đâu nhớ đấy, không chữ gì phải bảo đến hai lượt. Lên sáu tuổi, đã biết làm thơ, làm văn.

Khi 7, 8 tuổi cưỡi truồng đi tắm, có một quan Thượng vào chơi với ông Trung hiếu công. Trông thấy đứa trẻ, hỏi thăm vào nhà ông kia, đứa trẻ ấy đứng giang hai chân ra và bảo quan Thượng rằng:

- Tôi đã ông biết chữ gì đây, hễ ông biết được thì tôi sẽ đưa ông vào nhà.

Ông kia thấy đứa trẻ con hồn xược, không thêm nói gì. Đứa ấy cười ồm lên nói rằng:

- Chữ *thái* thế mà không biết!

---

1. Tập thơ cổ nhất của Trung Quốc xếp vào hàng Ngũ Kinh.

Ông Thượng thấy đưa trẻ kỳ dị, hỏi ra mới biết là con ông Trung hiếu công. Lúc vào chơi nhà gọi lên mắng rằng:

- Mày là thằng rần đầu rần cổ, phải làm một bài thơ tự trách mình, nếu không làm được thì phải đòn.

Quý Đôn vâng lời làm một bài thơ Nôm rằng:

*Chẳng phải liu diu vẫn giống nhà,  
Rần là chẳng học chẳng ai tha.  
Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ,  
Nay thét, mai găm rết cổ cha.  
Chém mép chỉ quen tuồng nói dối,  
Lần lưng cam chịu tiếng roi tra.  
Từ rầy Châu, Lỗ chăm nghề học,  
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.*

Ông kia thấy bé một tí tuổi, mà văn chương tài họa, nức nở khen mãi không thôi. Lại một khi, Quý Đôn đến chơi nhà lý trưởng, nhác trông thấy một cuốn sổ biên những người thiếu thuế má, kẻ thì một vài quan tiền, người thì năm bảy đấu thóc. Quý Đôn xem qua một lượt, rồi trả người lý trưởng. Đến sau nhà ấy bị cháy, mất cả cuốn sổ, các món nợ kẻ thiếu người đủ, không biết tra khảo vào đâu. Khi gặp Quý Đôn phàn nàn về sự mất quyển sổ.

Quý Đôn bảo rằng:

- Quyển sổ ấy tôi đã nhớ cả rồi để tôi đọc cho mà sao lại, can gì mà lo.

Quý Đôn đọc thì không sai lẫn một ly nào, nhưng người lý trưởng cũng chưa dám quyết. Đến lúc chiếu sổ ra thu các món, thì phải cả, không ai cãi cớ gì, mới biết là Quý Đôn sáng dạ.

Năm 18 tuổi thi đỗ Thủ khoa. Ai cũng chắc Quý Đôn thi hội sẽ đỗ Trạng nguyên. Có một ông quan triều bảo với ông Trung hiếu công rằng:

- Nội các sách, công tử đã xem được hết cả chưa?

Ông kia nói:

- Sách nhà tôi thì cũng nhiều, duy còn thiếu một bộ "*Trinh quán chính yếu*", vậy thì ngài có bộ ấy, xin cho cháu nó mượn xem vài hôm.

Ông kia cho mượn, nhưng bỏ ra vài tờ để ra đầu bài, vì thế khoa ấy Quý Đôn chỉ đỗ Bảng nhãn.

Khi đỗ rồi, hai cha con cùng làm quan thời vua Hiến Tôn nhà Lê. Vua khen rằng:

- Hai cha con nhà ngươi, cùng có bụng trung quân ái quốc, thế mới gọi là trung hiếu truyền gia?

Về sau, Quý Đôn phụng mệnh sang sứ bên Tàu, các quan Tàu thấy người thông minh, ai cũng có lòng kính trọng.

Có một ông Tú tài Tàu vào bậc hay chữ, thông cả thiên văn, địa lý, tướng số. Nghe tiếng Quý Đôn là người anh tài nước Nam, có ý muốn thử. Một bữa rủ Quý Đôn đi chơi chùa xem bài văn bia. Ngôi chùa ấy ở cạnh bờ sông, cứ mỗi buổi chiều thì có nước thủy triều tràn lên, ngập cả bia. Khi Quý Đôn mới xem xong thì nước đã kéo đến, ông Tú tài dắt Quý Đôn về chơi nhà, hỏi lại bài văn bia, thì Quý Đôn đọc cả bài, không nhầm một chữ nào. Ông kia chịu là thông minh.

Ông Tú tài kia bảo với ông Quý Đôn rằng:

- Tôi xem tướng ông, về sau phải tội cách hết chức tước. Tôi có ngôi mộ ở trước chùa Quang Minh bên nước Nam, ông có về nước, trông nom sửa sang giúp cho tôi; sau 20 năm nữa thì tôi chắc đỗ Trạng mà sang sứ bên ấy, thì tôi sẽ cứu cho ông.

Quý Đôn vâng lời từ về, tìm thấy ngôi mộ ấy sửa sang lịch sự. Về sau, con và một người học trò Quý Đôn, cùng có tiếng hay chữ. Đến khoa thi, vua Lê chúa Trịnh đánh cuộc với nhau: vua thì đoán con Quý Đôn đỗ đầu; chúa thì đoán học trò Quý Đôn đỗ đầu. Nhưng Quý Đôn dặn người học trò đánh tráo văn cho con mình, bởi thế người con đỗ đầu, mà người học trò thì đỗ thứ ba.

Vua được cuộc mà chúa thì thua. Chúa Trịnh xưa nay vẫn biết sức người học trò hơn mà mình bị thua cuộc, lấy làm tức lắm. Rồi dần dà vỡ cái mưu gian, chúa Trịnh nổi giận, cách chức Quý Đôn và cách cả khoa mục của hai người.

Quý Đôn phải cách<sup>1</sup> buồn rầu lắm. Được vài năm, quả nhiên người Tú tài Tàu đỗ Trạng nguyên và sang sứ bên nước Nam. Khi sứ vào đến cửa ải, hỏi thăm biết Quý Đôn phải cách rồi, mới lưu lại ở ải, sai người mang một tấm vóc đề một chữ và đưa giấy nói rằng:

- "*Đố cả nước Nam biết là chữ gì, nếu không ai biết thì không sang sứ nữa*".

Vua và chúa hội cả quần thần lại hỏi, thì không ai biết là chữ gì. Vua, chúa lấy làm lo lắng. Các quan nói với chúa rằng:

- Việc này phải hỏi đến Quý Đôn mới xong. Xin chúa phục chức cho Lê Quý Đôn, rồi triệu đến mà hỏi.

Chúa Trịnh bất đắc dĩ, phải trả lại hết chức tước của Lê Quý Đôn, rồi cho đòi vào triều đình hỏi chữ ấy.

Lê Quý Đôn trước còn từ tạ không biết, chúa lại trả khoa mục cho con và người học trò, Lê Quý Đôn mới giải nghĩa chữ ấy và viết bốn chữ: "*Phỉ xa bất đông*" vào tấm vóc sai người đưa lên cho sứ Tàu.

Vua và chúa bấy giờ mới nghĩ ra là nó đố mẹo; chữ viết không ra hình chữ *xa*, mà cũng chẳng ra chữ *đông*. Mà trong Kinh Thi có sẵn câu rằng: "*Phỉ xa bất đông*". Đó là đố một câu, nhưng chỉ viết một chữ đủ ý cả bốn chữ.

Sứ Tàu thấy nói trúng vào ý mình mới sang sứ, đó là mẹo nó cứu cho Lê Quý Đôn đấy.

Tính ông Quý Đôn trung tính thành thực, làm quan được bổng lộc, thường chia cho những họ hàng thân thích. Dựng vợ gả chồng cho người trong họ; trước sau cả thảy 18 người. Những

---

1. Bị truất bỏ.

vợ con anh em bạn nghèo khó, cũng thường tư cấp cho ít nhiều. Mà xử vào trong mình rất tiết kiệm, thường chỉ mặc cái áo vải ăn cơm rau mà thôi. Lại hay xem sách, đã làm đến khanh tướng, cũng vẫn học đến nửa đêm mới thôi. Xử với người ta thì cực nhũn, không có kiêu ngạo với ai bao giờ.

Đến khi trí sĩ, làm một cái nhà tranh, sửa sang vườn cảnh chơi bồi, cửa đề hai chữ: "*Cẩn trai*" để tỏ ý mình. Học trò nhiều người làm nên đến khanh tướng.

Một tay Quý Đôn làm ra nhiều pho sách quý lắm, như là: *Thánh mô hiền phạm lục, Kim kính lục chú, Hoàng Việt văn hải, Vân đài loại ngữ, Kiên văn tiểu lục, Thái ất quái vận, Lục nhân hội thông, Kim cương kinh chú giải, v.v...*

## 60. TRUYỆN THƯỢNG THU PHÙNG KHẮC KHOAN

Phùng Khắc Khoan người Phùng Xá, huyện Thạch Thất<sup>1</sup>, đỗ Tiến sĩ nhị giáp khoa Canh Thìn (1580) niên hiệu Quang Hưng.

Một hôm từ nhà ra Kinh, ông nghỉ chân ở Vân Canh. Có một cụ già ngoài 70 tuổi, mỗi lần nhìn, ông thấy đều bùng mặt khóc nức nở. Ông gọi tới hỏi nguyên do. Cụ già nói:

- Lão điếc lác lắm lắm. Mong quan lớn tha lỗi, lão mới dám nói thật.

Ông bảo:

- Cụ cứ nói, không việc gì đâu.

Cụ già thưa:

- Lão xem dáng mạo chân tay của trưởng quan, một bên mặt có vết sẹo, giống hệt con trai của lão, không khác chút nào. Nên mỗi khi thấy quý nhân, lòng lão lại xúc động.

---

1. Nay là thôn Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.

Ông hỏi:

- Con cụ mất năm nào?

Thưa rằng:

- Xòe tay bấm đốt, đã 40 năm rồi!

Ông lại hỏi:

- Con cụ ngày trước có đi học không?

Thưa rằng:

- Lão năm 20 tuổi sinh được một đứa con trai, nó mới 6, 7 tuổi đã nổi tiếng thần đồng. Đến năm 13 tuổi thì đỗ sảo thông<sup>1</sup>, được chọn làm tuyển thủ xứ Sơn Tây, chưa kịp vào trường thi thì chết.

Ông hỏi:

- Nay có sách vở gì để lại không?

Thưa rằng:

- Nó còn để lại hai hòm sách. Lão vì quá thương con nên cất giữ rất cẩn thận.

Ông bảo mang ra cho xem, thì nét chữ không khác gì chữ của ông, thơ văn phú lục đều mang khẩu khí của ông cả. Ông lấy làm lạ, liền sai đón cụ già về nhà làm nghĩa phụ.

Ông có đi sứ Bắc quốc, nổi tiếng Yên Kinh<sup>2</sup>. Về sau ông bị dèm pha, trốn vào ở góc phía nam thành Nghệ An. Ông có câu hát bằng Quốc âm rằng:

*Góc thành nam cũng đất trời*

*Lộ là chen chúc vào nơi Kinh thành.*

Sau được tặng chức Thái tế, phong làm phúc thần.

---

1. Sảo thông: hơi thông hiểu được sách.

2. Yên Kinh: tức Bắc Kinh sau này.

## **61. ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG**

Đặng Đình Tướng người làng Xương Xá, huyện Chương Đức.

Tục truyền đời tổ mẫu nhà ông ấy nghèo khó, phải đi ăn xin. Trong làng có một cái đầm, bốn mùa không lúc nào cạn nước. Những người cấy gặt thường phải bơi thuyền thúng đi làm. Giữa đầm có một gò cao, chúng thường ở đấy kiếm ăn. Bà cụ kia cũng thường theo người ta vào đấy ăn cơm. Một hôm trời rét lắm, bà già không chịu được, nằm xuống ở đấy. Khi chúng trở về, không ai bảo. Đến lúc bà ấy đứng dậy thì không còn người nào. Trời hôm ấy đã rét lại thêm mưa phùn, bà kia chết ở đấy. Hôm sau chúng lại ra, thì thấy mối lấp đất lên lù lù một đồng to, mới biết bà ấy chết mà được ngôi thiên táng.

Từ khi ấy con cái làm ăn mỗi ngày một khá. Đến đời cháu là Đặng Đình Tướng học hành thông thái rồi thi Tiến sĩ năm Canh Tuất đời Cảnh Trị (đời vua Lê Huyền Tôn). Từ đấy ra làm quan, rồi phụng mệnh sang sứ Tàu, được thiên lên làm Lại bộ thị lang. Lâu mãi làm đến Thái phó, phong tước Quận công. Sau lại làm đến Đại tư đồ.

Tính ngài nhân hậu phúc đức lắm, chỉ mong làm được những việc cho dân được nhờ. Trên từ vua, các quan, dưới đến trăm họ, ai ai cũng có lòng kính trọng. Đến lúc ngoài 70 tuổi thì ngài trí sĩ, về làng Lương Xá chơi bởi sông núi, xem phong cảnh cho vui tuổi già. Nhưng cứ đến ngày sóc vọng thì lại vào châu vua một lần.

Trong lòng ngài lúc nào cũng thương đến dân. Khi ngài từ quan về rồi, treo hai cái giỏ tre ngoài cổng ngõ, phàm dân gian ai có điều gì oan uổng, cho bỏ giấy vào hai cái giỏ ấy. Mỗi khi ngài vào châu Kinh đô, thì tâu lên vua để gỡ hết oan cho người ta. Tuy vậy ngài không thêm kể ơn với ai, cứ đạo công bằng cứu cho thôi, nếu ai đến tạ ơn thì ngài lấy làm ghét lắm và không cho vào đến cửa. Vì thế ai cũng phục bụng ngài.

Ngài thọ 80 tuổi mới mất. Vua nhớ người nhân đức, phong làm Thành hoàng làng ấy, sai dân lập miếu thờ.

Từ khi ấy nhà ngài thịnh vượng lắm, con cháu làm quan khắp triều đình, mà thời nào cũng có người hiển đạt, hơn 200 năm, không lúc nào hết người làm quan. Tục có câu rằng: "Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng".

## 62. PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Phạm Đình Trọng người làng Kinh Dao, huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Hưng.

Tục truyền ngài là thân Ngũ hổ giáng sinh<sup>1</sup>. Năm 26 tuổi đỗ Tiến sĩ, quan trường là Nguyễn Trọng Quát xem văn của ngài, đã mừng cho triều đình được người kinh luân giỏi.

Năm Canh Cảnh thứ nhất (1740) được cử làm Giám sát ngự sử, một khi ở kinh về, ở trọ làng Hoàng Xá, huyện Kim Thành, trông thấy một người nằm úp trong đồng củi, bắt ra tra hỏi, thì là tướng giặc tên là quận Gió, ngài bắt đem nộp, được thưởng 300 quan tiền.

Năm Tân Sửu ngài làm Hiệp đồng, kiêm chức Phòng Ngự sử, phải đi dẹp giặc, bắt được hai tướng giặc nguy Cừ và nguy Tuyển ở núi Ngọa Vân, đóng cũi đem về kinh đô, được thăng làm Công bộ Hữu thị lang.

Bấy giờ trong nước lắm giặc, mà kiệt kiệt nhất là Quận He, tên chữ là Nguyễn Hữu Cầu. Quận He là người làng Lôi Đồng,

---

1. Lúc ngài còn nhỏ thường ngâm một câu rằng: "Trời chẳng già, đất chẳng già, năm hồ bảy miếu một mình ta". Đến sau ngài đi kinh lược xứ Sơn Nam, có bọn khách Tàu ở phố Hiến vào hầu, trông hình dáng ngài y như tượng thần Ngũ hổ bên Tàu. Nhân hỏi ngài sinh ra ngày tháng nào, thì quả nhiên trúng về ngày tháng Ngũ hổ có sự biến lạ, hiện còn ghi vào bia bảy miếu ở bên ấy, mới biết khi ấy là thân Ngũ hổ giáng sinh.

huyện Thanh Hà, có sức khỏe như thần, mỗi khi lâm trận, chỉ cấp hai thanh siêu đao phi ngựa xông vào, quan quân tan rã, không ai địch nổi, đã có tiếng gọi là Hạng Võ nước Nam. Tục truyền là thần cá bể sinh ra, cho nên lại tài nghệ lặn nước.

Quận He quấy nhiễu vùng đông nam, quan quân đánh mãi không trừ được. Ngài phụng mệnh đốc quân thủy, đóng ở bờ sông cạnh núi Đồ Sơn, huyện Đông Triều. Một hôm, ngài đang ngồi trong thuyền, không ngờ Quận He lặn ngấm dưới nước, nhảy vọt lên thuyền, giết chết một tên lính. Ngài vội vàng đóng cửa thuyền hô to lên rằng:

- Tao đã chém được quận He rồi đây!

Chúng tưởng thật xô cả lại. Quận He phải nhảy xuống sông, núp dưới bánh lái. Ngài sai quân cầm giáo đâm xĩa xuống, Quận He chạy mất.

Lại một hôm, ngài chỉ có một chiếc thuyền đóng ở bến Triều, bất thành linh, giặc kéo ba chiếc thuyền đến vây lại đánh, ngài xuất thủ hạ đánh hăng sức quá, giặc phải bỏ mà chạy, vua khen là mưu dũng hơn người, phong cho Giáo lĩnh hầu.

Năm Nhâm Tuất, vua triệu ngài về sai làm chủ khảo thi hội. Thi xong, lại sai cùng Tuần quận công tiến quân đi đánh giặc, ngài tâu tường tận lắm, vua mừng mà thưởng cho ba cấp và 300 quan tiền.

Năm Giáp Tý, Quận He chiếm giữ núi Đồ Sơn ở phủ Kinh Môn, tán tía, tàn vàng, lừng lẫy một vùng bãi bể, tự hiệu là nhà Triều, thủ hạ có 18 quận công, và bốn năm vạn quân, thanh thế rất là hách dịch.

Ngài phụng mệnh làm Thống lĩnh bình khấu đại tướng quân, được quyền sai phái binh mã thủy bộ các xứ Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam, An Quảng. Ngài nhận chức, coi việc đánh giặc là trách nhiệm của mình. Khi cất quân ra khỏi cửa phủ, đóng cờ ở đình Quảng Văn, rồi vào hầu Hoàng thượng ở trong đền chính. Hoàng thượng an ủi một hồi, rồi ngự viết một đạo sắc ban cho.

Sắc rằng:

*"Trăm họ đâu cũng là binh, kho tàng đâu cũng là của, cho người tùy tiện mà làm việc, nhất thiết giao phó cho người cả đó".*

Ngài lạy từ đi ra, tiến binh đến thẳng núi Đỗ Sơn, chiếm chỗ núi cao hạ trại, rồi dùng mẹo đánh phá, sai quân thủy chặn đường tải lương của giặc ở các cửa bể; mà ngài mang một đạo binh đi ngầm đằng phía sau, chặt cây cối mở lối đi, rồi xe súng lớn lên trên đỉnh núi, bắn vào trong trại giặc, giặc phải trốn đi nơi khác, lại chiếm giữ mạn sông Thương tỉnh Kinh Bắc, đắp thành Thọ Xương, dần dần chiếm được hết tự bờ sông trở sang bắc.

Bấy giờ Hoàng Ngũ Phúc (Quận Việp) đang làm Thống lĩnh tỉnh Bắc, đem quân đánh nhau với giặc, đánh ba trận thì thua cả ba, vì thế giặc lây lảng ra mọi nơi.

Năm Ất Sửu, ngài lại phụng mệnh đốc chiến. Một hôm, ngài đang ngồi ở mé nam bờ sông Thương, cùng với một người khách uống rượu, bàn việc binh. Giặc ở bên kia bờ sông bắn sang một phát, chết mất một tên lính hầu. Người khách xin ngài hãy tạm lánh đi. Ngài nói rằng:

- Ba quân hay dở, quan hệ về một ông tướng, nếu như ta lui đi thì giặc tất kéo sang sông ngay.

Bấy giờ giặc dàn chiến thuyền ở mé bắc, mà cắm cờ ở cửa sông để phòng quan quân tràn vào, ngài sai đắp lũy ở trên bờ sông, làm kế vững bền, một mặt thì sai kéo tự trên thượng lưu, di chuyển đường bộ kéo xuống, đến làng Đa Mai, huyện An Dũng, thủy bộ giáp hai mặt lại đánh. Giặc núng thế, muốn phá cử để chạy ra ngoài, nhưng không ngờ cử đã bị quân của ngài đóng kỹ lại tự bao giờ, không sao phá mà ra được, giặc phải bỏ cả thuyền chạy lên bộ, quan quân đuổi đánh, bắt được rất nhiều.

Vua được tin mừng lắm, thưởng cho 10 lạng vàng và vài trăm thẻ bạc, để tùy ý thưởng cho tướng sĩ. Vua lại viết bốn chữ *"Văn võ toàn tài"*.

Khi ấy đã có đám nghịch Ngũ chiếm giữ làng Ngọc Bội, đã được vài năm, thế cũng còn dững. Phan phái hầu là Nguyễn Phan đem quân đi đánh, bị giặc vây ở làng Hương Canh. Vua sai ông Quốc cữu cầm 18 cơ binh lên đánh giải vây, đánh hơn một tháng trời không được. Vua thấy mặt đông bắc đã hơi yên, mới triệu ngài về sai lên dẹp mặt Sơn Tây.

Khi ngài về vào châu, vua ban cho một thanh gương bảo rằng: - Từ phó tướng trở xuống, hễ ai không tuân lời cho phép cứ chém; còn cái áo gấm ban cho tướng trước sai đi, làm không nổi việc, cho người lên mà đòi lấy, hện cho mười hôm thì phải xong việc.

Ngài từ vua mang quân đi. Khi đến gần chỗ đất giặc, ngài cưỡi voi trèo lên trái núi trông xem, thì thấy khu giặc ở có 15 ngọn đồi, liên tiếp với nhau, mà chung quanh ngoài lũy thì toàn là đồng lầy cả. Ngài mới truyền cho quân mỗi người phải đem một bó củi và một bó đuốc, nửa đêm kéo quân vào, sai ném củi xuống đồng lầy làm đường đi, rồi phá trộm lũy vào chính trại to của giặc, phóng hỏa đốt trại, rồi thì trong ngoài đánh áp vào, đốt luôn cả các đồn khác. Giặc không đánh nổi phải tan chạy, mới giải được vây cho Phan phái hầu.

Ngài ngồi trên đầu voi, thảo biểu dâng về tâu công, và sai người đòi lại áo gấm của tướng trước, rồi đem quân về châu, bấy giờ mới có 6 ngày.

Vua mừng lắm, cho ngồi ăn yến cùng một chiếu với Việp quận công.

Vua bảo rằng:

- Nghịch Ngũ tuy nhiên đông dõ, nhưng chẳng qua chỉ là giặc giữ nhà mà thôi. Còn như nghịch He, nó còn ra vào bất trắc lắm, người phải lưu tâm mà đề phòng, vậy người nên về ngay dưới mặt đông nam mới được.

Ngài lạy tạ, lập tức lên đường, về đến trại cũ ở làng Bối Thị, huyện Vĩnh Lại, khao thưởng quân sĩ, nói phao lên rằng: cho quân ăn uống vui chơi năm ngày.

Bỗng dưng đến nửa đêm hôm thứ ba, nghe tiếng trống om sòm, thì ra ngài đã mang quân thủy đuổi đánh Quận He ở ngã ba sông Tranh. Các tướng cũng kéo quân bộ ra đánh. Quận He phải chạy trốn mất. Các tướng ai nấy mừng rỡ, nhưng không biết vì cớ gì mà ngài biết trước giặc đến mà đánh ngay được như thế.

Các tướng hỏi thì ngài bảo rằng:

- Ta mới từ kinh đô lại đây, giặc tất có người do thám. Hôm thứ nhất nó xem ta động tĩnh thế nào. Nó thấy ta nói phao lên cho quân ăn uống năm ngày, tất nó đoán<sup>1</sup> rằng quân ta trễ nhác. Sang ngày thứ hai, nó tất đem ngấm quân đến đánh quân ta, ngày thứ ba thì nó đến nơi, cho nên ta đón đường trước mà đánh. Đó là phép binh nhử cho người đến mà đánh đấy.

Các tướng ai cũng chịu là mẹo cao. Ngài lại sai quân chia giữ các nơi xung yếu; và sức cho dân phải giữ giúp cho nhau, hễ có giặc phải báo quan ngay, để đem binh đến tiêu.<sup>2</sup> Từ đấy thế giặc mỗi ngày một kém, dần dần quân thừa lương cạn.

Một hôm, Quận He sai người cầm giấy lại trình ngài, trong giấy ra một câu đối rằng:

- *Ngọc tàn nhất điểm: xuất vi chúa, nhập vi vương*<sup>3</sup>.

Ngài lập tức viết lại đối rằng:

- *Thổ tiệt bán hoành; thuận giả thượng, nghịch giả hạ*<sup>4</sup>.

Quận He trông thấy, vừa sợ vừa thẹn, không dám đánh nhau nữa. Mới sai người đem vàng bạc hối lộ cho người quyền thần phủ chúa Trịnh tên là Đỗ Thế Giai, giả tiếng xin ra hàng, mà kỳ thực muốn dùng chước hoãn binh. Đỗ Thế Giai nhận lễ,

1. Tuồng, nghi, đoán liệu.

2. Đánh dẹp.

3. Nghĩa là chữ *ngọc* giấu đi một nét chấm, thò lên thì là chữ *chúa*, thực xuống thì là chữ *vương*. Có ý khoe mình làm nổi vua chúa.

4. Nghĩa là chữ *thổ* cắt bỏ nửa nét ngang đi, phải thì là chữ *thượng*, trái thì là chữ *hạ*. Có ý chê kẻ kia phản nghịch.

nói với chúa Trịnh. Chúa Trịnh tin lời cho hàng, và phong cho Quận He làm Ninh đông hầu, truyền đem thủ hạ lại châu.

Phạm Đình Trọng khăng khăng một mực xin đánh, thế không cùng với giặc sống ở đời. Có quan Thự phủ nhân có hiềm riêng với ngài, gièm pha với chúa Trịnh, để chúa Trịnh triệu ngài về kinh. Ngài thì biết cơ Quận He trá hàng, mới đóng quân lại ở đồng Bôi Thị, và chiêu mộ quân cường tráng các huyện Thanh Hà, Tứ Kỳ, Thượng Hồng, Vĩnh Lại, chia làm hai cơ nghĩa binh, đặt tên gọi là cơ Thanh Kỳ và cơ Hồng Vĩnh, sai hai tướng thủ hạ thống lĩnh hai cơ ấy. Quan Thự phủ gièm với chúa Trịnh rằng:

- Phạm Đình Trọng chẳng khác gì Huyền Đức, mà Thanh Kỳ thì là Quan Vũ, Hồng Lĩnh thì như Trương Phi. Nay ông ta cầm đại binh ở ngoài, hoặc sinh bụng bất trắc thì làm thế nào?

Chúa Trịnh vốn tin ngài, không nói gì đến, lại đưa cho một bài thơ để ngài yên tâm.

Về sau quả nhiên Quận He không ra hàng, cướp bóc vùng đông nam lại càng nhùng lăm. Triều đình sai Quận Côn lĩnh binh đi đánh. Khi sang qua sông Nhị Hà, đến trạm Diên Dao, bị giặc đánh lừa, bắt sống được Quận Côn, chư quân tan vỡ mất cả. Giặc bắt triều đình phải chuộc Quận Côn 300 lạng bạc. Kinh thành nháo nhác cả lên.

Chúa Trịnh lại sai ngài đi đánh. Ngài lập tức phái binh các đạo và quân nghĩa binh tiến tiểu, đánh nhau ở Gia Phúc, Quảng Xuyên, An Ninh, Tòng Hóa trận nào cũng được, giặc phải trốn đi nơi xa, dân vùng ấy lại được yên ổn.

Khi trước ở bến Hồng Đàm châu Vạn Ninh, là một nơi rất hiểm ở miền bể đông. Có đám giặc Quan lan, tụ đồ đảng giữ chỗ ấy làm sào huyệt, cướp bóc các thuyền buôn đường bể, việc buôn bán ta với Tàu đọng cả lại. Quan Tổng đốc Quảng Đông không sao trừ được, nhiều lần đưa giấy sang cho quan Tuần phủ Yên Quảng, hợp binh tiểu giặc, đánh luôn mấy năm vẫn chưa xong. Khi ấy ngài đi tuần mặt bể đông sai thuộc tướng là Vĩnh thọ

hầu đem chiến thuyền đóng ở Châu Vạn Ninh, nói phao lên rằng đánh giặc, hẹn ngày với quan Tàu để hợp tiêu<sup>1</sup>. Mà ngài thì mật đem đội thuyền từ dưới núi Đê Thi, ra đường Bạch Long Vĩ, đến thẳng bến Hồng Đàm, đánh phá trại giặc, bắt được tướng đầu đẳng và 7 người đồ đẳng, đóng cũi nộp cho quan Tàu. Ngài thân đến chơi với quan Trấn thủ Long Môn, người Tàu trông thấy ngài lấy làm lạ lùng, tiếc thay cho ngài là đại tài mà sinh về nước nhỏ, chính nhân mà thờ người quyền thần.

Quan Tàu tâu việc ấy lên vua Tàu. Vua Tàu khen nước Nam có người giỏi, yên được cõi ngoài ven, sai quan sang ban thưởng cho ngài áo đai, trăm tấm gấm, mười lạng vàng và phong làm Thượng thư. Chúa Trịnh cũng phong cho ngài làm Bình bộ Thượng thư, bởi thế gọi là Thượng thư hai nước.

Sự lại có tin Quận He quấy nhiễu các huyện Thần Khê, Thanh Lan, dân sự tàn hại. Chúa Trịnh lại sai người đi đánh. Ngài đi gấp đường đến huyện Ngự Thiên, đang cùng bàn mưu với Quận Việp, xảy đầu giặc kéo đến vây kín làng ấy. Quận Việp lo phát phiến, một đêm thì đầu bạc trắng xóa. Ngài sai chư quân dàn trận, cầm giáo trông về phía giặc. Một mặt sai quân đắp lũy. Ngài ngồi ngay trong trận thảo tờ hịch, sai đòi tướng tá lại hội. Đang khi ấy, giặc bắn chết một tên lính cầm nghiên mực, ngài sai tên khác thay vào, mà ngài thì cứ ngồi vững vàng như không, chỗ bảo các quân. Giặc thấy vậy không dám đến gần, phải tháo vây mà chạy. Ngài đem quân các đạo, thừa thế đuổi đánh, phá được giặc ở sông Lộng Khê (về huyện Phụ Dực). Lại đuổi đến làng An Vệ, huyện Quỳnh Côi, vây bọc được giặc hai ba tầng. Quận He sai quân bó nhiều đình liệu<sup>2</sup> nói phao lên rằng đến đêm thì đốt đình liệu mà đánh ra. Chiều tối, giặc bỗng nhiên bỏ cả đình liệu thúc ngựa kéo ra, quân sĩ không ai dám chống lại, chỉ có một mặt của ngài vây mé ngoài thì giặc không dám ra cửa ấy.

---

1. Hợp binh lại để đánh giặc.

2. Duốc

Về sau Quận He trốn về Nghệ An, hợp đảng với nghịch Diên, quấy nhiễu vùng Thanh, Nghệ, ngài đem quân vào Nghệ, đốt phá được trại giặc ở làng Hưng Lâm, rồi đánh tràn vào đến Bạch Đường, Bào Giang. Ngài xuất bộ tướng là Quận Trân làm tiên phong, sai Quận Viên làm hậu quân, đuổi giặc mãi đến huyện Quỳnh Lưu, qua làng Hoàng Mai, ở đấy có một trái núi rậm, ngài đồ rằng giặc tất núp vào trái núi ấy, mới đổi tiền quân làm hậu, hậu quân làm tiền, sai vây bọc chung quanh dưới chân núi. Bấy giờ Quận He thế lực đã kiệt lăm rồi, biết thân không còn chỗ nào chạy thoát, mới đến tiền quân xin hàng.

Khi trước Quận Trân cầm tiền quân, vốn quen nhau với Quận He. Không ngờ tiền hậu mới đổi, té ra Quận Viên cầm tiền quân. Quận Viên mới sai đóng cũi giải nghịch He về Kinh đô.

Từ đấy ngài mới thành công, về được gia chức là Thiếu bảo, phong làm Dương võ tuyên lực công thần ban cho 12 xã dân và 50 mẫu ruộng để làm ruộng thế nghiệp.

Năm Cảnh Hưng thứ 12, ngài phụng mệnh trấn thủ tỉnh Nghệ An và châu Bố Chính. Một khi ngài đang ngồi coi việc trên phủ đường bỗng nhiên có một con rắn to tự ngoài sân bò vào. Quân sĩ toan đánh, ngài không cho đánh, thử để xem ra làm sao, thì thấy con rắn bò quanh chỗ ngài ngồi, rồi leo lên tràng áo ngài. Ngài cứ ngồi nghiêm nhiên không động, một lúc nó lại bò xuống, rồi bò vào hồ Bán nguyệt đi mất.

Ngài có ý buồn rầu, biết là cái điềm nó đến đón mình. Ngài mới đi khắp trong thuộc hạt, khuyên dân làm ăn yên nghiệp. Một hôm, ngài đang nằm trong màn, đang đêm bỗng "dạ" to lên một tiếng, cả nhà giật mình. Hỏi có làm sao thì ngài nói rằng:

- Thượng đế sai đòi ta về rồi.

Chúng ngạc nhiên, chưa biết thế nào. Đến ngày mồng một tháng giêng năm sau, là năm Giáp Tuất, ngài mặc áo châu ra giữa phủ đường, ngoảnh mặt về bắc lễ vọng Thiên tử, rồi lên giường nằm, tự nhiên thiếp dần đi rồi mất.

Vua được tin thương xót vô cùng, sai quân thủy bộ hộ tống

linh cữu về làng ngài an táng, và sai quan Thượng thư là Trần Cảnh đến nhà dự tế.

Chúa Trịnh cũng sai Thượng thư là Nguyễn Công Thái đến tế, và tặng 16 chữ: "*Phủ dân, tiểu khấu, cố bản, an biên, ái quốc, trung quân, hoàn danh, cao tiết*". Lại gia tặng chức Thái phó, phong làm Hải quận công thượng đẳng phúc thần, lại sai lập đền thờ ở làng Giáp Sơn.

Chúa Trịnh lại ban cho một câu đối thờ rằng:

*Cái thế anh hùng kim cổ thiếu.*

*Tại nhân công đức địa thiên dàng.<sup>1</sup>*

### 63. NẪM MỘNG TẠI ĐỀN TRẦN VŨ

Xưa nay, đền Trần Vũ vẫn là nơi đông người lễ bái, ngoài ra còn là nơi hằng tháng vào những ngày một và sáu, nhiều người đến lễ và xin ngủ lại đền để cầu mộng, ứng bảo cho những điều mộng đó. Trong đám người sùng bái này phần lớn lại là học trò xin thần ứng mộng cho về việc thi đỗ. Do đó mà quang cảnh đền rất tấp nập, nhất là vào những thời kỳ gần kỳ thi. Có nhiều truyền thuyết về những mộng ứng ly kỳ của thần với những nhân vật nổi tiếng như Phạm Công Trứ Tiến sĩ năm 1628, Nguyễn Quốc Trinh Trạng nguyên năm 1659. Hiện có một tập sách ghi lại những truyện này, nhan đề *Trần Vũ thần mộng ký* (Thư viện Khoa học xã hội Ký hiệu A. 1204). Những truyện nằm mộng này dĩ nhiên tuyệt đại đa số có tính cách thần bí. Nhưng cũng có trường hợp chứng tỏ rằng không phải mọi người đều tin ở sự uy linh của thần. Truyền rằng Nguyễn Đăng Đạo, thường gọi là Trạng Bệu quê ở làng Bệu (Hoài Bảo) huyện Tiên Sơn, Hà Bắc hồi còn là học trò có đến nằm mộng tại đền. Nhưng thần

---

1. Nghĩa là anh hùng đời xưa nay hiếm có, công đức cho người ta được nhờ dài bằng với trời đất.

báo tin là phải chờ đến khoa sau mới đỗ. Sáng hôm sau ông đã đề ở tường đền hai câu:

*Thần nhân bất thức nhân gian sự*

*Ngã thị tứ khoa trúng trạng nguyên.*

(Người thần không biết việc người,

Khoa này quyết đỗ, đỗ thời trạng nguyên)

Quả nhiên khoa ấy ông đỗ Trạng nguyên, đó là năm Chính hòa thứ 4 (1683).

Một học trò khác (không rõ họ tên) cũng đến nằm mộng tại đền và được thần báo là không đỗ. Anh đã ngâm ngay bài thơ và ghi lên vách:

*Tuổi trẻ nhà nòi chí tiến xa*

*Kinh hiền truyện thánh đọc lâu qua*

*Thần nhân sao biết việc người được,*

*Nhất quyết khoa này giật thủ khoa!*

Và anh ta đã đỗ đầu khoa thi hương năm ấy đúng như ý chí và quyết tâm của mình trong lời thơ.

## 64. BÀ CHÚA MÍA

Ai đi qua vùng đất hữu ngạn sông Hồng, thuộc tỉnh Sơn Tây cũ (nay là Hà Tây) đến các huyện Quảng Oai, Tùng Thiện và bên kia là Vĩnh Tường sẽ thấy ở đây có cơ man nào là mía. Công lao vun đắp cho nghề trồng mía là của một bà chúa, cũng được tôn là bà chúa Mía.

Bà chúa Mía tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Liệu, có tên cúng cơm là Ngọc Chi, quê ở làng Đông Sàng, huyện Tùng Thiện (nay thuộc xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây). Có trí thông minh và sắc đẹp hơn người, bà được tuyển vào cung chúa Trịnh, dưới triều Lê Thần Tông, đầu thế kỷ thứ XVII.

Tuy được tuyển làm cung phi, bà Ngọc Liệu vẫn rất quyền luyến quê hương. Bà thường xin phép chúa trở về làng để được gần gũi bố mẹ và nhất là để khuyến khích dân làng trồng mía. Về ở Thăng Long, bà thấy mía là một thứ hàng được ưa chuộng, các nghề làm đường, làm mật, bánh kẹo, nếu không có nguyên liệu là mía thì sẽ bị sút kém tiêu điều. Bà kêu gọi mọi người trồng, và tự mình chăm sóc lấy bãi mía của nhà mình. Bà cứ về nhà luôn, làm cho nhà chúa trông đợi, vì bà rất được chúa yêu quý. Bà không chịu tối cung, chúa lại mang xe kiệu, quân gia về làng Đông Sàng, Mông Phụ để được gặp bà. Việc đi về của chúa gây ra nhiều sự phiền phức cho quân sĩ và dân chúng nên đã có một vị quan lúc bấy giờ là ông Nguyễn Duy Thời thẳng thắn khuyên ngăn chúa. Bà Ngọc Liệu cũng nói rõ ý định vun trồng nghề mía của mình cho chúa yên tâm.

Nhân dân ở Đông Sàng, Mông Phụ và rộng ra cả hạt Sơn Tây, nhờ sự săn sóc và khuyến khích nghề nghiệp của bà nên làm ăn phát đạt. Khi bà mất, họ tôn bà làm thần, gọi bà là bà Chúa Mía, tên chữ là Giá Sơn thánh mẫu. Có đền thờ riêng, nhưng trong chùa Mía (chùa Sùng Nghiêm) cũng thờ bà cùng với các Phật. Nghề trồng mía ở đây vẫn còn phát đạt cho đến bây giờ.

## 65. BÀ NGỌC ĐÀI

Có một thành ngữ ngày xưa các nhà thức giả thường dùng để ca ngợi huyện Thiên Bản (nay là Vụ Bản, Nam Định) là: Thiên Bản Lục Kỳ, nghĩa là sáu người lạ ở huyện Thiên Bản. Sáu người lạ đó là:

- Ông Trạng Lương Thế Vinh, Thành hoàng làng Cao Hương.
- Liễu Hạnh công chúa.
- Đề Sát, Thành hoàng làng Vân Cát.
- Cường Bạo, Thành hoàng làng Bảo Ngũ.

- Bà Chúa Giáp, Thành hoàng làng Bảo Ngũ.
- Bà Ngọc Đài, cũng Thành hoàng làng Bảo Ngũ.

Bà Ngọc Đài là con gái họ Phùng, vốn là một đào nương danh tiếng hồi đầu thế kỷ XVII ở nước ta. Tuy tài sắc tuyệt vời, nhưng nhân duyên của bà lận đận. Hai đời chồng trước đều không trọn vẹn vì đang vui duyên mới thì chồng lâm bệnh qua đời. Bà dành cả nửa chừng xuân của mình cho nghệ thuật ca công. Tiếng hát vẫn hay, sắc duyên vẫn đậm đà như hồi thiếu nữ, nên bà luôn luôn được các hội hè mời đón. Chúa Trịnh nghe tiếng đón bà vào đội nữ nhạc trong phủ, sau dần dần tuyển làm cung nhân, rồi lên đến địa vị Vương phi.

Say mê đàn nhạc, bà Ngọc Đài vẫn luôn luôn có lòng nhớ đến quê hương, làng xóm, trân trọng dân nghèo. Thấy chúa Trịnh luôn luôn bắt dân phu về Thăng Long phục dịch: đào hào, đắp lũy, làm dinh thự lâu đài, bà thấy trong lòng bất nhẫn. Bà lập mẹo dẫn dò đám dân phu cứ để hình dong tiêu tụy, ăn uống khổ sở ngay cả những lúc có quan lại đi qua, chứ đừng nên ra vẻ bề ngoài để làm đẹp mắt họ. Thế rồi, bà cố ý chèo kéo chúa Trịnh cho đi xem dân phu đắp thành. Chúa chiều lòng đưa bà cùng đi thị sát. Đến chỗ đám dân rách rưới, ăn cháo cám trừ cơm, bà đứng lại, nước mắt ràn rụa, không nói năng gì. Chúa thấy vậy cũng động tâm, liền quay về cho lệnh bãi phu phen tạp dịch. Dân phu mừng rỡ, hớn hởi nhất là dân làng Bảo Ngũ, huyện Thiên Bản. Họ trở về quê ca hát để tỏ lòng biết ơn bà Ngọc Đài.

Sau đó dân làng Bảo Ngũ, huyện Thiên Bản lập một ngôi đền thờ, mời bà Ngọc Đài về khánh thành. Hôm đó là ngày mừng 7 tháng 3, họ vác cả mai cuốc ra đền, y như ngày nào đi phu mà được bà Ngọc Đài xin cho được miễn. Bà tươi cười vỗ về dân chúng rồi cùng họ vui vầy ca hát. Bà nghĩ ra một trò vui là cho họ vác mai cuốc, xếp hàng lại với nhau thành ra những chữ Hán như "Quốc thái dân an", "Thiên hạ thái bình" v.v... Bà lại chia vai cho người này cầm cờ, người kia múa hát,

sắp thành các điểm, các đội, dưới quyền một người điều khiển gọi là Tổng Cờ.

Từ đó, ở vùng Thiên Bản, cứ đến ngày 7 tháng 3 là ra đèn mở hội. Để cho đẹp mắt, họ thay những cán cuốc, cán mai bằng những cây gậy quấn giấy xanh đỏ, buộc tua ở đầu và những cây cờ ngũ sắc. Họ cũng xếp chữ múa hát trước cửa đền thờ bà Phùng Ngọc Đài sau khi bà mất. Họ tôn bà làm Thành hoàng làng Bảo Ngũ và cùng thờ bà với Liễu Hạnh công chúa, luôn luôn nhớ bà có công giúp đỡ nhân dân, có tài ca hát và là người sáng kiến ra hội kéo chữ, một trò diễn đẹp mắt mà dồi dào ý nghĩa văn hóa.

## 66. BÀ PHÁP TÍNH: BÀ CHÚA KIM CƯƠNG

Bà nguyên là một vị quận chúa, con gái của Trịnh Tráng, sống vào thế kỷ thứ XVII ở nước ta. Tên chính của bà là Trịnh Thị Ngọc Trúc. Cuộc đời riêng của bà cũng có những trắc trở. Trước bà được gả cho một vị hoàng thân nhà Lê tên là Lê Trụ, nhưng sau Lê Trụ bị tội, chúa Trịnh Tráng lại gọi về và tìm cách gả cho vua Lê Thần Tông, mặc dầu bà đã có bốn con.

Về làm vợ vua Lê, bà vẫn tỏ ra một đức độ uy nghi nghiêm túc, khiến cho nhà vua vì nể. Các quan triều thần trước đây không ưng ý cuộc kết hôn này, vì cho nhà vua tôn quý như vậy mà lấy một bà đã có bốn con, vợ cũ người bị tội thì rất không nên. Nhưng cuối cùng, họ phải cảm phục quý mến bà. Dần dần bà được phong làm chính cung hoàng thái hậu.

Tuy ở ngôi tôn quý, lại là dòng dõi “lá ngọc cành vàng”, song bà Ngọc Trúc không quan tâm đến sự phú quý. Bà giàu lòng nhân đức, hay giúp đỡ mọi người, và muốn cầu Phật ban phúc lành cho dân chúng. Tự bà xin lập và tu sửa các chùa chiền, phổ biến lễ cúng Phật. Nhưng sở trường của bà lại là về mặt văn chương ngôn ngữ. Bà thông hiểu cổ kim, nhất là có nhiều suy nghĩ về tiếng nói và chữ viết của nước nhà. Bà đã biên soạn

được một cuốn sách đặc sắc, là cuốn *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*. Nước ta có chữ Nôm đã lâu. Chữ Nôm được sử dụng vào thơ phú từ đời Trần và sang đời Lê thì rất thịnh. Nhưng chưa có ai làm sách từ vị, thu thập giải nghĩa các tiếng và cách viết. Cuốn sách của bà là một đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam. Mãi cho đến nhiều năm về sau, vẫn chưa ai lưu tâm viết những loại sách như thế.

Khi về già, bà xin từ ngôi hoàng hậu, rời bỏ cung điện vào chùa đi tu, được gọi biệt hiệu là bà chúa Kim Cương, đạo hiệu là Pháp Tính. Tại chùa Ninh Phúc, làng Bút Tháp, Bắc Ninh, có bài vị thờ bà và có hai văn bia soạn năm 1646 và 1647 ca ngợi bà.

## 67. MÃN ĐÀO HOA CÔNG CHÚA

Ngày xưa, vào đầu đời nhà Lê, tại làng Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh) có một chàng trai tên là Đinh Lễ. Tính tình phóng khoáng, không thích công danh chỉ vui với một cây đàn, sống cảnh nghèo nàn với non xanh rừng biếc. Một ngày, ngồi ngắm cây đàn của mình dưới sườn núi đá, anh đang nghĩ cách làm sao cho tiếng đàn thêm réo rắt diệu kỳ, thì bỗng thấy có hai ông già đi lại. Hai ông tự giới thiệu là hai vị tiên Lý Thiết Quài và Lã Đồng Tân, vốn có tiền duyên nên muốn giúp anh. Hai người cho anh một khúc gỗ và một tờ giấy có vẽ chiếc đàn, bảo anh cứ theo kiểu mẫu như thế mà chế tác thì sẽ được như nguyện. Nói xong biến mất.

Đinh Lễ nghe lời, ngày đêm theo hình vẽ để làm đàn bằng cây gỗ ấy. Đàn ấy khác hẳn mọi loại đàn vẫn có xưa nay, tức là cây đàn đáy. Quả nhiên, khi hoàn thành, tiếng đàn gảy lên có mãnh lực hấp dẫn rất kỳ lạ. Chim chóc trên không sà xuống, cá dưới nước bơi lên, cây cỏ cũng lặng im như muốn lắng nghe tiếng nhạc. Với cây đàn ấy, Đinh Lễ đã làm cho nhiều người chung quanh anh sáng khoái, hào hứng, quên

hết lo buồn. Anh mang đàn đi khắp mọi nơi để chia sẻ niềm vui với bà con thiên hạ.

Một ngày, anh đi đến châu Thường Xuân Thanh Hóa, viên quan châu ở đây là Bạch Đình Sa, có người con gái là Bạch Hoa, nhan sắc tuyệt trần, nhưng tiếc nỗi lại bị bệnh câm, thuốc thang đã nhiều mà không khỏi. Hôm Đình Lễ đến gảy đàn, tiếng đàn của anh vang vào buồng trong, nàng Bạch Hoa thốt nhiên cảm động, đang ăn cơm bỏ bát xuống, cầm đũa gõ vào mâm theo đúng nhịp đàn. Bản đàn vừa dứt thì nàng cũng bật ra tiếng nói: Chà? Tiếng đàn hay quá.

Thấy sự lạ, Bạch Đình Sa vô cùng mừng rỡ, mời Đình Lễ ở lại, cho hai người gặp mặt nhau. Bạch Hoa đứng lên, tươi cười chào hỏi như đã từng quen thuộc. Ông bà họ Bạch bàn bạc cho hai người kết hôn. Từ đó Đình Lễ ở lại dạy cho vợ học đàn. Tiếng đàn của nàng cũng điêu luyện không kém gì chồng, mà nàng lại có thêm giọng hát hay, điệu múa dẻo, làm cho quan khách ai ai cũng phải trầm trồ khen ngợi.

Sau đó, vợ chồng đưa nhau trở về ở làng quê Cổ Đạm. Tại đây, Đình Lễ và Bạch Hoa chăm chú dạy nghề đàn hát cho lớp trẻ ở trong vùng. Cổ Đạm trở thành một đất thanh lịch, thịnh hành lối hát ả đào từ xưa đến nay chưa hề có trên đất nước ta. Cây đàn đáy khác với các loại nhạc cụ đã phổ biến, mà các điệu hát nói, hát thơ, thống, đồn... cũng mới lạ. Vợ chồng Đình Lễ, Bạch Hoa chăm chú dạy cho các môn đệ của mình thành thạo hẳn một loại nghệ thuật âm nhạc đặc sắc như thế, nên rất được hoan nghênh.

Ít lâu sau, Đình Lễ được các vị tiên trên trời xuống đón về cõi tiên để học đạo. Nàng Bạch Hoa cũng không bệnh mà mất. Người ta nói là nàng cũng được lên tiên theo chồng. Dân làng Cổ Đạm lập đền thờ tôn bà là Mãn Đào Hoa công chúa - là vị tổ của ngành hát ả đào.

## **68. TÔM KHÔNG MẮT**

*(Truyện Nguyễn Hoản)*

Trong lịch sử văn hóa, việc xuất hiện chữ Nôm là một bước tiến quan trọng của dân tộc ta. Một điều vinh dự cho Nam Sách (Hải Dương) là có Nguyễn Thuyên và người bạn ông là Nguyễn Sĩ Cố đều quê ở Nhân Lý, thị trấn Nam Sách, đã góp phần định hình cho chữ Nôm. Nguyễn Thuyên còn làm thơ đuổi cá sấu ở sông Phú Lương, một việc làm tương tự với Hàn Dũ bên Tàu, được vua đổi cho là họ Hàn, thành Hàn Thuyên.

Mấy thế kỷ sau, đúng vào thời kỳ rực rỡ nhất của nhà Hậu Lê, triều Lê Thánh Tông, Nhân Lý được phong là "ấp Trạng". Đó là nơi xuất hiện Trạng nguyên Vũ Dương, Trạng nguyên Trần Sùng Dĩnh. Hai vị được vua vời vào Hội thơ Tao đàn có 28 vị (nhị thập bát tú) mà vua là Tao đàn nguyên suý. Tham gia vào Tao đàn, ngoài hai vị trên còn có Ngô Hoán quê ở làng Thượng Đáp, xã Nam Hồng và một tiến sĩ là cháu bốn đời của Nguyễn Thuyên và Nguyễn Sĩ Cố, tên là Nguyễn Hoản, một người giàu nhân cách, đã dám nêu ra chuyện *Tôm không mắt* để nhắc khéo nhà vua. Chuyện kể rằng, vua cho mời các quan tân khoa sau khi dự lễ xướng danh, treo bảng vàng ở ngoài cửa Đông Hoa, ban mũ áo quan đại trào, tất cả đều được vào dự yến tiệc. Tiệc của vua ban có đủ sơn hào hải vị, nhất là món tôm đặc biệt, nấu nướng công phu. Các quan tân khoa được lộc vua ban, ai nấy đều ăn uống vui vẻ. Duy có một vị Tiến sĩ ngồi bàn giữa là không động đũa. Vị Tiến sĩ ấy chính là Nguyễn Hoản. Trong bảng vàng treo ở cửa Đông Hoa, Nguyễn Hoản ở hàng phó bảng, nghĩa là chỉ có danh, không phong chức như các quan tân khoa khác. Chính vì vậy Nguyễn Hoản không ăn món tôm quý đức vua ban thưởng. Vua đi qua, trông thấy con tôm còn nguyên trước mặt Nguyễn Hoản, bèn hỏi:

- Khanh chê món tôm "đệ nhất hải vị" của trẫm hay sao?

Nguyễn Hoản đứng lên vòng tay kính cẩn:

- Tâu bệ hạ, thần đâu dám khi quân mà mang trọng tội. Thần đội ơn bệ hạ đã sáng suốt kén chọn nhân tài trong thiên hạ. Ngay như thần đây chỉ là kẻ dốt, thua kém xa các vị đàn anh trong buổi thiết triều hôm nay mà còn được dự để bàn chuyện sơn hà xã tắc, lo cho quốc phú dân cường. Nhưng thần không thể nào dám nhúng dũa vào món tô mà người đầu bếp nào đó đã đặt trước mặt thần...

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Món tô làm sao, khanh cho ta hay?

Nguyễn Hoản thưa:

- Tâu bệ hạ, tô rạng rỡ như rồng phượng, đĩa đựng tô long lanh như ngọc ngà, chỉ tiếc rằng...

- Tiếc làm sao, khanh cứ nói!

- Chỉ tiếc rằng tô không có mắt! Đã không có mắt thì làm sao thấu hết hay dở, định rõ đúng sai, vàng thau lẫn lộn, thực giả khó phân, kẻ hiền thì bỏ, kẻ ác tin dùng...

Nhà vua nhìn con tô, rồi nhìn vị Tiến sĩ trẻ Nhân Lý, một lát sau gật đầu:

- Khanh quả là người rất trí tuệ. Lời nói của khanh hết sức sâu sắc. Khanh chính là nhân tài mà trẫm đang kén chọn để góp phần trị quốc an dân...

Nói rồi, vua truyền phải chuyển Tiến sĩ Nguyễn Hoản từ hàng phó bảng sang hàng chính bảng để phong chức tương xứng. Ông được đưa vào Hội Tao đàn cùng nhà vua xướng họa.

## 69. TRẠNG CẦU

Không thi mà được suy tôn là Trạng. Đó là Trạng Cầu ở làng Chu Đậu, xã Thái Tân, Nam Sách.

Trạng tên là Đình Lư.

Đình Lư sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo.

Thuở bé, do bố mẹ mất sớm, Lư phải đi chăn trâu, cắt cỏ, làm thuê làm mướn kiếm ăn. Lư chơi rất thân với bạn bè cùng lứa. Trâu đứt thừng, trâu lồng, có khi bơi qua sông Thái Bình, bạn bè lo sợ, riêng Lư không quản ngại. Cậu sẵn, lừa trâu rồi tóm gọn, dắt thừng trâu về giao cho bạn. Cậu cùng tổ chức đủ trò chơi, nào vật, nào đá cầu, nào đánh đu, nào bơi lội... Những trò chơi ấy không chỉ giúp cho thân thể khỏe mạnh, mà còn làm tăng tính khéo léo thành thạo. Đặc biệt là cậu đá cầu rất giỏi. Trâu đang đi hay đang lồng, Lư vẫn đá cầu trên lưng nó, giống như làm xiếc. Chặt chuổi làm mẳng chơi trên mặt sông sóng to, Lư cũng đá cầu dẻo dai, đều đặn không sai quả nào.

Chơi bởi thỏa thích với các bạn, nhưng Lư cũng rất chăm học.

Từ bé Lư đã nhìn mọi vật mà viết đúng chữ, như chỉ lên núi mà viết chữ *son*, chỉ xuống nước thì viết chữ *thủy*, chỉ lên trên thì viết chữ *thượng*, còn trở xuống thì viết chữ *hạ*... Lư học thông minh, lớn lên đỗ đại khoa. Mặc dù làm quan trong triều, nhưng mỗi khi về làng, Lư vẫn vui chơi với bạn bè, chan hòa cùng dân chúng. Ông tham dự các trò chơi dân giã như đánh vật, đánh đu, chọi gà, thả chim... Ông vẫn giữ được sự lành lợi, dẻo dai khi biểu diễn đá cầu cho dân xem.

Lần ấy, ông được tháp tùng vua Lê trải thuyền rồng về kinh lý vùng Nam Sách. Thuyền rồng cập bến Chu Đậu, đứng vào ngày lộng gió, sóng to, nước xiết. Vua bảo Đinh Lư:

- Đến quê của khanh rồi, có trò gì hay thì cho trầm thưởng ngoạn.

Đinh Lư đáp:

- Tâu bệ hạ, từ hồi còn cỡi truồng chăn trâu, thần đã cùng bạn chơi trò đá cầu. Những năm qua nhờ ơn bệ hạ được mũ cao áo dài, song mỗi lần về với dân làng, thần vẫn không quên trò chơi ấy.

- Thế khanh có 'thể đá cầu ở ngay thuyền trầm ngự này được không?

- Muôn tâu bệ hạ, thần xin được đá ngay! Thần xin đá liên tục, bao nhiêu lần trái cầu thần đá lên mà không chệch rơi xuống lòng thuyền là bấy nhiêu tuổi thọ chúc mừng bệ hạ.

Dứt lời, Đinh Lư tung cầu đá. Các văn võ bá quan theo hầu thì tái mặt lo sợ. Đá cầu trên mặt đất lúc gió to còn khó, đằng này đứng tại mũi thuyền lúc nghiêng, lúc ngả, lại chỉ được quay mặt về phía đức vua biểu diễn. Ngộ nhỡ mới đá dăm ba trái mà lỡ xẩy chân để cầu rơi tuột xuống lòng thuyền thì có khác gì rửa vua chết yểu, vừa hỏng cuộc vui mà vừa mắc tội khi quân.

Nhưng Đinh Lư rất bình tĩnh. Sau khi vái tạ đức vua, Đinh Lư thất vạt áo thụng, xắn quần tháo hia rồi nhận quả cầu thù kim tuyến. Ông tung cầu lên rồi nhịp nhàng lấy má trong chân đón lấy. Cứ thế tanh tách, cầu nảy lên, rơi xuống đều đặn, theo nhịp đếm của các quan... Lúc đầu mọi người còn hồi hộp đếm. Sau đó là sự thích thú hào hứng dõi theo... Ba mươi... Bốn mươi... Rồi tám mươi... Chín mươi... Cầu cứ tung lên, rơi xuống như có nam châm hút về phía bàn chân tài hoa điêu luyện của Đinh Lư.

Đến lúc vừa tròn trái thứ một trăm thì vua Lê phán:

- Thôi, thôi! Trẫm đã hiểu lòng khanh rồi! Trẫm thọ đến một trăm tuổi là đủ để vun đắp cho sự nghiệp của tiên đế, vui vầy cùng trăm họ... Trẫm cho khanh bình thân... Thị nữ đâu, mau mang ngự tửu ra đây để chúc mừng Trạng Cầu...

Văn võ bá quan quây quần trên thuyền rồng cùng nâng chén chia vui với Đinh Lư và kính chúc đức vua vạn tuế.

Trạng Cầu nổi danh trong nước. Thú đá cầu trở thành trò vui, một môn thể thao dân gian, được các nơi hưởng ứng.

## **70. ĐỒNG BÔNG, ĐỒNG BÀI** *(Truyện ông tổ nghề gốm)*

Thời Lê, vua ngự thuyền rồng dẫn quân dẹp giặc, khi qua sông Thái Bình đến địa phận làng Dọ thì thuyền bị kẹt. Dân

làng liền hò nhau lấy chèo buộc kéo thuyền vua trở lại dòng sâu. Vua ban cho làng hai chữ *Hùng Thắng* từ đó.

Khi yên hàn, một lần vua trở lại Hùng Thắng. Tình cờ vua gặp được người con gái họ Vương xinh đẹp, tiếng hát trong trẻo vang xa khi nàng đang cất cổ:

*Bờ đê xanh mướt nước tràn*

*Một trăm vật cỏ lai hàng tay ta*

Người đã đẹp, giọng đã hay, lời lại đầy khẩu khí. Vua cho đưa về cung làm vợ, đặt tên cho nơi nàng đứng là *Mỹ Xá* (làng đẹp), tha thuế cho cả làng. Thế là nhờ có cô gái họ Vương lọt vào cung khuyết mà quê hương cũng được lộc vua. Khổ nổi là nơi đây lại ít ruộng. Lòng mong muốn của vua sao cho dân làng được sung sướng không thể chỉ trông vào độc canh cây lúa.

Bấy giờ có ông Đặng Huyền Thông đến đây lập nghiệp, ông nói với dân làng:

- Ít đất canh tác thì mở nghề thủ công. Làng làm nghề thủ công thì giúp tiền cho các thôn có ruộng đất. Còn thôn có ruộng đất thì giúp thóc cho làng nghề.

Thế là các thôn Hùng Thắng, Mỹ Xá, Ưông Hạ, rồi cả bên Chu Đậu cùng giúp đỡ lẫn nhau. Các thôn nhường khu đồng Bông, đồng Bài cho Mỹ Xá canh tác.

Đặng Huyền Thông lấy bà Vương Thị Dần ở Mỹ Xá, con quan án, làm vợ bé. Trước đó ông cũng đã cưới bà Hoàng Thị Miêu ở thôn Ưông Hạ, con một quan nghề. Còn bà vợ cả là Hoàng Thị Đình ở thôn Hùng Thắng thì không có con. Ông giúp cho các làng làm nghề gốm nổi tiếng khắp nước. Ba con trai ông là Đặng Bá Hậu, Đặng Bá Chừng, Đặng Bá Chiêu vẫn vừa nông, vừa công, nên lúa vẫn có mà đồ gốm vẫn nhiều. Cả vùng tập nập thuyền buôn nước ngoài đến ăn hàng.

Đặng Huyền Thông có quan hệ gia đình vợ con với cả ba thôn, nên là Thành hoàng chung. Hằng năm các làng mở hội từ ngày mười tám đến ngày hai mươi hai tháng tám âm lịch để tế thần.

Người ta nhắc lại sự tích đồng Bông, đồng Bài để ghi nhớ công ơn ông tổ nghề đã khéo léo kết hợp cả nghề gốm và nghề nông thuở trước.

## 71. ĐẠI VƯƠNG Ô

Chung quanh dãy núi đá Tràng Kênh thuở xưa là rừng rậm tăm tối, chẳng có ai dám lai vãng tới, vì nhiều thú dữ đã đành, lại vì núi này là núi riêng của Nhà trời, thiêng lắm. Vách núi dựng đứng, cao ngất. Trong núi có một cái hang sâu thẳm. Đồn rằng, nếu vào được cái hang ấy thì có đường ngược lên tận trời, vì đêm đêm người ta thấy trên đỉnh cao ngất của núi này có một vùng sáng rực rỡ và bóng các vị thần bay lên, bay xuống.

Thuở ấy, ở làng Mỗ (nay thuộc xã Thanh Nguyên) có một chàng trai có chí khí và gan góc có tiếng. Ngày đêm chàng mài dao búa, luyện tập võ nghệ, quyết một phen vào hang thần, trèo lên trời xem sao.

Rồi đến một hôm, chàng mang dao búa vượt rừng vào hang. Trước cửa hang trần nằm cuộn khúc từng đống, beo cộp múa vuốt nhe nanh, rắn rết bện vào nhau như thừng, như chảo. Nghe hơi người, chúng đều cất đầu dậy chực vỗ, chực đớp... Chàng trai diệt trừ và đuổi sạch được các loài ác thú, phạt gai góc, cây cối, tiến sâu vào trong hang. Trong ánh sáng lơ mơ, huyền ảo của hang đá trập trùng, chàng thấy một vị thần hiện ra, đưa cho chàng một lọ nước và nói rằng:

- Nhà ngươi quả là người kiêu dũng. Nay ta ban cho lọ nước thần này, uống vào sẽ khỏe mạnh lên gấp trăm lần. Thôi về đi! Ra khỏi hang hãy uống.

Khi đã ra khỏi hang, chàng uống lọ nước thần thì thấy khỏe khoắn lạ thường. Chàng thử nhổ một cây cỏ thụ xem sao. Cây bật gốc, tróc rễ như chơi. Chàng cầm gốc cây vung mạnh làm gió nổi ù ù. Chàng mừng quá, vừa vung cây, vừa chạy như bay, làm cây đá đổ ầm ầm, cả tòa núi nhà trời cũng rung lên như muốn sập.

Vị thần bấy giờ mới lo hoảng, vì không ngờ chàng trai lại khỏe và hung hăng đến thế. Nếu không tìm cách kiềm chế bớt thì e rằng có lúc chàng làm đảo điên tất cả, bèn gọi chàng quay lại. Vị thần bảo chàng:

- Con khỏe lắm rồi đấy, song phải uống một liều thuốc tinh tâm dưỡng trí, để sức lực được lâu bền. Ta ban cho con lọ thuốc này nữa, uống đi rồi hẵng về!

Chàng vâng lời thần. Từ đó, chàng là người vừa tài khỏe, vừa là người cơn tỉnh, cơn mê: chàng thức một buổi lại ngủ mất một buổi, thức một ngày lại ngủ mất một ngày. Cơn buồn ngủ có thể đến bất cứ lúc nào. Hễ ngủ là chàng ngáy ồ ồ như đê vỡ. Vì vậy người ta gọi là "chàng Ồ".

Lại nói thuở ấy, giặc Ngô đang thống trị nước ta. Nỗi oan khiến ngập trời đất. Nghe đồn ông Tĩnh Đế (Lê Lợi) đã dựng cờ đại nghĩa ở đất Lam Sơn, sắp mang đại quân ra trừ giặc ngoài này. Trăm họ đang nôn nao chờ đợi. Bỗng một hôm chàng Ồ đang dẫn gỗ trong rừng, thấy người đi núi, đi săn ào ào chạy ra khỏi rừng. Chàng hỏi mới biết quân ông Tĩnh Đế đang xảy ra, họ về theo quân đánh giặc. Chàng Ồ cũng hăm hở đi theo. Chàng được nhận vào chiến đấu trong một đội quân tiên phong của ông Tĩnh Đế.

Đêm sau, quân ông Tĩnh Đế đến quảng Lai Bố (thuộc khu vực Châu Cầu - Phú Lý ngày nay). Nghĩa quân được lệnh bố trí đánh thành Yên Hạ. Canh ba, gươm cài gáy, người ngậm tăm, nghĩa quân đang chờ hiệu lệnh thì bỗng nghe tiếng ai ngáy ồ ồ. Tiếng ngáy cất lên ngày càng to. Sợ lộ quân cơ, vị tướng chỉ huy trận đánh giận dữ tuốt gươm đi sục sạo trong quân xem ai ngáy. Người ta tìm thấy ngay chàng Ồ, tay cầm giáo, đầu gục trên vệ cỏ mà ngủ. Vị tướng vùng gươm toan chém thì những người đồng hương với chàng Ồ đều phục xuống van xin. Họ kể rõ lai lịch chứng tật này của chàng Ồ để vị tướng tha cho chàng. Nhưng vị tướng vẫn chưa nguôi cơn giận, liền chém luôn một nhát vào bả vai chàng để đánh thức chàng dậy. Chàng Ồ tỉnh

giắc và chàng hiểu ra mình vừa phạm tội. Vị tướng sai giam chàng lại và ra lệnh đánh thành Yên Hạ.

Yên Hạ vừa tan thì giặc Ngô kéo quân theo đường thủy vào sông Đáy và đóng ngay tại quảng Lai Bó. Chưa rõ mưu đồ của chúng, nhưng thủy trại chúng vừa lập đã rất bề thế, vững chắc. Sự bố trí, canh phòng cũng rất cẩn mật. Binh tướng nghĩa quân chưa biết nên hành động ra sao, đang định phi báo với ông Tinh Đế và xin viện binh, thì bỗng chiều hôm đó thấy trại giặc nào động kinh hoàng. Những chiếc thuyền to lớn của giặc bỗng bị dựng đứng lên hoặc kéo nghiêng xuống rồi lật úp, có những chiếc tự đứng lao đi như mũi tên, xô vào chiếc khác rồi cùng chìm ngấm... Tiếng gào khóc, tiếng la hét của giặc như vỡ trời. Chúng hoảng hốt nhổ neo tháo chạy. Nghĩa quân chẳng biết nguyên do, nhưng thấy rõ thời cơ, nên đổ ra tiến công. Giặc như lúc mất hồn nên bị quân ta đánh cho tan tác. Sau đại thắng, vị tướng cho mò vớt xác giặc, đem chôn cất tử tế, và nghĩa quân đã vớt được chàng Ô ngay trên sông. Chàng đã kiệt sức vì đầu chàng đập nát mất rồi. Cứu chữa mãi, may mà chàng hồi tỉnh được chốc lát để kể lại sự tình.

Số là khi bị giam lại trong quân, chàng Ô sợ quá bèn lặn trốn xuống cồn doi rậm rạp giữa sông, nép mình trong đó. Khi thấy quân giặc neo thuyền lập thủy trại ngay cạnh cồn doi thì chàng chú ý theo dõi xem sao. Ấc thay, cơn buồn ngủ thỉnh thoảng lại ập tới. Chàng phải tìm một hòn đá, hễ thấy buồn ngủ thì đập vào trán vào đầu mấy nhát cho tỉnh lại. Khi đã nắm chắc tình thế của giặc, chàng bèn lặn xuống dùng sức lực và đôi cánh tay thần linh của mình lần lượt cho chúng nó về châu Hà Bá. Cứ thế chàng tung hoành cho đến lúc máu từ các vết chàng ghè đá để đánh thức tuôn ra nhiều quá, chàng xỉu đi không biết gì nữa. Kể qua sự tình, chàng chấp tay lạy xin được nghĩa quân tha tội.

Mọi người đều thương cảm, khâm phục. Vị tướng cúi xuống sát mặt chàng ân cần nói:

- Người có công lớn mà tội nhỏ. Nay người muốn gì để ta ban thưởng cho?

Chàng chỉ xin:

- Tôi chết... xin chôn tôi giữa đường, chỗ đông người qua lại để tôi được tỉnh thức, may ra có giúp được gì cho nước cho dân.

Chàng tắt thở. Nghĩa quân làm đúng như ý nguyện của chàng. Nhưng nay trên đoạn đường người ta mai táng chàng, chẳng ai còn biết mộ chàng ở đâu nữa. Đất nước hết giặc, vua Lê phong chàng là Đại Vương. Dân gian đời đời còn nhắc chuyện chàng với cái tên "Đại Vương Ố".

## **72. NÓI VỀ SỰ TÍCH THUỘC DA LÀM GIÀY DÉP Ở NƯỚC NAM**

Đời vua Đăng Dung nhà Mạc có ông Tiến sĩ tên là Nguyễn Thì Trung ở làng Trúc Lâm, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vua sai sang cống nhà Minh. Ở đấy có nghề thuộc da, làm các thứ giấy dép. Đến học thời nó không dạy. Ông ấy mới giả cách cứ ngày ngày đến xem, rồi học lỏm được cả các phép thuộc da, hun da. Lại lấy trộm những mẫu giày dép của nó, vẽ vào vạt áo, về nhà trọ vẽ lại để lấy làm kiểu. Đến khi về, chỉ dạy những người làng mà thôi. Sau ông ấy mất, làng ấy thờ làm tổ sư. Đến bây giờ vẫn chỉ có người làng Trúc Lâm làm được nghề ấy.

Nghề thuộc da làm giày dép có từ đấy.

## **73. TRUYỆN TRẠNG NGUYÊN ĐỒ LÝ KHIÊM THỜI LÊ**

Tương truyền vào thời Lê, có ông bà họ Đỗ lấy nhau đã hơn 20 năm mà chưa hề sinh đẻ, nên thường buồn phiền. Vợ chồng thường than thở: nhà mình dẫu có nghèo nhưng chẳng bạc ác với ai bao giờ. Ông khuyên bà: Chớ buồn, nhớ câu tiên nhân

thường dạy, ở hiền gặp lành, có phúc có phận. Nên ông bà ngày rằm, mừng một thường sắm lễ tới chùa làng đọc kinh cầu Phật phù hộ. Xóm làng ai gặp khó khăn cơ nhờ hai ông bà đều hết lòng giúp đỡ.

Thế rồi, vào một đêm mùa hè oi ả, ông bà trải chiếu nằm ngoài thềm, vừa thiu thiu chợp mắt, bỗng mơ thấy một ông lão râu tóc bạc phơ, mũ cao áo dài, cưỡi ngựa trắng từ ngoài tới, xuống ngựa đưa tặng cho bà hai bông hoa đan quế. Bà sung sướng đưa lên ngửi, thấy mùi hoa thơm ngào ngạt. Sau đó, bà có thai và sinh ra hai con trai. Hai anh em họ Đỗ những khi đi học về, thấy mẹ ngồi bán nước, thường mang sách ra quán ngồi học bài để trông hàng giúp mẹ. Họ bảo bạn giảng giải cho nhau nghe về văn bài, có người khách biết đôi chút về chữ nghĩa, cũng đứng nghe mà không muốn dời chân. Tiếng đồn đại vang xa. Có người học trò họ Hoàng ở mãi tận kinh đô tự cho mình là giỏi, nghe tin anh em nhà họ Đỗ hiếu học, cũng lần về đến quán nước để thử tài văn chương. Người học trò họ Hoàng giở trăm món thử tài: nào làm câu đối, làm thơ; nào là ước hỏi về thiên văn, địa lý; nào là hỏi về Chư tử Bách gia... Chỗ nào họ Đỗ cũng trả lời vanh vách. Cuối cùng người học trò họ Hoàng phải bái phục mà than rằng: "Khoa này Khôi nguyên nhất định về tay anh em họ Đỗ, ta phải lùi khoa sau". Thế là khoa thi ấy, anh học trò họ Hoàng không ứng thí. Còn anh em nhà họ Đỗ thì khoa ấy người anh là Đỗ Lý Khiêm đỗ Trạng nguyên, người em là Đỗ Oánh cũng đỗ Tiến sĩ.

## 74. TRUYỆN TÍCH THAI DƯƠNG PHU NHÂN

Tương truyền, vào đời Lê có người dân trong xã tên là Bố làm nghề đánh cá. Một hôm ông ta bắt được viên đá lạ ở bờ biển, bèn cầm lên ngắm nghía. Không ngờ đó là Thai Dương phu nhân hóa thân mà thành đá. Đêm ấy ông Bố chiêm bao bị phu nhân quở

trách. Ông Bố tình dậy lấy làm kinh sợ, bèn dựng lều tranh làm đền để thờ Thai Dương phu nhân. Lại có thuyết khác kể sự tích Thai Dương phu nhân như sau: Xưa có hai anh em mồ côi từ nhỏ. Một lần cãi nhau, người anh lấy dao bổ vào đầu làm cô em gái bị thương. Sau đó người anh bỏ đi phương xa buôn bán. Ít lâu sau, người ấy trở về lấy vợ. Một hôm thấy đầu vợ có vết sẹo, hỏi ra mới biết đó chính là em gái mình. Người anh lại im lặng bỏ nhà ra đi. Cô em gái lúc này đã có mang, hàng ngày ra bãi cát ngóng trông chồng, sầu khổ mà chết, hóa thành hòn đá. Có người đánh cá ban đêm lên tảng đá đó nằm ngủ, chiêm bao thấy có người con gái lay đầu mình mà bảo: "Chớ có chạm vào bụng chứa". Người đánh cá tỉnh giấc lấy làm lạ, khẩn rằng: "Nếu là thần linh xin giúp cho đánh được nhiều cá sẽ xin lập đền thờ". Quả nhiên, người ấy được như ý, bèn dựng ngôi miếu cỏ phụng thờ. Ngư dân trong vùng nghe đến linh thiêng thường đến tế lễ. Trong ngày ấy thường có cơn gió xoáy, dân làng cho rằng đó là diêm người chồng ở phương xa trở về.

Các chúa Nguyễn Phúc Lan, Nguyễn Phúc Tần đều có sắc phong mỹ tự, cho sửa sang đền, lại sai quan đến tế lễ. Năm Gia Long thứ 10 (1811) cấp tiền để trùng tu miếu Thai Dương phu nhân.

## 75. TRUYỆN TIỀN KIẾP LUÂN HỒI

Thượng thư Ngô Trí Hòa người xã Lý Trai, huyện Đông Thành<sup>1</sup>. Thời trẻ ông du học ở Kinh thành, trọ tại nhà quan Lãnh binh. Bên cạnh là nhà quan Binh phiên người xã Nhân Mục, có cô con gái tuổi vừa 18, thấy dáng mạo ông đem lòng yêu dấu. Rồi cả hai cùng thể nguyện kết nghĩa Châu Trần. Cha mẹ cô gái không hề hay biết, bèn đem cô gả cho người cùng làng. Cô ta một mực không chịu. Đến ngày sính lễ, vào khoảng canh hai,

---

1. Nay là xã Diễn Tử, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

cô gái tới nhà trọ của ông thất cổ chết. Ông vô cùng hoảng sợ, không biết làm thế nào, bèn lấy bút son viết vào tay phải người con gái ấy dòng chữ:

*Kiếp này duyên chưa hết*

*Hẹn kết lại duyên sau.*

Rồi lén đào một cái huyệt ngay dưới gầm giường và đem cô gái chôn vào đó. Đêm khuya tịch mịch, không ai hay biết cả. Sau đó, ông kiếm có đến trọ ở nhà khác, mà nhà quan Bình phiên cũng không biết con gái mình đi đâu.

Khoa Nhâm Thìn (1592), niên hiệu Quang Hưng, ông đồ Tiến sĩ, làm Tả tham chính ở Sơn Nam được sáu bảy năm. Bấy giờ bên cổng nhà ông có cô gái bán trầu tuổi khoảng 16, 17. Gia nhân ông thấy ở tay phải cô gái có hai câu thơ, liền nói cho ông hay. Ông cho gọi cô gái ấy vào xem, thì rõ ràng là câu thơ ông viết ngày trước. Ông mời cha mẹ cô gái tới kể lại duyên do, rồi đem đồ sính lễ đến xin cưới cô làm kế thất. Hồi này, quan Bình phiên người xã Nhân Mục đang làm Trưởng lại ở Thừa ti xứ Sơn Nam nghe ông kể chuyện, mới rõ việc xưa. Từ đó, ông rất mực tôn kính quan Trưởng lại. Có kẻ hiểu sự, gọi quan Trưởng lại là "bố vợ giả" và gọi ông là "chàng rể giả".

Lại tham khảo chuyện Thượng thư Vũ Cẩn, người xã Lương Xá huyện Lương Tài<sup>1</sup>. Thụở trẻ, ông đỗ Hương cống, lấy con gái quan Thượng thư Lục bộ Đàm Cư ở Ông Mặc, Đông Ngạn, lúc cô mới 16 tuổi. Lấy nhau chừng nửa năm thì cô gái họ Đàm chết. Ông vô cùng thương tiếc, lấy bút son viết vào tay phải của vợ mấy câu:

*Con gái Thượng thư*

*Vợ của Hương cống*

*Nàng bỏ đi đâu?*

*Lòng ta đau sâu!*

---

1. Nay là thôn Lương Xá, xã Phú Lương, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Khoa Bính Thìn (1556), niên hiệu Quang Bảo, ông đỗ Tiến sĩ, 10 năm làm Tham chính ở Sơn Tây. Bấy giờ, ở An Lạc có người con gái, cha mẹ gả chồng nhưng chồng chẳng với chồng, người chồng thừa kiện lên phủ huyện, rồi phủ huyện lại chuyển về Thừa ti. Gia nhân của ông thấy tay người con gái có mấy hàng chữ đỏ, hỏi mẹ cô ta thì bà nói:

- Lúc sinh ra cháu thì đã thấy như vậy rồi, nhà nông mù chữ, không biết là chữ gì.

Bọn gia nhân liền ghi lại, đem về cho ông xem. Ông nói:

- Đây là câu thơ khi vợ ta chết, ta có viết vào cánh tay nàng.

Liền cho gọi cô gái tới xem, quả nhiên đúng là bút tích của ông, ông liền cưới làm thứ thất.

## **76. SỰ TÍCH SINH CON RỒI MỚI SINH CHA**

Trạng nguyên họ Nguyễn, tên húy là Kỳ<sup>1</sup> kiếp trước đỗ Hương cống, cũng con là Nguyễn Quán Đạo<sup>2</sup> lên Thăng Long thi Hội. Người con đỗ Thám hoa, còn người cha thì tuy văn hay như châu ngọc, chữ đẹp như phượng múa, nhưng lại không đỗ. Về nhà, người cha xấu hổ, phần uất vào trong chuồng trâu tự vẫn. Chưa đầy một năm, ông lại đầu thai vào nhà một người ở xã Dương Trạch. Nhà này nghèo khổ bán trâu cau trà nước làm kế sinh nhai, đến lúc gần già mới sinh được cậu con trai, bốn năm tuổi mà vẫn không biết nói.

---

1. Túc Nguyễn Kỳ người xã Bình Dân, huyện Đông Yên (Hưng Yên), đỗ đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ khoa Tân Sửu, Mạc Quảng Hòa thứ 1 (1541). Năm ấy ông 24 tuổi, sau làm quan đến chức Hàn lâm viện thị thư.

2. Nguyễn Quán Đạo: người xã Bình Dân, huyện Đông Yên (Hưng Yên), đỗ đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ khoa Quý Mùi, Thống Nguyên thứ 2 (1523), đỗ Thám hoa năm 20 tuổi. Trước tên là Quán Chi, ngụ bút cải là Quán Đạo.

Một hôm quan Thám hoa đến xã Dương Trạch tìm ngôi đất tốt để cải táng cho cha. Đứa trẻ bỗng nhiên nói được, hỏi cha mẹ rằng:

- Đây là người nào?

Người mẹ kinh ngạc bảo:

- Đây là quan Thám hoa, người xã Bình Dân.

Đứa trẻ bảo:

- Mẹ hãy cho người mời quan Thám hoa vào để con thưa chuyện.

Người mẹ mừng vì con biết nói, nhưng cũng rất kinh ngạc. Đến khi người bố về, người mẹ bèn kể hết mọi chuyện. Người bố bảo nên kể lại đầy đủ câu chuyện cho các bậc kỳ lão trong làng nghe. Các bậc kỳ lão đều nói:

- Việc này nên sửa cái lễ đến trình quan Thám hoa mới được.

Người bố đưa trẻ cùng các vị kỳ lão trong làng đến thưa trình với quan Thám hoa. Quan Thám hoa cũng lấy làm lạ bảo:

- Kỳ thật! Kỳ thật! Ngày mai ta sẽ đến xem sao.

- Người bố nọ bèn về nhà. Trong nhà có một cái hòm vuông và một cái phản gỗ, bèn lấy chiếu trải lên. Khi quan Thám hoa chưa đến, đứa trẻ ngồi ở phản gỗ. Lúc quan Thám hoa đến, nó liền trèo lên cái hòm vuông ngồi ngay ngắn và chỉ phản gỗ bảo quan Thám hoa ngồi. Quan Thám hoa bảo:

- Nghe dân xã nói có đứa trẻ bốn năm tuổi mới biết nói, ai cũng cho là chuyện lạ nên mời ta đến, cố sao ngươi lại vô lễ như vậy?

Đứa trẻ đáp:

- Hãy ngồi đó, chớ nói nhiều? Quan Thám hoa có nhớ lời văn trong bài thi hồi trước không?

Quan Thám hoa ngạc nhiên không đáp. Đứa trẻ kể lại vanh vách lời văn trong bài thi đạo ấy là như thế, như thế và nói:

- Ta chính là bố ngươi, kiếp trước đỗ Hương cống nhưng không đỗ đại khoa, trong lòng phần uất, bèn lên chuồng trâu tự

vẫn, không ngờ Thiên Đình cho ta đầu thai, tái sinh ở Dương Thế để giúp đời cứu dân.

Quan Thám hoa nghe nói, vô cùng sửng sốt, bèn quỳ xuống đất vái lạy và mời đứa trẻ về nhà phụng dưỡng. Cha mẹ đứa bé không đồng ý bảo:

- Vợ chồng tôi gần già mới được mụn con trai, quý hơn vàng bạc!

Quan Thám hoa nói:

- Đích thị là cha ta tái sinh, làm sao ta có thể đứng dưng không chăm sóc được.

Thế rồi mời cha mẹ đứa trẻ về xã Bình Dân phụng dưỡng. Đến ngày giỗ, làm hai mâm cỗ, một mâm để cúng, một mâm để người cha tái sinh ăn trước.

Người cha tái sinh lên bảy tuổi, không học mà có thể đi thi, nhưng hai khoa liên vẫn không đỗ. Bỗng một hôm thấy thần nhân đến bảo rằng:

- Khoa này đặc biệt, người sẽ đỗ đầu thiên hạ?

Người cha tái sinh nhân đó đổi tên là Kỳ. Khoa ấy quả nhiên ông đỗ Trạng nguyên. Sau ông làm quan với nhà Mạc. Khi nhà Mạc thua chạy, ông theo vua Mạc lánh sâu vào nội địa. Nay mộ cũ của ông vẫn ở xã Bình Dân.

Tục ngữ có câu: "Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông" là để nói chuyện trên chăng?

## **77. TRUYỆN THÁM HOA QUÁCH GIAI**

Quách Giai người Phù Khê, Đông Ngạn.<sup>1</sup>

Lúc ông chưa ra đời, làng bên có kẻ chuyên nghề trộm cắp. Một hôm, tên trộm này mò đến thôn ông. Vì người trong thôn còn thức nên tên trộm lên vào hậu cung một ngôi miếu nằm chờ,

---

1. Nay là thôn Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

không dè ngủ quên, đến tận gà gáy mới thức giấc. Vừa vợ lấy chiếc áo định dậy thì nghe phía trước có tiếng người nhón nhào từ ngoài miếu đi vào. Trong miếu có người ra đón, hỏi:

- Lần này có việc gì mà về muộn vậy?

Nghe có tiếng trả lời:

- Vừa châu ở chỗ Thượng Đế để cùng bàn với các Tào về việc đêm nay sai một Thám hoa giáng sinh tại xã này. Có kẻ mang sổ ra tâu rằng: "Cứ theo sổ phúc đức thì nơi sắp giáng sinh e chưa xứng đáng, mong cho tìm nơi khác". Thượng Đế bảo đưa sổ cho xem, hồi lâu phán rằng: "Tuy đúng như thế thật, nhưng đã trót cho, bắt tất phải chữa lại. Nếu quả nhà ấy ít phúc, thì tương lai sẽ định đoạt đừng để công việc chậm trễ".

Tên trộm lúc này ở hậu cung nghe lõm hết mọi chuyện, bèn rảo khắp trong thôn dò hỏi xem nhà ai sinh đẻ, biết ông ra đời vào tối hôm đó. Tên trộm lần đến nhà kể lại những điều vừa nghe được để chúc mừng.

Ông sinh ra rất kháu khỉnh, ai cũng khen là thần đồng. Lớn lên, văn chương nổi tiếng. Vào khoa Quý Hợi (1683) niên hiệu Chính Hòa, ông đỗ Tiến sĩ cập đệ, nhất giáp đệ tam danh.

Lúc ông còn tại triều, một hôm nội các bàn về chính sự. Chiêu Tổ Khang Vương<sup>1</sup> hỏi các thị thần rằng:

- Trong thư Hàn Tín<sup>2</sup> gửi Yên, có câu: "Bạch lộ bao tuyền" là xuất từ sự tích gì?

Quần thần không ai trả lời được. Ông thưa rằng:

- Sự tích này xem ở sách *Hán thư*.

Khang Vương liền sai đem cuốn gia thư của ông cho xem,

1. Chiêu Tổ Khang Vương: chỉ Trịnh Kiểm. Có lẽ nhầm. Phải là Định Vương Trịnh Căn thì mới ứng với niên hiệu Chính Hòa.

2. Hàn Tín (? - 196 TCN): người Hoài Âm, trước theo Hạng Vũ, sau về với Lưu Bang, được cử làm Đại tướng, giúp Lưu Bang diệt được Hạng Vũ, lên làm vua. Về sau Hàn Tín bị Lữ Hậu giết chết.

khen ông là người học rộng. Lúc này ông đang có việc bị khiển trách, không bao lâu được cử làm Đốc đồng Thanh Hoa, ý chừng muốn đền bù lại cho ông.

Sau ông làm đến chức Tự khanh, do mắc bệnh phong nên không dự châu, bấy giờ mới tin những lời dối đáp nghe được ở ngôi miếu năm xưa là ứng nghiệm.

## **78. TRUYỆN CHÙA QUANG MINH**

Xã Hậu Bổng, huyện Gia Phúc có chùa Quang Minh. Chùa này cây cối um tùm, bốn bề sóng biển. Đường quan lộ đi qua phía trước, sông Vĩnh Hà chảy quanh phía sau, thực là một nơi danh lam thắng cảnh.

Tương truyền, ngày trước có một vị sư tên là Huyền Minh trụ trì ở chùa ấy. Ông chỉ tụng kinh niệm Phật, không nghĩ gì đến việc đời, những lợi dục đều quên hẳn. Người đương thời cho ông là một bậc cao tăng ở vườn thiền. Đến tuổi già, một đêm ông nằm ngủ ở hậu phòng nhà chùa, mơ thấy Phật Di Đà giáng xuống điện thờ, triệu ông đến bảo rằng:

- Nhà ngươi có công với Phật giáo, đến nay đã được nhiều năm. Tấm lòng từ bi của ngươi đã thấu đến Thượng Đế. Kiếp sau ngươi được giáng sinh xuống làm vong quốc Hoàng Đế. Ngươi nên nhớ lấy.

Ông tỉnh dậy, gọi các đạo tràng bảo rằng:

- Ta từ khi xuất gia quy y cửa Phật, vẫn tưởng tiền duyên rửa sạch, thiện quả viên thành, hậu thân được siêu sinh vào nơi bảo tọa tòa sen. Không ngờ ngày sau luân hồi, đem bao năm công phu giới hạnh đổi lấy địa vị khó nhọc nhất ở trần gian. Có lẽ tiền sinh nghiệp chướng của ta chưa được rửa sạch mà phải chịu thế chăng? Việc này đêm qua Phật đã xuống chỉ dụ rồi. Các ngươi phải nhớ lời nói của ta. Sau này ta mất, các ngươi viết lại mấy chữ vào người ta để ngày sau làm chứng nghiệm.

Đến khi ông mất, các đạo tràng tuân theo lời ông dặn, lấy

son đỏ viết mười chữ vào vai ông, rồi đem thi hài ông làm lễ hỏa táng, thu lấy xá lị<sup>1</sup> đựng vào lọ bạc đem chôn. Sau lại làm một cái am đá để thờ ông.

Lại nói Lễ bộ Thị lang Nguyễn Tự Cường người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại, lúc nhỏ nhà nghèo mà thích học. Một hôm, ông đến xin cơm ở nhà một thầy đồ nho. Thầy đồ thấy ông người bé mà học giỏi, bảo ông vịnh câu "Âm chưa khai mà dương đã lộ", mà làm bằng Quốc âm. Ông ứng khẩu đọc ngay:

*Cánh cửa Hồng môn còn khép nép*

*Ngọn cờ xích xí đã lăm le.*

Hai câu này được nhiều người truyền tụng.

Lớn lên, ông vào Kinh sư học tập, lối đi phải qua chùa Quang Minh. Những khi đi qua chùa ấy, ông thường vào ngồi nghỉ. Tuy hay thưởng ngoạn phong cảnh chùa ấy, nhưng ông không biết tên chùa là Quang Minh.

Khoa Giáp Thìn (1604) niên hiệu Hoàng Định thứ 4 đời Lê Kính Tông, ông đỗ Tiến sĩ. Sau ông sang sứ Trung Quốc, vua Minh triệu ông vào cung hỏi rằng:

- Người là bồi thần An Nam thì phải biết những ngôi chùa có danh tiếng trong nước. Vậy chùa Quang Minh ở đâu?

Ông quỳ xuống tâu rằng:

- Nước hạ thần có nhiều ngôi chùa nổi tiếng như Quỳnh Lâm, Báo Thiên, Phổ Minh, Quy Điền thì hạ thần đều biết cả. Còn chùa Quang Minh thì thần không biết ở đâu. Nay Hoàng thượng hỏi đến, chẳng hay có duyên cớ gì, xin ngài phán bảo Cho biết?

Vua Minh thở dài nói:

- Trẫm sinh ra, trên vai có viết mười chữ son đỏ rằng: "An Nam quốc Quang Minh tự Sa Việt ti khâu", nghĩa là: "Tì kheo<sup>2</sup>

---

1. Xá lị: là tro di cốt của Phật.

2. Tì kheo: một cấp tu hành trong giới tăng ni Phật tử.

Sa Việt ở chùa Quang Minh thuộc nước An Nam", hiện nay nét chữ vẫn còn rõ ràng. Ý giả tiên thân trăm là sư chùa ấy, ngày nay giảng sinh xuống Thượng quốc trăm muốn tẩy xóa những chữ ấy, chẳng hay có phép thuật huyền diệu nào không?

Ông tâu lại rằng:

- Hạ thần nghe nói rằng Phật có "tám phép nước đức rửa trần". Hoàng thượng ở chùa ấy giảng sinh, thì phải lấy nước giếng ở chùa ấy mà rửa ắt sạch.

Vua Minh nói rằng:

- Nhà ngươi nói rất có lí. Người nên giúp trăm về ngay bản quốc tìm lấy nước giếng của chùa ấy đem sang cho trăm thì trăm sẽ cho người được bổ dụng.

Ông bèn từ biệt vua Minh về nước. Về đến nước nhà, ông đem việc ấy tâu trình vua ta, rồi đi tìm chùa Quang Minh, ngờ đâu lại là chùa làng Hậu Bổng mà ngày trước ông vẫn thường nghỉ ngơi ở đó.

Năm sau có kỳ tiến cống, ông lại phụng mệnh đi sứ. Ông đem nước giếng của chùa Quang Minh sang Yên Kinh dâng vua Minh. Vua đem nước ấy rửa, quả nhiên các nét chữ đều sạch hết, mà da dẻ lại mượt mà hơn trước. Vua rất vui mừng, lại triệu ông đến bảo rằng:

- Trẫm được nhà ngươi khải phát, giác ngộ tức duyên, nếu không thì bỏ phí cơ hội một đời. Người nên vì trăm trùng tu lại chùa, làm cho thật to đẹp hơn trước, chẳng những để thỏa lòng thành báo bản của trăm, mà còn làm tỏ rõ nước người có linh khí, chung đức được Hoàng đế Trung Hoa, là một kỳ quan trong phẩm tảo vậy. Nay trăm giao cho người ba trăm lạng vàng đem về làm một ngôi chùa ba mươi sáu gian. Lại giao cho người một cây đèn bằng vàng và một cây đèn bằng bạc để làm đồ thờ Phật. Sau khi về nước, người phải làm trọn những công đức ấy, như chính mắt trăm trông thấy. Nếu không, thì huyền cơ báo ứng họa phúc của Phật gia sẽ thấy ngay ở đích thân nhà ngươi và ở con cháu nhà ngươi nữa.

Ông từ biệt vua Minh rồi về và lại đem việc ấy tâu trình quốc vương ta. Vua ta cho việc ấy là một việc rất kì dị và cho phép ông làm theo như mệnh lệnh của Thiên triều.

Ông đem vàng mua gỗ thuê thợ khởi công, làm một ngôi chùa trước sau ba mươi sáu gian, nguy nga tráng lệ, tựa hồ như cõi Chân Như. Ông lại xây thêm một cây tháp gần một trăm bậc cao chót vót. Còn cây đèn bằng vàng và cây đèn bằng bạc, thì ông để dùng ở nhà và làm đèn bằng sắt thay vào.

Một hôm, ông vào triều làm việc, Thành Tổ Triết Vương<sup>1</sup> biết ông giỏi nghề xem tướng, nhân lúc rảnh việc hỏi ông rằng:

- Khanh xem trong số các con của ta, ai có thể kế nghiệp nhà Chúa?

Nguyên lúc ấy Vạn Quận công được sủng ái nhất, rất có hy vọng được nối ngôi, còn Thanh Đô Vương kể về vị thứ thì hãy còn kém xa, thế mà ông dám can cứ vào tướng mạo tâu ngay rằng:

- Các con của Vương thượng, chỉ Thanh Đô Vương sẽ có thiên hạ.

Vạn Quận công biết chuyện, sai người đến mời ông vào hỏi việc khác, rồi đánh thuốc độc giết ông.

Đến khi Văn Tổ lên nối ngôi Chúa, truy tặng ông chức Thái bảo và phong tước Quận công.

Hiện nay cháu chắt xa đời của ông vẫn còn, nhưng đều sa sút nghèo hèn, đó là quả báo về việc ông lấy hai cây đèn vàng bạc của chùa, con cháu vẫn lấy việc ấy làm hối hận.

Chùa nhiều lần bị giặc đốt phá, chỉ còn cái tháp vẫn cao ngất ngưởng. Gần đây quan quân đi đánh giặc, cũng thường trú chân tại đó, nhân tìm được sự tích của một vị cao tăng, chép lại để làm một chuyện lạ trong giới từ bi.

---

1. Thành Tổ Triết Vương: tức Trịnh Tùng.

## 79. TRỊNH KIỂM

Trịnh Kiểm người làng Sóc Sơn, huyện Chân Phúc, tỉnh Thanh Hóa. Khi còn hàn vi, nhà nghèo lắm, mà thờ mẹ rất hiếu. Mẹ tính hay ăn thịt gà, mà nhà thì không có, ngày nào cũng phải ăn trộm một con gà của láng giềng để nuôi mẹ. Láng giềng ai cũng ghét, một bữa nhân ông ta đi chơi vắng, bắt mẹ ông ta ném xuống vực Tôm ở cạnh làng để khỏi ăn trộm gà nữa. Không ngờ lòng trời dun rủi, chỗ vực ấy chính là một huyệt to. Đêm hôm ấy, trời nổi mưa to gió lớn, rồi vực ấy bỗng dựng nổi đất lên thành mộ. Về sau có người địa lý Tàu xem ngôi đất ấy, nói rằng: "Ngôi đất này phát ra không phải đế, cũng không phải bá, mà có quyền nhất cả thiên hạ; truyền được tám đời, rồi vạ tự trong nhà sinh ra".

Trịnh Kiểm từ khi mẹ mất, đi lơ bờ kiếm ăn, nấn ná sang Ai Lao, ở chăn ngựa cho đức Triệu tổ Nguyễn triều ta<sup>1</sup>. Nguyên bấy giờ nhà Mạc chiếm mất ngôi nhà Lê, đức Triệu tổ đương làm Điện tiền tướng quân, rước con cả vua Cung đế nhà Lê là vua Trang Tôn chạy sang Ai Lao, tìm kế khôi phục, cho nên ở bên ấy.

Một hôm, đang đêm Triệu tổ đứng dậy mở cửa ra sân, trông xuống dưới trại, thấy có hai khối tinh đỏ đồng đọi, tựa hồ như hai bó đuốc, sai người đánh đuốc xuống xem cái gì, thì té là Trịnh Kiểm đang ngủ ở chỗ ấy, hào quang từ trong mắt ánh ra. Triệu tổ thấy lạ kỳ, gọi lên hỏi chuyện, thì ứng đối giỏi giang, tài đảm hơn người.

Triệu tổ thấy người có tướng lạ, biết không phải người tầm thường, đem lòng yêu mến, cử lên làm tướng bộ hạ và gả con gái là nàng Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Tự khi ấy, Trịnh Kiểm theo Triệu tổ đi đánh giặc lập được

---

1. Tổ đầu của nhà Nguyễn, Phan Kế Bính viết quyển này trong năm Duy Tân thứ sáu nên mới tôn xưng như thế.

nhiều công trạng to, Triệu tổ lại càng kính trọng lắm, cử lên làm đại tướng, sai đốc binh ra đánh Nghệ An, dần dần tiến ra tới Thanh Hóa khôi phục được Tây Đô.

Đến khi Triệu tổ mất, bao nhiêu quyền chính của ngài, vua Trang Tôn giao phó cả về tay Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm có quyền to tự đấy.

Trịnh Kiểm tuy người võ, nhưng mưu trí hơn người, giúp vua Trang Tôn đánh nhau với nhà Mạc, lập nên công trạng, được tiến vị phong làm Thái sư, Dục quận công, sau được thăng làm Lang quận công. Đến đời con là Trịnh Tùng lại sắc sảo lắm, giúp vua Anh Tôn phá được quân nhà Mạc ở cửa bể Thần Phù, dần dần tiến binh ra thành Thăng Long, bắt được Mạc Mậu Hiệp, đem lại được giang sơn cho nhà Lê, được tiến phong làm Bình An vương.

Từ bấy giờ con cháu họ Trịnh đời đời tập phong tước vương, quyền chính lẫn cả thiên tử. Trải 200 năm, tám đời truyền kế nhau, đến đời Trịnh Khải bị Bắc Bình vương<sup>1</sup> giết mất, bấy giờ mới hết.

## 80. SỰ TÍCH ĐÔNG HẢI UY HIỂN ĐẠI VƯƠNG

Vương họ Nguyễn, tên là Phục, tên hiệu là Tùng Giang tiên sinh. Vương sinh ngày 10 tháng 2 năm Quý Sửu (1453) đời Lê Nhân Tông, làm quan Hàn lâm viện, Thượng thư, Phó Vương. Vương đi sứ Bắc ba lần, học được nghề ương trứng tằm về nước dạy cho nhân dân. Về sau nghề này phát đạt, dân các phường tằm tơ đều suy tôn ông là Tổ sư. Lại có thuyết nói, nhân trong một chuyến đi sứ Bắc, ông đã xin được hạt giống kê vàng đem về phân phát cho nhân dân trồng cấy, về sau cây kê phát triển khắp mọi vùng trong nước. Tới khi Lê Thánh Tông đi đánh

---

1. Túc Quang Trung Nguyễn Huệ.

Chiêm Thành, sai Nguyễn Phúc chuyển vận quân lương. Lúc ra biển gặp phong ba, ông ra lệnh quay mũi thuyền vào cảng, các tùy tùng đều can ngăn ông: "Quân pháp nghiêm lắm". Ông đáp: "Thà một thân ta chịu tội, chứ không cam chịu để quân lương và sĩ tốt vô tội làm mồi cho cá bể". Hôm sau, trời yên sóng lặng, ông đi thuyền tới bên dinh hoàng đế chịu tội chết. Về sau vua nghĩ lại, cảm kích lòng trung nghĩa của ông, nhà vua nói: "Cần có người làm tướng mà quyền biến và có tấm lòng thương xót sĩ tốt như Nguyễn Phúc". Vua cho truy tặng "Đông Hải Đại vương", sắc cho dân cảng Đà Nẵng lập đền thờ gọi là Chiêu Trưng Tối linh từ. Từ Tùng giang (sông Tùng) ra Bắc, 12 cửa bể, nhân dân đều dựng miếu thờ ông. Đến thời Lê Trung hưng, niên hiệu Gia Thái (1573 - 1577) đời vua Lê Thế Tông, thấy ông có công âm phù, vua lại ban sắc chỉ cho dân các ấp ven biển, bên các dòng sông Hát, sông Hồng, sông Tô cùng xã Đoàn Lâm đều lập miếu thờ. Sang thời Nguyễn, lại sắc cho các phường tầm tang dệt lụa trong các địa phương đều lập miếu thờ Nguyễn Phúc làm Tổ nghề, làm Thành hoàng. Khắp nước đã có trên 300 làng thờ phụng Nguyễn Phúc.

Riêng ở Thái Bình hiện có 8 xã cùng thờ Nguyễn Phúc như sau:

- 1- Xã Kinh Nhuế, tổng Nam Huân, huyện Trực Định (Kiến Xương).
- 2- Thôn Niềm Hạ, tổng Xuân Vũ, huyện Trực Định (Kiến Xương).
- 3- Xã Diên Hà, tổng Bình Cách, huyện Hưng Nhân.
- 4- Thôn An Hiệp, xã Sơn Đồng, huyện Quỳnh Côi (Quỳnh Phụ).
- 5- Xã Long Bối, tổng Đông Động, huyện Thanh Quan (Thái Thụy).
- 6- Xã Đào Xá, tổng Đông Vi, huyện Đông Quan (Đông Hưng).
- 7- Xã Vị Thủy, tổng Vị Dương, huyện Thanh Quan (Thái Thụy).
- 8- Thôn Hải Yến, tổng Tang Giá, huyện Quỳnh Côi (Quỳnh Phụ).

## 81. SỰ TÍCH ĐÔ LÂM ĐẠI VƯƠNG

Theo thần tích, Đại vương tên húy là Đô công, hiệu là Lâm công, thân phụ Đại vương vốn người xã Mộ Sơn, tổng Hương Càn, huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, đạo Hoan Châu (tức Nghệ An), họ Lê, húy là Diễn. Vì gia cảnh bần bạch mới di cư tới khu Cao Mại Thượng, tổng Mỹ Lạc, huyện Chân Định phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam Hạ, vốn là người có học vấn uyên bác am tường cả Nho, Y, Lý số được hào mục chức sắc địa phương mời vào làng dạy học cho con trẻ. Về sau Diễn công lấy bà Trần Thị Loan ở bản thôn, rồi sinh ra Đại vương. Vừa khi gặp được vua Lê Chân Tông Hoàng đế treo bảng tuyển hiền lương phụng chính, Đô công ứng thí, ông liền đỗ Hương Cống (Cử nhân); năm sau triều đình mở khoa thi võ, ông lại đỗ Tào sĩ. Vua mến tài, ban cho ông làm Nội thị Thái giám quan Luyện đạt triều chính, ở lại triều làm việc nước đã được trên 20 năm. Bấy giờ có giặc Chiêm Thành đem ba mươi vạn hùng binh, 30 thớt voi chiến, chia ba ngả tiến vào xâm lấn nước ta; chúng bắt người cướp của suốt từ các địa phương Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam Hạ cho tới cửa biển Thần Phù. Thế giặc âm âm như sấm dậy gió cuốn. Bấy giờ vua phong cho Đô công chưởng Thái giám Đại vương quân đốc lĩnh quân thủy bộ. Ngay hôm ấy, ông vâng lệnh trước vua, đại cử hùng binh cùng chia ba ngả tiến thẳng tới Hải Dương, Quảng Yên, Kinh Bắc chiến đấu với quân thù, suốt 3 năm mà không phân thắng bại. Ông thấy tình thế không có lợi, mới mang binh mã trở về Cao Mại, làm lễ mật cầu Nhị vị Đại vương (Nam Hải Tào Lực Đại vương Hùng Tuệ và Đông Hải Đại vương Nguyễn Phục) tại miếu, rồi tuyển lấy 130 trai tráng (họ Trần 50 người, họ Phạm 50 người, họ Đào 30 người) làm gia thần thủ túc. Ngay ngày hôm ấy, ông chia quân tiến đánh quân giặc một trận lớn. Trận ấy quân ta đại thắng, quân Chiêm đại bại tan tác, vừa chém vừa bắt không sót một tên; vũ khí đạn dược của chúng vứt bỏ ngổn ngang chất cao thành gò thành núi. Tướng quân cho quân khai hoàn, trên

đường về qua Cao Mại mở đại tiệc mừng chiến công ba ngày liền. Ngài còn cho mở một khu chợ nhỏ tại ấp, để cho dân tứ phương lân cận tới trao đổi hàng hoá; cũng thời gian ấy Tướng quân còn dựng một ngôi đền Hội đồng cung sở (tức ngôi miếu thần) theo hướng Đông. Công việc xây cung sở hoàn tất, tướng quân lại mở đại yến tiệc mời phụ lão nhân dân cùng tới ăn uống ba ngày. Khi mãn tiệc, bỗng thấy Nhị vị Đại vương (Tạo Lực và Đông Hải) hiển linh. Một vị xưng là Nguyễn Công Đông Hải bảo Tướng quân rằng ông đã mãn hạn với Thiên đình và ngâm ngợi câu thơ:

*Giặc Chiêm đã diệt nước yên bình*

*Tuân chỉ về mau chốn Thượng đình.*

Ngâm đoạn rồi biến đi. Tướng quân liền hét lên ba tiếng rồi hóa. Tướng quân sinh ngày 15 tháng 8 năm Bính Ngọ, hóa ngày 10 tháng 11. Nhân dân làm lễ an táng tại nơi chính táng. Hội đồng cung sở phụng đề tên húy tên hiệu là Đô Lâm Nội thị Linh ứng Đại vương.

## **82. SỰ TÍCH HOÀNG VIỆT ĐẠI VƯƠNG - ĐÔNG BẢNG ĐẠI VƯƠNG THỜI LÊ**

Theo sự tích, nguyên trước làng có 10 mẫu ruộng để cho đức Trịnh tiên sinh ngồi dạy học, lập một ngôi chùa ở trong khu đất ấy, nhân có bà chị để giữ chùa đèn hương. Có ông Kiều công ở xã Thanh Xá, huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương, ông bà tuổi đã cao mà chưa có con, thành tâm lập đàn khấn nguyện để đi tìm đất di mộ tiên nhân. Khi họ đi đến núi Phượng Nhỡn, thì trời vừa tối, gặp một ông cụ, tức là ông thần thủ huyết, mời về nhà cung đãi cực kỳ long trọng. Rồi ông cụ hỏi ông Kiều công rằng:

- Ông có việc gì mà đến chốn sơn cước này.

Kiều công đáp rằng:

- Tôi đi tìm đất để táng mộ tiên nhân cầu phúc.

Ông cụ nói rằng:

- Tiên nhân là tiên nhân chung, tôi xin nhượng chỗ đất tôi ở này cho hai bên chuyệu trò.

Đến gần sáng thì ông cụ kia cùng nhà cửa đều biến mất. Chỉ thấy trên cái huyệt đá có bài thơ rằng:

*Địa do thiên định phúc do nhân  
Kim nhật địa hệ định thị quân  
Quân đức dĩ lai ngô tự khứ  
Khâm thừa để lệnh Phượng sơn thần <sup>1</sup>.*

Kiểu công xem thơ mừng rằng trời cho, bèn về đem hài cốt đến táng. Được bách nhật thì bà vợ thụ thai. Ngày 12 tháng 7 bà nghe thấy tiếng người trong bụng ngâm bài thơ rằng:

*Thiên khí thanh hệ địa khí hoàng  
Thiên chi sinh giáng phúc chi tàng  
Chi ư vọng nhật thần cung xuất  
Nhất thế sinh hệ bách thế hương <sup>2</sup>.*

Đến rằm thời Sinh công ra, bàn tay tả thì có hai chữ "bình chính" bàn tay hữu thì có hai chữ "kình thiên". Năm lên 3 tuổi đã hiếu học, đến năm lên 6 tuổi thì bàn tự đã thông minh thời

1. Nghĩa là:

Đất do trời định phúc do người  
Hôm nay đất đã định về người  
Người đã đến đây ta phải bỏ  
Lâm thần núi Phượng ấy do trời.

2. Nghĩa là:

Khí trời xanh chứ khí đất vàng  
Trời thì sinh giáng bụng người mang  
Đến rằm ngày đẹp Thần sinh hoá  
Một đời sinh chứ trăm đời về vàng.

thái bà mất. Bấy giờ ở đấy hào kiệt rối loạn, Kiều công uỷ thác gia tài cho thân nhân, đem Đức Sinh công đến xã Nga Khê thượng Khu, tổng Trần Xá, huyện Nam Xương, phủ Lý Nhân trú ở nhà họ Phạm, làm thuốc, dạy học. Ở trong hạt, nhân dân đều tín yêu Kiều công, mời đi chữa thuốc. Bấy giờ ông lại lấy bà hai là Nguyễn Thị Hiên, quán ở Biện Thủy, phủ Thường Tín. Năm Ất Ty, bà nằm mộng thấy cây thông xanh cổ thụ dài hơn 100 trượng tự trên trời xuống, bà lấy hai tay ôm được. Đến năm Bính Ngọ, ngày 14 tháng 8 sinh đức Bả công, dung mạo khác thường. Đến năm lên 6 tuổi, thì Đức thánh cả đã 21 tuổi thì cha mẹ đều mất. Hai anh em vẫn luyện tập văn chương, võ nghệ, đã nổi tiếng trong hạt. Thời bấy giờ có nhà họ Vũ ở Trần Xá là người bạo ngược, ghét kẻ có tài, đem người đến vây, toan chức làm hại. Đức sinh công đem thầy tổ học trò hơn 20 người ra cự, đâm phải tên ấy một thương, dằng gian tẩu tán. Đức sinh công nghĩ rằng đảng ấy tất nó thù, sợ họa đến mình, vì thế đem em xuống Chỉ Trại thượng Khu, vào xin Đức Trịnh tiên sinh làm con nuôi học tập. Sau cả lũ hơn 20 người ấy cũng theo người đến ở chùa, nương tựa làm ăn. Đến năm vua Lê Chiêu Tông niên hiệu Quang Thiệu thứ 3 (1518) khai khoa thủ sĩ, khi bấy giờ Đức thánh cả 28 tuổi, Đức thánh đệ nhị 14 tuổi, hai anh em cùng đi, thì Đức Sinh công đỗ tam khôi thám hoa danh, Đức Bả công đỗ tam giáp tiến sĩ xuất thân. Vua triệu vào đình thí, văn võ kiêm toàn, tinh thông hơn cả, phong cho Đức Sinh công làm Hình bộ tham thi. Rồi hai ngài xin vua về bái yết tiền đường. Vua ban cho vàng bạc, gấm vóc cùng các quan về quán tại phủ Nam Sách, huyện Thanh Lâm, Thanh Xá, tỉnh Hải Dương, sức cho dân xã lập cung đình phụng sự. Xong việc rồi, hai ngài lại về trang Nga Khê, huyện Nam Xương, phủ Lý Nhân thăm nom thân láng, hành lễ bái yết, tu sửa miếu đình cho dân phụng sự. Đức Bả công có làm bài thơ rằng:

*Nam nhi đắc chí thị hồ thân*

*Trung sự quân hề hiếu sự thân*

*Hương hỏa chiêu chiêu đồng nhật nguyệt*

*Nga Khê nhất đới ức niên xuân.*<sup>1</sup>

Xong rồi, hai ngài về làng Chỉ Trạ cho dân làm lễ bái yết. Trịnh tiên sinh cũng lập sinh từ để dân phụng sự. Đức Sinh công làm bài thơ rằng:

*Đại hà vu hậu tiểu giang tiên*

*Điệp lĩnh tam thai lập tại tiên*

*Chỉ Trạ cao phong ngư hóa cục*

*Cung đình hương hỏa ức thiên niên.*<sup>2</sup>

Xong việc, hai ngài lại về triều bái yết, nhậm chính triều sự. Được một năm, vua lại phong cho Đức Sinh công làm Hình bộ Thượng thư, Đức Bạng công làm Hoan châu đốc bộ. Được 3 năm chính trị thanh bình, vua lại thiện hồi, phong cho Đức Sinh công làm Thái bảo đại tướng quân, Đức Bạng công làm Hình bộ Thượng thư. Lúc bấy giờ có giặc Man nhiều loạn ở tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hóa cả thảy 16 châu, vua lại phong Đức Sinh công làm Đô thống quốc chính đại tướng quân; Đức Bạng công làm Tiết chế đại tướng quân. Hai ngài đi dẹp giặc ấy thành công, lại có chiếu triệu về để đô ban yến mừng. Hai ngài làm sớ tâu xin cho Nga Khê, Chỉ Trạ là thang mộc ấp, được miễn trừ sưu thuế. Thời bấy giờ vua Chiêu Tông bị ngộ bệnh phong, vua cho Đức Sinh công làm Hoàng việt đại vương đô thống quốc

1. Nghĩa là:

Nam nhi đắc chí cốt lo thân

Trung với vua chữ hiếu song thân

Hương lửa sáng ngời cùng nhật nguyệt

Nga Khê một dải vạn năm xuân.

2. Nghĩa là:

Sau là sông lớn trước sông con

Tam Diệp ba chòm dựng núi non

Chỉ Trạ ngọn cao ngư hóa cục

Cung đình hương lửa mãi vương tròn.

chính Tổng triều quốc sự thay vua, phong cho Đức Bạng công làm Đông các đại học sĩ. Được 12 năm, lại có Chiêm Thành khởi loạn. Vua lại sai ngài đi bình Chiêm. Ngài phụng mệnh cử binh qua về Chỉ Trạ thăm hỏi dưỡng mẫu, tức là Trịnh thái bà. Cũng là lòng trời xui khiến, vừa gặp lúc bà dưỡng mẫu mất, ngài đình quân làm lễ an táng xong mấy cất quân đi đánh, bình được giặc Chiêm, bấy giờ lại có chiếu triệu hồi triều. Ngài về đến ái Châu tức là Thanh Hóa, ngày 15 tháng 11, ngày hôm ấy thấy mưa gió mờ mịt, tự nhiên quan quân trông thấy con rồng vàng bò ở chỗ ngài ngự đi ra, rồi biến mất, thế là ngài hóa. Quan quân làm biểu tấu vua, vua sai đình thần đến chỗ hóa ấy làm lễ, truyền địa phương nhân dân làm đền thờ, bao phong Thượng đẳng thần, thành lệ thường thờ mãi mãi, lại truyền cho Nga Khê, Chỉ Trạ hai xã lập cung đình thờ ngài, bao phong đệ hiệu là Bản biện Thành hoàng Hoàng việt đại vương đô thống quốc chính Kiêu Sinh cư sĩ đại vương. Đời bấy giờ có Mạc Đăng Dung tiến bị, vua Chiêu Tông cùng triều đình đều quy phục họ Mạc cả, duy có Đức Bạng công không phục, lánh về nơi dưỡng phụ tức là ở xã Chỉ Trạ, sức dưỡng binh lương, quyết tâm báo quốc. Ở trong triều có quan thái úy, khởi binh ở Ai Lao, nghe thấy Đức Bạng công vẫn có lòng trung về ở Chỉ Trạ, vua Trang Tông (tức là con trưởng vua Chiêu Tông) bèn sai sứ về triệu Đức Bạng công hiệp đồng phù quốc. Ngày 12 tháng 8, ngài cử binh vào Ai Lao bái yết vua Trang Tông. Vua phong cho ngài làm Trung nghĩa hầu tả dực thống lĩnh đại tướng công, để đem quân đi đánh họ Mạc. Ngài đánh ở vùng Bái Thượng thuộc huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, đạo Sơn Tây. Họ Mạc thua, trốn chạy, ngài dựng vua Trang Tông lên nối ngôi, khi phục được nước, tuổi đã già, ngài xin vua về làng nhân dưỡng, vua mấy phong cho làm Đông Bạng đại vương, ban cho vàng bạc cùng bách quan tiền về làng, tức là Đông Hải quận, Nam Sách phủ, Thanh Lâm huyện, Thanh Xá trang. Đến ngày 25 tháng 12, thấy chuyển động trời đất tự nhiên ngài hóa. Nhân dân làm biểu tấu, vua sai đình thần về tận làng làm lễ, truyền lập đình miếu phụng sự, cùng

truyền Nga Khê thượng Khu, Chỉ Trụ thượng Khu phụng thờ như trước. Vua bao phong cho hai vị Đức thánh cả hiệu là Bản biện Thành hoàng Hoàng việt đại vương đô thống quốc chính Kiều Sinh cư sĩ đại vương; Đức thánh đệ nhị hiệu là Đông Bàng đại vương, Cảm ứng uy linh phả lại cư sĩ đại vương.

Sự tích các ngài có sách ghi chép, có sắc phong hiện còn 4 đạo, từ niên hiệu Duy Tân đến Khải Định.

**PHẦN II**  
**TRUYỀN THUYẾT**  
**VỀ THỜI TÂY SƠN – THỜI NGUYỄN**

## 1. NGUYỄN HUỆ VÀ NGƯỜI THỢ RÈN

Lúc anh em Tây Sơn chuẩn bị khởi nghĩa thì Trương Phúc Loan đang ra sức vơ vét của dân, nhân dân vô cùng oán hận. Loan nghe lời bọn mưu sĩ, áp dụng lối cai trị hà khắc của Tần Thủy Hoàng: cấm nhân dân chứa chấp khí giới trong nhà để đề phòng những cuộc khởi nghĩa chống lại chúng. Các thợ rèn cũng bị quan lại nghiêm cấm, không được rèn gươm, đao, côn, búa, chùy... Vì vậy, muốn có đủ binh khí cho nghĩa quân là một chuyện khó. Nguyễn Huệ bàn với anh phải tìm một số sắt thép thật tốt và những thợ rèn chuyên môn, mời họ về Tây Sơn Thượng để rèn khí giới.

Một hôm, ông cưỡi ngựa xuống Đại An (nay thuộc An Nhơn) tìm thợ, vì nghe đồn đây có thợ rèn giỏi.

Vào trong làng, ông thấy một thanh niên chừng 25 tuổi, vóc vạc cao lớn, đang gánh một gánh lúa nặng khoảng 10 vuông. Đòn gánh là một phần cây tre to. Anh ta gánh đi có vẻ nhẹ nhàng. Biết người này có một sức khỏe phi thường, Nguyễn Huệ muốn mời anh ta gia nhập nghĩa binh. Ông xuống ngựa, đến gần người thanh niên, lễ phép nói:

- Xin anh cho hỏi, nghe đồn ở đây có mấy ông thợ rèn. Tôi muốn rèn một ít cây bừa, liềm hái, nhờ anh chỉ giùm cho.

Anh thanh niên đặt gánh lúa xuống, đáp:

- Ông ở đâu mà tìm thợ rèn? Lâu nay có lệnh cấm, nên thợ không rèn nữa?

Nguyễn Huệ nói:

- Tôi ở An Khê lặn lội xuống đây. Nếu quả còn ông thợ nào giỏi, xin anh chỉ giùm.

Nghe nói ở An Khê, lại thấy vóc người cao lớn, tiếng nói như chuông, phong độ khác thường, anh thanh niên sinh nghi, bèn hỏi:

- Được Tôi sẽ dẫn ông tìm thợ rèn. Nhưng xin ông quảy giùm gánh lúa về.

Nguyễn Huệ mỉm cười, gật đầu. Ông muốn bày tỏ tài năng cho anh thanh niên biết, nên khi ghé vai vào đòn gánh nhắc gánh lúa lên, ông nhún mấy cái thật mạnh. Đòn tre kêu răng rắc và gãy làm đôi. Nguyễn Huệ chỉ tay vào một cây trắc mọc cạnh đường:

- Thứ cây này là danh mộc, làm đòn gánh tốt hơn tre nhiều.

Đoạn ông xắn tay áo đến bên cây trắc, hai tay ôm lấy thân cây, xoay mình giật mạnh. Cây trắc bật rễ, đổ kênh. Anh thanh niên kinh hãi, vội vã quỳ xuống đất, bảo:

- Ông là thần chứ đâu phải là người !

Nguyễn Huệ đỡ anh thanh niên dậy, hỏi:

- Tráng sĩ tên họ là gì, xin cho biết?

Anh thanh niên thưa:

- Tôi là Đặng Văn Long, người Đại An này. Tổ tiên tôi mấy đời làm nghề rèn. Gần đây, quan thái phó (chỉ Trương Phúc Loan) cấm rèn gươm dao, tôi phải quay sang làm ruộng. Hôm nay tôi đi gánh lúa thuê, tình cờ gặp ông. Xin ông cho biết quý danh?

Nguyễn Huệ đáp:

- Tôi là Hồ Thơm đây.

Đặng Văn Long vui mừng:

- Nghe danh ông đã lâu, nay mới gặp mặt. Xin mời ông về nhà tôi chơi.

Nguyễn Huệ nhận lời. Ông đưa ngựa cho Long dắt, rồi chống hai bó lúa, xốc lên vai, bước đi nhẹ nhàng.

Tối nhà, Long bảo vợ con làm cơm đãi Huệ. Trong lúc ăn uống, Long kể:

- Theo lời tổ phụ tôi di chúc, ở An Khê có một cái khe nước rất quý. Rèn gươm xong, muốn cho thật bén, khỏi sét rỉ, phải ngâm xuống khe nước đó một ngày rồi lấy lên trui lại. Chín lần như vậy thì gươm tốt vô cùng, chém gãy gươm địch thủ dễ như chơi.

Đặng Văn Long tỏ ra là người có kỹ thuật rèn vũ khí. Hỏi về võ nghệ, Long cũng rất tinh thông. Nguyễn Huệ cả mừng, nói với Long:

- Trong 18 món binh khí, tôi thích sử dụng đại đao nhất. Trước kia tôi cũng có một cây đao quý, nhưng đã tặng cho Trần Quang Diệu, vì Diệu cũng ưa dùng đao. Từ đó đến nay chưa tìm được cây đao nào vừa ý.

Đặng Văn Long vui mừng nói:

- Gần đây có miếu Quan Thánh xây từ đời Minh, do một số người Tàu thời đó sang đây lập nghiệp. Trong miếu có cây đại đao của đức thánh Quan. Nhân nhà tôi thiếu sắt rèn cày bừa, nên lên vác về, định phá ra lấy thép, nhưng lại tiếc vì nó nặng và tốt. Có lẽ đó là đồ thờ, chứ Quan Công lúc còn sống, chưa chắc đã mang nổi thanh đao ấy.

Long nói xong vào nhà vác thanh đao ra. Thanh đao dựng thẳng, cao hơn đầu người một thước (mộc). Tuy đức đã lâu mà không rỉ, lưỡi đen bóng. Huệ hỏi:

- Tráng sĩ múa đao này thấy thế nào?

- Múa được một đường là đuối tay.

- Để tôi thử xem.

Huệ cầm đao, bước ra sân, thấy thanh đao quả là nặng. Ông xắn tay, vén áo cho gọn, rồi dạo bài đao "Quá ngũ quan". Đao vung vùn vụt. Chỉ thấy bóng đao chập chờn như con rồng đen uốn lượn. Không thấy hình người múa đao. Văn Long vỗ tay tán phục. Nguyễn Huệ lia ngang một đường đao vào thân cây sấu đông cổ thụ ở góc sân. Thân cây lớn một người ôm đứt làm hai đoạn, cành lá đổ xuống ào ào. Huệ dừng đao, trầm trồ:

- Đao bén thật?

Rồi ông nói với Văn Long:

- Đao quá nặng. Dùng trong giây lát thì được, chớ dùng lâu cũng có chỗ bất tiện. Đánh trận cả ngày, nên dùng cây đao nhẹ hơn. Tuy vậy, tráng sĩ cũng nên vui lòng tặng tôi, để dùng lúc lễ nghi cho thêm phần uy nghiêm.

Văn Long chấp tay thưa:

- Ngài là người tài đức song toàn, là bậc quân tử. Đừng nói cây đao, ngay cả thân tôi, tôi cũng xin dâng cho ngài, cho đại nghĩa Tây Sơn.

Hôm sau, Đặng Văn Long thu xếp bán nhà cửa, gom góp đồ đạc cùng vợ con theo Nguyễn Huệ về Tây Sơn Thượng.

Nhờ có Đặng Văn Long ngày đêm miệt mài rèn gươm đao côn kiếm mà nghĩa quân Tây Sơn ngày càng có nhiều vũ khí.

## 2. CHÚA XÀ ĐÀNG VÀ BẦY NGỰA RỪNG

Dân tộc Xà Đàng (tức Xê Đăng) lừng danh là một bộ tộc không hề khuất phục ai. Sống riêng một cõi, tung hoành bốn phương, họ làm náo động từ rừng sâu đến đồng nội. Người Xà Đàng chỉ tin và sợ trời.

Một buổi sáng nọ, tin anh em Tây Sơn dấy binh chiêu dụ anh tài chống lại triều đình lan đi khắp nơi, làm xao xuyến cả buôn làng Tây Nguyên. Vị chúa Xà Đàng gương mặt tự phụ, nói với thủ hạ rằng: "Huệ sao dám làm điều kinh động trời đất? Nếu Huệ có tài như con trời, thì hãy đi dụ cho được bầy ngựa của trời nuôi trên núi. Khi đó, ta sẽ đem cả họ theo hết".

Nguyễn Huệ nghe tin ấy, mỉm cười. Mấy ngày sau, ông cùng các chàng trai lực lưỡng cưỡi ngựa vào rừng. Ông chọn con ngựa cái khỏe, đẹp, lông nó mượt như nhung, đuôi dài và óng ả như cánh phượng, mắt ướt long lanh, thả nó vào rừng. Hàng ngày ngựa hí lên những tiếng dài kêu gọi, vọng vào rừng sâu, như nhấn gọi. Nguyễn Huệ cất cỏ thật non, bỏ cho nó ăn. Trong bầy ngựa trời, có con đục chúa đàn, nghe tiếng hí, từ trong rừng sâu lần ra. Nó thấy con ngựa cái tơ của ông Huệ có vẻ "dễ thương", liền lân la đến làm quen. Dần dần, ngựa cái rủ được cả bầy cùng theo đến. Ngày nào chúng cũng hí gọi, nô đùa với nhau rất thân thiết. Ông Huệ rình ở đằng xa, thấy bầy ngựa rừng đã có vẻ say con ngựa của mình, ông liền ra mặt. Bầy ngựa rừng lúc đầu

hoảng sợ, muốn chạy, nhưng đã bị "nàng ngựa" giữ lại. Ông Huệ ra cho cỏ, vuốt ve con ngựa của mình, khiến bầy ngựa rừng dạn người. Lần sau ông ra, chúng không lạ lòng nữa. Ngày này qua ngày khác, ngựa rừng đã quen. Ông Huệ cắt nhiều cỏ non, dắt con ngựa cái về. Lũ ngựa rừng nhớ bạn lại đã dạn người, nên đi theo. Ông Huệ kiên nhẫn theo dõi, nắm đặc tính từng con ngựa rừng để thuần phục chúng. Dụ được bầy ngựa rồi, ông Huệ chưa vội báo cho dân làng biết. Lúc chúng thuần như lũ ngựa nuôi trong tàu của mình, Nguyễn Huệ mới báo tin cho dân làng. Không ai tin, nhất là mấy già làng. Họ vẫn nói: "Không ai khiến được ngựa của trời đâu. Chỉ có trời sai được chúng thôi". Một số người muốn đi xem. Ông Huệ bằng lòng. Ông cho lũ thanh niên trèo lên núi cao, rừng rậm, ngồi im trên ngọn cây để xem ông gọi ngựa trời. Đám thanh niên hồi hộp theo dõi ông Huệ gọi bầy ngựa trời ra, khiến chúng thật là ngoan. Họ phục ông Huệ là "người trời", đã sai khiến được ngựa trời, nên về khoe với các già làng. Già làng vẫn chưa tin. Có người phải thề: "Mắt tao thấy, tai tao nghe. Tao nói sai trời phạt. Ông Huệ đúng là con trời xuống dạy lũ ngựa trời thuần như lính của ông rồi". Nhiều già làng đi xem, thấy quả đúng như vậy. Lúc ấy, họ mới phục và tôn ông Huệ là thần, làm kiệu rước ông về vật trâu, heo, đón ông Huệ "con trời", làm lễ huyết thề. Ai cũng một lòng quyết đi theo Tây Sơn, theo ông "con trời" dấy binh khởi nghĩa.

### **3. CẬU LỬ TRỜI SINH**

Thủa ấy, cách đây ngót hai trăm năm mươi năm, bến Trường Trầu sâu hàng mấy sải, nước trong xanh leo lẻo. Trẻ con thường kéo đến tắm, nô đùa và rửa nhau bơi thi. Nhiều đứa bơi như người lớn. Chúng có thể bơi một mạch từ bờ bên này sang bờ bên kia rồi lại bơi trở lại. Song, bơi nổi tiếng hơn hết, chẳng những bọn trẻ con phục tài mà ngay cả người lớn khắp vùng cũng đều phải thua sức bơi thần kỳ của một cậu bé tên là Lữ.

Mùa mưa đến, lòng sông Côn mở rộng. Nước trên nguồn

cuốn cuộn đổ về. Nước kéo cả những thân cây bằng hai vòng tay người ôm. Sóng quật chết những con cá chình to bằng bắp vế, là loại cá bơi rất khỏe. Nước chảy đến mức những tay chèo yếu không dám đưa sòng qua sông, huống hồ là người bơi bộ. Thế mà cậu Lữ bơi qua bơi lại sông Côn như chơi.

Người lớn bảo tài cậu Lữ là của trời sinh. Trẻ con thì lạ lắm. Chúng muốn coi tận mắt cái tài trời sinh của cậu Lữ như thế nào.

Một hôm, bọn trẻ cử thằng bạn bơi khá nhất và lặn dài hơi nhất để bám theo đường bơi của Lữ. Thằng bạn bơi một đoạn rồi lặn xuống. Khi cậu Lữ đến giữa sông thì nó ngoi lên, kêu một tiếng khùng khiếp và luống cuống bơi ngược vào bờ. Thấy thằng bạn sợ xanh mặt, bọn trẻ cũng lo lắng hỏi rồi lên: "Sao? Cái gì đó bay?". Một hồi lâu, thằng bạn mới lắp bắp nói được: "Có... con gì... dài như con rắn... mà không phải... con trăn... Nó cứ lượn... theo cậu Lữ. Kỳ quá?".

Chẳng mấy chốc, điều kỳ lạ kia bay đến tai người lớn. Họ cử một chàng trai dạn dĩ, khỏe mạnh, bơi lội rất giỏi, bám theo đường bơi của cậu Lữ để coi thử. Chàng trai khi bơi, khi lặn, theo cậu Lữ từ bờ bên này sang bờ bên kia. Lúc trở lại bờ bên này, anh ta reo lên:

- Ôi cha... đẹp quá? Kỳ quá? Không phải cậu Lữ bơi, mà nó có bốn con rồng vàng theo hầu, vừa nâng người cậu ấy lên, vừa múa rất đẹp. Thật đúng cậu Lữ là do trời sinh mới được như thế!

Cậu bé tên Lữ ấy lớn lên chính là thầy tư Lữ, một trong ba lãnh tụ nghĩa quân Tây Sơn. Thầy tư Lữ là người có tài tổ chức công việc hậu cần, vận động nhân dân góp công góp của nuôi dưỡng nghĩa quân lớn mạnh.

## 4. CÁI CHUM VÀNG

Cho đến nay, những người kể lại câu chuyện cũng không biết ông chủ cái chum vàng ấy tên là gì. Chỉ biết ông ta làm ăn

phát đạt, kiếm được khá nhiều của cải. Khi sắp về thăm quê ở Đàng Ngoài, vì không vợ con và người thân thích, mang của theo thì sợ ăn cướp, nên ông ta dồn tất cả của quý vào một cái chum cổ và lén chôn xuống miếng đất hoang gần một cây đa lớn bên bờ sông Côn.

Mấy mùa xuân đi qua, ông ta trở lại với dòng sông Côn, trở lại vùng đất màu mỡ mới được khai phá. Khi tìm đến cây đa xưa, ông ta ngỡ ngàng thấy trên miếng đất hoang ngày trước đã dựng lên một ngôi nhà khang trang, xung quanh lang, bắp mướt mà. Ngôi nhà ấy dựng đúng nơi chôn cái chum vàng của ông. Đảo qua đảo lại trước ngõ, ông ta nghĩ ngợi tìm cách lấy lại cái chum của mình. Ông đánh bạo làm quen, xin ngủ trọ một đêm.

Cụ già chủ nhà thân hình quắc thước, niềm nở tiếp ông. Cụ có ba người con trai, người nào cũng khỏe mạnh, thông minh lanh lợi. Ông khách trọ tính đêm đến lén đào lấy vàng trong chum của mình rồi trốn đi, nhưng khốn nỗi ông chưa biết xác thực hiện cái chum nằm ở chỗ nào. Thức trắng đêm không nghĩ ra cách gì, sáng ra, ông đành phải ra đi.

Mấy hôm sau, ông khách quay lại. Lần này, ông lân la gạ gẫm mua ngôi nhà và miếng đất, dù phải trả giá rất đắt. Cụ già chủ nhà rất tinh ý như đoán được ông khách muốn gì rồi. Cụ nhà nhận mỉm cười, lắc đầu, từ chối bán nhà. Ba người con trai cũng làm như không biết việc gì. Ông khách sợ mất cái chum nên trở giọng dọa xa dọa gần để mua cái nhà cho bằng được. Nhưng cụ già vẫn chỉ lắc đầu. Thấy ba người con trai kia, ông ta cũng ngán, nhất là thấy người con giữa có một cái vẻ gì đó khiến ông ngại ngại. Cuối cùng, thái độ ung dung, rộng rãi của cụ chủ nhà đã gọi cho ông ta nói thật. Lúc này, cụ già mỉm cười và gọi ba người con trai. Tức thì, ba người vào buồng khênh ra cái chum cổ để ở giữa nhà.

Mừng quá, ông khách nhảy bổ tới cái chum ôm lấy như sợ nó biến mất. Sau đó, ông ta khấn khoản xin cho chuộc cái chum ấy. Cụ già lại cười và lắc đầu.

Ông ta xin chia đôi. Cụ già vẫn cười và lắc đầu.

Ông ta xin nhận một phần ba, rồi một phần năm số của trong cái chum đó. Cụ già cũng vẫn chỉ mỉm cười và khe khẽ lắc đầu. Đến đấy, ông khách sững sờ không biết tính sao nữa, thì cụ già ôn tồn bảo:

- Miếng đất này cha con tôi khai phá. Căn nhà này cha con tôi dựng lên. Nó là của chúng tôi...

Thế thì còn gì hy vọng lấy lại cái chum nữa? Ông khách bưng mặt, cố nén nỗi đau xót mất của có thể chết đi được.

- Còn cái chum kia - Cụ già nói tiếp - cha con tôi giữ gìn mấy năm nay, chỉ chờ trả lại cho người chủ nó. Bây giờ tôi trả lại cho ông.

Nghe tới đó, ông khách vẫn tưởng mình mơ. Ông mở mắt, thấy ba người con trai đang bày của trong chum ra. Cụ già lại bảo:

- Ông nên coi lại xem có thất lạc thứ gì không?

Ông khách hoa mắt nhìn những chuỗi ngọc lấp lánh, những thỏi bạc, những kiềng vàng, vòng vàng, lá vàng... sáng rực lên. Của cải công sức mình dành dụm bao nhiêu năm, ngỡ mất hết, thì nay... có lẽ không thiếu thứ gì.

Ông khách mân mê mấy thứ đồ vàng bạc. Chợt ông ta đứng phắt dậy, quỳ xuống trước mặt cụ già, nước mắt ứa ra, nghẹn ngào. Cụ già đỡ ông ta dậy.

- Thưa cụ... giọng run run, ông khách nói - giờ con không muốn xin lại cái chum này mà bấy lâu con cho là quý nhất. Con chỉ xin được làm một người con trong nhà, để được hưởng cái quý vô giá là tấm lòng của cụ và các anh nhà đây...

Cụ già lại cười. Ông khách vô cùng buồn bã, vì ý nguyện không được chấp thuận. Tin ở gia đình cụ già, ông ta lại gửi chum của rồi bỏ đi đâu không rõ.

Đến khi ba người con trai cụ già tức là anh em Nguyễn Nhạc, chiêu nạp nghĩa sĩ dấy binh khởi nghĩa ở vùng rừng núi

ấy, ông khách lạ từ đâu lại về. Ông tự nguyện dâng cái chum của quý báu của mình cho anh em nghĩa quân mua sắm lương thảo, khí giới, góp phần nhỏ bé vào cuộc khởi nghĩa lịch sử dấy lên từ vùng đất có dòng sông Côn trong xanh, hùng vĩ.

## 5. ẤN VÀNG KIỂM BẠC

Tương truyền ở một làng Ba Na thượng nguồn sông Côn, từ ngàn xưa đã có một thanh gươm lạ. Không biết đích xác thanh gươm có từ bao giờ. Chỉ biết khi có các già làng thì đã thấy lưỡi gươm cắm sừng sững trên tảng đá lớn nằm ven đường dẫn đến làng rồi. Trải bao mưa nắng, lưỡi gươm vẫn sáng chói, không hề hoen rỉ.

Dân làng kể rằng: đây là thanh gươm quý trời ban cho người tài hiển trong thiên hạ để giúp dân dựng nước. Biết bao bàn tay tráng sĩ đã ướm vào chuôi gươm, nhưng không một ai lay chuyển nổi. Đời này qua đời khác, chuôi gươm càng lên nước bóng loáng, lưỡi gươm càng chói như ánh mặt trời.

Cho đến ngày kia có một "con Kinh" ngược dòng sông Côn tìm đến. Dân làng thấy người khách lạ tướng mạo khác thường, thông hiểu mọi lẽ trời đất, lại ăn nói có nghĩa có nhân, nên đem lòng kính phục, bèn dẫn tới chỗ thanh gươm báu. Đến nơi, trước mặt dân làng, người khách lễ tạ mọi người rồi bước lên tảng đá ướm bàn tay vạm vỡ của mình vào chuôi gươm. Khi cánh tay người đó vung mạnh thì hòn đá rung chuyển và cả thanh gươm quý hiện ra sáng lòa trước mặt mọi người. Tráng sĩ có sức mạnh ấy chính là Nguyễn Huệ. Huệ vốn sinh cơ lập nghiệp ở Kiên Mỹ, theo anh ngược dòng sông Côn đi tìm người tài giỏi trong thiên hạ để mưu nghiệp lớn. Cầm phục tài năng, dân làng mời Nguyễn Huệ ở lại và mở tiệc khoản đãi. Quanh làng thường xuất hiện một con gà cồ to lớn khác thường sống đã lâu đời. Nhân ngày vui, dân làng bèn săn con gà làm thịt đãi khách quý. Khi mổ gà ra, người ta thấy trong bụng con vật có cái ấn lớn

bằng vàng. Dân làng tin đây là điềm trời giúp Nguyễn Huệ lập nghiệp lớn, liền cung kính dâng cho Huệ. cầm ấn vàng và kiếm bạc trong tay, Nguyễn Huệ nói với dân làng:

- Trời đã có ý chọn ta trao ấn vàng kiếm bạc, ta sẽ quyết quy tụ giang sơn về một mối để khỏi phụ sự chờ mong của trăm họ và lượng cao dày của trời đất.

Nghe Nguyễn Huệ nói, ai cũng tỏ lòng muốn được theo anh em Tây Sơn dựng cờ nghĩa xây nghiệp lớn. Nguyễn Huệ rất mừng hỏi một già làng:

- Làng ta có bao nhiêu người ?

Già làng đáp:

- Phía bắc thượng có 200 người, phía nam thượng có 200 người. Giữa làng là con sông chảy xiết, không ai dám qua lại thăm viếng nhau.

Nguyễn Huệ nghe nói vậy, liền đến con sông, rút gươm rạch đôi dòng nước đang chảy xiết. Lập tức, dòng nước rẽ ra hai bên, để hiện ra một lối qua sông khá rộng. Từ đó, dân làng càng mang ơn Nguyễn Huệ. Họ hết lòng giúp đỡ ông và cho con cháu đi theo ngày càng đông.

## 6. TÍNH TỰ CHỦ

Lúc nhỏ, ba anh em Nguyễn Huệ theo học thầy giáo Hiến ở Thắng Công (nay thuộc xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn, Bình Định). Ba người đều thông minh, học giỏi.

Một hôm, Nguyễn Huệ hỏi thầy Hiến:

- Thưa thầy, nước Việt ta có tiếng nói và chữ viết riêng, sao trong sách, trong văn tự sắc phong của nhà vua lại cứ phải dùng chữ Tàu? Nước ta có nhiều tiếng mà chữ Tàu không viết được, như chữ Lía chẳng hạn, phải không thầy?

Thầy Hiến nhìn người học trò thông minh của mình, âu yếm nói:

- Đời trước làm thế nào, đời sau cứ bắt chước làm như thế. Vua chúa triều nào cũng theo nhau làm y khuôn mẫu. Họ không dám cải tiến, sợ phạm tội. Dùng chữ Tàu có nhiều cái bất tiện, lại tỏ ra ta lệ thuộc vào họ. Rồi sau này phải sửa, phải dùng chữ của ta, con ạ. Con cứ học cho giỏi. Việc sửa đổi ấy là phần con đó.

Bữa ấy, một lão thầy Tàu đến chơi với thầy giáo Hiến. Thầy Hiến vui mừng khoe với lão ta là mình có người học trò giỏi và gọi Nguyễn Huệ ra chào lão. Lão thầy Tàu ngắm nghía Huệ hồi lâu. Lão gật gù, bảo Huệ viết tên mình cho lão xem, để lão nhìn dạng chữ bói số giúp.

Huệ cầm giấy bút, viết thoáng tên Hồ Thơm bằng chữ Nôm đưa cho lão. Lão cầm xem, nhăn trán nghĩ mãi mà không hiểu chữ gì. Lão hỏi thầy giáo Hiến. Thầy phải giảng giải cho lão:

- Đây là chữ Nôm, chữ viết của nước tôi. Học trò của tôi muốn dùng chữ này thay cho chữ Nho, là thứ chữ vay mượn của bên quý quốc, chúng tôi không ưa dùng.

Lão thầy Tàu tức trào lên cổ, nhưng không làm gì được. Lão đành gượng gạo nói:

- Cậu học trò này có tính tự chủ khá đó. Mai sau ắt hẳn làm nên...

## **7. HAI CON RỒNG NÚI THƠM**

Con đường từ làng Kiên Thành xuống trường thầy giáo Hiến ở An Thái phải qua đoạn đường gành, chỗ sông Côn chảy sát chân núi Thơm.

Dòng sông làm duyên dáng thêm hòn núi vốn có cái tên rất hay và tạo nên bức tranh sơn thủy đẹp đẽ. Nhưng chính hòn núi mặc áo xanh non xinh tươi ấy lại là nơi ẩn náu của nhiều loài rắn độc và cả cạp dũ. Bởi thế, con đường gành rất hiểm nguy đối với người qua lại.

Hôm nào đi học, đám học trò cũng xem thử có anh Thơm đi không. Nếu vắng anh, mặt mày đứa nào cũng buồn thiu vì thiếu một người bạn tốt vẫn thường dẫn chúng đi an toàn qua con gành đáng sợ. Không có anh, bọn học trò phải đội sách vở bơi qua sông, xuống một đoạn khá xa. Hoặc chúng xuôi theo bầu Cà Đáo, vòng mãi ngoài ba ngọn tháp Chàm mất cả buổi. Nhiều đứa vì sợ, vì ngại, phải bỏ học. Không đứa nào dám bạo gan đi qua đường gành núi Thơm. Nhưng hễ hôm có anh Thơm đi cùng thì đứa nào cũng hớn ha hớn hở. Chúng mừng đi học được. Nhưng thích nhất là chính mắt chúng được thấy những sự lạ lùng trong mỗi bước đi của anh Thơm.

Bữa nào cũng vậy, khi anh Thơm tới đoạn đường gành thì bọn học trò kia đều như nghe thấy từ trong lòng núi Thơm vang dần lên tiếng trống ngân, tiếng chiêng gõ, tiếng đàn nhạc rộn rã... Từ đỉnh núi, hai làn khói xanh bay lên, hiện rõ dần hai con rồng màu nước biển. Chúng tiến xuống chân núi, chào anh Thơm rồi một con đi trước, một con đi sau, tung bừng múa lượn. Suốt quãng đường gành không ai nghe thấy tiếng cộp găm; cũng không thấy bóng một con rắn, con rết. Chỉ thấy chim chuyền cành, hót líu lo. Hoa rừng toả hương thơm dịu dịu. Khi bọn học trò đi hết quãng gành, đã nhìn thấy màu xanh tươi của những đám mía, những ruộng lúa, thì hai con rồng xanh cũng biến tự lúc nào.

Đám học trò kính phục anh Thơm lắm. Chắc anh phải là thánh, là thần, nên mới có cặp rồng đón đưa như vậy.

Đến khi anh Thơm dấy binh khởi nghĩa, đám học trò ấy theo anh, trở thành những nghĩa quân chiến đấu dưới ngọn cờ đào của anh Thơm - Nguyễn Huệ. Ai cũng rất mực trung thành và gan dạ, bởi vì họ đã tin và phục Nguyễn Huệ từ thuở còn là anh Thơm được hai con rồng núi Thơm hộ tống qua quãng đường gành hiểm trở kia.

## 8. CÂU SẮM TRUYỀN

*Bao giờ...*

*Đụn Sơn phân giải*

*Bò Đái thất thanh*

*Kiên Thành sinh vương*

*Nam Đàn sinh thánh...*

Người ta bảo đó là câu sấm truyền đấy. Câu sấm đó xuất hiện từ đâu thì không ai biết rõ. Bọn trẻ chăn trâu vùng Nam Đàn (nay thuộc tỉnh Nghệ An) thích lắm. Ngày nào cũng vậy, khi ngồi trên lưng trâu hay khi nhảy chân sáo ngoài đường, chúng thì nhau hát đi hát lại câu sấm đó thành một bài về vô tận.

Kiên Thành là nơi đâu? Ở đó sẽ sinh vua ư? Còn nơi đây, đất Nam Đàn này sẽ sinh thánh?

Người ta mong mỗi một vị thánh nào đó ngày mai sẽ giúp cho nhân dân nơi đây hết khổ. Bởi vào thời đó, dưới ách thống trị của bọn vua Lê chúa Trịnh, những người dân ở vùng này bị bóc lột thậm tệ. Cuộc sống của họ xơ xác tiêu điều, ít nhà trong làng đủ cái ăn cái mặc. Ngày ngày, những em bé mới lên chín lên mười, phải theo cha mẹ trèo qua núi Đụn để hái củi hay kiếm củi rừng, trái cây về ăn trừ bữa. Đốn củi suốt ngày cũng chỉ đổi được vài bát cháo cầm hơi. Biết đến bao giờ thì người dân nơi đây hết khổ?

Từ trong núi Đụn, một dòng suối trong veo chảy ra đổ xuống những gộp đá đã trở gan. Tiếng nước chảy ào ào và sỏi bọt trắng xoá. Đêm đêm, sau những buổi lao động mệt mỏi, người dân lam lũ thao thức trong căn nhà lụp xụp lắng nghe tiếng suối dội vào lòng tê tái. Giữa giấc ngủ chập chờn, người ta nghe như tiếng bò đái đầu nhà. Vì vậy con suối đó có tên là suối Bò Đái. Con suối cứ chảy triền miên như nỗi thống khổ của nhân dân. Bao giờ thì suối Bò Đái im tiếng? Bao giờ thì nhân dân hết khổ? Bao giờ?...

Những em bé chăn trâu vô tư vẫn hát:

*Bao giờ. . .*

*Bao giờ Đụn Sơn phân giải...*

Bọn quan lại, cường hào trong làng nghe các em hát thì ỨC LẮM. Đối với bọn chúng, cuộc sống no ấm giàu sang mà chúng đang hưởng trên mồ hôi và xương máu của nhân dân lao động đã làm cho chúng thoả mãn rồi. Chúng cần gì vua nào, thánh nào nữa. ỨC mà chúng không sao ngăn được tiếng hát của các em.

Những người làm cha làm mẹ, tuỔI anh tuỔI chị nghe các em hát, lòng cũng thanh thoi được phần nào. Họ mong mỗi có dịp vùng lên đánh đổ sự áp bức, những nỗi đau khổ đang đè nặng lên cuộc sống.

Nhiều năm tháng trôi qua...

Các em nhỏ ngày nào thường hát câu sấm ấy đã lớn. Các em trở thành những chàng trai cường tráng, khỏe mạnh. Cuộc sống gian khổ đã làm cho các em trở nên cứng cáp, vững chãi như cây cao trên núi Đụn. Câu hát ngày trước như một kỷ niệm tuổi thơ còn đọng mãi trong lòng. Nó trở thành ước mơ thầm kín và mãnh liệt.

Bỗng một đêm, vùng Nam Đàn tự nhiên nổi mưa to gió lớn, sấm sét dưng dưng. Những căn nhà lụp xụp nghiêng ngửa. Trên núi Đụn, tiếng đá lở âm âm. Tiếng suối Bò Đái chìm trong âm thanh hỗn loạn và rùng rợn của cảnh động trời kinh khủng. Nhân dân vùng này chưa bao giờ được chứng kiến một cảnh tượng như thế.

Khi mưa tạnh gió ngừng, người ta thấy bầu trời quang đãng. Họ sững sờ trước cảnh tượng kỳ lạ: núi Đụn to lớn trước mắt họ đã vỡ làm đôi. Con suối Bò Đái chẳng còn dấu vết gì.

Ít lâu sau, tin đồn ở ấp Tây Sơn có ba anh em người nông dân là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dấy binh khởi nghĩa và đã giải phóng được một vùng rộng lớn, phá ách kìm kẹp của bọn vua quan tàn ác. Kiên Thành chính là quê hương của những người anh hùng đó. Nghe đâu, người anh cả xưng là Thái Đức

hoàng đế, anh thứ hai là Bắc Bình Vương và sắp kéo quân ra Bắc diệt vua Lê chúa Trịnh cho dân khỏi cảnh lầm than.

Người dân Nam Đàn tin rằng cuộc đời họ đã đến lúc đổi thay. Họ mong chờ đoàn quân Tây Sơn sớm ra Bắc để họ được đi theo đánh giặc.

Khi đoàn quân áo vải của Nguyễn Huệ từ trong Nam kéo ra đến Nghệ An - Hà Tĩnh có dừng lại tuyển thêm lính. Trong số hàng vạn người mà Nguyễn Huệ tuyển chọn, có rất nhiều chàng trai khỏe mạnh ở Nam Đàn, những đứa trẻ ngày xưa đã lấy câu sấm truyền làm bài hát đầu môi. Họ theo Nguyễn Huệ dẹp tan bọn vua chúa tàn bạo và đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, đem lại ấm no hạnh phúc cho đất nước quê hương.

## **9. NỮ ANH HÙNG BÙI THỊ XUÂN**

Sau khi thu phục được sơn hà, vua Gia Long ra lệnh xử tử vua Tây Sơn (Quang Toản) cùng các vị tướng lĩnh của Tây Sơn như quan Thiếu phó Trần Quang Diệu và vợ là Bùi Thị Xuân.

Trần Quang Diệu bị tội lột da.

Kế đến lượt đứa con gái của Trần Quang Diệu. Đứa con ấy mới chừng mười lăm tuổi. Khi thấy voi tiến tới quẩn giết mình, đứa con gái la hoảng:

- Mẹ ơi? Cứu con.

- Chân tay của mẹ bị trói hết rồi không phương nào cứu được. Con hãy vui lòng mà chết luôn với mẹ cha, còn hơn là sống với bọn này.

Con voi quơ vòi, cuốn đứa con gái, quăng lên trời rồi đưa hai ngà ra hứng. Hai lần như vậy, đứa con chết hẳn.

Bà Bùi Thị Xuân không thay đổi sắc mặt. Bà bước tới trước con voi nọ. Bọn đao phủ ra lệnh cho bà phải quỳ xuống để con voi nọ dễ quẩn.

Bà không tuân lệnh, cứ bước tới như hăm dọa. Con voi thối lui. Bọn đao phủ cầm gươm đâm voi nọ, chọc tức. Voi bước tới

quần bà, thấy lên rồi đưa hai ngà ra hứng. Nhìn xác của bà, ai nấy đều khâm phục. Bà đã dùng lụa mà quần sẵn chung quanh ngực, bụng, bắp vế. Lớp quần áo ngoài tuy rách nát nhưng bà không loã lồ chi hết. Bà đã đoán trước cục hình này đôi ba ngày, nên đã chuẩn bị thân thể trước.

Bùi Thị Xuân là một nữ tướng can đảm đã từng chống giữ lũy Trấn Ninh. Nay Bà đã sống anh dũng chết vẻ vang, Bà mãi mãi là một nữ tướng anh hùng trong lòng dân.

## 10. SỰ TÍCH TRẢO TRẢO PHU NHÂN

Khi Nguyễn Hoàng rời đất Bắc vào đóng dinh ở đất Ái Tử (nay thuộc xã Triệu Ái, Triệu Phong), tướng họ Mạc là Lập Bạo hay tổ chức nhiều cuộc lấn chiếm. Lập Bạo cũng là một dũng tướng nên hai bên đánh nhau nhiều lần mà chưa phân thắng bại, họ bèn hoãn binh tìm kế mới. Một đêm, chúa Nguyễn đang đóng binh bên bờ sông, nằm nghe dưới sông có tiếng "trảo thảo". Chúa lấy làm lạ ra xem thì thấy sóng gió rất hãi hùng. Nhân đó chúa quỳ xuống khấn nguyện rằng: Thần sông linh thiêng thì cố giúp ta trừ giặc, ta đang bí nước. Đêm hôm ấy chúa nằm mộng thấy một người đàn bà sắc đẹp lộng lẩy, dáng dấp uyển chuyển nhẹ nhàng, đi lại gần chúa và bảo rằng: Nhà ngươi hãy dùng mỹ nhân kế mới thắng được giặc. Thức dậy, chúa vui mừng vì được điềm lành. Bỗng nàng hầu Ngô Thị mang nước vào cho chúa, nàng cũng xinh đẹp khác thường, chúa liền sai Ngô Thị dùng mỹ nhân kế để giết Lập Bạo.

Về phần Lập Bạo, sau khi thấy chúa Nguyễn không làm được gì mình, y dương dương tự đắc, mặc cho binh lính canh gác, còn y suốt ngày say sưa rượu chè, hát xướng. Đang ngất ngưỡng với chén rượu, Lập Bạo thấy nàng Ngô Thị sắc nước hương trời mang lễ vật và thư giảng hòa của chúa Nguyễn vào xin yết kiến. Lập Bạo vốn là người hiếu sắc, thấy Ngô Thị liếc mắt đưa tình, cử chỉ nào của nàng cũng duyên dáng, đáng yêu.

Lập Bạo như bị mê hoặc không còn biết gì nữa, y đồng ý để hai bên giảng hòa trong một thời gian. Được việc, Ngô Thị xin cáo lui, càng đi, đôi mắt của Ngô Thị không rời Lập Bạo. Nàng cứ liếc mắt đưa tình ra chiều lơ lả. Lập Bạo không giữ được mình nên cũng vội vàng xô dép đi theo. Lập Bạo cứ lèo đèo theo nàng nhưng hai người cứ phải cách nhau một quãng. Lập Bạo không tài nào bắt kịp Ngô Thị. Cứ thế, Ngô Thị đã dẫn Lập Bạo đến chỗ phục binh của chúa Nguyễn. Một phát súng lệnh nổ, quân mai phục toả ra, Lập Bạo biết mắc mưu bèn lao nhanh xuống nước. Nhưng y lặn đến đâu thì trên mặt nước có con chim chài cá kêu vang bay theo đến đó. Quân chúa Nguyễn nhờ vậy mà theo dõi được đường bơi của Lập Bạo. Lập Bạo lặn mãi cho đến làng Vân Trình cuối sông Vĩnh Định mới tắt thở nổi lên, quan quân giết được Lập Bạo và đám quân của y cũng tan tành.

Để tưởng nhớ ơn sâu của thủy thần giúp rập, chúa Nguyễn cho lập đền thờ ngay tại làng Ái Tử và phong là Trảo Trảo Linh Thu Phổ Trạch Tướng Hộ Phu Nhân. Năm Minh Mạng thứ 5 gia tặng là Nhu Hòa Đoan Ý Chiêu Linh Trợ Thuận Trai Thực Trung Đẳng Thần. Từ đó miếu Trảo Trảo rất linh ứng, được nhân dân lo hương lửa hằng năm. Năm Thiệu Trị thứ hai (1842) trên đường ra Bắc, nhà vua ghé thăm miếu, làm thơ khắc vào bia đá để lưu sự tích.

## 11. VÕ TÁNH

Võ Tánh tổ tiên thuở trước là người Phúc An, thuộc tỉnh Biên Hòa, sau dời đến Bình Dương.

Tánh là người khảng khái, trí dũng hơn người, nhà giàu, không chịu thần phục Tây Sơn; mới xin với mẹ bỏ của ra chiêu dụ hào kiệt, khởi binh ở Phù Viên (thuộc Gia Định), rồi kéo đến Định Tường chiếm giữ Khổng Tước Nguyên (thuộc Tân Hoà), tụ đồ đảng đến hàng vạn người, hiệu là đạo quân Kiến Hòa. Tự

xung làm Tổng nhưng, hễ giặc đi qua hướng ấy, thì đánh giết sạch. Quân giặc thường bảo nhau: "Gia Định tam hùng<sup>1</sup>, Võ Tánh là một, chớ có phạm vào mà chết".

Năm Mậu Thân, Tánh đem cả bộ thuộc đến bái yết đức Thế Tổ<sup>2</sup> ở dưới hành tại<sup>3</sup>. Đức Thế Tổ cả mừng, cho Tánh làm Tiền phong doanh khâm sai Tổng nhưng chuồng cơ; rồi lại gả em là trưởng công chúa Ngọc Du (con gái đức Hưng Tổ, em đức Thế Tổ) cho. Khi ấy tướng Tây Sơn là Thái bảo Phạm Văn Thành giữ thành Sài Gòn, Tánh đem quân vây đánh, Thành cùng quần xin hàng, dẹp yên được vùng Gia Định.

Năm Quý Sửu, Tánh được thăng làm Khâm sai chuồng Hậu quân doanh Bình sơn tham thặng tướng quân, theo đức Thế Tổ ra đánh thu phục Phú An.

Năm Giáp Dần, Tánh phụng mệnh trấn thủ thành Diên Khánh (bây giờ là Khánh Hoà). Trần Quang Diệu (tướng Tây Sơn) đem hết cả quân vào vây. Tánh kiên thành cố thủ, khi ấy trong thành thiếu lương, quân sĩ rất kham khổ, Tánh lấy lời trung nghĩa khuyến khích, tướng sĩ đều cố sức đánh, giặc không thể nào phá được. Mùa hạ năm Ất Mão, đức Thế Tổ đại cử quân thủy, bộ ra cứu viện. Tánh nghe tin có viện binh đến, thân đốc tướng sĩ đương đêm mở cửa thành ra đánh, quân giặc tan chạy. Đức Thế Tổ úy lạo khen Tánh rằng: "Tên Diệu là kình địch mà người vẫn giữ vững được thành này, có gặp gió to mới biết cổ cứng thật!". Bèn phong cho Tánh tước Quận công.

Tánh tuổi trẻ mà lại là bậc thân quý, lập được nhiều công chiến trận, nên có kiêu căng. Tiền quân Tôn Thất Hội thường chê Tánh là người thiếu hiệp<sup>4</sup> và bảo rằng: "Cậy mình quý mà

---

1. Đồ Thành Nhân, Chu Văn Tiếp và Võ Tánh là ba kẻ hùng trong Gia Định.

2. Chỉ Gia Long

3. Là nơi vua đi đóng quân ở đó.

4. Hẹp hòi thô thiển

không xét đến kẻ sĩ, là lỗi quan Phiêu Kỵ họ Hoắc<sup>1</sup>, nay người có bột kiêu đi, thì mới giữ trọn tiếng hay". Tánh nghe được lời cảm tạ, từ đây bột kiêu khí, đều được lòng tướng sĩ.

Năm Kỷ Mùi, Tánh hộ giá đức Thế Tổ ra thân chinh, hạ được thành Quy Nhơn. Đức Thế Tổ vào thành úy lạo, đổi tên là thành Bình Định, lưu Tánh cùng Lễ bộ Ngô Tông Châu ở lại trấn thủ.

Mùa đông năm ấy, Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng lại đem hai đạo quân vào vây Bình Định. Tánh nghe biết thế giặc đương mạnh, chưa có thể đánh được bèn thu quân giữ thành. Đức Thế Tổ nghe tin báo, đại cử thủy, bộ chư quân ra cứu viện.

Tánh kiên thành cố thủ, tùy phương chống chế, quân lệnh nghiêm minh, khích lệ tướng sĩ đều liều chết mà đánh, lớn nhỏ cả thầy hơn vài mươi trận, không thua trận nào.

Hoặc có kẻ khuyên Tánh vượt vòng vây mà lên ra, Tánh không nghe, bảo rằng: "Ta phụng mệnh giữ thành này, thì ta nên cùng với thành cùng sống thác. Nếu bỏ thành mà bỏ trốn một mình, thì còn mặt mũi nào trông thấy chúa thượng nữa?".

Khi ấy quan quân cứu viện đã non hai năm trời, đánh mãi không tài nào giải vây được. Đức Thế Tổ sai người lặn nước từ cửa bể lên vào, bảo Tánh bỏ thành mà ra hội với quan quân. Tánh nhất định xin cố thủ, sai người cầm tờ mật biểu ra tâu rằng: "Nay quân giặc tụ vây cả ở thành này, thì ngoài Phú Xuân hẳn không hư<sup>2</sup>, xin đem quân thừa hư ra đánh lấy Phú Xuân, chẳng khác gì đổi ngói lấy vàng, dầu chết một mạng tôi, mà đổi lấy được Phú Xuân, cũng phải".

Đức Thế Tổ được tờ mật biểu, ngài mới quyết ý đem quân do đường thủy kéo ra. Đêm hôm ấy đốt lửa ở núi Độc Sơn làm hiệu, Tánh thấy hoả hiệu, lại mở cửa thành ra đánh, giết được vài tên tướng giặc.

---

1. Là võ tướng đời Hán

2. Trống không.

Khi ấy trong thành hết cả lương thực, quân sĩ phải giết voi, ngựa mà ăn, mà cũng không ai có lòng phản bội gì cả. Tánh sợ rằng thành hãm thì tướng sĩ chết hại nhiều, bèn đưa thư ra bảo Diêu rằng: "Phận sự ta làm chủ tướng, thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn như các tướng sĩ không có tội gì, không nên giết hại". Lại bảo các tướng rằng: "Ta uống thuốc độc, nhảy vào lửa, đành nào cũng chết. Nhưng ta không muốn cho giặc thấy mặt, ta đành chết vào lửa mà thôi". Mới sai quân lấy củi khô chất đầy ở dưới lầu Bát giác, và để thuốc súng vào giữa.

Một hôm buổi sớm, Hiệp trấn Ngô Tông Châu sang hỏi Tánh xem định kế gì? Tánh trở lầu Bát giác mà rằng: "Tôi là võ tướng không lẽ cùng sống với giặc được, ông là văn quan giặc nó không nỡ giết nào, nên liều mà tự toàn lấy mình". Tông Châu cười mà nói rằng: "Dù văn, dù võ cũng một lòng trung ái cả, chỗ có phân biệt chi? Tướng quân hay liều mình với nước, tôi lại không hay tận trung với vua hay sao?". Nói rồi lui về dinh, uống thuốc độc mà chết.

Tánh than rằng: "Ông này lại hơn ta một chút!", liền thân đến liệm táng cho Tông Châu tử tế. Cách hai hôm sau, Tánh mặc triều phục lên lầu hội các tướng bảo rằng: "Ta nhờ có các tướng đồng tâm mới giữ được thành mà chống nhau với giặc. Nhưng nay lương cạn lực cùng, giữ cũng không được nữa, thôi thì ta liều mình thác, chớ không làm khổ tướng sĩ mãi nữa". Các tướng nghe nói ai cũng thương xót, đứng chung quanh lầu mà khóc. Tánh khoa tay bảo các tướng lui ra, rồi sai phó tướng Nguyễn Văn Biện châm lửa. Biện cũng khóc mà chạy. Tánh bấy giờ đang hút thuốc, lấy tàn ném xuống đồng thuốc súng, lửa tức thì bốc lên mà thác. Thống binh Nguyễn Tấn Huyện ở ngoài chạy vào, cũng nhảy vào lửa mà chết theo, hôm ấy là ngày 27 tháng 5 năm Tân Dậu.

Diêu đem quân vào thành, trông thấy cũng rõ nước mắt, sai làm lễ liệm táng tử tế. Còn các tướng sĩ trong thành, không giết hại một người nào cả. Nhưng bọn tướng sĩ sau đều lên về, không có một người nào chịu ở theo giặc.

Đức Thế Tổ nghe tin Võ Tánh, Ngô Tòng Châu tử tiết, thương khóc than rằng: "Toàn tiết như thế dẫu Trương Tuấn, Hứa Viễn ngày xưa, cũng không hơn được!".

Gia Long nguyên niên <sup>1</sup>, sai lập đền thờ ở nền cũ lâu Bát giác, truy tặng Tánh làm Dục vận công thần Thái úy Quốc công; Châu làm Tấn trị công thần Thái sử Thái sư Quận công; Huyện được làm chuồng cơ. Năm Minh Mệnh thứ 12 truy phong Tánh làm Hoài Quốc công; Châu làm Ninh hòa Quận công, đều được phối hưởng ở nhà Thái miếu.

## **12. CHUYỆN KHÚC CÂY VÀ HỒN HOÀNG HẬU NHÀ TỔNG BÊN BÃI BIỂN XỨ NGHỆ**

Đời nhà Trần, tại tỉnh Nghệ An có ông câu cá rất nghèo. Năm đó ngày mừng một tháng sáu, ông ra vằm rạch bỗng gặp một khúc cây to lớn tấp lên bãi. Ông lên đó mà ngồi, chặt mỗi ra từng khúc nhỏ để câu. Dè đâu khi lưỡi dao chạm vào, cây nọ tươm máu ra, lại có phảng phất mùi thơm tho kỳ diệu.

Ông chạy về báo cho xóm làng hay. Sau khi khấn vái, hồn khúc cây đập đồng, dân chúng mới biết đó là hồn của bà Hoàng hậu đời Tống bên Bắc triều và ba đứa con gái. Lúc trước, mấy mẹ con đều bị quân Nguyên soán ngôi, giết chết. Đồng nữ lại nói rằng: "Đem khúc cây bạch đàn này về tiện ra cốt bốn mẹ con tôi mà thờ thì xóm làng được phù hộ, làm ăn sung túc".

Dân làng thưa: "Nếu bà có linh thì hóa phép thế nào cho khúc cây to này lăn lên bờ. Chúng tôi sẽ tạc tượng mà thờ".

Dứt lời khúc cây nọ tự nhiên lăn về làng. Đền thờ được dựng lên cùng với tượng bà Hoàng hậu nọ và ba đứa con.

Khi vua Gia Long ngự giá ra Hà Nội có đi ngang qua đền thờ nọ.

---

1. Niên hiệu Gia Long năm thứ nhất. 1802.

Được biết chuyện ấy, vua nói: "Nếu bà có linh thì làm điềm cho biết".

Hoàng hậu nọ bèn đập đồng lên mà hỏi:

- Vua muốn điềm gì?

Vua bèn đem ra ba vóc lụa, ra lệnh cho Hoàng hậu cắt may áo lập tức. Chập sau, Hoàng hậu hiện ra lãnh ba vóc lụa. Trong phút giây, một đứa đồng nam hiện ra dâng ba cái áo đã may xong. Vua bèn phong sắc thần cho Hoàng hậu. Về sau có bọn giặc Tàu Ô toan vào miếu của bà để cướp giặt vàng bạc của thiên hạ cúng. Nhưng chúng phải học máu chết.

### 13. LÊ VĂN DUYỆT

Lê Văn Duyệt tổ tích người làng Quảng Nghĩa, cha là Toại, thiên cư vào Định Tường, sinh được bốn trai, Duyệt là con trưởng. Khi sinh ra vốn người ái nữ, hình thể ngắn ngủn, nhưng có tài tinh nhanh, sức khỏe mạnh. Khi 14, 15 tuổi thường than rằng: "Sinh ở đời loạn, mà không hay kéo cờ gióng trống làm đại vương để lưu công danh ở sử sách, thì không phải là tài trai".

Năm đức Thế Tổ lên ngôi vua tại Gia Định, Duyệt mới 17 tuổi, được sung vào làm Thái giám nội dinh, sau được thăng làm cai cơ, quản hai đội quân thuộc nội, theo hầu đức Thế Tổ sang Xiêm La.

Năm đức Thế Tổ về thu phục Gia Định, Duyệt thường đi theo chiến trận, cùng chư tướng bàn luận việc binh, đức Thế Tổ thấy vậy lấy làm trọng, thung dung hỏi rằng: "Người cũng biết việc binh à?". Duyệt thưa rằng: "Biết". Đức Thế Tổ nói: "Binh cơ là việc lớn, người sao nói khinh dị làm vậy?". Duyệt thưa: "Sơn tặc là quân vô đạo không bao lâu nữa cũng tự diệt mà thôi. Nay ta lấy người nhân mà đánh kẻ bạo, thế như chẻ tre, tôi không cho gì làm khó cả".

Nhân xin mộ binh theo về cánh tả quân, rồi phụng mệnh ra

đánh Quy Nhơn, được thăng làm Thuộc nội vệ úy, theo về quân Thần sách.

Năm Kỷ Mùi, đức Thế Tổ sai Duyệt và Tống Viết Phúc đem quân ra án ngữ Bình Đế. Khi ấy đức Thế Tổ nghe tin có mấy vạn quân Tây Sơn kéo vào đánh, ngài sai Trung sứ ra hỏi tình trạng, Duyệt cùng Viết Phúc tâu rằng: "Có hai chúng tôi ở đây, chẳng lo sợ gì giặc". Lại trở núi trước mặt nói rằng: "Đây là chốn hai chúng tôi cùng liễu sống thác với giặc đó". Trận ấy quả nhiên thu được Quy Nhơn.

Năm sau tướng Tây Sơn lại vào vây Quy Nhơn, quan quân ra cứu viện chỉ lệnh đèn ngoài bể, không đánh vào được cửa bể Thị Nại, đức Thế Tổ muốn dùng chước hoả công, bèn sai Duyệt cùng Võ Di Nguy đem thủy quân xông vào đánh, quân giặc ở trên đồn bắn xuống như mưa, Di Nguy bị đạn, ngã lăn xuống nước. Duyệt cũng không đoái lại nhìn chi, chỉ ra sức xông vào mà đánh. Đức Thế Tổ thấy tướng sĩ chết hại nhiều, ba lần cho tên tiểu sai truyền dụ bảo Duyệt tạm lui quân. Duyệt nhất định xin liễu chết mà đánh, bảo tên tiểu sai rằng: "Tôi xin cứ tiến vào, chỗ không lui". Liền thúc quân xông vào cửa bể, thuận gió tung lửa ra đốt hết thuyền giặc. Trận này ở sử cho là trận *vô công đệ nhất*, khi ấy là 19 tháng giêng năm Tân Dậu.

Bấy giờ các tướng khuyên đức Thế Tổ đem quân ra đánh úp Phú Xuân, nhưng ngài còn dùng dằng chưa quyết. Duyệt tâu rằng: "Việc binh quý hồ thần tốc, mưu mô cốt phải quả quyết. Nay đóng quân mãi ở đây, thời mệt mỏi mà vô công, tiến ra lấy được Phú Xuân, thời thành Bình Định này không phải đánh mà tức khắc giải vây, đó là một chước đánh cờ thí xe vậy". Đức Thế Tổ nghe lời quả nhiên thu phục được Phú Xuân.

Năm Nhâm Tuất, Gia Long nguyên niên (1802), Duyệt được thăng làm Khâm sai chương Tả quân doanh Bình sơn tướng quân, tước quận công, cùng Lê Chất đem binh bộ đi tiên phong, dẹp yên Bắc Hà.

Khi ấy có vua Chân Lạp là Nặc Chân phải Xiêm La đánh

đuổi, chạy sang Gia Định. Đức Thế Tổ cho Duyệt vào làm Tổng trấn Gia Định để điều đình xử trí việc Xiêm, Lạp và đưa Nặc Chân về nước. Duyệt tâu xin đắp thành Nam Vang (Phnôm Pênh), thành Lư Yếm để lưu quân bảo hộ Chân Lạp.

Trước kia Duyệt vốn là tì tướng, thường phải theo tiết chế Nguyễn Văn Thành. Lúc lâm trận tính Thành hay trì trọng<sup>1</sup> mà Duyệt thì quả cảm hăng hái, thường lập được công to, uy danh lừng lẫy cũng bằng Thành. Nhưng Thành ghét Duyệt là người quyến giới (hẹp hòi, bảo thủ), bởi thế hai người cũng không hòa với nhau.

Khi ấy có người Thanh Hóa là Nguyễn Hữu Nghi trước làm môn khách Nguyễn Văn Thành, vì phải quả trách, trốn sang làm môn hạ Duyệt. Nghi lại sai tên Nguyễn Trương Hiệu sang theo hầu Thuyền là con Thành, để rình xem Thuyền làm những gì. Sau Hiệu lấy được một bài thơ đưa cho Nghi. Nghi nói với Duyệt rằng: "Con Thành là Thuyền làm thơ chiêu dụ người đồng quận, lời rất bội nghịch". Duyệt tin lời Nghi, mật đem bài thơ ấy tâu vua, việc án Thuyền gây ra từ đó.

Năm Minh Mệnh nguyên niên, Duyệt lại vào trấn thủ Gia Định dẹp yên giặc sư Kế ở Chân Lạp.

Năm Minh Mệnh thứ 13, Duyệt thấy ngoài Bắc thành chia thành tỉnh, bãi chức tổng trấn, chỉ huy thành Gia Định còn có Duyệt cho nên chưa bãi. Duyệt nghĩ mình già yếu, dâng sớ xin từ chức, vua không cho.

Ngày 30 tháng 7 năm ấy (1832), Duyệt mất, thọ 69 tuổi. Duyệt làm việc hay tự chuyên, dụng hình hay quá lạm. Nhưng một lòng báo quốc, phần chấn chẳng nghĩ chi đến mình, vậy nên được lòng kẻ tướng sĩ, đem quân đi đánh không thua trận nào.

Thủy chung bốn lần đi dẹp giặc Mán Vách đá ở Quảng

---

1. Vì cẩn thận quá mà chậm lụt.

Nghĩa, quân Mán rợ đều khiếp sợ uy phong, hễ kéo quân đến thì giặc Mán đều tan trốn cả.

Khi ra kinh lược ở Thanh, Nghệ, những kẻ đào phạm<sup>1</sup> ở Bắc thành cùng kẻ thổ tù ở mặt thượng đạo đều về đầu thú.

Hai lần trọng trấn Gia Định, hưng lợi, trừ hại, dẹp giặc, yên dân, uy danh lừng lẫy, người Xiêm khiếp sợ, hễ khi nào có sứ bộ sang, thì người Xiêm lại hỏi thăm rằng: "Lê công có được mạnh khỏe không?".

Duyệt mất rồi, thành Gia Định đổi tên là Phiên An, đặt ra Tổng đốc, Bố Chính, án sát, Lãnh binh. Khi ấy Bố chính là Bạch Xuân Nguyên sách nhiễu tham lam, tự xưng là phụng mật chỉ truy xét việc riêng của Duyệt, sai bắt lữ Lê Văn Khôi<sup>2</sup> là bộ hạ Duyệt để tra hỏi. Khôi sợ phải tội, mưu làm phản; đêm hôm 18 tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 14, Khôi ngầm dụ đảng lính Bắc Thuận<sup>3</sup> 27 người vào thành giết Bố chính Bạch Xuân Nguyên và Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, chiếm giữ thành Phiên An. Quan quân đánh mãi không phá được, đến năm Minh Mệnh thứ 16 mới dẹp yên. Đức Minh Mệnh truy trách là tại Duyệt nuôi lũ phản đảng để gây nên vạ. Các quan nội các đều dâng sớ kể tội Duyệt. Đình thần nghị xử kết án Duyệt đáng tội trăm 7 điều, tội giảo 2 điều. Sau xử án Duyệt phải truy đoạt quan tước, cuộc phẳng mộ địa, dựng bia để tám chữ: "Quyển yêm Lê Văn Duyệt thụ pháp xử" (Nơi tên hoạn quan Lê Văn Duyệt chịu tội). Con nuôi là Hán, Yên, Tế đều phải xử tử.

Mộ Duyệt ở Gia Định, từ đấy thường khi trời tối, đêm khuya, trong mộ hình như có tiếng quỷ khóc, hoặc tiếng người, tiếng ngựa ồn ào, nhân dân ở đấy không ai dám đến gần. Đến sau sai

---

1. Những người tù bỏ trốn.

2. Là thổ mục Cao Bình, mộ binh theo Duyệt vào Gia Định, làm Phó vệ úy.

3. Là những thú đinh ngoài Bắc, Duyệt mộ làm lính cơ ở Bắc Thuận.

quan địa phương bỏ cái bia dựng ngày trước đi, và cho con cháu được xây mộ lại, thì tiếng khóc ban đêm mới thôi.

## 14. CHUYỆN THƯỢNG CÔNG LÊ VĂN DUYỆT CHÉM LÃNH TẠO

Lãnh Tạo, người gốc ở huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ An, nghề văn nghiệp võ đều lầu thông, hiềm vì tánh tình nóng nảy phóng túng không chịu từng phục một ai, nhất là các quan của triều đình thì Lãnh Tạo ra mặt chống lại hẳn. Có một lần Lãnh Tạo bị bắt giam về tội phạm thượng, nửa đêm Tạo bẻ gãy gông xiềng, giết lính canh vượt ngục trốn đi. Sau đó, Lãnh Tạo chiêu tập được một số người lập thành đội ngũ, chiếm trọn Trùng Mây làm căn cứ, xưng hùng xưng bá một cõi. Quan quân địa phương không đủ sức triệt hạ Lãnh Tạo.

Lúc bấy giờ vua Minh Mạng đang trị vì, xuống chiếu cho Thượng công Lê Văn Duyệt ra làm Tổng trấn Nghệ An để đánh dẹp Lãnh Tạo. Gần có cả năm, Lãnh Tạo rất giỏi trốn tránh nên Thượng công Lê Văn Duyệt không làm gì được, đành phải ra yết thị ban thưởng cho ai bắt được Lãnh Tạo.

Lãnh Tạo chẳng hề nao núng, quyết một phen dọ tài đua trí với ngài Thượng công.

Một hôm Thượng công Lê Văn Duyệt đang ngồi tại phủ đường thì quân vào báo, có quan Thanh tra của triều đình phái đến để gặp ngài Thượng công. Bước ra nghênh tiếp, ngài Thượng công thấy một đoàn người mũ áo chỉnh tề, kéo cò "Phụng mạng Khâm sai" đã tiến vào phủ đường. Thượng công Lê Văn Duyệt liền mở cuộc tiếp kiến trọng hậu. Lúc ấy, vị quan Khâm sai mới nắm tay ngài Thượng công mà hỏi rằng:

- Từ ngày đảo nhậm tỉnh này, Thượng công có biết Lãnh Tạo là ai không?

Rồi vị Khâm sai, chẳng đợi ngài Thượng công trả lời, lấy tay chỉ vào ngực nói tiếp:

- Lãnh Tạo chính là tôi đây, tôi có vết son ở bên tai. Từ trước tới nay tôi có làm gì trái với phép vua luật nước đâu mà ngài ra lệnh bắt tôi? Bữa nay tôi giả làm Khâm sai triều đình để vào đây gặp ngài, vậy ngài hãy tính sao thì tính.

Ngài Thượng công ngó Lãnh Tạo rồi nói:

- Ta đến đảo nhậm xứ này, ai nghe oai danh đều tùng phục, chỉ có người không chịu tùng phục, kết bè kết đảng thì ta phải ra lệnh bắt người. Nhưng, nay nhà người đã có mặt thì ta cũng tha thứ cho. Vậy ta ban cho nhà người một trăm lượng vàng, một trăm lượng bạc, nhà người đừng chống lại quan quân nữa và hãy kết làm huynh đệ với ta, ta sẽ tâu với triều đình phong quan chức cho nhà người. Nhà người nghĩ sao?

Lãnh Tạo đáp:

- Vàng bạc thì tôi nhận, còn quan tước thì tôi không màng. Nay tôi có công đến đây, vậy ngài hãy cho một trăm tên đưa tôi về rừng là êm chuyện.

Thượng công Lê Văn Duyệt sợ có sự lôi thôi tại phủ đường, nên phải cho một trăm tên lính đưa Lãnh Tạo về Trông Mây. Từ đó tiếng tăm Lãnh Tạo càng lẫy lừng.

Thua trí Lãnh Tạo, Thượng công Lê Văn Duyệt lấy làm tức lắm, mới ngầm sai người đi tìm bắt mẹ và vợ của Lãnh Tạo. Đó rồi, ngài Thượng công truyền làm một cái chòi cao ba trăm thước để mẹ và vợ Lãnh Tạo ở trên đó rồi gửi thư cho Lãnh Tạo buộc phải về hàng, không thì mẹ và vợ bị xử chém.

Động lòng hiếu tử, xót nghĩa phu thê, Lãnh Tạo đành phải bỏ cuộc đời ngang dọc ở Trông Mây, đem thân về nạp cho Thượng công Lê Văn Duyệt để cho mẹ và vợ được thả ra.

Lúc về đến cửa thành, thấy mẹ và vợ bị nhốt trên lầu cao làm con tin, Lãnh Tạo không khỏi chạnh lòng mới làm ra một bài phú, ví mình là tay chộc trời khuấy nước, nhưng vì chữ hiếu, chữ nghĩa mà phải bỏ thân về hàng. Ngài Thượng công xem qua bài phú này, cho rằng Lãnh Tạo có óc ngạo mạn, lại

cầm gươm Lành Tào đã khi dễ mình lúc trước, nên thừa lúc Lành Tào vừa vào thành liền cho phục binh bắt trói lại đem ra chém đầu. Đoạn dâng sớ về triều kể tội Lành Tào kèm theo bài phú để làm bằng.

Vua Minh Mạng xem qua bài phú của Lành Tào, liền xuống lệnh khiển trách Thượng công Lê Văn Duyệt đã tự chuyên giết chết một người tài giỏi và phạt Thượng công phải mất bổng lộc trong một năm.

## 15. NGUYỄN VĂN THÀNH

Nguyễn Văn Thành diện mạo khôi ngô, tính thâm trầm, cương nghị. Chăm đọc sách giỏi võ nghệ. Tổ tiên trước ở Thừa Thiên, cha là Hiền dời vào ở Gia Định.

Đời vua Duệ Tông triều Nguyễn<sup>1</sup>, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc khởi binh cướp Bình Thuận. Hiền mộ quân hương dũng theo đi đánh giặc, khi ấy Thành cũng ứng mộ theo cha, đóng quân ở Cầu Giang. Tổng Phúc Hợp sai Hiền đem vài nghìn quân đi tải lương, Thành cũng theo đi. Lúc đang đi giữa đường, quân lính già nửa mắc đội thóc, không kịp phòng bị thì có quân giặc đổ ra đánh chen ngang đường. Hiền thấy quân giặc kéo ập đến, liền vẫy Thành lui tránh đi. Thành lên ra đằng sau trận, sai những quân đội thóc giờ sào lên làm giáo, treo áo lên làm cờ, vòng ra đằng trên Sa Đồng, vừa đánh trống vừa reo mà kéo lên. Giặc ngỡ là có viện binh kéo đến, phải tháo lui dần. Quan quân thừa cơ lại đánh được toàn thắng, Phúc Hợp khen Thành còn trẻ tuổi mà có trí khôn, thưởng cho 10 lạng bạc, và một cặp áo sa.

Đến sau, Hiền bị tử trận. Đức Duệ Tông cho Thành làm cai đội. Thành đi chiêu tập được 800 quân tráng dũng, theo Đỗ Thành Nhân thu phục được Sài Gòn.

---

1. Duệ Tông: tức Định Vương, Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777).

Năm Ất Ty, Thành theo đức Thế Tổ<sup>1</sup> sang Xiêm ở thành Vọng Các, lại giúp Xiêm đánh phá được Diên Điện, khi ấy vua Xiêm muốn giúp binh, đức Thế Tổ họp các tướng lại bàn. Thành tâu rằng: "Quân Xiêm tàn ngược, không nên nhờ họ giúp nữa; nếu nhờ binh lực của họ mà được thành sự, rồi tất có lo về sau. Không gì bằng hãy tĩnh để đợi thời".

Năm Đinh Mùi, Thành phụng mệnh đi đón Hà Hỉ Văn, bị bạt phong dạt vào Hà Tiên, tuyệt lương. Thành giả làm thuyền giặc đi tuần, vào cửa bể cướp lương. Khi về đến nơi hành tại ở cù lao Cổ Cốt, Thế Tổ biết chuyện cướp lương quở trách Thành, truyền tổng giam, sau cho từng chinh<sup>2</sup>. Khi quan quân thất lợi trận đánh ở Mỹ Tho, có kẻ xui Thành trốn về làng mà ở. Thành bảo rằng: "Vua, tôi nghĩa cả, dù sống, chết cũng phải giữ lấy; còn như sự thành, bại là tại trời, ta liệu trước sao được, vả lại nhân phải khiển trách mà đi, nhân lúc bại trận mà trốn, đó là kẻ tiểu nhân phản phúc, ta không thêm làm". Bèn cùng với lũ Hỉ Văn 17 người vượt bể đi theo đức Thế Tổ. Một hôm gặp bão to gây cả cột buồm, gió lốc vào cửa Bản Phố. Thành chạy vào trong làng, mượn được thuyền, nhờ được lương, lại vượt bể vào Long Xuyên, sau nghe tin đức Thế Tổ đóng ở Ba Lai, bèn theo đến nơi xin chiêu tập quân nghĩa dưng để đánh giặc.

Năm Quý Sửu, đức Thế Tổ ra thân chinh Quy Nhơn cho Thành làm Khâm sai Bình Sơn Tiền tướng quân đem bộ binh đi trước, đến đâu giặc đều tan vỡ cả. Khi ấy nghe tin Thái úy giặc là Nguyễn Văn Hưng đem quân tụ Phú Xuân vào cứu viện Quy Nhơn, Thành bèn đem quân đến Thạch Tân án ngữ, năm trận đánh, quân giặc đều phải lui cả. Thành lại cho quân theo đường bộ kéo đến đóng ở Phú An. Bấy giờ ai cũng sợ rằng quân giặc đuổi theo. Thành nói rằng: "Trong Quy Nhơn, ngoài Thuận Hóa, đâu là thân thích, mà thực là cừu thù, chẳng qua mượn tiếng

---

1. Thế Tổ: tức Nguyễn Phúc Ánh, Gia Long (1802-1820).

2. Theo đi đánh giặc.

vào cứu viện, mà kỳ thực là định nuốt nhau. Nhạc còn tự cứu không song nữa là đi đuổi theo người".

Sau Nhạc quả nhiên phải lũ Hưng bức tử, lời Thành quả không sai.

Năm Đinh Ty, Thành phụng mệnh trấn thủ Diên Khánh, khi ấy có bọn giặc khách Tàu ô thường làm trở ngại ngoài bể. Thành dùng mưu mẹo bắt được, đường bể mới yên.

Năm Kỷ Mùi, Võ Tánh trấn thủ Quy Nhơn, bị quân giặc vây. Thành phụng mệnh điều khiển các đạo bộ binh ra cứu viện, phá tan các đồn giặc. Quân giặc phải lui giữ Chủ Sơn, Thành đánh mãi không vỡ, sau Thành dò được con đường tây nam, có thể đánh tập hậu được, bèn vẽ hình thế dâng biểu xin thêm quân.

Đức Thế Tổ sai Tống Viết Phúc, Lê Văn Duyệt đem thêm quân đến Thị Dã, đều theo tiết chế Thành. Thành bèn lưu Duyệt đóng quân án ngữ ở Thị Dã, mà Thành thì đem quân qua núi Bột Khê, hơn hai trăm dặm đường, cứ dần cơn mưa mà đi, vòng qua Đãng Trại đến sau lưng đồn giặc phóng hoả đốt trại. Mặt trước Lê Văn Duyệt thừa thắng đánh ập vào. Quân giặc tan chạy.

Trận này, Thành và Duyệt cùng làm đại tướng, cuồi voi cầm cờ, trở bảo các tướng. Thành tính hay rượu, lúc sắp vào trận, cầm hồ rót uống, lại rót một chén đưa cho Duyệt, bảo rằng: "Uống chén này lại càng hăng hái thêm lên". Duyệt cười mà rằng: "Có nhát thì mới phải mượn rượu, chớ như trong mắt tôi chẳng cho giặc vào đâu, cần gì phải mượn rượu". Thành có ý thẹn, bởi thế căm giận Duyệt.

Khi ấy, Thế Tổ sắp khởi trận hoả công ở cửa bể Thị Nại, bèn mật báo Thành đem bộ binh đánh chặn giặc, để cho quân giặc mãi chống giữ, thì mặt quân thủy đánh xông vào. Võ Văn Dũng phải bỏ thủy đồn mà chạy.

Khi Thế Tổ đem quân ra đánh Phú Xuân, lưu Thành đóng quân ở Vân Sơn, để chống nhau với giặc. Lại sai đem ấn sắc đến nơi quân thứ phong cho Thành tước Quận công.

Thành cùng Duyệt hội quân hai mặt đánh thành Bình Định. Diệu, Dũng hết lương ăn, đương đêm bỏ thành lên qua đường rừng trốn chạy. Thành chiêu hàng dư đảng được 3000 người, phụng mệnh ở lại trấn thủ.

Thành đọc sách vở thông thái, am hiểu chính thể, trong hàng chư tướng đức Thế Tổ trọng Thành hơn cả, không cử việc lớn, việc nhỏ, thường hỏi đến Thành để quyết định.

Tháng bảy năm Nhâm Tuất đức Thế Tổ định xong Bắc thành, triệu Thành cho làm Tổng trấn, cả thầy 11 trấn đều thuộc về cả.

Năm Gia Long thứ bảy, Bắc thành bốn trấn nổi giặc, giả danh tôn Lê. Thành làm khúc hát "Điểm mê" để hiểu dụ. Dân gian có người làm khúc "Tổ khuất" đồ tội quan lại những nhiều, cho nên nổi giặc. Thành sức các địa phương quan đi hiểu dụ khắp mọi nơi, và sai các tướng tiến tiêu, đều dẹp yên cả.

Năm thứ mười Thành phụng mệnh sung chúc Tổng tài sửa lại luật lệ định thành 20 quyển, 398 điều, tâu xin in cả để thi hành.

Năm thứ mười ba, gặp tang đức Thừa thiên hoàng hậu (sinh ra ông hoàng tử Cảnh), đức Thế Tổ muốn để ông hoàng tử đệ tứ (đức Minh Mệnh) làm thừa tự, vào chủ tế. Thành ngại rằng làm văn tế khó xưng hô, đức Thế Tổ bảo rằng: "Con phụng mệnh cha, để mà tế mẹ danh chính ngôn thuận, can gì mà không nên". Nhưng Thành vẫn có ý bất mãn. Sau đó khi đương buổi triều, đức Thế Tổ hỏi Thành rằng: "Nay hoàng tôn Đán (con ông hoàng tử Cảnh) còn nhỏ, trong hàng các con, nên lập ai là phải?" Thành thưa rằng: "Đích tôn thừa trọng mới là chính lễ. Nay bệ hạ muốn chọn người khác, biết con chẳng ai bằng cha, chúng tôi không dám dự đến việc đó".

Từ đấy Thành vào triều kiến, thường tâu xin lập ngôi trư  
nhị<sup>1</sup>, đức Thế Tổ nín lặng Thành lại càng nghi sợ.

---

1. Là ngôi Thái tử.

Con Thành là Thuyên đỗ cử nhân khoa Quý Dậu, hay làm văn thơ, giao thông tân khách, nghe thấy Nguyễn Văn Khuê, Nguyễn Đức Nhuận là người Thanh Hoá, hay chữ có tiếng, mới làm một bài thơ sai tên môn hạ Nguyễn Trương Hiệu cầm ra mời vào chơi. Hiệu đem bài thơ ấy đưa cho Hình bộ Thiêm sự Nguyễn Hựu Nghi. Nghi vốn oán Thành, xui Hiệu cầm bài thơ ấy mách Lê Văn Duyệt. Duyệt với Thành hai người vốn không hòa nhau, mới cầm bài thơ vào triều mật tâu: "Thuyên làm thơ có ý bội nghịch<sup>1</sup>". Đức Thế Tổ cũng không hỏi chi. Sau Hiệu cứ giữ bài thơ ấy làm chứng, đón Thành đi châu về, nắm áo đòi tiền hối lộ. Thành bất đắc dĩ phải bắt Hiệu và Thuyên tống ngục, liền vào chầu tâu vua, đức Thế Tổ cho là chứng cứ chưa rõ, tha tội cho Thuyên, mà Thành vẫn tại chức như cũ.

Sau có kẻ hạch Thành bất pháp<sup>2</sup>, Lễ bộ bác Thành không được dự tế Nam giao. Đức Thế Tổ lại sai Lê Văn Duyệt xét lại án người Thuyên. Thuyên phải thú phục. Thành sợ hãi xin chịu tội. Quan thần đều xin đem Thành tống ngục, đức Thế Tổ nói rằng: "Thành dầu có tội, nhưng cứ lẽ dãi kẻ đại thần, phải nên xử một cách riêng". Bèn sai thu cả ấn sắc của Thành, cho về ở nhà. Quan thần lại tâu: "Cha con Thành cứ phép nên xử tử". Gặp khi ấy ngoài Bắc thành kết án Lê Duy Hoán mưu phản, đệ vào kinh để Hình bộ xét lại. Duy Hoán lại chiêu xưng là tự Thuyên xui làm phản. Đình thần xin bắt Thành và cả các con giam ở nhà Trại trung quân xá. Các đình thần họp lại tra hỏi Thành có làm phản không? Thành thưa rằng: "Không". Khi Thành trở ra, bảo quan Thống chế Hoàng Công Lý rằng: "Thế là thành án rồi, vua bắt tội chết, tôi không chết, không phải là trung thần". Rồi liền uống thuốc độc mà chết, thọ 60 tuổi. Khi ấy có tên lính thư lại nhặt được tờ biểu trần tình của Thành để

---

1. Trong bài thơ có câu kết: "Thử hỏi nhược đắc sơn trung tế, tá ngã kinh luân chuyển hóa ky". Nghĩa là: Hối này nếu được tế tướng trong núi giúp ta thì hẳn là kinh luân chuyển động cơ trời.

2. Không theo phép tắc.

lại, Hoàng Công Lý đem dâng lên, trong tờ biểu có câu rằng: "Sớm rèn tối luyện, kết thành tội cực ác cho cha con tôi, không còn kêu oan vào đâu được nữa, chỉ có chết mà thôi". Đức Thế Tổ xem tờ biểu, thương tình sa hai hàng lụy, rồi phán Lễ bộ xuất tiền kho làm ma tử tế.

Thành có tài lược kiêm cả văn, võ, lâm trận dùng binh, định mưu trước rồi mới đánh, cho nên ít khi thua, huân lao rất to. Còn như mưu mô việc miếu đường<sup>1</sup>, Thành điều trần được nhiều việc, đều thứ đệ<sup>2</sup> thi hành cả, thực là có mưu xa kinh lý việc nước.

Năm Minh Mệnh thứ mười bốn, nghịch Khôi khởi loạn ở thành Phiên An, vì có tên Hàm (con Thành) từng ngụ<sup>3</sup>, xuống chiếu bắt cả lũ con Thành giết sạch. Đến năm Tự Đức mới lại được truy phục chức tước.

## 16. LÊ VĂN KHÔI

Ngày xưa vào triều Minh Mạng, có một chàng trai nhà nghèo nhưng có sức khỏe tuyệt trần. Anh chàng thường chống đồ ngang ở bến đò Thiên Tả kiếm ăn. Lúc mới sinh anh có ba cái nốt đỏ ở bụng, ai nấy đều bảo là tướng rất quý. Tiếng đồn thối mỗi ngày một rộng. Quan trên nghe tin, cho là tướng nghịch, toan bắt nộp triều đình để lấy thưởng. Biết được tin ấy, anh bỏ lên miền núi rừng tỉnh Cao Bằng. Từ đây, anh kêu gọi các hào kiệt nhóm họp lại, làm giặc chống lại triều đình. Trong số đồ đảng của anh có Nguyễn Hựu Khôi, một chàng trẻ tuổi, nhưng sức khỏe và gan dạ thì được mọi người trầm trồ khen ngợi.

Dần dần thế lực của họ rất mạnh. Họ chiếm được tỉnh Cao Bằng, rồi đánh lan ra các nơi. Quân đi đến đâu các tỉnh hàng

---

1. Việc nước.  
2. Tuần tự.  
3. Theo về phe địch.

phục đến đấy. Nhà vua lo sợ, sai Lê Văn Duyệt cầm quân đi đánh, nhưng quân của họ chiến đấu rất dũng cảm, mấy lần đánh lùi những đạo binh đông đảo của triều đình. Chẳng mấy chốc họ tiến sát Bắc thành. Quân triều đình rút vào cố thủ. Bấy giờ vào tiết tháng Bảy, nước sông lên to. Thấy thế nguy khốn, Lê Văn Duyệt vô cùng lo lắng. Hắn bèn biện lễ vật cầu thần giúp đỡ. Thần báo mộng cho biết: tối hôm sau sẽ thấy nơi nào có ngọn lửa xanh thì dồn toàn lực đánh ập vào chỗ đó, thần sẽ "âm phù" cho được thắng lợi. Được lời thần, Lê Văn Duyệt ra lệnh cho các đạo quân sẵn sàng. Vào lúc nửa đêm, bỗng nhiên có một tiếng sét vang, một ngọn lửa xanh xuất hiện ở chỗ quân giặc đang đóng. Quân sĩ triều đình biết là có thần giúp, lăn xả vào chỗ có ngọn lửa. Quả nhiên, họ phá tan được giặc, bắt sống được hàng trăm người trong đó có anh lái dò Thiên Tả và Nguyễn Hựu Khôi.

Khi đưa hàng trăm tội nhân ra pháp trường xử trảm, Lê Văn Duyệt liếc thấy một tù binh đáng người vạm vỡ khỏe mạnh, tướng mạo khôi ngô, thì đem lòng thương hại, mới gọi đến hỏi: - "Người tên gì?" - "Nguyễn Hựu Khôi" - người ấy đáp. - "Người có tài nghề gì không?" - "Lên rừng trới hổ, xuống sông bắt sấu, làm gì cũng được?".

Lê Văn Duyệt bèn bảo lãnh cho chàng để được "đãi tội lập công" rồi đưa vào Nam Kỳ.

Chẳng mấy chốc Nguyễn Hựu Khôi đã chiếm được lòng tin của Lê Văn Duyệt. Bất cứ công việc gì khó khăn nặng nhọc chàng đều làm cho chủ vui lòng. Sức khỏe và lòng gan dạ của chàng đã làm mọi người khiếp phục. Những tay đồ vật cũng như những nhà cộn quyền đều coi chàng là bậc đàn anh. Bao nhiêu công việc hàng voi phục hổ, chàng chẳng coi ra mùi mè gì.

Một hôm có sứ thần nước Xiêm đến Gia Định. Để sứ thần biết oai thượng quốc, Lê Văn Duyệt sai Khôi cải trang làm lính, trà trộn trong đám quân sĩ đợi lệnh ra trở tài cho sứ thần xem. Ở Gia Định hồi ấy, người ta có nuôi hổ trong những cái chuồng đặt trong các "khại" rào kín xung quanh. Lê Văn Duyệt truyền

mở hội đấu hổ cho mọi người tới xem rồi mời sứ thần Xiêm và các quan chức cùng mình lên ngồi trên vọng đài.

Dứt tiếng trống, Duyệt truyền lệnh bắt đầu cuộc đấu. Khôi mình trần trụi, một tay cầm côn sắt, một tay cầm đuôi lợn sống tiến lại chuồng hổ mở cửa cho nó ra. Không ngờ gặp phải con hổ quá dữ, vừa ra khỏi chuồng là chồm ngay lên mình Khôi. Chàng sợ nguy đến tính mạng, đành cho nó một côn, hổ ngã lăn ra tắt thở.

Trong khi sứ thần và mọi người đều vừa run vừa phục tãi Khôi thì Duyệt làm bộ nổi giận lấy cớ tại sao lại tự tiện giết mất hổ quý, liền rút lệnh tiễn truyền quân đao phủ dẫn Khôi ra chém. Khôi sụp lạy xin tha tội để cho mình đi bắt trối con khác. Thế rồi chàng lại cầm đuôi lợn vào "khại" mở cửa một chuồng hổ khác. Giữa những tiếng trống, tiếng reo dậy đất, chàng cùng hổ quần nhau giờ lâu. Cuối cùng một miếng đá của chàng làm cho hổ lăn ra ngã ngửa. Sẵn dây ở khố, chàng lấy ra trối lại, vác đưa đến trước đài phục mệnh. Trên vọng đài Lê Văn Duyệt hài lòng, sứ thần Xiêm vô cùng thần phục<sup>1</sup>.

Lê Văn Duyệt từ chỗ trọng tài đến chỗ tin yêu, nhận chàng làm con nuôi. Về phần Lê Văn Khôi - tên họ mới của người tù - cũng cảm ơn tri ngộ của chủ. Từ ngày trở thành người thân của quan Tổng trấn, chàng muốn gì có nấy. Cởi áo tù bình khoác áo võ quan, dần dần từ Phó vệ lên Chánh vệ: bước đường công danh tiến nhanh vun vút. Nhưng không bao giờ Khôi quên những bạn nằm gai nếm mật đã rơi đầu dưới lưỡi dao của đao phủ. Được Lê Văn Duyệt che chở, vây cánh của Khôi mỗi ngày một đông. Nhưng giữa lúc đang thuận buồm xuôi gió thì không may Lê Văn Duyệt chết.

Lại nói chuyện, trước kia vua Minh Mạng vốn có ty hiềm với Lê Văn Duyệt. Gia Long trước khi nhắm mắt có ý định bỏ trưởng lập thứ, nên cho đòi các quan đại thần về kinh để hỏi ý

---

1. Đoạn này theo Nguyễn Bình: *Truyện cổ tích Việt Nam*.

kiến. Riêng Lê Văn Duyệt tỏ ý bênh cho dòng đích. Nghe được tin này, Minh Mạng xiết bao căm tức. Từ khi lên làm vua, ông muốn ăn gan uống máu Lê Văn Duyệt cho hả giận. Nhưng hồi đó trong tay Lê Văn Duyệt còn nắm binh quyền, nên Minh Mạng đành vuốt giận làm lành. Cho đến ngày Duyệt chết, Minh Mạng mới bãi bỏ chức tổng trấn, giải tán Nam thành; thành Phiên An bây giờ chỉ là thủ phủ của Gia Định, còn sáu tỉnh Nam Kỳ trực thuộc triều đình. Minh Mạng lại cử bố vợ của mình là Bạch Xuân Nguyên làm bố chính Gia Định, dọn cố kiếm lỗi của Duyệt lúc sống để trị tội cho thỏa lòng căm tức bấy lâu.

Lại nói chuyện quốc trưởng Bạch Xuân Nguyên vốn là một tên hung ác. Bước chân tới Gia Định, hấn ra sức bồi long tìm vết để khếp Lê Văn Duyệt vào tội lộng hành. Hấn đã giết mất mấy người thân tín của Duyệt. Những người còn lại, hấn sai giam giữ để tra khảo. Về phần Lê Văn Khôi thì chàng hết sức đau xót cho chủ, hơn nữa lại nhìn thấy vây cánh của mình đã bị tĩa dần tĩa mòn, mưu đồ báo phục có cơ vỡ lở nay mai. Vì vậy ngọn lửa hận càng bùng bùng bốc lên.

Đã đến lúc chàng và phó vệ Hùng, bạn chàng được Bạch Xuân Nguyên gọi vào dinh. Biết hai người này vốn được Lê Văn Duyệt tin cậy, Bạch Xuân Nguyên hỏi ngay:

- Vậy chớ hai thầy ở với Lê Văn Duyệt lâu năm, hai thầy có biết va làm chuyện chi "bất pháp" hãy nói cho ta hay thử?

Không nhìn được, Lê Văn Khôi lập tức mắng ngay:

- Anh là kẻ hậu sinh mà dám khinh mạn một bậc lão tướng công thần. Nếu như thượng công còn sống thì anh làm một tên lính hầu trà của ngài cũng không đáng. Nay ngài mới thất lộc mà anh dám kêu tên ngài ra nói xách mé như vậy. Coi chừng kéo chúng tôi lấy đầu đi đó!

Nghe thấy lời nhục mạ mình như sét đánh bên tai, Bạch Xuân Nguyên giận tràn hông, vội thét lính bắt giam Khôi lại để

trị tội. Nhưng Khôi không để bị giam lâu. Đêm hôm ấy, chàng đã tìm được cách vượt ngục. Lập tức, chàng kêu gọi quân sĩ của mình đột nhập vào các dinh thất bắt bọn quan tỉnh giam lại. Riêng Bạch Xuân Nguyên bị họ tẩm dầu làm bó đuốc sống đốt trước mồ Lê Văn Duyệt.

Tuy mọi việc chưa sẵn sàng, nhưng đã lỡ cười lên lưng hổ, Lê Văn Khôi đành liều cùng các bạn kêu gọi mọi người kéo cờ khởi nghĩa. Chỉ trong một tháng họ lấy được cả Nam Kỳ. Minh Mạng cả sợ sai tướng đem đại quân vào đánh. Quân của Khôi ít, lại bị dần mỏng nên sau mấy trận quyết chiến giữ không nổi, cuối cùng phải rút vào thành Phiên An cố thủ. Minh Mạng hăm hở ra lệnh vây thành. Nhưng tuy bị vây, thành vẫn trơ gan đứng vững. Minh Mạng càng nóng lòng nóng ruột muốn hạ mau mau, song dù quân đông tướng giỏi súng nhiều, thành vẫn không làm sao hạ nổi. Việc đó làm cho nhà vua hết sức bức bối.

Một hôm, Minh Mạng giả làm dân thường đi dạo chơi ở cánh đồng phía Tây kinh thành. Vua thấy có một bầy trẻ chăn trâu đang chơi trò xây thành bày trận. Tò mò, ông dừng lại xem. Toán trẻ trong thành hết sức cố thủ, toán trẻ ngoài thành đánh mãi không được bèn nghĩ ra kế chất rơm lên xe đốt lửa đẩy vào, nhờ đó cuối cùng thành bị hạ. Lập tức, Minh Mạng sai các tướng học theo kế hỏa công của bọn trẻ mà làm, và nhờ đó ông hạ được thành Phiên An.

## 17. BA VÀNH

Ngày xưa, ở làng Minh Giám có một chàng trai nổi tiếng khỏe mạnh. Lúc mới sinh có nhiều tướng lạ: tay dài quá gối, răng liền một hàng, trên trán có ba đường chỉ ngang. Vì thế lớn lên, người ta quen gọi chàng là Ba Vành. Còn một điều đặc biệt nữa là ở mỗi bên chân có một chòm lông xoắn. Hai chòm lông này có phép rất màu nhiệm. Hễ lúc nào nắm lấy chòm lông mà vuốt thì thân thể tự nhiên nhẹ nhõm, có thể nhảy một

phốc vọt qua nóc nhà, hay từ trên cây cao buông người rơi xuống đất mà không việc gì. Tuy có tướng lạ, Ba Vành vẫn giấu không cho ai biết.

Nhà nghèo, Ba Vành phải đi ở chăn trâu độ thân. Chàng thường chơi với bọn trẻ chăn trâu trong làng. Một hôm, cả bọn rủ nhau bày trò chia phe đánh trận. Phe Ba Vành sau một lúc chiến đấu, bị thua phải bỏ chạy; những đứa trẻ thuộc phe bên kia đuổi theo. Khi sắp tới một khe sâu, bị đuổi kịp quá, Ba Vành liền dừng lại vượt hai chòm lông rồi làm một nhảy vượt sang tận bờ bên kia. Cả đám trẻ thấy vậy trở mắt đứng nhìn và kêu lên: - "Kìa, trông thằng Vành có phép phi thân!". Từ đó chúng thần phục Ba Vành, tôn chàng làm vua, gọi là vua Ba Vành.

Một hôm, Ba Vành để trâu ăn lúa của một mụ nhà giàu trong vùng. Mụ này nổi tiếng ngoa ngoắt, đã từng được người ta gọi là Chua Lững. Nghe tin báo, mụ chạy ra rêu tên Ba Vành mà chửi âm ỉ. Không nhịn được chàng liền ra lệnh cho bọn trẻ bắt lấy mụ đưa vào bãi lau gần đấy để trị tội. Ba Vành lấy rao rạch mồm, và bảo: - "Muốn chửi, ta mở rộng mồm mà chửi cho sướng?". Đoạn anh giết con trâu mình đang chăn cho bọn trẻ ăn khao. Việc làm của Ba Vành bị bọn nhà giàu và bọn hào cường thù ghét. Chúng cho người truy lùng anh. Ba Vành trốn trên một lùm cây. Bọn chúng rình mò vây bọc trong mấy ngày trời. Nhưng khi chúng xông vào thì Ba Vành đã kịp thời vượt lông xoắn làm một phốc vọt qua ngọn tre. Cả bọn kinh hãi bỏ dở cuộc vây bắt.

Từ đó, Ba Vành làm giặc chống lại triều đình. Nghe tin Ba Vành có võ nghệ phi thường, người ta theo về rất đông. Họ vẫn gọi tên chàng là vua Ba Vành. Quân của chàng đánh đâu thắng đấy. Nhờ hai chòm lông, Ba Vành xuất quỷ nhập thần. Có những lúc chàng nhẹ nhàng nhảy vào doanh trại diệt sạch những tên chỉ huy. Rồi lại nhẹ nhàng nhảy ra, sau đó đưa quân tiến đánh. Bọn lính địch mất tướng như rấn mất đầu, chỉ còn biết vát chân lên cổ mà chạy.

Về sau, nhà vua sai Nguyễn Công Trứ làm tướng cầm mấy đạo quân triều đình đi đánh Ba Vành. Nhưng quan quân tuy đông, cũng không làm sao thu được thắng lợi. Dù bị vây bọc như thế nào, Ba Vành cũng phi thân nhảy ra được; việc đó làm cho quân triều đình hết sức ngỡ ngác và khiếp đảm, tiếng đồn làm họ ngày một ngã lòng. Thấy kẻ địch có phép xuất quỷ nhập thần, Nguyễn Công Trứ cũng e ngại. Ông cho tra hỏi dân chúng các làng xem phép thuật của Vành ra làm sao, nhưng chẳng một ai biết mà trả lời. Nguyễn Công Trứ lại càng lo lắng.

Dò la mãi không được, Nguyễn Công Trứ bèn lập một mẹo mới. Ông ra lệnh cho quân sĩ làm bộ rút lui, và cho phép các cơ đội đón phùng chèo về mở cuộc vui trong mười đêm. Quả nhiên, mẹo của ông có kết quả tốt.

Quân lính của Ba Vành có nhiều người say mê hát chèo đến nỗi phải cải trang làm dân thường lén đến doanh trại triều đình, trà trộn trong đám dân làng xem hát. Nguyễn Công Trứ rình bắt được một số đem về tra hỏi, thì trong đó có hai người thân tín của Ba Vành. Ông chỉ cật vấn họ về những điều bí mật xung quanh phép lạ của Ba Vành. Hai người lúc đầu nhất định không chịu nói.

Nhưng vị tướng của triều đình rất khôn ngoan, không hề dùng đến kim kẹp mà vẫn cho tiếp đãi hai người rất hậu. Họ muốn gì có nấy. Quả nhiên, về sau hai người đành chịu khai ra hai chòm lông xoắn rất mâu nhiệm của chủ tướng. Nghe đoạn, Nguyễn Công Trứ liền lấn thêm một bước, dỗ dành hai người trở về tìm cách cắt cho được hai chòm lông của Ba Vành, để không những "đãi tội lập công" mà còn mong ban thưởng quan cao lộc hậu.

Hai người vâng lời trở về. Gặp lại chủ tướng, họ nói dối là mình bị bắt nhưng nhờ mưu trí nên trốn thoát được. Ba Vành không ngờ họ đã trở thành những tên phản bội, vẫn đối đãi thân cận như xưa. Một hôm đến phiên hai người túc trực cho chủ tướng nằm ngủ, họ lén dùng kéo cắt phăng hai chòm lông ở

chân Ba Vành, rồi mật báo cho Nguyễn Công Trứ biết. Được tin, Nguyễn Công Trứ vội thúc quân tiến đánh, vòng vây mỗi ngày một xiết chặt. Ở trong đồn lũy, bộ hạ của Ba Vành khuyên chàng sớm trốn ra. Nhưng tin vào hai chòm lông mày nhiệm của mình Ba Vành vẫn cười ha hả bảo rằng:

- Cho các người lọt ra ngoài trước đi, còn ta, ta chờ chúng đến sẽ nhảy ra cũng chưa muộn.

Không ngờ đến lúc quân triều đình đã lọt vào tận cửa buồng, Ba Vành mới mò đến hai chòm lông thì ôi thôi, chúng đã bị cắt gọn từ lúc nào rồi. Không còn có cách gì trốn tránh được nữa, ông đành giơ tay chịu trời.

## 18. VỢ BA CAI VÀNG

Ngày xưa ở tổng Hoàng Vân có một viên cai tổng, người ta thường gọi là Cai Vàng. Thuở trẻ ông ta bắt được một viên ngọc kỳ dị, đeo vào người có phép làm cho những mũi tên hòn đạn sắp đụng vào da thịt phải rẽ đi lối khác. Ông rất mừng rỡ, từ đó đeo vào người không bao giờ rời.

Trong thời kỳ làm cai tổng, có lần Cai Vàng tiêu mất tiền thuế, bị quan tỉnh bắt giam ở ngục, tra tấn rất khổ sở. Lúc quân canh giải qua một khu rừng, Cai Vàng nhân lúc mọi người sơ hở, bẻ gông bỏ chạy. Bọn lính áp giải vừa đuổi vừa bắn, nhưng nhờ có phép mầu của viên ngọc, ông trốn thoát vô sự. Từ đấy Cai Vàng chiêu tập đồ đảng, sắm sửa khí giới chống lại triều đình, tự xưng là Thượng công.

Cai Vàng có ba người vợ, đáng chú ý là người vợ thứ ba, mới hai mươi tuổi mà võ nghệ tuyệt trần. Trước ngày mưu đồ việc lớn, ông cho gọi cả ba vợ đến họp với mình để dò tình ý. Ông hỏi:

- Tôi nay không khác gì cưỡi trên lưng hổ, sớm muộn bọn chúng cũng chẳng để yên cho nào. Vậy tôi muốn một phen chọc trời khuấy nước, diệt cho hết lũ tham tàn để vẫy vùng riêng một cõi Ba nàng nghĩ sao?

Người vợ cả thưa rằng:

- Châu cháu chống xe làm sao được? Chàng đừng nghĩ đại dột? Cái vạ diệt tộc hãy còn rình sau lưng đấy. Mong chàng nghĩ lại thôi. Nếu chàng dấy quân, thiếp đành xin trở về nuôi mẹ. Một mai nhờ có việc gì, thiếp xin phụng dưỡng mẹ già thay chàng.

Người vợ thứ hai cũng tiếp luôn:

*Chàng ơi! Nghe thiếp đừng đi,  
Cửa nhà cơ nghiệp thiếu gì ăn chơi!*

Nhưng nghe hai người đàn bà ấy một mực "bàn ra", người vợ thứ ba không nhịn được, tức giận hầm hầm quát to lên rằng:

- Hai chị không biết lúc này là lúc nào ư? Chim không bay được, cây không mọc lên chỉ vì bọn chúng. Hiện nay bốn phương nhao nhác còn chờ Thượng công. Những lời yếu đuối của hai chị nên mang về xó bếp. Thiếp tôi nhất thua nhì được, quyết xin theo chàng đến cùng, diệt phường Kiệt Trụ, gây dựng cơ đồ. Người nào thương mẹ nhớ cha cứ cho về!

Nói rồi cưỡi ngựa thét loa ra bãi tập với các quân sĩ. Thấy ý vợ ba cương quyết nên Cai Vàng không trừ trừ nữa, nhất định tể cờ khởi nghĩa. Chẳng bao lâu mọi nơi hưởng ứng, người ngựa chật đất. Bộ hạ của ông sức khỏe như hùm sói, võ nghệ rất cao cường. Có những người như Lý Hạnh tự xưng là nguyên soái, Lý Chuột tự xưng là quận công, Tuấn Cận làm tiền quân v.v... Vợ ba Cai Vàng trỗi lên giữa đám tướng sĩ đó. Trong trận đánh chiếm phủ Lạng Giang, nàng hai tay cầm hai thanh gươm ngồi trên mình ngựa xông ra giữa hàng trận, quan quân chỉ còn biết rẽ ra mà chạy. Lấy được phủ Lạng, nàng giao thành lại cho chồng, rồi tự cầm quân tiên phong tiến đánh huyện Văn Giang.

Nghe tin Cai Vàng nổi loạn, bọn quan tỉnh đồn tất cả quân sĩ đến vây phủ Lạng, hồng cướp lại. Bấy giờ vợ ba Cai Vàng đang vây huyện ly Văn Giang, nghe quân cấp báo, liền nói: "Thằng nào dám cả gan như vậy? Ta chỉ vén váy diệt một trận thì e chúng mày chạy bằng bay cũng không thoát!". Lập tức,

nàng kéo quân trở về kịch chiến với quan quân. Bọn quan tỉnh địch không nổi, bị đánh tơi bời. Thấy khó đương với giặc, bọn chúng liền làm biểu tâu vua. Vua sai mấy viên đại tướng điều quân sĩ mấy tỉnh khác về, bắt họ diệt cho được Cai Vàng.

Hai bên cầm cự luôn mấy tháng. Mỗi lần giáp chiến, Cai Vàng xông lên trước, tên đạn bên quân triều đình trút vào người ông như mưa, nhưng chẳng ăn thua gì. Thấy thế, bọn chúng khiếp đảm, cho là ông có trời giúp, ai nấy ngã lòng, quân đảo ngũ ngày một nhiều.

Về sau, có một người thủ hạ thân tín của Cai Vàng phạm tội, hấn sợ chủ giết, nhân đêm tối lén sang đầu hàng quân triều đình. Hấn mách:

- Thấy tôi có ngọc đeo vào người, những thứ đạn gang bắn vào thì chẳng khác gì chạm vào vách sắt. Chỉ còn cách lấy vàng đúc đạn mà bắn, hạp có trúng chẳng.

Bọn chúng nghe nói, lập tức đúc một số đạn bằng vàng giao cho những tên bắn giỏi, dặn chỉ gặp Cai Vàng mới nhất loạt nổ súng. Ngày hôm sau chúng đem quân khiêu chiến. Nguyên soái Lý Hạnh đem quân chống cự, nhưng chúng nhất thiết chỉ rêu tên Cai Vàng từ sáng đến trưa không nghỉ. Thấy thế, Cai Vàng nổi giận ruổi ngựa tiến ra. Quả nhiên đạn vàng đã làm cho viên ngọc kỵ đạn mất hết màu nhiệm. Đạn xuyên vào đầu ông và làm đứt mất một tai bên phải. Ông chỉ còn ôm đầu phi ngựa trở về phủ thành. Người vợ ba và bọn thủ hạ xúm lại chữa chạy, nhưng vết thương nặng quá, không thể cứu nổi.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Cai Vàng chỉ còn troi lại với vợ được mấy câu: - "Nàng ôi? Trời hại ta nửa đường đứt gánh... Ta giao phó tất cả quân sĩ cho nàng... Nàng gắng sức trả thù cho ta!"

Thấy chồng chết, vợ ba Cai Vàng căm uất vô hạn. Một mặt, nàng bắt mọi người giữ kín tin chồng chết và cho quân bí mật đem xác chồng vượt vòng vây đưa về chôn ở quê hương. Còn mình thì tự điều khiển thủ hạ chống cự quân triều. Nàng chọn

ba trăm người quyết tử theo mình ra trận. Hôm ấy viên thống lĩnh, người đã chỉ huy quân đội bắn đạn vàng, ra ứng chiến. Nàng chống đỡ mấy hiệp rồi giả cách thua chạy. Thống lĩnh ta đang quáng quàng về thắng lợi, mừng quỳnh vội thúc ngựa đuổi theo rất gấp. Không ngờ thấp cơ thua trí đàn bà, hấn bị nàng dùng chước đà đao, thỉnh linh quay lại bắt sống được. Lập tức nàng cắt nách đưa về thành, sai bỏ cũi giải về quê hương, đốt làm nến tế ma cho chồng.

Từ đó, tướng sĩ lại càng hồ hởi. Trong một trận giao phong khác, vợ ba Cai Vàng lại bắt sống được một viên Hồng lô. Thấy tướng địch một người trẻ tuổi đẹp trai, nàng không nỡ giết, sai giam hãm lại, cho ăn uống tử tế. Quân lính của nàng còn thắng mấy trận nữa, nhưng lúc bấy giờ quân triều đình biết tin Cai Vàng đã chết, nên lại cố sức vây đánh. Cuối cùng quân của nàng phải bỏ thủ thành tản về các nẻo. Biết cơ khó duy trì được lâu dài, một hôm vợ ba Cai Vàng hội các tướng sĩ lại, bảo họ:

- Nay Thượng công đã mất, chúng ta chưa gặp thời. Vậy cho mọi người ai nấy về nhà làm ăn, đời dịp tốt khác sẽ hay.

Các tướng sĩ đành gạt nước mắt chia tay. Nàng cho người giải viên Hồng lô trả lại triều đình với điều kiện để cho quân mình được tự giải tán, không truy nã.

Đoạn nàng sai đem tất cả của cải phân phát cho mọi người rồi bỏ đi, không biết là đi đâu.

## 19. THẮNG LÍA

Ngày xưa, ở huyện Phù Ly, tỉnh Bình Định có vợ chồng người làm vườn nghèo khổ, sanh đặt một đứa con trai đặt tên là Lía. Cha qua đời, Lía còn nhỏ tuổi chịu cảnh mồ côi cha. Thường ngày Lía theo mẹ bắt ốc hái rau để sống. Lúc lên mười tuổi, mẹ Lía đem Lía dợ cho một người nhà giàu trong vùng để chăn trâu.

Thấy mẹ ăn uống cực khổ, Lía mới trộm gà của chủ đem về

làm thịt cho mẹ ăn. Mẹ Lía biết chuyện rầy la dữ lắm. Lía mới thôi không ăn trộm gà nữa.

Thường ngày, Lía đuổi trâu ra đồng để mặc trâu đi dâu thì đi, còn Lía tụ tập vài ba đứa trẻ hoang, hết bày việc đánh nhau bằng gậy gộc, lại rủ nhau đi trộm bầu trộm bí, khoai lang, củ sắn. Bởi vậy người ta thường ví:

*Thằng Lía, thằng Hung, thằng Hoang,  
Trái bầu, trái bí, củ từ khoai lang  
Gặp đâu xót đó chẳng để an thứ nào.*

Một lần nọ, thằng Lía để trâu lạc vào vườn của ông phú hộ làng bên cạnh. Ông phú hộ bắt trâu cột lại để bắt đền kẻ để trâu đến phá vườn ông.

Bị mất trâu, thằng Lía không dám về nhà, nó rủ thằng Hung và thằng Hoang đi tìm. Tình cờ nó nhìn được trâu trong nhà lão phú hộ. Nó liền bàn kế với hai thằng bạn của nó, đốt nhà ông phú hộ để mọi người bận lo cứu chữa, bấy giờ nó lên vào bắt trâu đem về cho chủ.

Chủ hay được, sợ bị liên lụy, nên đuổi thằng Lía đi. Nó trở về sống với mẹ già, và xin với mẹ cho nó đi học. Mẹ nó phải van lạy ông thầy để cho nó được học. Nó rất tối dạ, lại hay sanh sự đánh nhau, nên thầy học không dám dạy nó nữa. Thằng Lía liền hợp với thằng Hung, thằng Hoang và vài đứa trẻ ngỗ nghịch đi bắt trộm gia súc của người giàu trong làng, rồi đem về chia cho người nghèo. Hành động của thằng Lía càng ngày càng rộng, người trong làng mới hiệp nhau đấu cáo với quan trên. Lính làng liền tìm bắt Lía. Nó hoảng sợ, trốn lên tỉnh. Được một viên đội tâm phúc của quan tỉnh thuê nhận làm thuộc hạ. Lía bèn học tập côn quyền võ nghệ. Càng lớn lên, Lía càng có sức mạnh hơn người. Tánh nghĩa hiệp nên gặp chuyện bất bình là xông vào can thiệp, vì vậy giữa Lía và bọn cường hào ác bá thường có những trận gây gổ đánh nhau.

Năm đó, có mở khoa thi, những ai giỏi luôn cú hoặc có tiền đút lót thì được đỗ, bằng không thì bị đánh hỏng dẫu văn hay

chữ tốt. Tuy học hành dở dang, Lía cũng vào thi, nhưn thấy bọn tham quan bắt nạt, ngược đãi kẻ nghèo hèn, Lía vô cùng bất bình. Thừa đêm tối, cùng đám đồng bạn lẻn vào nhà viên chủ khảo giết chết người này rồi trốn vào rừng.

Quan quân mở cuộc truy nã ráo riết, Lía chiêu tập đám người vô nghề nghiệp lẩn lút trong rừng chống lại quan quân. Nhiều trận hai bên giáp chiến dữ dội, quan quân đại bại phải rút lui. Lía đem bộ hạ tràn ra làng xóm chiếm đoạt tài sản của người giàu đem cho người nghèo. Thanh thế càng ngày càng to. Triều đình phải treo giải thưởng cho ai bắt sống hoặc giết chết được thằng Lía, nhưng Lía giỏi lẩn trốn, thành ra quan quân phải bắt mẹ của Lía đem ra thị oai. Nếu thằng Lía không chịu ra nạp mình thì mẹ nó sẽ bị giết. Động lòng hiếu đễ, thằng Lía phải chịu nạp mình cho mẹ được tha. Nhưng chẳng bao lâu Lía trốn thoát.

Bấy giờ, Lía phải trốn tránh rất xa và cực khổ, đói khát nhiều ngày. Bất đắc dĩ, Lía phải cải trang sửa dạng trốn vào trong thành để kiếm sống. Quan quân dò biết liền bao vây lấy thành, mở cuộc lục xét tra hỏi khắp nơi. Lía trốn vào nhà một ông lão hiền lành. Lúc này, Lía nghe tin mẹ mình bị bệnh mà chết, các bộ hạ lớp bị bắt, lớp bị giết thì đau lòng không thiết sống nữa. Một hôm Lía nói với ông lão rằng: "Chưa bao giờ tôi bị thất bại chưa cay như lần này. Có lẽ trời đã hại tôi, vậy ông hãy chặt lấy đầu tôi đem nạp cho quan trên để lãnh thưởng, chỉ còn cách đó để tôi đền đáp ơn ông".

Ông lão không bằng lòng. Lía liền tự trói mình để cho ông đem nạp cho quan trên. Thế rồi Lía bị đem trảm quyết.

Đến sau có câu hát cảm thương Lía như vậy:

*Chiều chiều én liệng Trông Mây,*

*Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.*

## **20. TRUYỆN NGUYỄN TRUNG TRỰC**

Truyện kể rằng, một đêm Nguyễn Trung Trục một mình một

ngựa đột nhập đến Kiên Giang, hạ sát bảy tám chục tên giặc Pháp. Bọn Pháp sống sót tỉnh dậy, đuổi theo, ra tới bờ biển thì thấy ông ngồi trên mình ngựa lướt sóng như bay về phía Hòn Tre. Chúng bắn theo, nhưng kỳ lạ thay, đạn vừa ra khỏi nòng liền quay ngược lại, xuyên thẳng vào ngực chúng. Trên bờ biển Rạch Giá, thấy giặc chết nằm ngổn ngang. Giặc kinh hồn hoảng vía, co lại một thời gian. Ông Nguyễn ra Hòn Tre xây dựng lại lực lượng nghĩa quân.

Tại Rạch Giá, một tên xã trưởng dăng kế cho Pháp bắt giam mẹ ông cùng một số dân làng vô tội. Lâm Quang Ky, một người tâm phúc của Nguyễn giả ông Nguyễn trá hàng. Nhưng tên xã trưởng biết rõ mặt ông Nguyễn nên sau khi chém ông Ky, chúng tiếp tục kêu gọi ông, đe dọa nếu ông không ra sẽ giết mẹ và dân làng.

Để cứu dân, cứu mẹ, Nguyễn Trung Trực mặc trang phục võ tướng uy nghi, lấy dây rau muống biển tự trói tay, đi vào đồn giặc đổi mạng. Giặc dụ dỗ ông hàng phục, sẽ cử làm thống sứ miền Tây. Chúng để ông tự do trong bốn ngày để suy tính, lựa chọn. Đúng ngày hẹn, ông Nguyễn nai nịt quần áo võ tướng tề chỉnh, đeo kiếm đến trước mặt kẻ thù. Ông quả quyết rút kiếm chém xuống đất, thà chịu chết chứ không đầu hàng.

Đến ngày ông bị hành quyết, nhân dân Rạch Giá tụ tập, vây quanh bãi chém. Mọi người quỳ xuống lạy sống ông. Trước đông đảo đồng bào, ông Nguyễn đồng dạc thét vào mặt giặc:

- Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì nước Nam mới hết người chống Tây.

Không ai dám chém đầu ông. Cuối cùng, một tên tay sai người Miên, nhà ở gần chùa Phật lớn, vâng lệnh của quan thầy ra chém đầu ông. Ông trừng mắt, chỉ tay vào mặt tên phản dân hại nước, nói:

- Người chém đầu ta thì chém cho ngọt, nếu không, ta sẽ giết người.

Nói xong, ông hờm sẵn hai tay, như chuẩn bị hứng lấy đầu

minh, rồi nghiêng đầu xuống thấp... Đầu chưa dứt hẳn, máu từ cổ phun ra như cầu vồng. Mắt ông mở to, nhìn thẳng vào kẻ vừa chém đầu mình. Hấn lặn ra, tắt thở. Mắt ông nghiêng về bên trái, một lữ Pháp và tay sai gục xuống. Mắt ông nghiêng về bên phải, bọn đứng phía phải gục xuống. Bọn Pháp hốt hoảng cắt rời đầu ông chôn kín một nơi, không cho ai biết.

Nhân dân chia nhau đi khắp nơi, mới thấy được cái thân không đầu đem về mai táng tại khu vực khám lớn bây giờ. Khoảng mười năm sau, có người tìm được đầu ông, rửa sạch, kính cẩn đặt lên khay phủ vải đỏ, mang đi lãnh sắc thần vua ban, rồi về lập đền Vĩnh Hòa để thờ. Về sau người ta rước sắc thần Nguyễn Trung Trực về đình Cá Ông. Từ đó đền Cá Ông trở thành đền thờ Nguyễn Trung Trực cho đến ngày nay.

Nhân dân còn truyền rằng ở chỗ Nguyễn Trung Trực tử tiết, đêm đêm vẫn vang lên tiếng kèn thúc quân, tiếng gươm giáo khua, tiếng quân sĩ hò reo. Bọn Pháp quanh đó, không bao giờ có được giấc ngủ yên lành. Mãi đến khi tên tỉnh trưởng người Pháp không chịu đựng được nữa, ra lệnh rào chỗ ấy lại, mới tạm yên. Một truyền thuyết khác nói rằng ông tự chặt đầu, không để giặc chạm vào mình.

## 21. CỐ BU

Ngày xưa ở làng Phan Xá thuộc Hà Tĩnh - một làng ngay sát nách con sông mà nước thủy triều vẫn thường lên xuống đều đều - có một người nghèo tên là Bu. Lúc Bu mới lọt lòng mẹ, người ta thấy dưới gan bàn chân có ba cái lông trắng, dấu hiệu của tài bơi lội. Lớn lên quả nhiên ông lặn lội rất tài, có thể ở được lâu dưới nước. Không những có tài bơi lội, Bu còn có một sức khỏe tuyệt trần. Bu đi học võ với một ông thầy. Thấy là người có tài lạ, thầy truyền cho mười tám ban võ nghệ và các môn nhâm cầm độn toán. Bu không có chí làm quan với triều đình, chỉ đi lang thang hết xứ Đông đến xứ Đoài, ở đâu ông cũng có rất nhiều bè bạn.

Cho đến năm năm mươi tuổi, Bu đã đi hầu khắp sông hồ, nghe được nhiều, thấy được rộng. Sau một thời kỳ lang bạt, Bu lại trở về quê hương. Lúc này ông đã để râu, một bộ râu rất đẹp. Người ta bảo nhau: "Râu như râu cố Bu". Ông bí mật chiêu mộ tráng sĩ, luyện tập võ nghệ, chứa lương thực, có ý muốn lập nên một giang sơn riêng, lấy núi Hồng Lĩnh làm đồn trại. Nhờ có phép thuật và võ nghệ, ông hoạt động rất kín nhem. Lại nhờ có bè bạn ở các nơi làm tai mắt tay chân nên tuy ở trong núi sâu, Bu vẫn nắm được tình hình mọi nơi. Trong những năm mất mùa đói khát, mỗi lần có tin báo, Bu đem các tráng sĩ đến lấy thóc tiền của bọn trọc phú. Lấy xong, Bu đem chia cho tất cả những người nghèo khổ trong vùng. Bu làm rất kín đáo và chóng vánh, không giết chóc, không đốt phá, chỉ bắt buộc bọn chúng phải bỏ tiền ra giúp mọi người. Cứ như thế, Bu đã cứu nguy cho không biết bao nhiêu thôn xóm đói khổ. Bọn nhà giàu sợ Bu mất mật, nhưng tất cả những người nghèo khổ coi Bu là vị cứu tinh. Quan quân tuy lòng bắt ráo riết nhưng chẳng kết quả gì. Đã hai lần chúng sắp tóm được Bu, nhưng một lần Bu nhảy xuống sông trốn thoát, một lần khác nhờ phép thuật của ông nên chúng mù tịt, chả còn tìm ra manh mối.

Một hôm, Bu bí mật về làng cũ thăm bà con họ mạc. Bọn hào lý đã đánh hơi thấy ông nên chúng cấp tốc đi báo huyện. Huyện sợ bắt không nổi nên vội vàng đi báo tỉnh. Biết Bu không phải là người tầm thường nên bọn quan tỉnh điểm ngay hai nghìn quân sĩ với hai con voi và hai lưới sắt đi suốt đêm về làng. Bấy giờ, vào khoảng canh năm, quân gia chia nhau vây bọc bốn phía trùng trùng điệp điệp. Bu đang ngủ. Mọi người sợ nguy đến ông nên vội đánh thức ông dậy để bàn cách trốn. Nhưng Bu khoát tay bảo họ: "Cứ bình tâm! Ta sẽ có cách". Đoạn ông hỏi thăm tình hình ở mọi nơi. Người ta cho biết là ở xóm phía Nam có một đám ma đang chuẩn bị kèn trống ra đồng. Bu bèn hướng về phía Nam trèo lên một cây cao, đứng im trên đó để nghe ngóng. Vừa khi đám ma đi qua, Bu liền tụt xuống xen vào đám đông, lấy vạt áo che mặt, kỳ thực là che bộ râu, giả bộ khóc lư loa. Thấy có đám ma, bọn lính

rẽ ra cho đi. Nhưng khi ra khỏi vòng vây, Bu đã chia bộ râu, cười lớn, bảo chúng: - "Tao là Bu đây? Chúng mày hãy nói với chủ tướng đừng có vây bọc mất công nữa".

Nghe nói thế, quan quân xô nhau đuổi theo, nhưng Bu đã nhảy ngay xuống sông. Bọn quan tỉnh sai lấy lưới sắt giăng chặn hai đầu sông lại và cho hai con voi xuống giẫm. Nhưng chúng chỉ làm việc mệt nhọc vô ích vì Bu vốn là tay giỏi lặn, lặn luôn một mạch hàng trăm dặm, nên đã biến mất từ lâu.

Một lần khác, Bu đi một mình. Nhân trời tối, ông vào nghỉ ở một làng nọ. Một người trong làng có giỗ khản khoản mời Bu đến ăn. Chưa xong bữa rượu thì quan quân đã kéo về rầm rộ vây kín tất cả các nẻo. Người ta đưa ông đến một cái hầm kín. Trước khi xuống hầm, Bu còn làm phép để đánh lừa quan quân. Bu sai múc một bát nước, đặt lên một chiếc đĩa rồi niệm chú bước qua. Lần này bọn quan quân có đưa theo một thầy độn. Khi sục sạo các nhà không tìm thấy Bu, bọn tướng bảo thầy độn bấm xem thử thế nào. Thấy độn giả phép của mình ra nhưng hấn bị mắc lừa vì bát nước, chiếc đĩa của Bu, nên sau khi bấm xong, hấn ngơ ngác trả lời rằng: - "Thằng giặc ấy đã đi qua một chiếc cầu tre bắc qua đầm trốn thoát mất rồi?". Bọn chúng tin lời, cho quân đi lùng sục các chỗ khác. Thế là một phen nữa, Bu lại thoát vòng nguy hiểm.

Một bữa khác, Bu đang phát thóc cho dân một xóm gần bãi. Chia vừa xong thì quan quân đã bố vây bốn mặt. Bu lại được mọi người dẫn đi trốn ở một nơi kín. Nhưng trước khi trốn, Bu cũng xin một mảnh chiếu trùm lên người làm phù phép, khiến cho thầy độn của quan quân một lần nữa lại bị lừa, bảo rằng ông đang trốn ở một bụi lác ngoài bãi. Quan quân nghe lời tất cả đổ xô ra bờ sông. Bu thừa dịp lại trốn đi vô sự.

Quan quân cứ mấy lần từng hững như thế, chả làm gì được Bu. Còn Bu thì hết đi vùng này sang vùng khác, đến đâu cũng bí mật giúp đỡ dân nghèo và được họ che chở. Về sau không rõ Bu đi đâu.

Ngày nay ở đỉnh Dang trên núi Hồng Lĩnh còn có dấu vết cột cờ, thành luỹ và nền nhà, nền kho, tương truyền là đồn trại cũ của cố Bu.

## 22. XÁC QUẬN CỔ BIẾN THÀNH ĐÁ

Vào thời phong kiến nhà Nguyễn, thực dân Pháp đem quân xâm lược nước ta. Chúng bắt phu, bắt lính cướp của giết người làm cho đời sống nhân dân vô cùng khổ cực, gây cho dân lành bao cảnh đau thương tang tóc.

Lúc bấy giờ có ông Quận Cổ<sup>1</sup> đứng ra kêu gọi nhân dân nổi dậy chống giặc. Ông đã đánh cho quân giặc nhiều trận thất điên bát đảo.

Nhưng có một lần, trận chiến đấu ác liệt diễn ra ở vùng thuộc xã Tiên Phong (nguyên thuộc huyện Tiên Phong, phủ Quảng Oai, trấn Sơn Tây) và Quận Cổ bị chém gần đứt cổ.

Quận Cổ liền chạy về một cái đồi gần làng ở cạnh đường cái thì thấy một bà bán hàng nước.

Quận Cổ liền đứng lại, hỏi bà hàng nước:

- Đầu tôi như thế này thì liệu sống hay chết?

Bà hàng nước thấy thế, liền trả lời:

- Đầu ông mà đã như thế thì chết thôi!

Thế là đầu Quận Cổ tự nhiên rơi xuống.

Nhân dân thương tiếc người anh hùng vì nước vì dân, liền đem xác ông chôn cất tử tế.

Không ngờ, ngôi mộ của ông biến thành một hòn đá khổng lồ hình giống như một người nằm dài ở đó.

---

1. Quận Cổ: hoặc còn gọi là Lãnh Cổ, tên thật là Phùng Văn Minh, quê cha vốn ở Nam Định, di cư lên sống ở thôn Linh Chiểu, huyện Phúc Thọ, trấn Sơn Tây (nay thuộc Hà Tây). Nghĩa quân Quận Cổ hoạt động từ khoảng 1883-1889, trên địa bàn trấn Sơn Tây và Hưng Hóa cũ.

Người ta bảo xác Quận Cô hóa đá. Từ đó, nhân dân lập miếu thờ Quận Cô, người anh hùng nông dân chống giặc ngoại xâm như một vị thánh, hàng năm cúng tế long trọng.

### **23. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Ở CẦN GIUỘC VÀ BA TRI**

Khi về quê vợ (làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An), Nguyễn Đình Chiểu được mọi người ở đây quý mến và kính trọng.

Trong số bạn bè, có ông Đoàn Ngọc Thơ (1806-1876) đỗ tú tài trước Nguyễn Đình Chiểu một khóa, thường hay qua lại xưởng họa thơ văn và bàn chuyện thời cuộc với Nguyễn Đình Chiểu.

Sau khi triều đình ký Hòa ước Nhâm Tuất (1862) nhường ba tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp, để tỏ thái độ bất hợp tác với giặc, Nguyễn Đình Chiểu quyết định về Ba Tri, Vĩnh Long (nay là tỉnh Bến Tre). Trước ngày Nguyễn Đình Chiểu đi Ba Tri, Đoàn Ngọc Thơ và nhiều người khác đến thăm để từ biệt. Nguyễn Đình Chiểu cảm cảnh kẻ đi người ở, sáng tác bài *Từ biệt cố nhân*:

*Vì câu danh nghĩa phải ra đi  
Day mũi thuyền nan dạ xót xa  
Người dễ muốn chi nường đất khách,  
Trời đà khiến vậy mến vua ta  
Một phương tha tránh đường gai góc  
Trăm tuổi cho tròn phận tóc da  
Chén rượu tỏ lòng xin cạn chén  
Nhớ nhau ngày khác biết sao mà.*

Mọi người nghe đọc bài thơ đều ngậm ngùi. Đến lúc khách ra về, Nguyễn Đình Chiểu nắm tay Đoàn Ngọc Thơ nói:

*"Sinh ly nhi tâm bất ly, quý huynh quý đệ"*

(Sống xa mà lòng không xa, thẹn anh, thẹn em)

Đoàn Ngọc Thơ cảm động đối lại:

*"Tử biệt kỳ văn hà biệt, vị quốc, vị dân"*

(Chết cách văn anh nào cách, vì nước vì dân)

Vừa đau lòng trước cảnh ba tỉnh miền Đông Nam kỳ mất vào tay giặc, vừa buồn thương vì phải rời bỏ quê hương thứ hai Cần Giuộc trong mối riêng chung đã khơi động trong lòng kẻ ở người đi một niềm đau xót.

Nguyễn Đình Chiểu ra đi, canh cánh bên lòng nỗi nhớ thương Cần Giuộc và những bạn tâm giao. Sự đi xuống của phong trào chống Pháp ở sáu tỉnh Nam kỳ đã gây cho nhiều người tâm lý thất bại: Hình như việc thay thời đổi thế khó bề thành công, chỉ có những tấm lòng ưu thời vãn thế.

Mười ba năm sau, nhân có ghe buôn xuống Ba Tri, Đoàn Ngọc Thơ có gửi một bài thơ hỏi thăm Nguyễn Đình Chiểu:

*Vắng người tri kỷ tự ngày đi,*

*Nhớ mãi thương hoài bậc trí tri.*

*Sức khỏe như xưa còn phần đấu?*

*Bàn cờ thế sự? Sẽ chờ khi...*

(Trung Thu Ất Hợi - 1875)

...Đoàn Ngọc Thơ hẳn cũng mong mỗi bàn cờ thế sự sẽ chuyển biến tốt đẹp hơn. Nhưng thế nước như cuộc cờ tàn thế thua đã rõ. Nguyễn Đình Chiểu trả lời Đoàn Ngọc Thơ một bài họa nghe như một tiếng thở dài của một tấm lòng yêu nước:

*Cắt đứt đau lòng, hận phải đi*

*Nghĩa tình Cần Giuộc, mền Ba Tri*

*Tâm can vẫn nóng, thân già yếu*

*Tái ngộ như hà... biết mấy khi*

(Quý Đông Ất Hợi - 1875)

Năm sau, ông Đoàn Ngọc Thơ mất, phần vì già yếu, nhưng cũng có phần buồn phiền trước cuộc cờ tàn mà phía thua là

những người nông dân yêu nước Việt Nam .nửa cuối thế kỷ XIX. Không biết ở Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu có nhận được tin buồn về người bạn vong niên ở Cần Giuộc không? Nhưng sau khi Nguyễn Đình Chiểu mất, tin dữ bay về đến Cần Giuộc, thì người con trai thứ ba của Đoàn Ngọc Thơ là ông Đoàn Ngọc Nhuận (1853-1934) có làm bài thơ khóc cụ Đồ Chiểu để kính viếng hương hồn người thể thức:

*Tin đâu đưa đến lúc thình không,  
Vắng bóng Nam tình thôi biết trông  
Kháng địch, câu thơ còn nhớ mãi,  
Thương dân, lời khuyến mãi chờ mong  
Ngũ kinh để đó rồi ai đọc,  
Lục truyện đành đây mấy kẻ thông  
Đồ Chiểu từ nay người vĩnh viễn,  
Danh thơm lưu lại với non sông.*

Không phải ngẫu nhiên mà đến năm 1875, mười ba năm sau khi rời khỏi Cần Giuộc và mười ba năm trước khi qua đời, Nguyễn Đình Chiểu viết "Nghĩa tình Cần Giuộc mến Ba Tri".

Ông mang nặng nghĩa tình với nhân dân Cần Giuộc, một phần vì ông hiểu được lòng yêu nước lớn lao của nhân dân đầu tiên chính qua sự hy sinh của những người chiến sĩ - nông dân Cần Giuộc, và một phần có lẽ cũng vì nhân dân Cần Giuộc đã đối đãi với ông bằng nghĩa nặng tình sâu.

Ở xã Trường Bình có một ông thầy thuốc tính tình ngay thẳng tới mức ngang bướng, nhân dân vẫn gọi là thầy Tàng.

Ông này bị nghễnh ngãng, hay qua lại chơi với Nguyễn Đình Chiểu. Một hôm đang ngồi chơi, thầy Tàng đọc:

*Trâu khát nước bò xuống uống.*

Nguyễn Đình Chiểu đối:

*Trê thêm mỗi lóc lên ăn.*

(Câu đối chơi chữ ở hai chữ "bò", "lóc" vừa có thể hiểu như danh từ, vừa có thể hiểu như động từ).

Kế đó, Nguyễn Đình Chiểu đọc:

*Thầy Tàng tai không nghe sấm*

(Nói về cợn vệt, có câu "Trí lỗi thanh ư nhĩ ngoại, vông nhiếp thiên uy: Để tiếng sấm ở ngoài tai, chẳng sợ oai trời. Nguyễn Đình Chiểu vừa có ý trêu chọc thầy Tàng bị ngễnh ngãng vừa có ý nói đến tính ngay thẳng đến mức ngang ngạnh "không sợ trời, không sợ đất" của thầy Tàng).

Thầy Tàng đối:

*Đồ Chiểu mắt chẳng xé mây*

(Lời Mã Siêu nói khi mới theo hàng Lưu Bị: "Nay gặp được minh chúa, khác nào vén đám mây mù mà trông thấy trời xanh". Thầy Tàng cũng có ý trêu lại Nguyễn Đình Chiểu bị lừa, vừa có ý phân bua rằng thời buổi này đâu có ai là minh thánh chúa mà tôi phải kính trọng, cũng như ông đó thôi, ông có thấy ai là minh quân thánh chúa không?).

Cả hai người cùng cười.

Về sống ở Ba Tri, một vùng đất hẻo lánh của trấn Vĩnh Long, uy tín của người thầy giáo, thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục vang xa, lan rộng. Đặc biệt những thơ văn yêu nước của ông vẫn có những cánh bay riêng của nó, được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân lục tỉnh. Những bạn bè cũ - trong đó có những sĩ phu yêu nước - vẫn thường xuyên lui tới thăm hỏi, tìm ở người trí thức mù lòa nơi đất Ba Tri này một ý kiến phân tích về thế cuộc, hay nhận một lời khuyên bảo chân tình.

Biết việc này, thực dân Pháp lúc bấy giờ, một mặt đề cao truyện *Lục Vân Tiên* (tất nhiên ở một số mặt nào đó), một mặt tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc cụ Đồ.

Tôn Thọ Tường là một trong những người được giao làm nhiệm vụ thứ hai này. Tường vốn là chỗ cố giao với cụ Đồ, nhưng nhiều lần đến, cụ đều tìm cách lánh mặt, từ chối không tiếp.

Một hôm, người nhà báo cho cụ có thư và quà của Tôn Thọ Tường gửi tặng. Đó là một hũ mắm cá lóc, mà Tường đã nói rõ

trong thư là chính tay của vợ mình làm để biểu cụ. Cụ Đồ đành miễn cưỡng nhận.

Sau khi ăn gần hết mâm nghe người nhà phát hiện ở đáy hũ có mấy nén vàng, cụ Đồ vô cùng tức giận, bèn sai người đem số tiền đó trả lại và viết thư trách Tôn Thọ Tường đã làm nhục mình.

Từ một tên chủ sự thương chánh, Mi-sen Pông-sông được chính quyền thuộc địa điều về làm tỉnh trưởng Bến Tre từ năm 1883. Đối với hắn, Nguyễn Đình Chiểu vẫn là "cái đinh" nhức nhối nhất cần phải quan tâm trong kế hoạch bình định vùng đất cù lao này. Mi-sen Pông-sông đã nhiều lần thân hành đến tận vùng An Bình Đông để gặp cụ.

Một lần, lấy cớ là để nhờ nhuận chính bản Lục Vân Tiên, Pông-sông cùng Lê Quang Hiến (lúc bấy giờ là thông ngôn) đến thăm cụ. Trong cuộc "hội kiến" bất đắc dĩ này, mặc dù Hiến cố gắng dịch chậm rãi, rõ ràng từng chữ, từng câu, nhưng cụ Nguyễn Đình Chiểu vẫn chập chập lắc đầu, đưa tay ra hiệu giả vờ là mình điếc đặc, không nghe, không hiểu gì cả.

Kết cục, cả thầy lẫn tớ hôm ấy đành tui nghỉu ra về.

Lần khác Mi-sen Pông-sông đến nhà và thông báo về việc chính quyền Pháp đã xét để trả lại ruộng đất của cụ Đồ ở Tân Thới (Gia Định) và giục cụ cho người về nhận. Cụ trả lời:

- Đất vua còn phải bỏ, thì đất tôi sá gì?

Chủ tỉnh Pông-sông lại tỏ vẻ lo lắng về cảnh già nua và bệnh tật của cụ và đặt vấn đề cấp tiền dưỡng lão, cụ từ chối:

- Tôi đang sống đầy đủ trong sự tôn kính của các môn đệ và sự quý mến của đồng bào. Điều đó đã làm tôi thỏa mãn lắm rồi.

Mi-sen Pông-sông khấn khoản hỏi cụ có điều gì yêu cầu hắn sẽ can thiệp với chính quyền thuộc địa thỏa mãn cho cụ. Cụ Đồ nói: "Tôi có một điều mong ước mà lâu nay chưa thực hiện được. Đó là lễ tế vong hồn những người dân đã chết trận. Tôi chỉ mong mỗi điều đó thôi."

Pông-sông ưng thuận, nhưng lại đề nghị đích thân hắn đứng ra cùng tổ chức việc này.

Cuộc lễ dự định cử hành vào một ngày gần đó, thì trước một ngày, cụ đã sai đặt bàn hương án, tổ chức một buổi lễ thật là tươm tất ở tại chợ Đập (nay là chợ Ba Tri). Cụ đứng ra làm chủ tế. Dân chúng đến dự lễ rất đông. Nghe giọng cụ Đồ đọc bài văn tế thảm thiết, mọi người đều không cầm được nước mắt. Đọc xong văn tế, cụ vật ra khóc đến ngất. Bà con phải khiêng cụ về nhà.

Đến hôm sau khi Pông.-sông cho người khệ nệ đem cờ xí và lễ vật xuống Ba Tri, thì mới hay cụ Đồ đã làm lễ tế từ hôm trước rồi. Pông.-sông bị một vết đau. Khác nào cha con anh Bùi Kiệm "máu dê" trong truyện *Lục Vân Tiên*.

## MỤC LỤC

|                                                                                   | Trang |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Lời giới thiệu .....                                                              | 5     |
| PHẦN I                                                                            |       |
| TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI LÊ .....                                                    | 7     |
| 1. LÊ THÁI TỔ.....                                                                | 9     |
| 2. NGÔI ĐỀN QUỐC MẪU.....                                                         | 11    |
| 3. SỰ TÍCH BÀ VỢ CẢ CỦA LÊ LỢI.....                                               | 13    |
| 4. TRUYỀN HOÀNG HẬU BẠCH NGỌC .....                                               | 15    |
| 5. SỰ TÍCH CÔNG CHÚA LÊ NGỌC BÁI CON GÁI LÊ LỢI .....                             | 16    |
| 6. TRUYỀN CHIẾC GƯƠNG THẦN CỦA LÊ LỢI .....                                       | 17    |
| 7. NGƯỜI ĐÓM ĐÓ ĐƯỢC GƯƠNG VÀNG.....                                              | 19    |
| 8. TRUYỀN ÔNG LÊ TRẢI.....                                                        | 20    |
| 9. TRUYỀN NGUYỄN XÍ.....                                                          | 25    |
| 10. NGƯ THẦN VÔ CỐ.....                                                           | 27    |
| 11. TRUYỀN ĐÀO NUƠNG.....                                                         | 31    |
| 12. TRUYỀN NÀNG CHIM THƯỚC.....                                                   | 32    |
| 13. SỰ TÍCH HẠC LAI VÀ VŨ CỐ GIÚP LÊ LỢI ĐÁNH<br>GIÁC MINH.....                   | 33    |
| 14. SỰ TÍCH NGỌN CÔN VÀ THUẤN NGHỊ ĐỜI LÊ THÁI TỔ.....                            | 39    |
| 15. SỰ TÍCH DƯƠNG TRỰC VÀ TÔ QUANG THỜI LÊ .....                                  | 42    |
| 16. NGƯỜI ANH HÙNG ĐÁNH KẾT.....                                                  | 44    |
| 17. DẠY CHÓ DIỆT THÙ, DẠY CHIM ĐÁNH TRẬN (Truyện<br>Nguyễn Xí, Nguyễn Chích)..... | 47    |
| 18. HỘI THỂ LŨNG NHAI.....                                                        | 49    |

|                                                                  |     |
|------------------------------------------------------------------|-----|
| 19. BÀI VĂN ĐUỔI HỔ.....                                         | 52  |
| 20. SỰ TÍCH CÔNG CHÚA THUẬN NGÀN (Con gái thần<br>Tản Viên)..... | 55  |
| 21. TRUYỆN BA ANH EM HỌ BẠCH ĐÁNH GIẶC MINH.....                 | 57  |
| 22. SỰ TÍCH TỔ SƯ NGHỀ TIỆN THỜI LÊ.....                         | 58  |
| 23. TRUYỆN BÀ HIỂN NHÂN.....                                     | 59  |
| 24. ĐẠI VƯƠNG ẨM.....                                            | 60  |
| 25. CHÀNG TRAI HỌ ĐOÀN.....                                      | 64  |
| 26. LÊ NHƯ HỔ.....                                               | 66  |
| 27. PHẠM TỬ NGHI.....                                            | 70  |
| 28. TƯỚNG TẢ THÔN BÁT.....                                       | 71  |
| 29. THỰC NGHIỆP ĐỈNH PHIÊU.....                                  | 73  |
| 30. CÔNG CHÚA MAI CHÂU.....                                      | 74  |
| 31. BÀ TRI CHỈ.....                                              | 75  |
| 32. BÀ KIẾT ĐẶC.....                                             | 76  |
| 33. QUÂN HE.....                                                 | 78  |
| 34. SỰ TÍCH NỘI ĐẠO TRĂNG.....                                   | 82  |
| 35. TIÊN QUỲNH HOA.....                                          | 84  |
| 36. LIỄU HẠNH TIÊN CHÚA.....                                     | 85  |
| 37. ÔNG TỔ NGHỀ LÀM LÒNG.....                                    | 89  |
| 38. TRUYỆN CHÚC PHÁN SỰ Ở ĐỀN TẢN VIÊN.....                      | 90  |
| 39. TỔ CÁO MA LIỄU THẮNG.....                                    | 95  |
| 40. TRUYỆN CHUYẾT CÔNG THIÊN SƯ.....                             | 96  |
| 41. TRUYỆN NGUYỄN CÔNG HÂN CHỬI THẦN TUYÊN<br>NGHĨA.....         | 98  |
| 42. SỰ TÍCH ĐỀN THIÊNG Ở HỒ KHẨU.....                            | 100 |
| 43. TRUYỆN NGUYỄN CÔNG HOÀN.....                                 | 102 |
| 44. HỒ HUYỆT.....                                                | 104 |
| 45. KHÁCH ĐỂ CỬA.....                                            | 105 |
| 46. SỰ TÍCH BẢO PHÚC ĐẠI VƯƠNG THỜI LÊ.....                      | 106 |

|                                                                        |     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|
| <i>Truyện thuyết về thời Lê &amp; Tây Sơn - Nguyễn - Quyển 4</i> ..... | 253 |
| 47. SỰ TÍCH LÊ THÁNH TÔNG.....                                         | 107 |
| 48. LƯƠNG THẾ VINH.....                                                | 109 |
| 49. TRUYỆN NGUYỄN BÌNH KHIÊM.....                                      | 114 |
| 50. NÓI VỀ SỰ TÍCH ÔNG LƯƠNG NHỮ HỌC.....                              | 119 |
| 51. BÀ CHÚA NGHỀ TÀM.....                                              | 119 |
| 52. LƯƠNG HỮU KHÁNH.....                                               | 122 |
| 53. TRUYỆN TRẠNG NGUYỄN GIÁP HẢI.....                                  | 127 |
| 54. ĐÌNH VĂN TẢ.....                                                   | 131 |
| 55. BÀ CHÚA THIÊN NIÊN.....                                            | 133 |
| 56. TRUYỆN PHÚC CÔNG THỜI LÊ.....                                      | 135 |
| 57. SỰ TÍCH HÙNG LƯỢC ĐẠI VƯƠNG THỜI LÊ.....                           | 138 |
| 58. SỰ TÍCH MAI HOA CÔNG CHÚA THỜI LÊ.....                             | 139 |
| 59. LÊ QUÝ ĐÔN.....                                                    | 140 |
| 60. TRUYỆN THƯỢNG THƯ PHÙNG KHẮC KHOAN.....                            | 145 |
| 61. ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG.....                                               | 147 |
| 62. PHẠM ĐÌNH TRỌNG.....                                               | 148 |
| 63. NĂM MỘNG TẠI ĐỀN TRẦN VŨ.....                                      | 156 |
| 64. BÀ CHÚA MÍA.....                                                   | 157 |
| 65. BÀ NGỌC ĐÀI.....                                                   | 158 |
| 66. BÀ PHÁP TÍNH: BÀ CHÚA KIM CƯƠNG.....                               | 160 |
| 67. MÃN ĐÀO HOA CÔNG CHÚA.....                                         | 161 |
| 68. TÒM KHÔNG MÁT ( <i>Truyện Nguyễn Hoàn</i> ).....                   | 163 |
| 69. TRẠNG CẦU.....                                                     | 164 |
| 70. ĐỒNG BÔNG, ĐỒNG BÀI ( <i>Truyện ông tổ nghề gốm</i> ).....         | 166 |
| 71. ĐẠI VƯƠNG Ỗ.....                                                   | 168 |
| 72. NÓI VỀ SỰ TÍCH THUỘC DA LÀM GIÀY DÉP Ở<br>NƯỚC NAM.....            | 171 |
| 73. TRUYỆN TRẠNG NGUYỄN ĐỖ LÝ KHIÊM THỜI LÊ.....                       | 171 |
| 74. TRUYỆN TÍCH THAI DƯƠNG PHU NHÂN.....                               | 172 |

|                                                                         |     |
|-------------------------------------------------------------------------|-----|
| 75. TRUYỆN TIỀN KIẾP LUÂN HỒI .....                                     | 173 |
| 76. SỰ TÍCH SINH CON RỒI MỚI SINH CHA .....                             | 175 |
| 77. TRUYỆN THÁM HOA QUÁCH GIAI .....                                    | 177 |
| 78. TRUYỆN CHÙA QUANG MINH .....                                        | 179 |
| 79. TRỊNH KIỂM.....                                                     | 183 |
| 80. SỰ TÍCH ĐÔNG HẢI UY HIỂN ĐẠI VƯƠNG.....                             | 184 |
| 81. SỰ TÍCH ĐÔ LÂM ĐẠI VƯƠNG.....                                       | 186 |
| 82. SỰ TÍCH HOÀNG VIỆT ĐẠI VƯƠNG - ĐÔNG BẮNG<br>ĐẠI VƯƠNG THỜI LÊ ..... | 187 |

## PHẦN II TRUYỆN THUYẾT VỀ THỜI TÂY SƠN - THỜI NGUYỄN..... 193

|                                                                            |     |
|----------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1. NGUYỄN HUỆ VÀ NGƯỜI THỢ RÈN .....                                       | 195 |
| 2. CHÚA XÀ ĐÀNG VÀ BẦY NGỰA RỪNG .....                                     | 198 |
| 3. CẬU LỬ TRỜI SINH.....                                                   | 199 |
| 4. CÁI CHUM VÀNG.....                                                      | 200 |
| 5. ẮN VÀNG KIỂM BẠC.....                                                   | 203 |
| 6. TÍNH TỰ CHỦ.....                                                        | 204 |
| 7. HAI CON RỒNG NÚI THƠM.....                                              | 205 |
| 8. CẬU SẮM TRUYỀN.....                                                     | 207 |
| 9. NỮ ANH HÙNG BÙI THỊ XUÂN .....                                          | 209 |
| 10. SỰ TÍCH TRẢO TRẢO PHU NHÂN.....                                        | 210 |
| 11. VÕ TÁNH .....                                                          | 211 |
| 12. CHUYỆN KHÚC CÂY VÀ HÔN HOÀNG HẬU NHÀ<br>TỔNG BÊN BÃI BIỂN XỨ NGHỆ..... | 215 |
| 13. LÊ VĂN DUYỆT.....                                                      | 216 |
| 14. CHUYỆN THƯỢNG CÔNG LÊ VĂN DUYỆT CHÉM<br>LÃNH TẠO.....                  | 220 |
| 15. NGUYỄN VĂN THÀNH .....                                                 | 222 |

|                                                                        |     |
|------------------------------------------------------------------------|-----|
| <i>Truyền thuyết về thời Lê &amp; Tây Sơn - Nguyễn - Quyển 4</i> ..... | 255 |
| 16. LÊ VĂN KHÔI .....                                                  | 227 |
| 17. BA VÀNH .....                                                      | 231 |
| 18. VỢ BA CAI VÀNG .....                                               | 234 |
| 19. THẮNG LÍA .....                                                    | 237 |
| 20. TRUYỆN NGUYỄN TRUNG TRỰC .....                                     | 239 |
| 21. CỔ BU.....                                                         | 241 |
| 22. XÁC QUẬN CỔ BIỂN THÀNH ĐÁ.....                                     | 244 |
| 23. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Ở CẦN GIUỘC VÀ BA TRI .....                      | 245 |

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI  
LÊ VÀ TÂY SƠN - NGUYỄN

Quyển 4



*Chịu trách nhiệm xuất bản*

TS. VI QUANG THỌ

*Biên tập nội dung:* BAN BIÊN TẬP

*Kỹ thuật vi tính:* NGUYỄN HÀNG

*Sửa bản in:* PHẠM HÀ

*Trình bày bìa:* NGÔ TRỌNG HIỂN

---

In 1.020 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty Cổ phần in  
và thương mại Đông Bắc.

Số đăng ký KHXB: 136 – 2009 / CXB / 35 – 14 / KHXH.

Số QĐXB: 23 / QĐ - NXB KHXH ngày 18/02/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2009.

Sách Phát hành Kỷ niệm 10 năm thành lập

Nhà sách **Thăng Long**



101101092



Giá: 36.000đ